

THƯ QUÁN

b ả n t h ả o



Tập 14 tháng 4 - 2004

Lâm Anh * Nguyễn Lệ Uyên * Phan
Thị Ngôn Ngữ * Mang Viên Long *
Hoàng Xuân Sơn * Hà Nghiêu Bích *
Hải Phương * Hạc Thành Hoa *
Nguyễn Văn Sâm * Nguyễn Tôn
Nhan * Đoàn Thuận * Nguyễn Đức
Nhơn * Uyên Hà * Lê Văn Trung *
Phạm Văn Nhân * Phạm Ngọc Lư *
Cao Vị Khanh * Lữ Quỳnh * Nguyên
Minh * Lê Ký Thương * Sử Mặc * Lữ
Kiều * Phạm Hữu Quang * Đức Phổ
* Vũ Đình Trường * Đỗ Hồng Ngọc *
Từ Hoài Tấn * Đoàn Chinh Nam *
Lương Thư Trung * Triệu Từ Truyền *
Nguyễn Phan Thịnh Anthony Grey &
Nguyễn Ước * Yên Sơn * Túy Hà *
Nguyễn Cát Đông * Trần Hoài Thư

Thư Quán Bản Thảo

Tuyển tập văn học nghệ thuật

TẬP MƯỜI BỐN, THÁNG TƯ, NĂM 2004

Đọc trong số này:

Viết Chung 5 * Lâm Anh *thơ* 40 * Nguyễn Lê Uyên * *Chiếc ly vỡ* truyện 43 * Phan Thị Ngôn Ngữ * *thơ* 54 Mang Viên Long *Giàn hoa Cát Đằng* truyện 56 * Hoàng Xuân Sơn *thơ* 62 * Hà Nghiêu Bích *Phượng hồng* truyện * 64 Hải Phương *thơ* 75 * Hạc Thành Hoa *thơ* 79 * Nguyễn Văn Sâm *Chờ cho trăng lặn* truyện 81 * Nguyễn Tôn Nhan *thơ* 101 * Đoàn Thuận *thơ* 103 * Nguyễn Đức Nhơn *Dòng nước ngược* truyện 105 * Uyên Hà *thơ* 115 * Lê Văn Trung *thơ* 116 * Phạm Văn Nhân *Người bạn cũ* truyện 117 * Phạm Ngọc Lư *thơ* 129 * Cao Vị Khanh *Thư Tết* tùy bút 131 * Lữ Quỳnh *thơ* 142 * Nguyễn Minh *Người viết kịch* 145 * Lê Ký Thương *thơ* 163 * Sử Mặc *thơ* 164 * Lữ Kiều *Trên đồi là lô cốt* truyện 165 * Phạm Hữu Quang *thơ* 175 * Đức Phổ *thơ* 178 * Vũ Đình Trường *thơ* 180* Đỗ Hồng Ngọc *Nghĩ từ trái tim* 181 * Từ Hoài Tấn *thơ* 193 * Đoàn Chính Nam *thơ* 195 * Lương Thư Trung *Giữa “thiệt” và “thật”* 197 * Triệu Từ Truyền *thơ* 209 * Nguyễn Phan Thịnh *thơ* 210 * Anthony Grey & Nguyễn Ước *Trắng Huyết* 213 * Yên Sơn *thơ* 232* Túy Hà *thơ* 234 * Nguyễn Cát Đông *Đọc : Giỡn bóng chiêm bao của Trần Phù Thế* 235 * Trần Hoài Thư *Ngày rời Huế* truyện * 242

Tranh bìa: Trần quý Thoại

Tập 15 sẽ phát hành vào tháng 7, 2004. Bài vở xin gửi về nhanvanpham@yahoo.com trước ngày 1/6/2004

In tại nhà in riêng của TQBT

Hoa Kỳ tháng 4, 2004

Viết chung

Cà kê....

Ng~.

1/

HỒI CUỐI NĂM NGOÁI, PHẠM NGỌC LƯU GỌI ĐIỆN than thở: *“Mình muốn in một tập thơ trời già, nhưng khốn nỗi hầu bao kém cỏi quá...”*. Tôi mách nước: *“Ông cứ gom hết những bài thơ ông thích nhất đưa tôi, để tôi kêu gọi NM, LKT và LK lo bìa, ruột, in ấn cho”*. *“VẬY thì phiền anh em quá đi mất”*. *“Phiền cái chó gì, lâu lâu anh em mới có dịp giúp nhau: Tôi không tiền thì đánh máy bản thảo cho ông, LKT vẽ cho cái bìa, NM thì lo in ấn cùng LK, về cái là xong ngay ấy mà”*. Lưu nghe theo, gom những bài thơ hay nhất, ưng ý nhất lại và giao anh em. Người nam, kẻ bắc, người đặng đông kẻ đặng tây, ạch đụi vãi cả mồ hôi hột nhưng tới giờ này, tập thơ vẫn chưa xong, chưa thể ra mắt bạn bè, độc giả được bởi muôn trùng lý do không kể ra hết.

Mẹ kiếp, anh em làm văn nghệ chân chính, chữ nghĩa chân chính không thể vung tay múa chân trong thời buổi này ở xứ Thợ Thợ, mà hình như dành riêng cho đám ma vương buôn thần bán thánh, bán khu đen, buôn nước mây trôi. Thời của bọn đầu trộm, đuôi cướp, thì thơ văn gờng nghệ tử hành chanh dấm là thuộc sở hữu quyền của các bác. Than chi *“Thiết quốc giả hầu, thiết câu giả tru”*. Mẹ cha cái sự đời! Bây giờ mà chữ nào hay, câu nào đẹp, bọn kết con đều đều lôi ra gán cho con cáo dít

đổ phun ra hết. Đáng buồn thay cho Khổng Khâu, Trang Chu, Phạm chí sĩ và J.F Kennedy tông tông, kể cả Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Thôi Hộ... tiên sinh. Đám kết con ở xứ Thộn Thộn quả là đám loài vật quý hiếm, tài tình số một trên thế gian này, không chỉ có 36 chước mà có đến ngàn lẻ hai chước, toàn độc chiêu!

Không tài tình, sao có một ông Thứ trưởng một Bộ nọ chỉ qua một đêm với bồ nhí sáng ra hoá thành nhà thơ có cầu chứng tại toà? Đêm đó, lão ta cứ khụt khịt than vắn thở dài không chịu ngủ và không cho cô bồ nhí ngủ. Cô ta chồm dậy hỏi: *"Sao cục cưng của em cứ trần trọc làm vậy?"*. Lão khụt khịt chiếc mũi tẹt, nói bằng giọng mũi: *"tiền tài không thiếu, chức tước tuy chưa tột đỉnh, nhưng cũng hàng Tứ phẩm triều đình. Duy nhất có điều là thiên hạ chỉ biết đến ta lúc này, chứ nữa mai kia mối nợ ta về vườn, giả hoặc ta theo hầu cụ Giáo Mác thì đồ ai còn biết tới ta. Như gã Nguyễn Văn Du, Đoàn Văn Điểm tài cán bao nhiêu, câu cú thiếu trước hụt sau, khó hiểu; vậy mà mấy đứa ngu, đờn cò với hoàng thượng bắt lũ con cháu học lời mất ố ra. Nghĩ tới đó ta buồn..."*. Cô bồ thuộc loại có học từ xa, tốt nghiệp Đại học bằng đồ chức tại, trườn người lên bụng cầu vòng của lão, kề miệng vào lỗ tai thì thầm gì đó, lão cười phá ra, kêu lên: *"Nàng đúng là thiên tài, đúng là người trợ lý đắc lực, tâm phúc của ta"*.

Chuyện nhỏ to hôm đó, được âm thầm thực hiện. Hai mươi ngày sau, trên các quầy sách người ta thấy liền một lúc ba tập thơ của Thứ đại gia nằm chình ình trên kệ và ba ngày sau thì hết vèo. Một tháng sau ba tập nữa lại xuất hiện trên giá sách và cũng lại hết vèo. Hiện tượng Best Seller này được giới báo chí thông qua đàn

em của lão thối phồng lên khiến cái hội Ca Hót phải ghé mắt vào và quyết định kết nạp lão ta vào Hội với biệt danh Nhà thơ Bội Ngọt. Nghe chuyện lạ, những người sành văn chương tìm mua về đọc, nhưng khốn nỗi chậm chân mất rồi, những người “ham” đọc đã nằng tay trên mua trước, hết sạch sành sanh.

Nửa năm sau đọc nhứt trình thấy đăng ảnh cô bồ nhí bị bắt giam vì nhiều tội danh: chiếm đoạt, lừa đảo... hàng trăm tỉ đồng. Nhà thơ Bội Ngọt sau đó cũng được hoàng thượng đặc cách vào nhà sắt ngồi bóc lịch làm thơ vì tội phóng tay ký bừa cho cái lá đa làm loạn kinh tế và thuần phong mỹ tục xứ Thộn Thộn.

Chuyện ít xít ra nhiều, một đồn mười, mười đồn trăm, trăm đồn ngàn ... về tài năng thơ phú (người ta bỏ quên chuyện bóc lịch) khiến một tay hàm Bát phẩm Ty Điện Lu ở tiểu bang K. nổi khùng, vung tay tuyên bố: *“Tay đó mà thơ với thần gì. Như tớ đây đã bỏ hàng nhiều năm trời thực tế trồng trụ điện, lộn lên lộn xuống ngàn lượt chưa thấy gì, huống chi tay Tứ phẩm kia”*. Nói là làm. Anh Bát phẩm Điện Lu bèn mời các thành viên ghế cao trong hội Ca Hót về K. cơm bưng, nước rót, mực một mực hai... tháng này qua năm khác liên tù tù bất tận. Mỗi đợt các quan văn đi thực tế trở về, mỗi anh vác nào lộc nhưng, tay gấu, rượu hổ mang và phong bao...thơ đăng búa lua xua trên báo hội ta. Sau đó, mỗi năm thơ của anh Bát phẩm tù tù ra mắt cả thấy sáu tập tính tới ngày được kết nạp vào Hội. Cái hờn hẫn của anh Điện Lu là hể cứ mỗi tập thơ của hần phát hành là lập tức: “đàn chim vệt” đua nhau ca hót riu ran, nên hần ta đương nhiên được kết nạp vào Hội cái rụp. Có kẻ xấu miệng (do không được mời đi nhậu, không được biểu di

động) phao tin Điện Lu tung tiền ra mua danh, tìm mãi rồi cũng ra bằng chứng, nhưng vì hội ta là hội hoa lá cành trang trí, nên không thể mạnh tay làm héo xau bông hoa, bèn âm thầm thu hồi điện thoại, mời anh Điện Lu tạm thời rút ra khỏi Hội, giấu mặt thời gian, chờ luận dư thừa mưa ra thì vô lại, như vô ra cái chồi đụt mưa nắng vậy, không sao?

Đám báo đời Ruồi bu vô công rồi nghề, hết chuyện xe cán chó, gái nhảy, phòng the, nâng bi... bèn hè nhau đi làm cái phóng sự dài kỳ về hiện tượng Best Seller mười mấy thi phẩm của hai nhà thơ Bột Ngọt và Điện Lu. Sau đây là mẫu đối thoại của đám Ký Thiệt được họ ghi lại trong sổ tay ký giả:

-Ông đánh giá như thế nào sau khi đọc những tác phẩm của hai nhà thơ Bột Ngọt và Điện Lu?

-Xin lỗi, Bột Ngọt và Điện Lu nào ạ?

-Xin ông bỏ qua cho, vậy chớ những tập thơ nằm trong tủ kính kia?

-À, của cấp trên bắt cơ quan tôi mua. Vâng có bỏ tiền ra mua nhưng đọc thì chưa.

-Tại sao?

-Quý ông bỏ qua cho, không có thì giờ để giải mã đồng chữ nghĩa lục cục kia.

Tìm mãi không ra một độc giả nào đánh giá về những tập thơ best seller, cánh ký thiệt thất vọng ra quán thịt chó làm đĩa rửa mặn và xì rượu. Mới nhâm nhi vài ly chớ mỗi, trời bỗng sầm sập đổ mưa dữ dội, như cầm chính mà trút. Chủ quán bưng đĩa mỗi đặt trên bàn mặt buồn xo, vì Hà Bá bắt đầu viếng thăm khu phố này. Người lớn thì buồn, lo nhưng đám trẻ con thì mừng vô hạn, vì đoạn đường này bỗng dưng biến thành dòng sông

cho chúng thả hàng chục chiếc thuyền giấy. Vừa rút hai chân lên đầu, vừa uống rượu ngắm thuyền trôi cũng thích. Có mấy chiếc thuyền giấy tấp lại chỗ bàn nhậu, vớt lên coi thì đó là những trang thơ của hai nhà thi sĩ kia. Có một giọng cà khịa nổi lên: “Thì ít ra nó cũng giúp cho tụi nhỏ một bữa vui với sông nước trời cho chớ sao? Chứ nghĩa nằm ngang nằm dọc cũng trang trí cho mấy chiếc thuyền giấy của tụi nó”.

Đó, bạn thấy chưa, người ta làm thơ, in thơ sao dễ dàng thế, trong khi lũ “trắng xoá bạch vân” đều là dân bạch đình thứ thiệt. Thơ chất đầy trong tủ, chép chuyển tay cho bạn bè đọc chơi; đổ mà in và phát hành được?

2/

Trước tết, khoảng 5 giờ sáng, chuông điện thoại đổ dài. Bất dậy, quơ chân tìm đôi dép dưới gầm giường chạy ra bàn, nhắc máy. Giọng nói khàn khàn vì thuốc lá, vì thức đêm, vì nói nhiều, gào rống nhiều trước đám môn sinh làm tôi giật thót tim. Mấy chục năm gửi thư, nhấn nhe tìm kiếm, lão ta vẫn bất vô âm tín, nay bỗng hiện về, lù lù ở đầu dây đằng tít tít mù xa. Lão Hạc đấy. Không phải lão Hạc, nhân vật trong truyện ngắn của Nam Cao mà anh bạn nhà thơ thân quý của tôi và của chung anh em, một giáo sư Việt văn dạy hay đến nỗi các em áo trắng mê tít cung mây, các trường tư thục hồi đó ở Vĩnh Long, Long Xuyên tranh nhau mời dạy: Hạc Thành Hoa, thiên tài ở dơ và nhịn đói (2 tháng liền không tắm, 45 ngày không ăn chỉ uống cà phê đá) để làm thơ và trốn quân dịch. Căn phòng trọ bên rạch Cái Sơn ở Sa Đéc hồi trước năm tan tác chia lìa của lão Hạc là hậu cứ bền vững của chúng tôi. Hầu như anh em văn nghệ nào cũng có dịp đến Sa Đéc và ở lại với anh vài ngày, lâu thì vài

tháng như Nguyễn Tôn Nhan, Vũ Hữu Định* . Còn lâu nữa là thằng tôi. Đó là những năm 68-70. Rảnh việc là phóng xe từ Cần Thơ qua với anh, nói chuyện văn nghệ, lang thang khắp xứ, chở anh qua Long Xuyên, Vĩnh Long giảng bài (anh còn có biệt danh giáo sư liên tỉnh). Anh dạy đêm dạy ngày, thu nhập gấp 5,6 lần so với đồng nghiệp. Nhưng tiền kiếm được để nuôi bạn bè, cứu mang bạn bè. 40 tuổi lấy vợ với hai bàn tay trắng, quà cưới là mấy tập thơ. Giờ nghe giọng anh nói, như bắt được vàng:

*Những năm khói lửa còn gặp mặt
Đâu ngờ yên giấc lại xa nhau
Tôi ở phương này chờ bạc tóc
Bạn xa hồn gửi áng mây sầu*

*Mấy chục năm rồi không gặp bạn
Khó lòng tưởng tượng nổi hình dung
Ngày xuân hờ hững nâng ly rượu
Cả đất trời nghe cũng rưng rưng*
(HTH – gửi bạn phương xa)

Tắc lòng của anh đối với bè bạn luôn tròn đầy, như cái chết đột ngột của Vũ Hữu Định:

*....Ta đau nói chẳng nên lời
Con chim quý phải bỏ đời bay xa
Định ơi! Mất lệ đã đầy
Hôm nay khóc bạn, mai này khóc ta.*
(HTH-khóc một người bạn thơ đã khuất)

Mới ngày nào mà giờ anh đã 67 tuổi. Anh nói: “*ráng tìm cách về chốn cũ chơi với moi ít hôm, sống không bao lâu nữa đâu*”. Tôi không hiểu chuyện gì xảy ra với anh, nhưng thực hiện chuyến đi theo đề nghị của anh thì chưa

được, đành giở 4 tập thơ của anh ra đọc và cà kê ít dòng để tạ lỗi với anh.

3/

Bệnh không to tiếng với mình, nhưng như có ý cảnh cáo: *nhà người coi chừng, đã có tuổi rồi nghe, dầu mỡ ốc vít đã khô, đã long, coi sửa lại đi!* Đành phải xếp mọi chuyện, nằm dài trên giường để sửa lại thân già bằng cách nghĩ lung tung, nhớ lung tung xà mết chuyện xưa. Nhớ cái ngày chân ướt chân ráo về Cần Thơ ra ngồi ở bến Ninh Kiều ăn bánh cống với lá sung non, đợt choai, rau cải đắng... thấm đẫm mùi bùn non từ sông đưa lên. Bánh cống Ninh Kiều dở nhất nước nhưng lại ngon nhất nước do hương vị bùn non pha vào lớp bột mịn mịn. Hương vị bánh cống xui tôi nhảy xổ vào làm chương trình phát thanh văn nghệ trên đài Cần Thơ hơn hai tháng, rồi lộn trở ra cùng Trương Cường Thanh, Huỳnh Văn Minh thực hiện chương trình Những Tối Thứ Bảy ở giảng đường lớn trường ĐH Cần Thơ. Sinh viên tới nghe khá là đông. Nghe thơ, nghe nhạc. Nhưng sức chúng tôi có hạn, lại là *ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng* nên chỉ duy trì đâu được nửa năm là sập tiệm. Nhưng đó là thời gian đẹp tuyệt vời: của tình bạn bè, văn nghệ. Lướt qua những khuôn mặt xưa, giờ không biết họ làm gì, ở đâu? Trừ một Nguyễn Thành Nghiệp, giọng ténor vàng đã chết vì ung thư, Ngọc Thảo bỏ xứ lên Sài Gòn, chị Ngọc Yến bỏ xứ qua New Jersey... Nhắc tới chị Yến, không nhớ mắc nợ chuyện gì hay sắp nhờ vả chị mai mối ai đó, đã đèo chị ra Trà Nóc đãi món bún bò Huế. Chị vừa ăn vừa lấy khăn chùi nước mắt, nước mũi lòng thông, kêu: *“chèng ơi cay quá Ng~. Ơi”* . Tôi hát: *“Không sao, chị ăn hết tô sẽ nhớ đời”*. Ơi tô bún bò Huế định mệnh.

Chị kêu cay nên trời xui chị gặp anh bạn gốc Ớt pha mắm ruốc của tôi... Đó là những ngày đói no với Yên Uyên Sa, Phù Sa Lộc, với Lê Thị Hoa bên Việt Tân Xã (Cần Thơ), tù tù trên căn gác gỗ bị Dương Nghiễm Mậu bắt gặp về Sài Gòn mét lại cụ Vượng và Trần Phong Giao; là những ngày hết tiền ăn cơm gạo lức, thóp bụng và giờ mặt ra cho Lưu Nhữ Thụy ký hoạ chân dung, rồi nổi hứng kêu réo Vũ Đức Sao Biển xuống Cần Thơ thực hiện một đêm ca nhạc... Chẳng ai giúp cho đồng xu cắc bặc. Nhưng sao cứ thích là xông vào làm, làm chết bỏ. Đúng là văn nghệ!

Một đám bạn văn nghệ xưa, anh chị em xưa giờ chia lìa, tan tác, ngậm ngùi như những câu thơ của Hạc Thành Hoa:

Những năm khói lửa còn gặp mặt

Đâu giờ yên giấc lại xa nhau!

Đầu năm 2000, tôi có dịp về lại Lục tỉnh. Đầu tiên là ra bến Ninh Kiều ngửi mùi bánh cống và bún non, rảo qua Phan Thanh Giản ngó lại căn nhà xưa của ông cụ thân sinh chị Ngọc Yến, lướt qua trường Đoàn Thị Điểm và Phan Thanh Giản, phóng xe lôi lên lộ Tẻ, chạy ngược qua Cái Răng rồi xuống Ngã Bảy nghe lại bản Dạ Cổ Hoài Lang của cụ Cao Văn Lầu... đi lung tung Vĩnh Châu, Bạc Liêu, qua Thoại Sơn, Châu Đốc ngược qua bắc Vàm Cống Sa Đéc Nha Môn Vĩnh Long trước khi về Mỹ Tho thấp nén nhang trên mộ cha mẹ vợ. Đó là chuyến đi đỡ cơn ghiền, không đầu không đuôi, chẳng gặp được một ai trong đám bạn bè văn nghệ.

Giờ, trên giường bệnh, tôi đã thực hiện chuyến đi rất thành công trong đầu bằng cách tưởng tượng mình đang đứng bên bờ Châu Giang, trên núi Thất Sơn ngó đất ngó

trời.

Trên giường bệnh, Nh. gọi sang, anh em TQ gọi sang, chị X.H gọi sang... kêu đừng năn chí. Đúng, chí sao mà năn được khi mà ta chưa làm nên tích sự gì, khi mà bằng hữu chưa sum vầy với nhau, khi mà muốn tự do vung bút, tự do văn nghệ chưa là sự thực.

Cảm ơn và xin lỗi tất cả anh em:

Ở đây tất cả đều tâm thường như nhau

Những con cọp lưng danh một thời

Cũng tâm thường như con chó ốm

Những con voi chỉ còn chiếc vòi, quờ quạng bên ngoài

Xem có thứ gì ăn được...

(HTH-Buổi trưa ở thảo cầm viên)

Vừaviết tới đây chị X.H gọi sang hỏi: *Bệnh tình cậu ra sao rồi?* Trả lời: *Ốc vít vẫn chặt rồi, dầu mỡ vô kỹ rồi, phục hồi 90%...Chị đừng lo. Bữa nào em qua thăm chị...*

Bên ngoài trời mù mù như sắp khóc. Đài báo có đợt không khí lạnh từ Bắc tràn xuống

Lại không khí lạnh.

Bảo sao mọi người không bệnh được?

(03/2004)

Những trang viết từ Houston:

Có những niềm vui

Trần Bang Thạch

Bạn thân mến xa xôi,

Từ vài năm nay chúng ta chắc đã thấy khoảng cách giữa chúng ta càng ngày càng gần, phải không bạn? Nửa vòng trái đất chỉ là khoảng cách của không gian. Tôi với

bạn có thể mày tao cả ngày trên điện thoại. Một bài thơ bạn mới làm, tôi có ngay trên net để đọc liền. Một cái truyện tôi mới viết, click vài cái là nó đã hiện ngay trước mắt bạn. Những điều này thì ai cũng biết. Điều tôi muốn nói với bạn hôm nay là nhờ những phương tiện truyền thông nhanh chóng, dễ dàng sử dụng và ít tốn kém này mà tôi và bạn có thể nói cho nhau nghe lập tức những niềm vui và nỗi buồn. Nỗi buồn thì chắc cũng có, nhưng ở cái độ tuổi của chúng ta bây giờ thì ôm ấp cái buồn làm chi cho phí thời giờ và hơi sức. Càng già cánh tay càng yếu, mà hình như cũng ngắn hơn trước, mình có nhiều cái khác xứng đáng hơn để ôm. Chất chứa làm chi những chuyện bi thương áo não ra ngắc vào ngơ sứt sùi sứt sứt để những con chips của memory càng ngày càng co cụm lão hóa và không biết nó bị con bệnh Alzheimer gặm nhấm cho tiêu tán đường lúc nào, chừng đó nhìn cả vợ con mà không biết là ai thì khổ lắm. Báo chí không nói, nhưng tôi biết chắc có lúc trong căn biệt thự rộng mênh mông chỉ có hai người, ngài cựu tổng thống Alzheimer Reagan, giả dụ như còn chút tánh tình khỉ khọt của đàn ông, nhìn phu nhân Nancy mà phát thèm, muốn mi một cái mà sợ bị *cô hàng xóm* kiện cho cái tội công xúc tu sĩ Cho nên đạo này hình như mình chỉ nói toàn chuyện vui, phải không bạn. Tôi chưa đọc thấy các nhà phân tâm học hay cơ thể học hay gì-gì-học nói ảnh hưởng của niềm vui, nỗi buồn đối với khả năng của trí nhớ, tức các con chips vô hình của memory trong não bộ; nhưng tôi thì cho rằng nỗi buồn, nỗi lo làm giảm, còn niềm vui thì làm tăng trí nhớ, làm trẻ trí nhớ. Không tăng hơn thì cũng không giảm. Không trẻ hơn thì cũng không già hơn. Ngài Reagan cả chục năm làm Thống

đốc, rồi 8 năm trời làm tông tông lo cho nước cho dân, mất ăn thiếu ngủ, không có giờ nựng vợ, không có một phút để nhảnh rảnh với cả con cháu trong nhà, bị bệnh mất trí nhớ là phải. Danh hê Bob Hope gần suốt cả đời cười cợt vui chơi thả cửa, sống cả trăm tuổi mà có lần lú gì đâu. Song Thủ Hồ Bát Châu Bá Thông tuổi trọng chức cao trong chốn võ lâm giang hồ vẫn là Lão Ngoan Đồng, vẫn là con nít vui chơi cười đùa trong bất kỳ tình cảnh nào, kể cả những khi bị rượt đuổi bởi người tình Anh Cô.

Bạn thân mến xa xôi,

Cười cợt với bạn một chút cho vui vì hiện giờ tôi đang có những niềm vui, tuy không lớn, nhưng lớn nhỏ gì thì cũng là niềm vui, phải không bạn? Nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì mà bạn. Nói như vậy không có nghĩa là tôi không có nỗi buồn. Tôi đang có nỗi buồn lớn lắm, nhưng nỗi buồn thì cứ cất ở đó, ở một ngăn kéo riêng tư nào đó trong 2 cái tâm thất trái, phải của mình; chánh yếu là đừng cho nỗi buồn chạm vào một trong tí tí nơ-rôn trên não bộ.

Bạn biết không, có những cái tưởng không mà có, tưởng mất mà còn, sẽ làm cho mình vui lắm. Những cái bất ngờ khiến cho cái vui như nổ bùng, cho nên vui hơn và thấm hơn, phê hơn. Bạn còn nhớ hồi đầu tháng Giêng, tôi gửi bạn qua đường bưu điện TQBT 13 và tập thơ Giỡn Bông Chiêm Bao của Trần Phù Thế và tập thơ Nhủ Đời Bao Dung của Trần Hoài Thư. Mãi đến gần cuối tháng Hai bạn vẫn không nhận được. Mình không ngạc nhiên về chuyện đó với con rùa bưu điện VN, vừa

chậm vừa dễ bị cướp đoạt giữa đường. Cuối cùng tôi phải scan từ trang rồi email cho bạn. Bạn nhận được hết và đọc được hết. Vui biết bao hở bạn? Bạn còn nhớ tuần trước mình đã nói chuyện hàng giờ về các trang Bản Thảo ấy? Đầu tiên bạn đọc sang sảng trong ống nói: *Biên cương, biên cương, chào biên cương. Chào núi cao rừng thẳm nhiều nương. Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt. Núi chập chùng như dãy mồ chôn...* Tôi tiếp: *Đây biên cương, ghê thay biên cương! Núi tiếp rừng, rừng tiếp khe truông. Hãi hùng chửa trời quang mây rậm. Mùa mưa về báo hiệu tai ương...* Rồi ta cùng đọc: *Ngày về: hôn lễ hay tang lễ? Hề chi buổi chinh chiến tang thương. Hề chi kiếp cây rừng đá núi. Nghìn năm hồn quanh quẩn biên cương.* Cùng đọc bài thơ mà nghe rợn tóc gáy. Nhớ một thời vàng phai đá nát, u tối chập chùng. Thơ hay như vậy mà 32 năm sau khi tác giả Phạm Ngọc Lữ viết, sau khi TQBT 13 tới tôi và tới bạn, mình mới đọc được! Cảm ơn ai đây đã đem cho ta cái cảm khoái ấy? Trước hết là cảm ơn đời, đời hệ lụy, nhiều nương, đời bão giông nghiệt ngã mà vẫn còn những trái tim đỏ rực lửa yêu thương, lửa bằng hữu bạn bè. Và cảm ơn ta, ta vẫn còn nguyên bầu máu văn nghệ để biết thống khoái một bài thơ hay. Rồi như một dòng văn nghệ thời chiến tuông chảy trong câu chuyện của mình, mình nói về chuẩn úy Tư với câu nói trước khi nhắm mắt: *Mày nghe rõ chưa. Mày phải sống để mà viết.* Mình nói về thiếu úy Minh về cả những bãi phân người ghê gớm, để sau đó tại hậu cứ trước cảnh ngộ thương tâm của vợ Tư, vợ Trinh, thiếu úy Minh bỗng trở nên *diên khùng, chụp súng chạy ra ngoài, nhắm phía ngọn đồi chó đẻ và bắn cuồng diên...* Với truyện Chiến

Tranh, Trần Hoài Thư đã đưa không khí chiến tranh lên tới đỉnh cao của ghê tởm, chết chóc, thương đau. Liền đó Nguyễn Thị Ngọc Lan với Quán Bên Đường bằng giọng văn nhỏ nhẹ đã đem đến cho ta những bài ngùi qua những thân phận chiến tranh. Mình còn nói nhiều nữa phải không bạn, nói tới lục bát tuyệt vời của Hải Phương, Hoàng Xuân Sơn, Toại Khanh, Trần Yên Thảo, Cao Vị Khanh... Bạn hỏi tôi ai là Hoàng Thị Bích Ti mà viết hay quá vậy. Tôi nói tôi cũng có cùng câu hỏi như bạn. Mà thắc mắc làm chi cho với đi niềm thống khoái lúc này hả bạn. Hãy để cho Từ Thế Mộng *Thấy em một chút đã mừng, cần chi biết sợi dây lưng ngắn dài. Anh ơi đừng nhúu lông mày, đừng xao xác ngó mà trầy trụa em* luân lưu trong máu huyết ta từ chân ghé qua tim rồi lên tới óc, như thế mới phê chớ bạn. Niềm vui của mình hôm đó là đã đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu khi thưởng thức một tác phẩm văn nghệ. Thế là vui. Hãy tưởng tượng khi mình gặp một bài văn, bài thơ hay mà không có ai để chia sẻ thì tiếc quá, ảm ức lắm. Hướng chi tôi có bạn, bạn có tôi, ta cùng chia sự sướng khoái với nhau thì không vui sao được. Được chia sẻ cũng là niềm vui.

Phải, được chia sẻ cũng là niềm vui. Tôi muốn kể vắn tắt cho bạn nghe chuyện này. Hơi riêng tư một chút, nhưng được chớ bạn? Mới hai hôm trước, ngoài này nhận được tin một học sinh của trường cũ lâm trọng bệnh tại Bình Thủy, tình cảnh đơn chiếc khó khăn, bèn cấp tốc đưa tin lên Trang Nhà của trường. Ngày đầu tiên đã có 330 Úc Kim trao tận tay người bệnh. Ngày sau 500 Mỹ kim gửi qua dịch vụ chuyển tiền, vài tiếng đồng hồ

sau đã tới người nhận. Email của con gái người bệnh gửi đi: “...và xúc động hơn nữa là có các dì, các bác mà có thể mẹ con không thể nhớ tên và các dì các bác cũng có thể chưa một lần biết mẹ con, đã nhiệt tình thăm hỏi giúp đỡ, như vậy thì tốt phúc biết bao. Mẹ con vui suốt cả ngày, con nghĩ niềm vui đó đã tạo thêm cho mẹ sức lực để chống chọi với bạo bệnh”. Chỉ có trên dưới 48 tiếng đồng hồ mà một niềm vui đã nở rộ từ bờ bên này tới bờ kia. Chén nghĩa tình mới nhấm mà đã say. Tôi biết ở xa xôi, bạn cũng đang vui cái vui của tôi bên này, phải không bạn?

Bạn thân mến xa xôi,

Nhắc tới chuyện bạn học, chuyện trường ốc, tôi nhớ có lần bạn hỏi tôi về tương lai của chữ nghĩa Việt Nam nơi xứ người? Câu hỏi của bạn có vẻ lớn lao quá, kinh điển và trí thức quá, tôi đã im lặng. Im lặng cho tới bây giờ. Điều tôi sắp nói không trả lời được câu hỏi của bạn đâu, vì tôi không có tìm hiểu, hay làm một cuộc nghiên cứu nào hết; đây chỉ là ý nghĩ tôi có được khi gặp một thực tại trước mắt. Số là từ cả tháng nay cuối tuần nào tôi cũng tháp tùng thằng con đi tới các trung tâm Việt ngữ hay các lớp Việt ngữ tại các chùa và nhà thờ phỏng vấn các trẻ em Việt Nam để làm tài liệu cho cái Ph.D của nó về giáo dục con cái trong gia đình di dân VN. Nói cho oai vậy thôi chứ tôi chỉ đi theo để mang tài liệu cho nó, hay nếu gặp vị hiệu trưởng hoặc vài thầy cô giáo quen thì làm nhiệm vụ ngoại giao để thằng bé vững dạ. Bạn biết không, tôi đã xa rời thế giới học đường bằng đen phấn trắng hơn hai mươi năm nay; thậm chí tôi còn không để ý lắm tới các lớp Việt ngữ ở đây, không biết

họ làm ăn thế nào. Vậy mà tới khi bước vào các lớp ấy tôi mới sững sờ. Hóa ra trái đất vẫn quay mà mình thì đứng lại. Nơi nào học trò cũng đông, 300, 500, 700tuổi từ 5,6,7 đến 17,18, 22, 25 trai gái có đủ, có cả những lớp dạy chữ Việt cho người Mỹ hay cho sinh viên VN lúc nhỏ đã chưa được học Việt ngữ. Ban giám đốc và thầy cô giáo thì đa năng, đa diện: tiến sĩ, kỹ sư đủ ngành, luật sư, nhà văn, nhà giáo; đủ hạng tuổi: 17,20,30,60... có những người đã học ở đây rồi trở về đây để dạy cho đàn em kế tiếp. Tất cả là tự nguyện, là hy sinh ngày cuối tuần được coi là quý giá vô cùng ở đây. Các phụ huynh học sinh cũng là một đóng góp lớn cho chương trình học Việt ngữ trong việc đưa đón con cái đến trường, dạy tiếng Việt và nói tiếng Việt ở nhà. Nghe thằng cháu ngoại 3 tuổi rưỡi nói vanh vách *“trên trời có đám mây xanh ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng ước gì anh lấy được nàng anh về mua gạch Bát Tràng về xây...”* ông ngoại khoái chí nhìn bà ngoại cười chúm chím. Người ta nói các lớp Việt ngữ càng ngày càng đông. Các nơi khác chắc chẳng khác gì với Houston đâu. Ở xa xôi, chắc bạn không tưởng tượng giữa lòng một xã hội tiếng Mỹ, tiếng Tây tiếng u chiếm đầy mỗi một phân vuông không khí lại có tiếng líu lo của từng đàn chim nhỏ Việt Nam trên từng trang sách giáo khoa tiếng Việt. Góc trời VN là ở đây đó bạn. Bạn hãy cùng vui với tôi nhé, bạn xa xôi.

Muốn dừng lại ở đây, nhưng chưa được, bạn ạ. Tôi vừa nghe trên TV mẫu tin này, muốn bạn chia vui cùng tôi: Theo các khoa học gia Mỹ, từ một nơi cách trái đất 55 triệu cây số ngàn, thám xa Cơ Hội, Opportunity, đã gửi

tín hiệu, hình ảnh từ hỏa tinh về chứng tỏ rằng Hỏa tinh là nơi có thể là đất dung thân cho loài người. “ *Chúng tôi tin tưởng rằng đã có một lúc nào đó tại địa điểm này trên Hỏa tinh, có môi trường sống. Đây là một nơi đã từng thích hợp cho đời sống*”. Đó là lời phát biểu của nhà thiên văn học Steve Squyres, giáo sư của Đại học Cornell, chuyên viên nghiên cứu chánh yếu của hai thám xa Spirit và Opportunity đã được gửi lên Hỏa tinh lần lượt ngày 3 và 24 tháng 1 năm nay. Vạn sự khởi đầu nan. Cái khó đã bắt đầu từ 1962 khi John Glen ra khỏi quỹ đạo trái đất. Ngày 20 Tháng 7 năm 1969, nếu không có Appollo 11 thì Neil Alden Armstrong đâu có dịp đặt bàn chân đầu tiên của con người lên mặt trăng. Không có mấy cái vệ tinh quanh năm suốt tháng bay trong không gian thì chắc không có cái gọi là internet này và cái điện thoại di động mà bạn đang cầm trên tay. Và chắc gì ta có Mỹ Châu nếu không có Christopher Columbus và đoàn thám hiểm tìm ra vùng đất mới này hồi năm 1492. Có thêm chỗ dung thân cho con người để tương lai không có giết nhau để giành đất sống và có chỗ để tạo ra thực phẩm. Hôm qua, trên net, tôi đọc tin này: Để có thêm đất cho cư dân, Campuchia đã thành lập đội nữ gỡ mìn đầu tiên, cũng là đội nữ thứ hai của thế giới. Trên một vùng đất không rộng bằng cái sân banh, đội này đã tháo gỡ hơn 30 quả mìn và các chất nổ khác đủ loại. Sanh nghề tử nghiệp. Bao nhiêu người đã tử cho cái nghiệp này. Rồi ở VN, ở Afghanistan, Palestine, Iraq... đã có bao nhiêu cái chết tương tự và còn bao nhiêu là bãi mìn khác? Liều chết để có cái ăn và để có thêm đất sống. Bạn trả lời giùm tôi câu hỏi này được không: trên đất nước Trung Hoa thế kỷ 21 vẫn

còn tệ nạn trọng nam khinh nữ, có bao nhiêu trẻ em sơ sinh gái đang bị chính cha mẹ giết chết ngay giờ phút này vì nạn nhân mãn. Có thêm đất trên hỏa tinh hay mộc tinh, kim tinh gì đó cũng tốt. Để khỏi giết nhau vì giành đất, hy vọng như vậy.

Hy vọng để mà vui, mà sống, bạn ạ.

Houston, đầu tháng 3-2004.

Mỗi năm hoa đào nở

Cao Vị Khanh

Gởi hết cho em lòng nguyên đán

Giữ lại hồn tôi nổi cuối năm

... câu thơ gỏ từng chữ vào lòng như ngón tay gỏ vào từng phím nhớ của một bản hoài cảm đã được chơi đi chơi lại nhiều lần, hằng năm, và sẽ còn được chơi lại thêm những lần nào nữa? Câu thơ như nhả hiệu một sản phẩm đã-được-cầu-chứng-tại-tòa, không thể đánh tráo, không thể lầm lẫn, không thể gian lận vào đâu được.

Mỗi năm hoa đào nở

...ở ở đâu mà bỗng bay về những tấm giấy hồng điều lấp láy lớp kim nhũ mới tinh trên sợi giấy giăng ngang hai đầu một tường vôi lở... ở có cơn gió sớm làm gây gây lạnh trên chút da để hờ thối lại từ hướng nào... dường như từ hướng bờ sông cái theo con đường lớn có hai hàng me già mới thay lá non xèo... ở chiếc áo dài đen cũ sờn có in hình mấy chữ thọ, chiếc khăn đóng chút

hình chữ nhân ngay giữa trán, mấy ngón tay thông xương xẩu, chòm râu bạc lốm đốm và đôi mắt, đôi mắt đục lờ có một vẻ gì vừa kiêu hãnh vừa nhẩn nhện ngoài trời mưa bụi bay ...

Vậy đó. Hễ cứ mỗi năm hoa đào nở là ... là lại thấy ông đồ già ... là ... là cứ y như ... tết đến.

Hiển nhiên như một phản ứng hóa học, không sai chạy một ly tử, và gọn gàng như một cái búng tay, câu thơ gọi về những hồn xưa đã tản lạc, dựng dậy những cảnh cũ còn trầm tích dưới mấy lớp nhớ hư hao, làm nở lại một bông hoa vàng đã héo, lay dậy một hơi gió đã mỗi, dựng dậy một góc phố một lề đường một ngã tư một hẻm chợ, ...rồi là những mặt người những dáng dấp, ... rồi tiếng nói tiếng cười tiếng kêu tiếng la tiếng o bế tiếng cự nự tiếng gà vịt đập cánh phành phạch tiếng heo con ăng ăng tiếng heo nái ừng ừng tiếng chuông xe đạp leng keng tiếng bố thảng xích-lô ken két tiếng quần lạnh lột xột tiếng áo bà ba lùng xùng tiếng pháo chuột đọt lén nổ lẹt đẹt tiếng guốc lóc cóc tiếng dép lẹp xẹp tiếng trẻ nít rượt đuổi tiếng con trai chọc gái tiếng cô hai cô ba xì xồ nguyệt háy tiếng cô tư cô năm đồng đánh làm duyên tiếng chệt-hàng-xén ngọng nghệu tiếng chú-bảy lơ lơ tiếng trả giá cò kè tiếng nài nỉ thêm bớt... rồi là cái mùi hăng hắt của rau cải úng nước, mớ meo của vãi vốc ủ kho, tanh tanh của thịt cá ế thiêu, nồng nặc của cống rãnh ứ đọng, của mồ hôi đúng ngọ, của bã trầu xế trưa, của dầu thơm rẻ tiền của bi-giăng-tin bóng lẩy của ... của một-ngàn-lẻ-một thứ vật thực trần gian đã ứ đọng ở đó từ bao nhiêu đời cộng thêm một-ngàn-lẻ-một thứ vật

thực y như vậy nhưng còn mối nguyên cọng thêm cái mùi thơm phức ngọt bùi béo ngậy của mứt dừa-mứt bí-thèo lèo-cứt chuột-nội địa của chà là-hồng khô-nhập cảng một-năm-mới-có-một-lần họp lại thành một thứ mùi... rất-chợ-tết... Cái hoạt cảnh cứ diễn ra hàng năm mà mỗi năm cứ mỗi mới mỗi vui... người qua lại vội vã mua sắm, những sạp hàng bày vội chen lấn ra mặt đường đã cấm xe từ sau ngày đưa ông táo, chưng dọn mớ trái cây bánh mứt, rượu tây, trà tàu... như cả năm chưa bao giờ được chưng dọn như vậy... những hình ảnh vụn vặt những âm thanh tứ tán đó bỗng chắp chới tụ về, chắp chắp nối nối... để ráp lại nguyên hình một mùa xuân trong quá khứ, một cái tết nhất định ở một nơi nhất định - một cái tết sẽ thiếu lắm nếu đâu đó trên cái bối cảnh hỗn tạp đó không có chấm phá mấy nét thiệt tiêu sơ ...

...và ở một góc rất khuất, khiêm nhường như chính cái mặt hàng được móc treo trên mấy sợi giây nhỏ xíu, những nét chấm phá ngang dọc dù có bay lượn rỗng rần cũng không làm vui hơn cái dáng điệu buồn rầu của ông hàng chữ cuối mùa... *Người thuê viết nay đâu. Giấy đỏ buồn không thắm. Mực đọng trong nghiên sâu.*

Mãi về sau nữa, lâu lắm, dù đã ở một nơi rất trái mùa. *Mỗi năm hoa đào nở. Sắt son như một lời hẹn.* Câu thơ làm con én đưa tin. Người ta thấy lại bằng con mắt tâm linh *ông đồ già bày mực tàu giấy đỏ...* Người ta ngửi lại mùi xuân bằng cái mũi hồi ức... Và rồi người ta đón tết, với với kỷ niệm...

Ở một tỉnh nhỏ nằm chen giữa hai nhánh sông lớn của

miền nam, trời mưa nắng hai mùa, mỗi năm không có hoa đào nở mà chỉ có hoa mận, hoa bưởi, hoa cam... chỉ có hoa mai mà lại còn phải lật lá từ rằm tháng chạp... Trời đất đâu có gởi tới một dấu hiệu riêng nào ngoài một chút gió bắc làm lạnh se da những buổi sáng thức sớm theo cha ra tắm kiểng. Thành ra lớn lên đi học rồi cứ theo ông đồ của Vũ Đình Liên mà đón tết. Bài học đâu từ cái thời tiểu học vậy mà làm nhớ dai nhớ đẳng. Lớn lên rồi trèo lên trung học đại học vẫn còn nhớ hoài nhớ hũy cái hình ảnh gởi tết rất ngậm ngùi đó. Mỗi năm, dù đang ở đâu, cứ vừa nghe trời đất rậm rịt trở mình là câu thơ bật nhớ... mặc kệ những tất tả của tháng cuối năm. *Mỗi năm hoa đào nở.* Cứ vậy đó, mỗi năm, hằng năm, năm năm... theo cái nhịp quay rất đều tay của thời gian *lại thấy ông đồ già bày mực tàu giấy đỏ trên phố đông người qua...* để cho tết đến. Rồi năm nào như năm nấy cũng thấy lại... y nguyên cái dãy phố tàu chưng dọn se sua một cách lộn xộn như... phố tàu, nhà lồng chợ cũ kỹ được che thêm trại dựng thêm rạp làm đã vốn luộm thuộm càng thêm luộm thuộm, bạn hàng đi đi lại lại chọn rộn ra về còn chọn rộn hơn trong năm, cái bến nước nằm kề khu chợ cá bỗng đứng tấp nập ghe xuồng, chúc mũi đổ lên bờ những người khách xa đâu từ những thôn ấp hẻo lánh rủ nhau đi chợ tết. Chợ từng bừng sinh khí mới. Và vẫn vậy...

... vẫn vậy... ở một góc phố khiêm nhường nhất, cũng lại cái hình ảnh lặng lẽ nhất mà lại mang lòng nguyên đán nhất lại nhần nại xuất hiện, chậm rãi trải chiếu trải khăn, khoan thai mài mực tàu trịnh trọng phới giấy đỏ... rồi vén áo gò lưng ngạo nghễ phóng tay phác những nét phượng múa rồng bay mặc kệ cái đứng đưng vô tình

nhất của người thiên hạ... ngoài trời mưa bụi bay...

Rồi là những chữ thảo chữ triện chữ chân phương thi nhau xổ móc hoành tráng, những lời chúc lời cầu lời xin thi nhau bay lượn. Ba cái chữ phước- lộc-thọ thì tròn trịa như chính sự sung mãn, những câu thơ chữ quen thuộc năm-nào-như-năm-nấy-từ-đã-mấy-ngàn-năm. Thiên tăng tuệ nguyệt, nhân tăng thọ. Xuân mãn càn khôn, phúc mãn gia... đọc lên nghe rộn rã cứ y như là phưởng tuồng. Vậy mà vui lắm. Mà chí tình lắm. Đủ để người ta nghe hờn hờ nghe náo nức nghe rộn ràng nghe hy vọng dù có đang chạy chết để lo ba bữa tết... Vậy chờ mùa xuân không phải là mùa hy vọng sao, tết không phải là hy vọng sao. Cho nên bỏ ra vài đồng bạc để mua về tấm giấy đỏ treo nhà cũng được, mà không mua cũng không sao, lời chúc lành đã bay đầy trời đó.... ai cũng được hưởng phước lây...

Rõ ràng là ăn-tết ăn gì cũng được, nem bì bánh tét bánh ít thịt kho dưa giá xà-bần bánh phồng tôm bánh phồng-mì-va-ni-nước-cốt-dừa-đường-cát- trắng... gì gì cũng được. Nhưng cái không thiếu được là mấy tấm giấy đỏ chữ đen mang một lời chúc lành không biết có ứng kíp hay không trong năm. Mà điều ứng hay không lại là chuyện khác. Chuyện ở đây là cái vẻ tết mà ông đồ và mớ giấy đỏ của ông đã tạo nên trong sinh hoạt dân gian. Làm như cả hai, ông đồ và ngày tết, đã được gắn liền vào nhau bất khả phân ly. Nói như vậy không có nghĩa là phụ bạc cái công đóng góp rất khoái khẩu của dưa hấu của hột dưa (ôi cái miệng cắn hột dưa kêu lách tách còn trảy trét lại trên môi dấu đỏ xinh xắn như một vết răng cắn phạm!) của hột sen của chuối ngào gừng của

bánh mứt của la de tôm khô củ kiệu... Nói như vậy chẳng qua là ngẫm hảnh diện cái tánh trọng văn của người Việt. Bởi vì làm như ba cái thứ đồ ăn thức uống đó mới chỉ là da là thịt của tết. Còn chính mấy tấm liễn đỏ của ông đồ già mới là cái phần hồn làm nên phong vị. Dĩ nhiên cái nào có phần nấy, không có kỳ thị gì hết. Tuy nhiên mấy chục năm rồi, ở đâu đó trên mặt đất này, ngoại trừ cái chỗ chúng ta đã sinh ra và “ăn tết” trước khi bỏ trốn, những cái tết qua đi nếu không lảng nhách thì cũng lảng dờm mặc dầu thì cũng thịt kho dưa giá khổ qua dồn thịt rượu tây rượu tàu ... chính là vì có còn cái phong vị đó đâu. Chẳng phải chỉ riêng cái đó làm nên tết đâu, mà là một tổng thể còn nhiều thứ khác nữa, nhưng thiếu gì thì thiếu mà thiếu cái hình ảnh lảng dờng đó nên mọi cái khác có đó mà như mất hồn ...

Người ở xa, xa lắm quê hương, không những chỉ quan san ngoài sông núi, mà quan san ngay chính giữa lòng mình. Biển xanh thì cứ y nguyên dậm trường mà lòng người thì tang thương đã quá độ. Trí nhớ thì cứ như một người tình khó tánh, nay vậy mai khác, cái muốn nhớ thì quên, cái muốn quên thì lại nhớ. Ai đời đã xa ời là xa trời đất đó, khí hậu đã lộn lạo, mùa màng đã sang đàng mà mỗi năm cứ gở tới tờ lịch Tam tông miếu cuối (ấn bản hải ngoại) là lòng cứ thấy bấn khoản rồi năm nay sẽ ăn tết ra sao. Hỏi thì cứ hỏi chờ câu trả lời thì đã sẵn đâu từ hồi mới bỏ xứ mà đi. Ở đây có tết đâu mà ăn. Mà có ăn thì cũng trệu trạo ba cái món cam-giang-nam-đem-trồng qua-giang-bắc cũng chỉ thấy nhạt phèo. Chứa đũa gấp miếng thịt phay động mở đút ngẫu là cái bụng lại ớn ngược nhớ miếng thịt mở trụng nước sôi trong vắt.

Nhai miếng dưa-cải-bọc-ny-lon-made-in-Thailand là cái răng tê tái nhớ miếng dưa-cải-má-muối-trong-khạp-đậy-bằng-lá-chuối-sau-vườn... Còn ba cái hội xuân chợ tết cũng phải kéo nhau vào trốn lạnh trong những hội trường cửa nẻo kín bưng tới nỗi áo dài người xưa tha thướt đến vậy mà bây giờ hai vạt cũng đành buông thõng ngầy đơ đến tội tình. Ôi! Áo màu không gió cũng thôi vàng. Trong ta còn lại đìu hiu vắng ...

Nói vậy rồi ngấm nghĩ lại mà thấy băn khoăn. Hóa ra cái ăn cái mặc của người ta coi vậy mà quan trọng hết sức. Người lưu vong ở xứ người ăn uống đủ thứ thập vật. Nhất là ở những xứ gọi là hạp chủng đa văn hóa này, thực phẩm là cái món được chủ trương cho sống chung hòa bình nhất. Từ cái món cầm tay " to go " đơn giản nhất tới cái món nấu nướng cầu kỳ nhất, từ cái kiểu ngồi bệt ăn bốc ăn hốt đến cái kiểu ngồi thẳng lưng ăn ly tách dao nĩa lĩnh kính nhất... phải nói là không thiếu cái chi. Thử ném chấm mút ôi thôi tha hồ. Thiếu điều riết rồi có khi phải tự đặt cho mình những kỷ luật kiêng cử còn nghiêm nhặt hơn kỷ luật nhà binh nữa. Vậy mà xét ra chưa đủ. Bởi vì như đã nói ăn gì thì ăn lang bang được mà ăn tết lạ chỗ thì không được. Ăn tết ở xứ người trăm phần không thấy ngon. Muốn ngon miệng phải về ăn tết tận quê tận nơi tận chỗ. Phải ăn tết với cái tất cả cái phụ tùng cần thiết của nó. Một nhánh mai, một cành đào, một chậu thủy tiên, một đòn bánh tét nấu đêm giao thừa bằng nồi đất chụm lửa củi, một miếng bánh phồng nướng lửa than ... một bao thơ đỏ, một tấm liễn hồng điều ... và nếu được đôi ba chùm pháo chuột lại càng tốt.

Chẳng vậy mà mới nghe phong phanh tết đến đã không ít người vội vã chầu chực chạy chọt xin xỏ cho được cái visa (dù mình về quê mình) ăn tết. Tin trong một tờ báo ở đây năm nay có đâu khoảng 300.000 việt kiều hồi hương ăn tết. Nghe mà thương nhưng buồn. Hóa ra hằng năm dù ở đâu nhưng cũng ăn nhờ không biết bao nhiêu lễ lạc lớn nhỏ của người ta, từ tạ ơn đến giáng sinh, từ halloween đến tết tây... vẫn là chưa đủ. Lòng việt kiều vẫn muốn khêu càn nhàn. Đồng đô la xanh vẫn mạnh hơn đồng đô la vàng. Và nhờ đó tết nhứt lại có chiều nhứt dạ đế vương (không giương cũng uống)

Trách ai bây giờ. Người ta về quê ăn tết cũng là hợp với cái lo-gíc nước chảy về nguồn, dù cái nguồn đó có đôi khi làm người ta tá hỏa tam tinh như Từ Thức về trần. Thì thôi ăn tết ở đâu cũng vậy, ăn tết ở quê nhà ... nhà nước cảm ơn.

Chỉ đáng đời cho cái đám thân đã quy Tào mà hồn còn Từ Thứ, bắt chước Bá Di với lại Thúc Tề, cứ ráng gồng mình chịu rét làm cái thân thông sông đuột đứng giữa trời mà kêu réo, đến ngày tư ngày tết trùm khấn trùm áo, mang ủng lội tuyết đi đón xuân ở một nơi chưa tới kỳ xuân, làm bộ ăn tết ở một chỗ không có gì là tết. Chừng không thấy tết ở đâu thì buồn mà khi có người đổ ngọt về quê thì dấy nẩy như đập phải đinh chong tằm độc...

Mà điều nói thì nói vậy, chớ ngó trước ngó sau rồi càng lúc càng thừa thớt những tấm lòng lạc điệu đó. Mỗi một năm một vắng... chẳng khác gì cái ông đồ già trong thơ

Vũ Đình Liên

.. nhưng mỗi năm mỗi vắng...

Ông đồ vẫn ngồi đây

Qua đường không ai hay.....

Thời gian và con người

Phạm Văn Nhân

Thư quán Bản Thảo, tập 11 phát hành vào tháng 7 năm 2003, người bạn tôi, anh Ng~ trong một chuyến lên lại Đà Lạt, anh gặp lại một vài anh em cầm bút cũ, ít nhiều đã biết tôi với anh THT khi còn ở Qui Nhơn, trước năm 1975. Nhắc đến tên nhau, vài anh em vẫn còn nhớ, hỏi thăm vui vẻ. Nhưng cũng có vài anh em khác, có lẽ hôm nay đã là “ công bộc ” cho chế độ mới, cho nên, chỉ nghe và “ ậm ự ”; Cũng vì.....

Điều đó cũng chẳng có chi là...đáng nói. Nghĩ chung, cũng là lẽ thường tình thôi. Nhưng , khi anh Ng~ gặp lại nhà thơ TNC nói về tôi và THT, thì anh ấy vui và mừng, gởi ngay đến chúng tôi một bài thơ để góp mặt với TQBT. TNC gặp anh Ng~ tại Đà Lạt không lâu, mà anh gởi bài : Dưới Trăng cho chúng tôi. Để chúng tôi ngỡ: *Lạ chưa như tự kiếp nào* (câu đầu của bài: Dưới Trăng của TNC - TQBT 11)

Vâng ! Lâu lắm, kể từ năm 1969, tôi với anh THT rời Quy Nhơn. Và cũng từ ngày ấy không gặp lại TNC nữa. Khi qua Mỹ, lúc còn ở dưới Houston, tôi có gặp một người mà ngày xưa ở Qui Nhơn tôi với anh THT thường

hay tới ngôi nhà của cô (quên mất tên cô). Tiệm vàng Phú Xuân trên đường Gia Long để thăm TNC; Vì TNC có bà con với gia đình ấy. Gặp lại cô tôi nhớ ngay. Hồi đó cô còn học trường nữ trung học Qui Nhơn. Thấy hai thằng lính như tôi với THT, cô chỉ chào rồi lủi ra sau. Nay gặp cô dưới Houston, cô không còn cái nhút nhát đó nữa, mà ngày ấy, cô có văn phòng bán insurance. Hồi thăm TNC, cô cho biết là THC đã về lại Di Linh, và có vợ con (đông con). Từ cái hôm gặp người bà con với TNC mãi đến nay hơn 10 năm. Rồi bây giờ, bạn tôi, anh Ng~ cũng lại gặp TNC ở Đà Lạt , và nghe tôi với THT sống bên này, anh gửi đến chúng tôi bài thơ: vâng! *Lạ chưa như tự kiếp nào*. Gần 35 năm chưa gặp anh, nhưng với một bài thơ của anh gửi ra mà tôi với anh THT nhớ như ngày nào vẫn thường đọc thơ của anh trên Bách Khoa.

Bên cạnh đó, Ng~ còn gặp một nhà thơ xứ Quảng khác, lang thang bên lề đường. Đó là nhà thơ Lâm Anh(một thời cùng với Phan Nhự Thức). Khi Ng~ gặp Lâm Anh, Ng~ viết về Lâm Anh như sau: “ *Gặp anh một cách tình cờ và tình cờ nhìn anh như thể nhìn một lão thiền sư hành đạo. Cả người anh toát lên vẻ cổ quái đến lạ lùng. Và anh sống cũng cổ quái đến lạ lùng kể từ khi cả gia đình anh bị đưa từ Quảng Ngãi vào vùng kinh tế mới ở Đà Tẻ (Lâm Đồng). Hơn bảy mươi , anh vẫn lang thang với đời và với thơ. Lang thang trên quê hương không còn chốn dung thân. Đôi giày há mõm. Quần áo sờn rách. Cây bút chì ngắn hơn lông tay. Mẫu giấy từ bao thuốc lá đen. Và thơ. Và lang thang. Và rượu. Anh lang thang với đời và lang thang với chữ nghĩa trong cái tận cùng khôn*

nạn..

Lâm Anh, nhà thơ, cùng thời với Phan Nhựt Thức trong Mặt Đất. Và hôm nay, vẫn còn lại mình anh lang thang trên quê nhà.

Trong TQBT 11, bài thơ : *Tìm Người Hiền Trong Suối Côi Xuân Thu*. Bài thơ này Lâm Anh viết tặng cho NLU. Và những số TQBT kế tiếp, những bài thơ của anh được gởi ra cho chúng tôi mãi đến hôm nay.

Sau khi TQBT đi bài thơ đầu tiên nhận được, cùng vài dòng viết của Ng~ về Lâm Anh, thì một độc giả rất quen thuộc với TQBT là chị X.H ở Nam Cali đã cảm kích . Và, chị đã “ âm thầm ” làm một nghĩa cử với một tấm lòng rất đáng trân quý với một nhà thơ cũ, gởi về anh một món quà để anh vui và như nói lên, dù ở xa, nhưng bên anh, vẫn còn có những độc giả luôn luôn nghĩ đến các anh.... Tấm lòng ấy của chị X.H thật cao quý. Và, nhà thơ Lâm Anh đã cảm ơn chị X.H. Đồng thời gởi qua chị một trang phóng sự viết về anh - báo trong nước- (tác giả viết bài phóng sự này, có lẽ, cũng là một người hàng yêu thơ của anh trước đây chăng??).

Trang báo, cũng đi vòng vo từ một vùng đất xa xôi (quê nhà) đến nam Cali- chị X.H. Rồi từ nam Cali lại đến New Jersey- THT- . Rồi từ NJ bay về nơi tôi ở, có lẽ cũng hơn hai tháng. Đọc bài viết, tôi mới biết thêm nơi vùng kinh tế mới ấy, nay là quận Cát Tiên: nơi mà cư dân Quảng Ngãi đã bị đưa đi kinh tế sau tháng tư năm 1975; mà theo bài phóng sự viết là: cư dân Quảng Ngãi cùng phiêu bạt kiếm ăn ở vùng vốn là rừng núi bên sông Đồng Nai. Làm sao mà bỏ nhà bỏ cửa để “ phiêu

bạt ” lên sống trên vùng đất mà chung quanh chỉ có núi và rừng. Nhà không có. Hai bàn tay hoàn toàn trắng! Thì làm sao gọi là cư dân Quảng Ngãi cùng phiêu bạt? Nếu không là đối tượng của “ chế độ mới ” của những ngày hôm ấy...

Trong bài báo, tác giả bài phóng sự viết: “Lại dốc, chiếc mô tô của tôi gài số leo dốc, bất ngờ cả một lòng chảo lớn hiện ra...hàng trăm quả núi dất dứu nhau khếp kín thành một vòng tròn khổng lồ. Tôi chưa bao giờ được lọt vào giữa một cánh đồng bị núi bao quanh như vậy...”

Như thế đủ biết cơ mang nào cực khổ hơn cho anh lúc đầu và ngay bây giờ... Và cuối cùng, tác giả bài phóng sự cũng tìm ra được nhà của nhà thơ Lâm Anh. Tuy không có anh ở nhà, nhưng vợ và đứa con gái của anh tiếp khách với một món thịt gà....sợ bị dịch, lây lan mà phải giết để ăn thịt. Và, qua bài báo, chúng tôi cũng biết thêm đứa con gái đầu của Lâm Anh cũng là nhà thơ như bố cháu.(Nguyễn Lâm Tây Hà).

Với một chỗ cư trú mới, mà người ta gọi là: kinh tế mới. Nhìn quanh, chỉ có núi và núi bao quanh, 29 năm qua sau tháng tư năm 1975, Lâm Anh cùng với những người dân xứ Quảng, mà chính quyền mới gọi là đối tượng ấy, phải bỏ nhà, bỏ phố mà đi nơi khác ở, dưới sự chỉ định của chánh quyền. 29 năm qua, anh và gia đình vẫn bám trụ ở đó; Vì sao? Lâm Anh là một người lính cũ.

Đọc bài thơ của anh trong tập thơ viết tay với một nét bút rất phóng khoáng, nơi trang đầu, bài thơ: Con Thú Hoang (xin trích) để chúng ta cùng đọc :

*“ Con thú hoang
Lạc vào rừng lạ
Rừng lạ và thú hoang
Nhập vào nhau
Nhập vào nhau để lạc nhau
Để trở lại ban đầu
Có thể thú hoang nhớ mẹ
Có thể rừng lạ nhớ nguồn
Và từ đó ra sông
Chảy vào chảy
Và từ đó đến biển
Sóng dập sóng
Từ đó thơ gặp tôi
Để được ở tù và để chết
Để được hồi sinh và hóa kiếp
Trở lại với thú hoang
Trở lại lạc rừng*

Cánh rừng và đồi núi là nơi gia đình anh sinh sống. Còn anh, nói như NG~ là: vẫn lang thang với đời và với thơ. Lang thang trên quê hương không còn chốn dung thân.

Nhận được tin anh, và đọc được bài phóng sự trên trang báo gửi từ trong nước ra, chúng tôi tiếp bước con đường của người- độc- giả- bạn ở Nam Cali - chị X.H - kêu gọi lòng hảo tâm của anh chị em trong và ngoài nhóm chủ trương. Và, qua lời kêu gọi ấy, chúng tôi được sự đồng tình giúp đỡ của những anh chị em - cầm bút hay không cầm bút - giúp đỡ với một tấm lòng thật cao quý. Để gửi về anh.

Qua bài viết này, thay mặt anh em trong nhóm chủ

trưởng TQBT xin thành thật biết ơn các bạn. Và, cũng nhờ người bạn Ng~ một thành viên trong nhóm, đã chuyển về anh một món quà. Dù không lớn, nhưng là một tấm lòng của những anh chị em cầm bút hải ngoại, luôn luôn lúc nào cũng nghĩ về anh Lâm Anh. (trong số này: TQBT 14, chúng tôi đi 2 bài thơ mới nhất của anh, do anh Ng~ mới gửi ra).

Nói với Ng~

Bạn ở trong nước, vừa mới trải qua một cơn bệnh, dù không nặng lắm, nhưng tôi và anh em trong TQBT vẫn lo. Lo ngày, lo đêm. Nay nghe bạn nói là đã đi khám bác sĩ trở lại - tái khám- . Bác sĩ bảo bạn là: sức khỏe đã khá. Tôi mừng.

Mừng cho bạn là sức khỏe đã phục hồi và khá hơn trong năm. Nhưng bên này, bọn mình lại cũng có tin buồn. Cũng như: một con ngựa ốm, cả tàu không ăn cỏ ấy mà. Và, cũng là một tin buồn đến với bạn.

Số là, trong tháng giêng năm 2004, nhằm ngày 28 tháng chạp năm Quý Mùi thân mẫu của anh Nguyễn Công Danh (nhà thơ Nguyễn Cát Đông mà một thời với bọn mình trước 1975- nay là nhà văn Trần Bang Thạch -) cũng là một khóa SVSQ/ĐB với bạn đã mãn phần ở Cần Thơ - Việt Nam - Cụ bà hưởng thọ 88 tuổi.

Tôi nhận được tin buồn này là do anh THT gọi điện thoại qua cho hay. Thay mặt bạn bè cầm bút trong và ngoài nước xin chia buồn cùng anh chị Nguyễn Công Danh và các cháu. Trong đó có anh em cầm bút cũ, gồm: Trần Hoài Thư, Hải Phương, Nguyễn Lệ Uyên,

Phạm Văn Nhân, Ngô Nguyên Nghiễm, Nguyễn Đức Nhơn, Cao Vị Khanh, Nguyên Minh, Lữ Kiều, Từ Thế Mộng, Lê Ký Thương... Và những người bạn Kiêm Anh+ Bảo, Lâm Hường + Hùng, và chú Minh (Canada)...Nguyễn hương linh cụ bà sớm về cõi Phật.

Với nỗi buồn lớn lao ấy của anh chị Trần Bang Thạch. Tôi xin trích bốn câu thơ của Kiều Mộng Hà, cùng quê với anh để chia sẻ nỗi mất mát lớn lao ấy:

“ Long Thạnh xẻ buồn cùng Bang Thạch ()*

Nỗi đau vừa rụng trái đầu năm

Nạn tai lớn nhất anh vừa nhận

Mẹ mất, đời như vắng ánh trăng

(*)Với bốn câu thơ trên, anh em chủ trương TQBT cũng biết thêm Bang Thạch (bút hiệu của anh sau này) cũng còn được gọi cho xã Long Thạch, mà thân mẫu anh vừa nằm xuống.

Và, trong bài thơ: Mẹ nát cánh cò mà anh đã làm trước đây. Tôi xin trích bốn câu , để nghe anh nói về mẹ:

...Có bao nhiêu những tia nắng lụa

rớt xuống đời mẹ hơn tám mươi năm

có mấy mươi ngàn cơn bão lửa

đốt lần hồi đáng mẹ giữa nhân gian

....

Hẹn bạn Ng~ thư vào số tới. TQBT 15.

Rong bút

Trần Hoài Thư

Những ngày chuẩn bị cho một cuộc xuất quân. Từ mặt trận tiền phương ở Amarillo heo hút thuộc TX, "tiểu

đoàn trưởng" PVN, người có nhiệm vụ về nội dung bài vở cho TQBT, đã bắt đầu hối thúc những lão "đơn vị trưởng" ở Motreal Canada, Houston TX, New Jersey và trong nước về những món nợ định kỳ. Đó là những trang Viết Chung.

Viết Chung. Hình như hai tiếng này có vẻ không rõ ràng lắm. Viết về một đề tài chung hay cùng chung nhau viết, bất kể, tự do, tha hồ phóng bút. Miễn là liên hệ đến văn chương ?

Có lẽ lối giải thích thứ hai mới thích hợp cho những trang Viết chung này. Và tôi thích đổi hai chữ Viết Chung này thành Trang Chung. Nhưng tôi phải chấp nhận đa số. Hơn nữa đã 14 số phát hành. Người đọc yêu mến, và nó đã trở thành một thông lệ.

Bởi vậy, tôi phải chọn hai chữ Rong Bút làm của riêng mình. Như Trần Bang Thạch có mục riêng Thư viết từ Houston hay Phạm văn Nhân có mục Thư gửi bạn....

Và 14 tập với 14 mục Viết Chung đã hiện diện. Người viết vẫn không thay đổi. Có Ng~. Có THT, TBT, CVK, PVN, những cây viết chủ lực, và cũng là những cột trụ chánh cho mái nhà TQBT. Hơn hai năm, chúng tôi vẫn có mặt bên nhau. Cùng nhau chung lưng gầy dựng.

Chỉ có hơn hai năm mà niềm vui không sao kể xiết. Không thể ngờ chúng tôi đã cho ra đời được 14 đứa con tinh thần. Thêm vào đó là những tác phẩm của thân hữu, với 4 tác phẩm từ trong nước gửi ra, nhờ chúng tôi in hoặc tái bản để tặng thân hữu ngoài nước. Cần phải nói thêm, không phải chúng tôi tái bản mà lại in nguyên gốc, gồm cả những bài đã bị kiểm duyệt đục bỏ hay cấm đoán. Chỉ có tuyển tập 18 tác giả trong và ngoài nước,

chúng tôi bán để lấy tiền làm quà tặng anh em xa cách... Và mới nhất trong tháng hai chúng tôi đã cho ra lò Mầu Thời Gian của Phạm văn Nhân, và Tuyển tập thơ của bảy tác giả trong và ngoài nước (Bìa sách được in ở trang bìa sau cùng) và cùng với ít anh em bằng hữu góp chút quà gửi về bạn bè lận đận.

Chỉ có hai năm họp mặt dưới một mái nhà mà anh em vui như vậy, hưởng hồ bốn mươi năm làm văn nghệ lâu bền thì nỗi vui mừng to lớn biết chừng nào. Tôi muốn nói đến nhóm Ý Thức ở quê nhà.

Không thể ngờ có một nhóm văn nghệ cách đây 40 năm hơn, từ những trang giấy chép tay chuyển nhau đọc, rồi lập tờ báo quay bằng roneo, rồi có cơ sở, máy in màu hiện đại, hệ thống phát hành riêng, và có bán nguyệt san ra định kỳ trước 1975, rồi bị chiếm đoạt, tịch thu, người trong nhóm kẻ vào trại cải tạo, người thì đi kinh tế mới, ngỡ như không còn để ngồi lại, dù chỉ là ngồi lại trên những trang chữ nghĩa... Thế mà bây giờ họ đã ngồi thật. Ngồi quanh cái bàn tròn văn chương khi tóc họ đã bạc, khi ai nấy đều có cháu nội ngoại. Để lại tham dự cuộc chơi với đời, với bạn, với người yêu, với những mùa giông bão...

Nói đến những nhóm làm nên những hiện tượng văn học thời trước 1975, người ta chỉ nhắc đến Hiện đại, Sáng Tạo, Thế Kỷ 20 và trước hơn nữa là Tự Lực Văn đoàn... Thử hỏi có nhóm nào tồn tại hơn hai mươi năm, chứ nói gì đến 40 năm, và bây giờ họ vẫn tiếp tục ngồi chung lại với nhau... Có người chỉ nghĩ đến những cây viết bề thế của nhóm hơn là chiều dài thời gian, nhưng thử hỏi có ai đọc được những câu thơ sau đây trước năm 1975:

*Biên cương, biên cương, chào biên cương. Chào núi cao
rừng thẳm nhiều như rừng. Máu đã nuôi rừng xanh xanh
ngất.Núi chập chùng như dãy mồ chôn...*

*...Ngày về: hôn lễ hay tang lễ? Hết chi buổi chinh chiến
tang thương. Hết chi kiếp cây rừng đá núi. Nghìn năm
hồn quanh quẩn biên cương.*

Anh Trần Bang Thạch đã phải thốt:Thơ hay như vậy mà
32 năm sau khi tác giả Phạm Ngọc Lư viết, sau khi
TQBT 13 tới tôi và tới bạn, mình mới đọc được!

Vì sao. Vì thế hệ của chúng tôi là thế hệ nạn nhân nói
như ý Lữ Kiều thế hệ bị lịch sử đưa đẩy chứ không phải
thế hệ làm nên lịch sử. Chúng tôi bị thua thiệt đủ điều.
Chiến tranh đã làm chúng tôi xa thành phố xa Sài Gòn.
Chiến tranh đã không cho chúng tôi có cơ hội làm báo
chí văn học. Và cũng vì chiến tranh khiến chúng tôi phải
lệ thuộc vào ý thích của chủ bút hay tổng thư ký tòa
soạn. Họ có quyền ném bài chúng tôi vào sọt rác !

Đó là một vài yếu tố trong trăm ngàn lý do để một số
anh em tài hoa văn chương bỏ cuộc bỏ viết nửa chừng.
Rồi sau 1975, chắc ít ai còn nghĩ đến chuyện làm văn
học nữa. Có người bỏ bút chuyển qua hội họa. Trong
bài viết của Nguyên Minh, người đầu tàu của nhóm Ý
Thức, anh kể về một người bạn nhà văn, viết kịch nay
bỏ bút và vẽ:

*"... Anh trút nỗi đau đó lên những bức tranh mặt người,
những chiếc mặt nạ mà thế hệ chúng tôi đã phải mang
theo suốt cả cuộc đời, chừng nào nó rơi xuống mới lộ ra
được những khuôn mặt thật của đời mình..."*

Bởi vậy, khi nhận tờ Ý Thức Bản Thảo tập 6, tôi vừa bùi ngùi vừa thương anh em, và ngưỡng phục họ. Họ lại trở về mái nhà xưa. Mái nhà mà họ đã thấy những bước đầu đời và bây giờ nó lại thấy những bước chân già nua gập trúc. Nó vẫn không thay đổi. Cũng như Thư Quán Bản Thảo, tạp chí của họ là Ý Thức Bản Thảo. Có nghĩa chỉ là bản thảo mà thôi. Mà bản thảo thì chỉ là của tạm. Chỉ có tình nghĩa là trên hết.

Xin mời quý bạn đọc văn và thơ của họ trên tập này. (Nguyên Minh, Lữ Kiêu, Lữ Quỳnh, Lê Ký Thương, Đỗ Hồng Ngọc (Đỗ Nghê), Nguyễn Lệ Uyên, Phạm Ngọc Lữ...).

Lâm Anh

Du tử ca

Du tử một thời xiu lạc ngựa
Ghìem chân đau lòng vẫn thẳng dây cương
Dưới chân núi đã thấy mình trên đỉnh
Đứng giang tay cười nói với muôn phương

Rồi cúi hỏi núi chờ ai mà đứng
Đã nghìn thu lắm bão lắm sương
Ta cũng vậy, tìm ai trong bụi cát
Mà hần sâu vó ngựa khắp đua trường

Em có phải là sông dài biển rộng
Ta lỡ nhăm cây cỏ bước chân qua
Em có phải một thời dâng rượu tiễn
Ta lỡ nhăm bóng thiên lý bay qua

Khi du tử mở tay nhìn chiến quốc
Bỗng sắc cười trợn pháp thuở xuân thu
Biết đã lỡ một thời xiu lạc ngựa
Vẫn vung gươm chém nát mặt trời mù

Nếu Dịch Thủy còn là sông tiễn khách
Về đi thôi xin trở lại với nguồn
Ta sẽ thay mặt những người viết sử
Viết vào đời bằng những đường gươm

Cái thất thế không phải là thua cuộc

Bởi người mù cũng sáng giữa tối tăm
Cái thất thế như mặt trời đã lặn
Chờ những giờ trở lại với bình minh

Du tử hê... thiên thu bất tử
Ghìm chân đau lòng vẫn thẳng dây cương
Du tử hê... thiên thu bất tử...
Phía sau còn dính trong chân ngựa
Phía trước đành thất hẹn với em.
(Trích *Quá Giang Thuyền Ngược*)

Tứ tuyệt chiều

Ngang qua phố cổ chiều thu muộn
Lất phất mưa bay nóc giáo đường
Trong lòng như có con chiến chiến
Lót tổ giùm tôi trong tiếng chuông!

Chiều diễm vào những ô vuông
Vàng màu hư ảo buồn buồn vu vơ
Phải chăng từ một xa mờ
Em gom hết nắng vào mơ của mình

Chiều đầy thuyền... Thuyền xa bến đậu
Bến đậu chiều mây nước mênh mông
Nón cời ngư phủ treo trên lưới
Như giữ chiều ở lại với sông

Nếu vì đêm mà chiều về mau
Cổng trường vẫn chỉ một màu trắng thôi
Nếu vì sương mà chiều xuống đôi

Sẽ không giấu hết hồn tôi dưới chiều!

(Trích Quía Giang Thuyền Ngược)

Nhà thơ Lâm Anh, sinh năm 1942 tại làng Ba La, tỉnh Quảng Ngãi. Sau tháng tư năm 1975, anh và gia đình bị đưa đi vùng kinh tế mới (đối tượng) cùng với nhiều gia đình khác. Nơi anh đến lập nghiệp là một khu rừng heo hút thuộc quận Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng. Anh đã công cuộc đời tơi tả trên vai, công thêm gánh thơ dưới đôi bàn chân nứt nẻ vào vùng đất trich để nghe nước hú và để nghe nước lũ xán xuống ngôi làng “ kinh tế mới ” của những người dân cùng quê với anh, trơ trọi sạn đá (đọc bài thơ: Con Thú Hoang trong bài viết chung). Bỏ lại nơi chôn nhau cắt rốn xa vời được thì thầm gọi tên, cho nên lâu dần thành làng Quảng Ngãi cho đỡ nhớ những viên đường phố ngọt thơm từ thuở ấu thơ cho đến ngày bạc đầu.

Ngâm người trong cảnh đời trầm luân như vậy, đã biến anh thành một kẻ “ mộng du ” trên quê hương. Thơ và Rượu và Lang thang và Khổ đau và Hạnh phúc chen lẫn trong anh như đồng bụi nhùi nhân thế?

Bốn (4) tập thơ. Một (1) tập truyện ngắn. Một (1) tập truyện dài như một tác lòng để anh tạ lỗi với Đời, với Vợ con, với Bạn bè vẫn nằm im lìm, lạnh giá trong khu núi rừng trùng điệp của Cát Tiên.

Cảm ơn anh Lâm Anh đã gởi ra cho TQBT những bài thơ, mà: “....Khi du tử mở tay nhìn chiếc quốc.

Bỗng sắc cười trần pháp thuở xuân thu.

Biết đã lỡ một thời xiêu lạc ngựa.

Vẫn vung gươm chém nát mặt trời mù ” (TQBT)

Nguyễn Lệ Uyên

Chiếc ly vỡ

“ Tôi nức nở giữa trời mưa bão ”

Trần Dần

NGỌN GIÓ QUẤT VÀO MẶT THẠCH NHƯ THỂ những đường gươm lia ngang, rạch sâu xuống mặt cát. Gió quay tít trên đỉnh cao. Gió xoáy tròn dưới chân dốc. Bụi cát trộn lẫn với lá cây khô, cuốn cao mù mịt làm Thạch chóng mặt. Anh có cảm giác như mình đang dò dẫm từng bước chân xiêu lả trong thung lũng tràn bão cát, xô đẩy, va đập, dấn xé. Trước mặt anh là những lùm cỏ cao quá đầu. Những sợi dây mây vắt chông chéo, chằng chịt che khuất cả những lối mòn. Thạch chệnh vênh, nghiêng ngã. Mảnh áo bắt đầu sượt rách tơ tã. Những sợi vải màu ô liu xoe xay trong gió cát, nom hắt hiu như ngọn cờ bại trận. Tóc rối nùi, khô cứng bụi đường.

Dưới chân đồi, cánh đồng đang bắt đầu khô cháy trong những đợt bão cát thổi dồn dập. Những đường bờ ruộng chằng chéo trước mặt không đủ cao để cản ngăn những cơn gió cuồng bạo. Những cuống rạ, cây cỏ bị đè ép sát mặt đất. Thạch chệnh vênh bên sườn dốc đá, đưa tay xoa xoa trên mu mắt, cố đẩy cơn buồn ngủ và sự mệt mỏi ra ngoài cơ thể. Đoạn đường vẫn xa tít mù. Rừng núi vẫn bất bưng, vẫn tiếp tục trói chặt những bước chân bắt đầu xiêu vẹo của anh. Những giọt nước cuối cùng trong chiếc bi đông đã dốc ngược từ lâu. Cổ họng khô

khốc đắng. Bụng réo cồn cào bên những hốc đá, lùm bụi ngủ vùi trong những cơn đói lả bị dựng ngược dữ dội mỗi khi có cành cây, bụi cỏ chìa ngang níu quẹt hai ống quần tới tởm. Mỗi ngày qua, mỗi bước chân lê tiếp về phía trước là nỗi hoang mang tột cùng, sợ hãi tột cùng; là sự vắt kiệt sức lực. Thạch lê bằng cả đôi chân rồi tiếp sức bằng cả đôi bàn tay run rẩy để bò, để lết trên mông quần rách toạt mà không dám ngoái nhìn lại phía sau. Chỉ mới chạm khẽ những ý nghĩ đến sợi dây xích khóa chặt chân tay, nghĩ đến chiếc lô cốt ngoài vòng rào kẽm gai, cùng những tiếng rên rỉ đứt quãng và những tiếng súng từ phía ngoài rừng lia dội vào Thạch cảm thấy như nỗi oan nghiệt chưa chịu buông tha bọn anh. Vuột được ra khỏi căn hầm chết chóc đó, anh chạy như bay như biến trong bóng tối, chạy trên bãi mìn, chạy trên những hố chông, chạy xé đường gai với một niềm hy vọng thật mong manh để níu lấy sự sống khốn cùng.

Sự khốn cùng đó đã đưa anh ra khỏi khu vực chết như một phép màu của bà tiên nhân ái, để giờ đây anh đi và bò và lết và chân tay tóe máu, buồn như cánh đồng hiu quạnh.

Đêm dày đặc. Đêm mịt mùng cam bầy. Đêm leng keng tiếng kiếng đổi canh. Đêm hắt hiu và đêm truy lùng nào nuốt vọng theo.

Giờ phút này, sau bao nhiêu ngày đêm trốn chạy không còn nhớ, anh bắt đầu ao ước, bắt đầu hy vọng. Niềm hạnh phúc lớn nhất đối với anh là nghe được tiếng chó sủa vu vơ đâu đó, là tiếng gà te tát trên róng chuồng gia súc. Hai tai anh có vẻ như dài ra để đón nghe những âm thanh quen thuộc đã bị nhấn lút trong khói đạn bom. Nhưng không có gì hết. Duy nhất bóng tối vây phủ trùng

trùng quanh anh. Những giây phút tự do Thạch vừa giành lại được có vẻ mong manh như khói, như sương, không thật. Tự dưng nước mắt anh chảy xuống, mặn chát những tủi cực, cay đắng của cuộc đời. Anh đưa tay dụi mắt, song chỉ có những cảm giác tê tê như có lần anh bóp tan đầu thuốc cháy trước mặt viên sĩ quan huấn luyện. Người ta đã ném anh như ném một xác súc vật vào cô-nét. Trọng cấm bảy ngày là bảy ngày ngụ cư nơi thiên đường bình an, nhưng đổi lại là những nhục hình ngày bốn bận, là bò là lặn, cởi quần, mặc áo y hệt chiếc máy đang quay không biết mệt mỏi, giả bộ bình thần như thể ăn cơm, uống nước. Và cũng bình thần như cả một thể hệ của anh phải gánh chịu những tai ương giáng xuống trần gian.

Cơn bão cát dữ dần. Những vì sao cố xé màn đêm và tầng bụi mờ dọi xuống yếu ớt chút sinh lực tàn kiệt. Trước mặt vẫn là những lùm cây đen đậm đặc. Bốn phương tám hướng tối thẫm trong chiếc bình nhét chặt nút, kín bưng. Đây là xóm làng? Đây là tiếng khóc, những khuôn mặt trẻ thơ, già nua bên tao vống? Má ơi! Con đang tìm đường về với má đây. Nỗi mong chờ nhớ thương ngút mắt. Nỗi lo sợ phập phồng. Những ảo giác về một sợi khói nấu cơm chiều bên chái bếp tranh nghèo, những âm khúc nhạt nhòa héo, nhạt nhòa tàn của chiếc ống tiêu trên lưng trâu như chuyển cảm ứng tới anh thêm sức mạnh. Thạch cố nhấc bàn chân rã rệu thả trên bờ ruộng hẹp và nghe thấy như chính những bước thả ấy rơi vào lỗ trống không. Trong khi con đường không có lối thì như sợi dây cao su kéo dài đến vô tận, vô cùng. Mắt Thạch mờ đi. Anh lả ngất trong cơn sốt chói rực vàng, rực đỏ và đen trộn lẫn.

NGƯỜI ĐÀN BÀ.

Nó đi từ đó tới nay những bốn năm. Mừng 5 tết, nó ôm xách lên tàu làm tôi rớt nước mắt. Chiếc áo trắng năm cuối cùng ở đại học, đôi giày há mõm, chiếc quần ka ki sờn cũ, bạc phếch. Nó cố tạo vẻ mặt lạnh lùng, thật sắc để giấu mẹ nó. Nhưng làm sao nó có thể giấu được mẹ nó chị nhỉ? Tôi thai mang, sinh dưỡng ra nó. Tôi nuôi nấng nó từng giấc ngủ, từng củ lang củ sắn nên biết con mình hơn ai hết, biết từ khi mới hoài thai cho tới khi nó là thằng đàn ông. Hừừ... đã bốn năm rồi. Nó đi từ ngày đầu mùa xuân, có hoa nở rộ, có tiếng reo vui của đám trẻ con xúng xính quần áo mới tung tăng ngoài đường lộ. Nhưng màu trời thì xám u xám buồn – Người đàn bà chỉ nói được chừng đó. Nước mắt ràn rụa, uất nghẹn.

Chị nên giữ gìn sức khỏe. Tôi chắc sớm muộn gì nó cũng về, nhất định nó sẽ trở về với chị – Bà bạn già an ủi.

Nó về thiệt à? Có phải bước chân nó đang khua động ngoài kia không, ngoài chỗ có hàng mận nở bông trắng xóa mùa tháng tư mà nó vẫn thường hay ngồi? Nó về? Không đâu. Người ta đã bắt nó, đã ấn cây súng vào tay nó, bắt nó làm một con người khác, gồm giết, tội lỗi. Người ta đã biến nó thành kẻ giết người. Xác nó đang vất trôi ở bờ bụi nào ấy mà. Đi bốn năm biệt biệt. Không trở về, không một mẫu giấy con. Nó chết rồi. Chết thật rồi sao?

Chị đừng nghĩ bậy. Không đâu. Nó không bao giờ chết được. Nó sẽ về.

Người đàn bà chợt òa khóc. Tiếng khóc nghẹn ngào bị giữ lại trong cổ họng như có bàn tay vô hình bóp chặt, ấn xuống rồi thả ra, một động tác duy nhất liên tục. Nước mắt lăn xuống má, xuống cằm, rớt tròn xuống đôi

vú lép kẹp. Người đàn bà chột bật dậy, bước loanh quanh như kẻ bị mộng du.

Tôi biết nó chứ. Nó là con tôi khi vừa mới hoài thai. Sinh ra, da nó vàng ệch như cha nó, ông nó. Cho đến khi lớn lên thì nó lại biến thành con của người khác, không còn là con tôi. Hoàn toàn xa lạ. Nó vượt ra khỏi căn nhà, khu vườn này rồi. Người ta đưa nó đi những đâu? Ở bờ bụi hóc hẻm nào? Sao lại ác độc biến nó thành kẻ sát nhân? Chị có an ủi cũng bằng thừa. Có lẽ tôi phải cứng để nó có cái mà ăn. Tôi làm mẹ. Tôi không thể bỏ nó thành con ma đói dầu tôi thừa biết người ta đã nhét vào miệng nó nào thịt nào cá, nào sữa nào rượu ê hề chỉ để làm một việc tàn ác duy nhất: giết người!... Mẹ thương con như tấm lòng của trời của biển mà. Những hôm trái gió trở trời, tôi tìm củ sả đập dập quệt lên trán nó. Những đêm trở lạnh, má thức dậy đi tìm tấm màn đắp thêm cho con. Nhưng chiếc giường thì trống trơn. Má cứ ngỡ là con đi chơi rong rải đâu đó với đám bạn bè. Má ngồi đợi tới sáng, tới trưa. Chiều xuống con vẫn biệt tăm, chỉ có bóng tối thù lu trườn vào nhà, lạnh ngắt như hơi đồng, da răn. Rồi nắng lên. Nắng trải vàng trên sân cỏ. Nắng ngã trong kẽ lá, rụng xuống nền đất thô cứng như lòng má võ vụn, tan ra thành từng mảnh nhỏ... Bây giờ con tôi là ai?... Là ai?...

ĐÁM ĐÔNG

Tôi quả quyết với cậu nó sẽ là vị anh hùng của phần đất này. Sống gần với nó lâu năm, tôi biết. Với mẫu người đó, tôi đoán chắc không một ai trong chúng ta có thể so sánh được. Nó như một ông tướng oai hùng thời Chiến Quốc. Một lời nói vút ra như đường gươm xé trong không.

Nào, chúng ta hãy nâng ly uống mừng kẻ vắng mặt!
Nào, xin mời! Chúng tao trân trọng nâng ly chúc mừng
mày, thằng anh hùng!

Cả bọn ồn ào. Những chiếc cốc thủy tinh sóng sánh màu
rượu hổ phách nâng cao ngang mày. Những cặp mắt
nhắm tít. Những chiếc miệng há rộng như mõm con trâu
nước, hở những hàm răng trắng hếu, những hàm răng
vàng xỉn, chân răng đóng đầy cặn bọt. Quán thực ồn.
Những tiếng ồn thô tục chối tai, nhưng không phải là
tiếng ồn của đạn bom gào réo. Hoàn toàn yên tĩnh, an
toàn.

Một đám khách ngồi trong góc khuất không lấy gì làm
thích thú khi nhìn đám người trẻ tuổi đang hươ chân múa
tay bên ngoài kia. Một người trong bọn móc bật lửa
trong túi quần, xoay xoay mấy vòng trong lòng tay rồi
bất ngờ ném mạnh lên bàn thành tiếng khô gọn đanh.

Mẹ kiếp, ăn với chả uống! Toa thấy thời đại này có chó
đẻ không? Trâu ngựa nhảy lên làm người. Tụi trẻ con
đeo râu làm người lớn. Chúng ra cái vẻ kẻ cả, anh chị
bắt một điều phải thưa ông, hai điều phải bẩm ông.
Luân lý. Đạo đức. Trật tự xã hội. Quyền bình đẳng và
quyền loạn luân. Quyền nói phét và quyền nhét đầy túi.
Bợ đỡ và ca cẩm những điều không hề có trong văn hóa,
lịch sử dân tộc. Một lũ ngu xuẩn, thương vay khóc mướn
lập thuyết mặt vắn để nhấn chìm đất nước vào vũng
bùn. Thật buồn nôn. Bọn thổ tả đáng nguyên rủa... Hừ,
uống đi các toa, uống để quên đi cái khốn nạn tận cùng
khốn nạn của thời mặt vắn!

Cũng vắn những chiếc ly giơ lên. Cũng những chiếc
miệng ngoác ra cùng với những chiếc lưỡi thè dài liếm
cho tận hết những giọt rượu đắng nồng.

Hà... – Một người chồm hẳn lên bàn – Toa quên mẹ nó cái áp phe của bọn mình rồi?

Đồ đĩ, sao lại quên được cơ chứ. Còn dư thời giờ, toa vội gì. Uống cái đã. Uống hết chỗ này rồi vào Chợ Lớn tìm gái. Moa nghe thằng K. mách có mấy em ca ve từ Hồng Kông vừa sang?

Coi chừng mộng đít ghẻ ruồi của các em Hồng Kông!

Chỉ có mộng đít không thôi thì tốt rồi.

Mẹ ơi, toa say quá rồi!

Hê... hê...ê... đừng có giỡn mặt chớ các toa. Say thế chớ nào được mà say. Mình phải hành động để cho bọn trẻ biết mặt, phục lăn đám đại ca sồn sồn này mới được, không thể để bọn chúng coi thường. Nào, uống đi các toa. Cạn ly!

Sáu người đàn ông ồn ào nâng ly và cụng côm cốp và cười sặc sụa.

Ở bàn ngoài, đám thanh niên liếc nhìn vào, ném những cái nhìn, những nụ cười khẩy tỏ vẻ khinh bỉ. Một cái giọng nhừa nhựa, cố làm ra vẻ tỉnh táo, bắt đầu phều phào.

Tiền sư bố chúng nó. Các cậu có nhận thấy tụi già bây giờ bắt đầu trở chứng, hư đốn không nào? Chúng hấn là tụi đĩ bợm, lừa phỉnh vậy mà mở miệng ra nào là đạo đức, là tôn ti trật tự. Cả thế hệ mình bơ vơ, cơ cực cũng tại do bọn người khốn nạn đó đó.

Nhưng cậu nhắc đến để làm gì mới được cơ chứ? Kết án và chỉ trích bằng mồm thét đâm ra nhảm. Không lẽ đi thanh toán hết cả cái đám già còm, sệu sạo ấy? Mà cậu có can đảm cầm dao giết ông già cậu không đã?

Nếu thấy câ...â ần... – Gã thanh niên có khuôn mặt phì nộn nói và gục mặt xuống bàn kêu đánh cốp.

Ê, cậu làm cái con khỉ gì vậy?

Kệ mẹ nó.

Còn cậu, cậu làm thực?

Thực cái gì?

Đồ khỉ. Thôi được, cậu chạy giùm mình cái giấy đó chưa?

Giấy nào?

Trời đất! Cậu nhớ mình đã ba lần đưa cậu đi nhà hàng rồi đó nhé

A, rồi. Xin lỗi, thằng cha khốn nạn đó đòi chẵn một tề.

Mẹ kiếp, mắc thế. Đào đâu ra bây giờ?

Một triệu quăng ra để đổi lấy mạng sống. Dĩ nhiên cậu thích được gần vợ con hơn là phải ra mặt trận?

Chúng mày cứ cãi nhau ỏm tỏi. Vất. Nào chúng ta hãy nâng ly uống mừng kẻ vắng mặt.

Một triệu chưa thấm tháp vào đâu so với thời vận mặt này. Hay là cậu cũng thích ra mặt trận đội bom như những người hùng? Ôi chào, yên vị trong cái thành phố bình yên này vẫn là mơ ước của hàng ngàn người.

Chưa chắc ai hơn ai đâu nhé – Gã phì nộn vung nắm tay chưa lên khỏi mặt bàn và bắt đầu nôn ọe. Chiếc bàn rung lên từng cơn với gã, cùng nôn thốc tháo với gã. Rượu thịt trộn lẫn thành màu bầm huyết heo lầy nhầy tanh.

Cậu nói giúp với lão để thư thư. Lúc này mình kẹt. Cậu biết mà.

Thì cố lên. Mình nhớ loáng thoáng câu “Dieu est un homme heureux auprès de sa femme”. Của ai nhỉ?

Xừ, ai mà nhớ nổi.

Vậy mà cũng xưng là trí thức.

Cút. Uống đi tụi bay – Gã phì nộn cục cựa cùng với

đồng lầy nhầy trên bàn.

CĂN PHÒNG

Tấm vải trắng trên mặt nệm kéo thẳng. Người đàn bà mặc chiếc váy bằng voan trắng rất đĩ, rất gợi dục. Đôi mắt mụ khép hờ, làm như thể những sợi lông mi cong vuốt chống đỡ hai mí mắt vậy. Dáng nằm của con mụ đàn bà sắp sửa khỏa thân cùng căn phòng màu xanh nhạt, ngọn đèn ngủ lơ mờ khiến người đàn ông hơi chột dạ, hơi mất bình tĩnh. Hắn ta ngồi ké bên mép giường, tay mân mê những sợi tóc lòa xòa của con mụ đàn bà đi thõa. Trong thâm tâm, hắn tự thú nhận rằng hắn sẽ đến phát điên nếu con mụ này biến mất khỏi cuộc đời hắn. Hắn cũng thừa nhận trong đời chưa ai làm tình tuyệt vời như con mụ này. Đã đành mụ đẹp rực rỡ, đẹp kiêu kỳ, đẹp đến não lòng, nhưng khi đã ôm quấn lấy, hắn như nghe thên thang một ngón đàn của người xưa vọng về theo từng những cái ve vuốt của mụ.

Hơi thở của người đàn bà thoảng qua mũi hắn, gây gây mùi cổ đại và mùi của những cánh hoa tím muốt mọc trên sườn đồi, nơi hắn từng dẫn toán quân qua lại nhiều lần. Không kềm được lòng, một sự rung động theo bản năng, hắn cúi xuống hôn người đàn bà, như say như đắm, nhưng kỳ thực hắn cảm thấy toàn thân mình lạnh buốt nổi cô đơn, lạnh buốt vật vờ và cay đắng.

Anh làm em ngộp thở – Người đàn bà xô hắn ra và nói với giọng điệu hỗn hển của kẻ a tòng.

Không đâu. Anh yêu em.

Anh về được bao lâu?

Không rõ. Có thể ngay ngày mai. Có thể vĩnh viễn không bao giờ. Sẽ không còn ai có thể nhìn thấy anh nữa, kể cả em.

Sao thế nhỉ? Anh định trốn chạy à? Như vậy là anh sẽ mất một dịp tốt để gặp lại Hội.

Hội nào?

Ảnh về mang con theo ra Nha Trang cách đây hai ngày.

Có thể nay mai anh ta sẽ trở lại.

Ừ nhỉ. Có vẻ như ba đứa chúng ta nặng nợ với nhau?

Và em là kẻ khó xử nhất. Em như một con điểm.

A ha... – Người đàn ông cười ngật nghèo – Em là con điểm của anh và của ai nữa? Đúng rồi của Hội nào đó.

Và những Hội nào khác nữa?

Anh đừng day nghiến em.

Em biết là anh yêu em, yêu con mà?

Em không biết nó là con anh hay con của Hội. Nhưng chắc chắn nó là con em. Đôi lúc em cảm thấy buồn hết sức. Đời em nó hẩm hiu quá sức tưởng tượng. Càng gắng sống, em càng cảm thấy như mình đã chết, chết một cách nhục nhã. Em chỉ mong một ngày nào đó cả ba người chúng ta sẽ cùng gặp lại nhau trong căn nhà sát biển. Anh còn nhớ nó chứ?

Vâng, anh nhớ.

Bây giờ chúng ta phải làm gì?

Anh không còn đủ tỉnh táo để biết phải làm gì. Ngoài kia bom đạn vẫn trút xuống âm âm. Còn ở đây tuy yên ả, nhưng bom đạn vẫn cứ ùng ục xé nát lòng anh. Không bao giờ anh là kẻ giết người em hiểu chưa?

Không ai cầu mong điều đó xảy ra.

Anh hiểu.

Hoặc là chúng ta tiếp tục tạo ra ảo tưởng để tiếp tục sống một cách nhầy nhụa, hoặc phải có thái độ chọn lựa.

Em bảo chúng ta phải chọn lựa kiểu gì nữa đây, một khi

chúng ta bị xô vào vũng bùn, bị đưa vào cuộc chơi đầy trí trá? một trò chơi vô bổ, vô liêm sỉ.

Nghịch cảnh thì ở đâu và chỗ nào mà chả có: anh Biên mất tích, có thể là ảnh mang theo lời hô hào của đám sinh viên vào buồng, cũng có thể chiếc xe đồ chở ảnh bị nổ tan xác đâu đó ở một đoạn đường vắng.

Tội nghiệp Biên. Em đừng nhắc đến nó nữa. Anh điên mất.

Anh bình tĩnh đã nào. Cây cầu mà anh có lần bước qua cùng làng quê em đã tan nát như người ta băm rơm. Mẹ em chết vất vẻo trên ngọn cây. Bộ anh nghĩ em bình thần với chiến tranh sao?

Anh không nghĩ thế. Điều xác tín duy nhất anh không phải là kẻ giết người.

Người đàn bà bật khóc nức nở. Đôi vai trần nồn nuột rung lên.

Người đàn ông đi đi lại lại trong căn phòng hẹp.

Họ không nói gì với nhau.

Có vẻ như họ không muốn nói gì với nhau nữa.

Cả hai chỉ kịp nghe một tiếng nổ đánh khô, chất chứa và đường máu chảy dài trên mặt nệm trắng tinh biến thành vệt đen thẫm mà sau này các tay pháp y đến ghi ghi chép chép đầy trong hồ sơ dày cộp.

(Gửi Má, những ngày đã qua)

(Trích tạp chí Chính Văn, số 1 tháng 2/1972)

NLU

Phan Thị Ngôn Ngữ

Tình chị

Hàng cau chếch bóng sân nhà
Chiều chiều quét lá chị ra ngõ trời
Em từng đưa giạt muôn nơi
Thuyền đời một chiếc đầy vơi chị chèo.

Hầm hiu bên mái tranh nghèo
Buồng dừa chột trái – ao bèo lụi bông
Tháng giêng cây cải trở ngồng
Chị ngồi vắn tóc - ngó mong ngậm ngùi.

Ngày xưa dệt mộng lứa đôi
Dấu trong áo mỏng những lời gió trắng
Hôm nay quét lá tần ngần
Lẩn trong tiếng chổi – bước chân ai về.

Ngày xưa con gái chân què
Hoa cài – lượt giặt – thơ đề áo bay
Sớm hôm dỗ giấc mộng ngày
Chị tôi kim chỉ vá may khối tình.

Tưởng người sau cuộc viễn chinh
Chia vừng trăng sáng sân đình hát ca
Nào hay bóng ngã chiều tà
Chị tôi quảy gánh trầm kha một mình.

Nhánh tình sầu

Bên ai mùa còn xanh lá
Trong ta thu đã sang rồi
Sáng nay góc hồn lặng lẽ
Ngập ngừng chiếc lá vàng rơi.

Mùa hạ ơi đừng đi vội
Để ta về góc sân xưa
Nhón chân hái nhành phượng đỏ
Dấu trong trang sách hẹn hò.

Nhốt tiếng ve vào ngăn kéo
Giữ lời tình tự cho nhau
Lỡ mai dải dầu mưa nắng
Còn xanh một nhánh tình sầu.

Mang Viên Long

Giàn hoa Cát Đằng

ĐẾN Ở TRỌ HUỆ, MỘT TUẦN LỄ SAU TÔI MỚI “để ý” tới cái khung cửa sổ của căn nhà bên kia bờ rào. Nói là “để ý” là sau một tuần, chứ thật ra tôi đã thấy nó từ lúc ngồi vào bàn làm việc trong buổi chiều đầu tiên, vì cửa sổ tôi mở ra vườn đối diện với nó.

Đó là một khung cửa sổ khá lớn: hai cánh và chasn song sắt ngang, đều sơn màu xanh nước biển. Tấm màn mỏng che khuất nửa dưới có màu xanh da trời. Một khung cửa không có gì lạ hơn so với những cửa sổ khác.

Giữa khung cửa sổ và bờ rào rộng khoảng hơn ba mét ấy, là một giàn hoa có những sợi dây màu tím nhạt thông xuống, lủng lẳng, giống như những dây đèn hoa trong ngày lễ hội.

Tôi chỉ thấy có thế.

Một buổi sớm mai, đang ngồi viết tiếp đoạn cuối thiên phóng sự ngắn về “*vùng quê bên kia đèo núi Đó*”, kịp ghé toà soạn đưa cho Ngọc khi lên trường, thì tiếng nhạc bên kia cửa sổ đột nhiên vang dội “*say you will, say you will be mine, I just keep missing you tonight...*”, Tiếng nhạc âm vang, ồn ào. Tôi bỏ bút xuống, nhìn chăm chăm vào khung cửa sổ có ánh điện sáng; tức thì nghe những tiếng cười khanh khách vang lên, rất thích thú.

Tôi ngồi yên, đốt một điếu thuốc, thấy không cần viết tiếp nữa; lắng nghe bản nhạc. Tiếng hát khoẻ khoắn, réo gọi, tha thiết vang rền, gợi trong tôi bao xúc cảm

sâu lắng, “*won’t you be my guiding light, lead the way to be by your side, won’t you be...*”. Tôi chợt nhớ Thu Hương lạ lùng. Gì đây nàng làm gì ở cái tỉnh cuối miền đất nước xa xôi ấy? Đang cầm cùi trong phòng thí nghiệm bào chế, hay đang lay hoay trong một hiệu thuốc tây ở Sài Gòn? Những ngày còn là sinh viên, chính Thu Hương đã cho tôi nghe bài này đầu tiên, chép lời dạy cho tôi hát: “*I need you than a noon light, say you will...*”.

Khoảng vài phút sau, tiếng vang dội của âm thanh, tiếng hát Henry Trúc bỗng lại lắng xuống, nhỏ dần. Tôi nhìn thấy vài ba cái đầu tóc xoã nhô lên từ sau bức rèm cửa, Tiếng cười vang lên, rộn rã, hồn nhiên.

Từ buổi sáng sớm hôm ấy, lời réo gọi “*say you will*”, mỗi lần trở về phòng ngồi vào bàn, là tôi nhìn vào khung cửa sổ ấy. Tôi nhìn nó, như một hình ảnh thân quen; có lúc rất chăm chú như xem một bức tranh đẹp. Đó là một tấm tranh lớn, vẽ những chùm dây hoa màu tím nhạt, sáu cánh, nhụy vàng, thả xuống từ đám lá hình bầu tròn màu xanh; phía sau nền là một khung cửa sổ lớn màu xanh da trời...

Tôi vừa qua một ngày dạy đến bảy tiết, cảm thấy thấm mệt, muốn ở ngoài vườn một chút cho mát. Tôi thăm phục Quảng, từ sáng đến tối – không kể là ngày chủ nhật – bao giờ cũng có lớp dạy. Quảng thuộc lớp “đàn anh”, đã có vợ con, nhưng sức dạy của anh phải nói là vô địch trong thị xã này. Anh dạy toán, được nhiều lớp học sinh luyện thi vào đại học khen hay, có nhiệt tình, có nhiều học sinh thi đỗ; khiến anh thêm mệt, ốm đi. Tôi thầm nghĩ: “có lẽ vì mới ra trường, chưa có khả năng chịu đựng, làm quen, hay là mình chưa có những

cái “kẹt” như Quảng đã tâm sự?”. Muốn dạy một tháng có trên một triệu đồng, thì cũng phải bẻ mình, bỏ ăn. Phờ phạc râu tóc. Cái nghề mà thuở xưa gọi là “*bán cháo phổi*” ấy quả thật khó mà dư dả, giàu có được. “Hai lá phổi có to lắm đâu mà bán hoài không mất?”, Quảng đặc kêu lên như thế.

Đang đi thơ thẩn bên này bờ rào, tôi thấy một cô gái mặc áo dài trắng dắt xe đạp vào cổng, đi dưới hàng hoa tím. Những dây hoa sà xuống, đụng vào mái tóc, nên cô ta hơi cúi đầu thấp. Hay cô bé cũng nhìn thấy tôi?

-Cô bé, cho anh hỏi thăm một chút – tôi gọi tự nhiên qua bờ rào cây duối cắt ngọn, giọng thân mật. Nhìn thấy màu đỏ tẩm huy hiệu tên trường, tôi biết được cô bé học lớp mười hai, trường Nguyễn Huệ.

Cô ta ngừng bước, đầu hơi quay lại; chiếc nón cầm ở tay trước guidon xe chột rơi xuống.

-Chú hỏi ai? – giọng cô bé rất khẽ.

-Tôi hỏi cô bé...

-Hỏi tôi? – cô ta lộ vẻ ngạc nhiên, bối rối thật sự.

-Chứ còn hỏi ai nữa? – tôi cười.

Im lặng, tôi thấy cô ta dùng dằng, nửa muốn bước vào sân sau nhà, nửa không đi được.

-Nhìn thấy mấy dây hoa đẹp quá, lạ quá, nhưng tôi không biết tên gì. Tôi có hỏi anh chị Huệ, nhưng cả hai cũng không biết. Cô cho tôi biết tên được không?

Cô bé chột cười, để lộ chiếc răng khểnh chưa kịp dấu. Nụ cười đã hết nổi e dè và hồn nhiên lạ lùng.

-Hoa cát đằng ấy mà, có gì đẹp đâu?

-Với cô có thể là như vậy, nhưng riêng tôi, tôi được biết lần đầu...

Co bé cúi xuống nhặt nón lên, chớm bước đi, nhưng tôi

gọi lại:

-Này, cô bé...

-Chú hỏi gì nữa à?

-Dĩ nhiên lạch hết...

-Chú muốn hỏi...

-Cô cho tôi biết thêm hoa cát đằng, chữ cát là T hay C?

-Chữ T, cô ta che miệngcười, nhưng lần này tôi lại thấy chiếc răng kẽnh rất rõ.

Tiếng nhạc từ bên kia cửa sổ thường êm dịu vang vang những tình khúc quen thuộc, trong đó có *"I can I get you out of my mind, Baby no matter just how hard I try..."*; từ sáng sớm tới trưa, hay chiều tối. Tôi biết được trong những giờ ấy "Cát Đằng" đang cặm cụi học bài. Cô bé có lần bảo, đã có thói quen nghe nhạc, nho nhỏ thôi, để học bài. Cô ta bảo học như thế rất dễ thuộc, nhớ dai; cảm thấy vui vui ít mệt.

Tôi thật sự không biết điều Cát Đằng nói đúng hay sai; cái thời dùi mài kinh sử khổ nhọc của tôi cũng đã đi qua; nhưng tôi biết rõ một điều: tôi cũng cảm thấy vui khi ngồi vào bàn viết mà được nghe tiếng nhạc êm ái từ bên kia giàn hoa Cát Đằng vóngang, nhất là *say you will, say you will be mine...*

Năm ấy Cát Đằng thi đậu vào trường đại học Ngoại thương, gia đình tổ chức một bữa tiệc để cô bé từ giã thầy cô, bạn học cũ, những người thân. Tôi được Cát Đằng lần đầu tiên, quảng qua bên này bờ rào một tấm giấy. Tờ thư mời có nội dung như thế này: *"...nếu anh còn cảm thấy hoa Cát Đằng đáng nhớ, thì lúc 7 giờ tối nay, xin mời anh sang nhà, dự bữa tiệc thân mật với gia đình. Còn nếu đã quên, thì xin tùy anh"*

Tôi chỉ chờ có thế. Dĩ nhiên là tôi không thể nào để

quên những dây hoắc đằng những sáng sớm hay những buổi chiều tà, đứng bên này rào ngắm nhìn nó để mỗi ngày càng tìm thấy ở trong những dây hoa màu tím kia có cả nguồn vui và niềm hy vọng của mình.

Tôi đã có mặt sớm hơn giờ quy định một chút. Để gặp riêng Cát Đằng trước lúc nàng đi xa, để phụ giúp gia đình nàng một tay bày biện gian phòng khách, để nối đôi câu với đàn em gái nhỏ nhảnh ưa chọc phá. Và cũng để được ghé mắt nhìn căn phòng riêng của nàng sau khung cửa sổ mà bấy lâu nay tôi chỉ được nhìn thấy qua tấm màn che màu xanh và các chấn song sắt.

Tôi thấy Cát Đằng ít nói cười hơn mọi ngày khi trông thấy tôi bên này bờ rào. Nàng nhw có vẻ trể nãi, mỗi mệt, và im lặng khó hiểu, vì vừa mới trải qua một mùa thi khổ nhọc, hay là nàng cũng cảm thấy buồn như tôi? Tôi tìm dịp gợi chuyện với Cát Đằng nhưng nàng chỉ chăm chú nghe mà không đáp. Có lúc, đôi mắt nàng như lấp lánh sáng, tựa hai giọt sương lạnh lẽo buổi sớm...

Bữa tiệc đang vui, mọi người thay nhau chúc mừng, thì cô bé lại ngập ngừng cúi đầu. Nàng đưa khăn tay che lấy miệng, như cố giữ lại tiếng nấc nghẹn ngào. Nhưng làm sao có thể ngăn giữ những giòng nước mắt tích tụ, đã tràn đầy bấy lâu? Làm sao cái âm thanh dễ vỡ kia có thể chìm lắng xuống trong tâm hồn trong trắng yếu mềm. Cát Đằng đã khóc, khóc suốt suốt, như đã từ lâu rồi nàng chưa được khóc bao giờ. Chưa một lần được nếm trải những giọt nước mặn nồng từ đôi mắt thơ ngây chảy xuống thành giòng...

Nhìn nàng, tôi có cảm tưởng chính nàng đang uống cạn những giọt nước mặn nồng tnhf nghĩa kia, để hiểu ra lòng mình. Tôi ngồi im lặng. Tôi dần dần bị những giọt

nước mắt nàng quuyền rũ, bởi vì trong tôi cũng đang có một nỗi trống trải, xao xuyến khi nghĩ mình vẫn nhìn thấy giàn hoa Cát Đằng ngoài cửa sổ mà người thì đã đi xa...

Tôi cố ý về muộn. Cô bé tiễn tôi ra đến ngõ. Ánh trăng mười bốn đang sáng vằng vặc trên những chậu hoa, hàng cây bạc hà, từng tàn bóng lá xanh rậm trong sân vườn. Tôi cầm lấy cả hai bàn tay cô bé, đưa lên môi hôn. Cát Đằng im lặng. Gi- nguyên. Nàng nhỏ nhắn, dịu hiền như một cô bé gái lạc lõng. Tôi cảm thấy Cát Đằng không muốn rời tay tôi chút nào. Đồng thời, tôi cũng chợt nhận ra, đôi tay nàng như mềm nhũn, rã tan trong tay tôi. Đôi tay mẫu nhiệm ấy đã truyền vào trong tôi bao nỗi xúc cảm tuyệt vời...

-Cát Đằng đừng buồn. Bắt đầu từ ngày mai, anh sẽ nhìn hoa mà nhớ em. Ngoài cửa sổ phòng anh chỉ có những dây hoa màu tím ấy....

Tôi chia tay nàng ở đầu ngõ. Bước đi mà tôi vẫn còn thấy Cát Đằng đưa tay lên lau vội những giọt nước mắt./.

Hoàng Xuân Sơn

Chữ Biệt

(tặng chị Bích Huyền)

Chẳng đành lối cũ mang mang
một đi
dạ ở
tâm hàng phục
nghe
như tiếng gọi con trăng
thề
vỡ đôi con nắng phu thê điệp trùng
suối hồn
ngậm miếng thủy chung
mà đâu suối máu ?
chảy cùng thịt xương
thôi sương hoa buổi lên đường
hàm ân vĩnh quyết
tổ tường
thai nhi .

(tháng bảy không ba)

Bài thơ dịu dàng

Dịu dàng
em đến bên tôi
hình như . . .

hình như mình
đã biếng cười
rất lâu
từ trăm năm chụm mái đầu
từ xanh thơ dại nên mầu tóc tơ
từ yêu thương lẫn vực ngờ
chẳng qua chút bóng sương mờ đấy thôi !
hãy tin rằng : bấy cuộc đời
yêu em bạch nhật
suốt trời thanh thiên
hãy tin rằng : thịt xương liền
vào trong muôn kiếp
lạm tiền duyên nhau
sá gì
một gợn bể dâu
đã se cùng tát
lượng sâu nhân gian
cho xin
lời, tiếng
địu dàng
xin nhau
đắm giữa vô vàn
cuộc yêu .
(tháng bảy hai ngàn)

Hà Nghiêu Bích

Phượng hồng

LÚC PHƯỜNG ĐỊNH MẶC QUẦN ÁO XUỐNG PHỐ thì lão Năm Chừ cùng vừa lái chiếc xe đồ cũ kỹ khật khưỡng tiến vào khoảng sân trải đá vụn. Thân xe run lên bần bật từng hồi nom giống dáng điệu lão trong cơn ho nổ phổi vào những hôm trời trở gió. Như thường lệ, lão lái xe sát vào gốc cây vú sữa già, nơi đặt bàn thờ ông địa lão vẫn thấp nhang cầu khẩn mỗi sáng sớm trước khi lái xe xuống bến. Theo thói quen, lão cho động cơ rú nổ lên từng chập ằng ặc trước khi tắt hẳn máy. Từng cụm khói xăng bốc lên cuộn cuộn un xám một góc vườn., không khác những cụm khói biếc bốc lên từ chiếc ống vố lên nước bóng ngời lão vẫn thường trực ngâm trề giữa đôi môi xám xịt. Lão Năm mệt nhọc rời xe sau khi xem xét lại máy xe cũng như dặn dò thằng Thanh lau rửa xe cộ như mọi chiều. Dù lão biết rằng nếu không căn dặn thằng Thanh vẫn thừa trí nhớ để làm cái công việc mà nó đã nghe lão lập đi lập lại hàng trăm lần. Nhưng lão vẫn cứ nói, xem như đó là một điều không thể thiếu vắng được. Như lão không thể thiếu vắng chiếc xe ọp ẹp ám khói cùng mùi xăng cay nồng quen thuộc. Chiếc xe đã nằm yên . thằng Thanh tần mẩn múc từng thùng nước từ cái giếng cạn ở góc sân dội ào ạt vào sàn xe, kỳ cọ. Nhưng lão Năm vẫn chưa dời bước, đứng tần ngần nhìn miết chiếc xe như muốn soi qua đó những hình dáng thân yêu nào đã mất. bây giờ lão không còn ai thân thiết ngoài chiếc xe già nua vàng vọt này, già nua vàng vọt không khác chuỗi đời bóng xế của lão. lão

phải gìn giữ, nâng niu nó như một kẻ thân yêu trong đời còn lại . Phải, bây giờ lão không còn gì hết, mất hết. Gia đình lão tan tác theo những năm chinh chiến nào xa. Vợ lão chết trong một chiều Tây ruồng bố xóm làng, ngôi nhà phụ ấm cũng bị thiêu rụi. lão chỉ còn kịp gói xác vợ lão trong manh chiếu chôn lấp nơi góc cây măng cầu sau hè, gặt nước mắt dắt díu thằng Mịch, đưa con trai độc nhất nữa đêm chèo xuồng băng ngang vàm sông cái trốn chạy. lão lần mò theo đám dân chạy loạn tản cư về thành. Sau mấy ngày vất vưởng nơi xó chợ, lão gặp một người quen cùng xứ mang về tá túc và giới thiệu lão vào làm lơ cho một hãng xe đồ chạy đường liên tỉnh. Từ đó lão yên phận với cái nghề mới mẻ đó, rời bỏ luôn cái trục cái cày. Nhưng thời buổi loạn lạc biết sao hơn, lão đành chịu lỗi với ông cha, làng nước vậy. thằng Mịch theo lão vật vờ trên những chuyến xe để giúp lão lên một kiện hàng hay mời mọc một người khách trong những ngày nghỉ học. Nó là nguồn an ủi cũng là niềm kỳ vọng độc nhất của lão. Lão quyết chịu cực khổ cho con nên người lão đã nhiều đêm hứa thế với vợ lão khi nhang đèn cúng vái. Năm thằng Mịch vừa đổ xong bằng thành chung cũng là năm cuộc chiến tranh Pháp Việt đến giai đoạn quyết liệt nhất. lão mừng vui chưa trọn thì thằng Mịch bị động viên tung vào mặt trận Điện Biên. Một tháng sau lão được tin nó mất tích khi cùng đơn vị nhảy dù xuống lòng chảo đầy lửa đạn. Lão buồn khổ tuyệt vọng tưởng có thể chết đi được tuy lão còn nắm nuôi một chút hi vọng là thằng Mịch chưa chết. lão thầy bói mù ngoài chợ đoán quẻ nói thế. Xác cậu hai ở Cầu Vòng đập đồng lên cũng bảo thế. Thằng Mịch chưa chết, nó sẽ trở về mà. Lão cố vỗ về mình, bắm vú chút

hi vọng le lói đó để đợi chờ thằng Mịch về. Lão sẽ bán quách chiếc xe đồ này cùng con về quê dựng lại ngôi nhà, trồng lại thửa ruộng và khi lìa đời sẽ được chôn cạnh vợ lão dưới gốc cây măng cầu cành lá xanh um. Với niềm ao ước cõm cò đó, lão cố bám víu vào đời sống, vào chiếc xe, vào những dự tính nhỏ nhoi còn sót lại ngày nào. Như thế đã mười mấy năm qua rồi. Mười mấy năm, mười mấy mùa thu chết theo từng vòng bánh xe lăn, từng hòn đá sỏi vỡ vụn, từng hạt bụi mỏng tan bay. Mười mấy năm bao nhiêu bàn chân hâm nóng lòng xe, bao nhiêu đáng người mật hút sau bên phà hiu quạnh. Mười mấy năm bao nhiêu đổi thay tang tóc, bao nhiêu nắng mưa đổ xuống cõi đời. Lão chịu là không nhớ nổi, lão chỉ nhớ một điều là thằng Mịch chưa chết, nó sẽ trở về. Lão sẽ đợi chờ nó.

Bỗng đứng chiều nay Phường thấy lão có vẻ gì chán nản tột độ. Lão không vào nhà như mọi hôm khề khà bên ly rượu đế, con khô thiếu, rung đùi nhả khói thuốc mịt mù. Khi cao hứng sang lòi Phường đối ẩm, bàn chuyện thế nước lòng dân. Rồi cậu coi còn đánh một trận lớn trượng nữa rồi mới yên. Máu sẽ chảy thành sông, xương cao bằng núi nhà. *Đánh cho chết bảy còn ba, chết hai còn một mới ra thái bình.* Khi đó nước mình sẽ có vua, sẽ còn người nhơn đức không hà, rồi cậu coi. Khi đó, thằng Mịch cũng sẽ trở về, phải không cậu? Phường gật gù làm lão thêm hứng trí, chai rượu sòng sánh trên đôi tay gầy như nhánh tre khô. Nhưng chiều nay hình như lão có tâm sự gì thê thiết lắm. Lão thẩn thờ ngồi dựa gốc cây vú sữa, chiếc ống vố không ngớt nhả những đợt khói bay

tản mạn trong gió chiều dịu nhẹ. Đôi mắt lão lơ đãng nhìn đắm chìm vào một cõi xa xăm nào đó. Phưởng bước đến sát bên mà lão vẫn không hay biết.

- Chiều nay về muộn thế bác Năm, chắc trúng mối?

Lão Năm Chừ hơi giật mình:

- Ờ...ờ, cũng như mọi hôm à cậu. cậu xuống phố chơi?

Phưởng cười cười:

- Thì tà tà như thường lệ mà bác Năm. Thôi cháu đi...

Lão bỗng gọi giật Phưởng, nập ngừng:

- À...cậu về sớm qua tôi nhậu chơi. Có mấy con khô thiêu mực Lé mới tặng hồi chiều. Nhớ nhen cậu. À, hôm nay tôi định làm đám giỗ đầu cho thằng Mịch luôn. Tôi thấy mệt mỏi quá rồi, chắc gì sống tới lúc nó về. Mà biết đâu nó sẽ không bao giờ về nữa...

Âm thanh câu nói cuối thoáng nghe như kết tiếng nấc.

Phưởng khẽ vỗ vào cánh tay lão:

- Bác đừng buồn. Chưa chắc anh Mịch đã chết. Thế nào anh ấy cũng sẽ trở về mà.

- Cảm ơn cậu. Tôi cũng nghĩ thế, nhưng đã mười mấy năm qua rồi. Tôi có cảm tưởng rằng nó đã chết. Tôi nay tôi sẽ làm đám giỗ cho nó. Biết đâu sang năm...

Biết đâu sang năm, mùa mưa sẽ dài hơn bởi xóa hết chút nắng vàng héo hắt, lá sẽ rụng nhiều hơn để cành đứng bơ vơ. Biết đâu sang năm, cánh đồng sẽ mịt mùng cỏ lác, con đường sẽ lộ chỗ dấu mìn đào, cuộc xói, những chuyến xe dò sẽ chạy xém ngã nghiêng. Biết đâu sang năm, lão năm chỉ còn là một thân cây khô quắt nằm sóng xoài ngoài nghĩa địa, lấy ai đợi con về. Đứa con yêu biệt biệt trong trí nhớ già nua. Và biết đâu sang năm Phưởng cũng chỉ còn là một bóng ma trôi bay lượn

quanh thành phố xanh xao những khi chiều xuống

Khi Phường xuống đến phố thì bóng chiều đã nhuộm tím trên hàng cây sao già bên sông. Những chiếc đò dọc gấn máy xả hết tốc lực chạy trên mặt sông đục ngầu nổi sóng. Những chiếc tốc đỉnh của Mỹ cũng bắt đầu hướng mũi ra vàm sông, chầm chậm như những kẻ nhàn du. Từ chiếc cầu sắt dài ngoằng, khẳm khiu, Phường có thể nom thấy nhà thờ Tân Quy thấp thoáng sau những cành phượng vĩ nở hoa đỏ ối. màu đỏ của hoa như muốn hòa lẫn vào ráng mây đỏ ửng ở chân trời, Phường có cảm giác như cả một rừng hoa nở rộ đỏ ngát trên những khóm mây mịn như tơ. Có phải mùa hạ đang về đó không? Mùa hạ đỏ thắm bần bật trong một trí tưởng nào xa. Có phải mùa hạ đang về trong cơn chấn động xanh thắm của nhịp mùa. Mùa hạ gợi nhớ tiếng ve kêu, tiếng khóc thiên thu ly biệt. Nắng sẽ đốt chín rừng xanh và trái sẽ rụng. Và em có còn hát trên trời, mùa hạ thấp thoáng bóng thu những sáng chủ nhật vút cao đỉnh trời mây trắng, màu áo huyết dụ bay bay như cánh bướm lạc về từ một cõi trú nào xa. Thu là cánh bướm, cánh bướm mang mùa xuân lá non vào mùa hạ oi nồng. thu đến và lay gọi Phường khỏi những ngày dài hôn mê, trì trệ. Thu đến và Phường không còn vất vưởng lang thang những chiều mây xám mọng mưa. Phường ngồi im nghe nghìn điệu mơ ước chớm thành, những hoa trái mịt mùng phấn hương, loài bướm mọng phát phơ đầu ngỗ. Thu, má đỏ môi cười, khúc hát rã rời dưới hiên chùa tắt nắng. Và Phường bước loanh quanh khoảng sân rêu ướt, những chùm dạ lý trắng lạnh, bấy chim non, hồi kinh nguyện lênh đênh, tiếng chuông gợi muôn nghìn kiếp trước.

Phường có cuồng vọng giam giữ Thu trong đời mình như giam giữ một cánh bướm trời lạc lối. Nhưng rồi Phường biết mình lầm. Cho dù Phường có giữ bướm được một mùa hạ đơm bông, một mùa thu lá vàng tan tác, một mùa đông mưa xám sục sùi, Phường cũng không ngăn nổi mùa xuân đến. Mùa xuân đến và bướm nhớ thấy đường về. Mùa thu đến và thu lãng đãng, lìa xa. Bướm đã thôi bay lượn quanh đời diu hiu Phường. Thu đã thôi rực rỡ màu mây áo đỏ rừng rừng, khúc hát đã dứt, cơn mưa đã xóa mất dấu chân tình lạc lõng, biệt ngàn. Chiều nay, mùa hạ này ai nhớ ?

Phường dừng lại dưới chân ngọn tháp giữa ngã ba đường, chiêm ngưỡng. Ngọn diêm bùng lên như một đóm nắng tàn héo hắt. Vài đứa con gái đeo nhau trên xe, ngược chgiều, cười nói ríu rít lan xa. Trời tối dần, màu mây càng đỏ thắm chân trời thấp. những chùm hoa phượng càng trở nên mờ ảo , lung linh. Màu hoa đỏ, chiều nay, biết có còn đủ soi cho bướm thấy lối qua, thấy Phường đứng ủ rũ như cánh chim đêm trên phố đợi chờ. Đôi lúc, Phường thấy mình thật lắm cảm khi bám siết vào chút tình mộng mị, mê xa. Như Thiêm đêm đêm ngồi thần thờ bên ly cà phê lạnh tanh, đợi chờ vô vọng một vầng trăng non mơ ước hiện về giữa lòng ly nâu sánh. Nỗi đợi chờ mòn mỏi làm hằn héo khô như một thân sậy khô mọc giữa đồng hoang nước nể, đói nước. Nhưng vầng trăng không hiện đến bao giờ. trăng đã chết. Trăng đã tan như một hạt bụi vẩn thạch rơi hút giữa thình không một ngày. Nhưng Phường không dám nói cho Thiêm biết ý nghĩ đó, sợ hằn thêm tuyệt vọng, xót xa. Phường cũng chẳng biết an ủi gì khi chính

Phường cũng đang là một trái cây chín rã giữa niềm đau theo mùa hạ tới, trong tiếng ve sầu râm ran ngoài dậu. Hưng thì ồn ào hơn:

- Tao điều biết thằng Thiêm cò ngồi như thế bao lâu nữa. Trăng đã chết rồi hay đã mọc ở một vùng nào khác. Những sợi râu của nó dù có dài thêm cũng chẳng đủ làm nhíp vống gọi trăng về. Nếu tao, tao điều thêm sâu, trăng có mọc hay không cũng vậy thôi. Mơ mộng chỉ tổ làm nát đời.

Phường im lặng, cười cười. Thiêm tức tối, đôi mắt long lên sau chiếc kính dày cộm:

- Mẹ, các cậu biết gì mà nói. Các cậu đâu có ngồi được giữa niềm đau của tôi mà biết. Yêu cầu tất cả im lặng. Im lặng để tôi một mình với vầng trăng mất dấu đã tan thành một cỏi băng rêu. Im lặng để tôi một mình với những vần thơ réo gọi trăng về. Đợi chờ đến khi nào hoá đá.

Hưng chán nản :

- Tao sẽ tạc tượng mày dựng giữa vườn trăng. Chịu chưa?

Nhưng rồi đến bây giờ Thiêm vẫn chưa chịu hoá đá, vẫn còn ngồi mỗi mòn bên tách cà phê đen trông ngóng miệt mài một vầng trăng mộng tưởng chưa về. Như Phường còn loay hoay với những kỷ niệm hon hem như báo vật. Thiêm càng ngày càng thay đổi tính tình một cách kỳ dị đến nỗi chị Nguyễn phải la lên : Riết rồi chị không hiểu Thiêm ra sao nữa. Phường cười, chình nó có khi còn chẳng hiểu nữa là.

Phường đẩy cổng vào. Chị Nguyễn đang ngồi đan áo

trong phòng khách. Những ngón tay trắng mát thoăn thoắt tlen nện lên huyết dụ như đang hái những chùm hoa đỏ. Ngôi nhà vắng, tiếng hát thót bay. *Nghe sầu trở lá vườn không. Còn không em những cánh hồng năm xửa.* Vườn không mưa chập chùng mấy cỗi, em đang đứng nơi nào, giọng cười mất tăm, màu áo đỏ lan thắm bóng chiều. Vườn không, lá sầu xanh chiều nay ai hái, gió trắng mờ mịt lối về - vô phương tìm thấy những cánh hồng đã khô, rịn đầy ký ức bỏ quên, những ngô mồn cỏ gai trùn lấp. Còn không em mùa hạ cũ?

- phương. Một thoáng reo vui nhỏ trong mặt chị Nguyễn dừng tay đan.

- Thiềm đâu rồi chị?

- Nó đi trình diện rồi, hôm qua. Nó gởi lời chào Phương. Thiềm đã đi khi pho tượng Hưng tạc cho hấn còn dở dang.

- Lúc đi Thiềm có vẻ buồn nhiều, khác những lần trước. Nó có nói gì với Phương không?

Phương bỗng thấy rời rã:

- Tuyệt nhiên không, chị thấy sao?

Chị Nguyễn không trả lời, chợt hỏi:

- Nghe Nguyệt sắp lấy chồng?

- Có nghe tụi nữ sinh bàn tán. Hình như cuối tháng này ăn hỏi.

- Nghe Hưng nói, Thiềm có đến từ già Nguyệt tại quán cà phê.

Quán cà phê, những chiều thứ bảy mưa xối xả, ánh mắt trắng non rờn rợn điên mê bài hát đưa tiễn người về. Quán cà phê ánh trắng tan, bài hát dứt và Thiềm còm cỗi ngời mơ. Phương nghe thêm một giọt rượu mạnh lúc

này, hâm nóng những náo nức nào xa. Câu chuyện Thiêm không dừng làm lòng Phưởng buồn thê thiết. Trong tình yêu, gã con trai nào cũng mang đánh đập hao hụt muộn phiền. Những mộng mơ chưa chắc có đủ uy lực thắng hoa cuộc sống quay mùa chìm hút, khi tình yêu chỉ là một nhúm cỏ khô quắt quay, thoáng hiện. Phưởng nghe mình lao đao, chực ngã trên dòng sông im bóng, xác lá đưa mùa tàn phai, không còn Thu đứng níu gọi nắng về, những con đường bỗng dài hút, gót chân lao xao, lưng thêm đã vấp, những nhánh phượng đã tàn hoa, bấy ve đã hóa kiếp. Một khoảng cánh thời gian đã xanh rêu, ngăn chia tầm mắt Phưởng. Thị trấn quanh co vài con phố xanh xao chẳng thể dẫn dắt Phưởng đi xa hơn những giới hạn mua lừa, từ lâu làm Phưởng luống cuống. Dưới mắt Phưởng, Thu càng xa lạ hơn với những mộng tưởng lạ mắt, chói chang. Thu đã hóa thân hay chính Phưởng lầm lẫn coi chuyện tình yêu như một nhịp vông ru hờ, để làm buồn người bay bổng. Và Phưởng đã bay quá xa, một ngày rụng cánh ngồi im, quên mất hướng về, thành phố xưa đã lạc loài trong trí nhớ.

Tiếng chị Nguyễn loáng thoáng:

- Phưởng có xuống thăm Thu chưa? Cô ta hồi này có vẻ xanh.

- Chắc lo làm giàu chứ gì.

- Phưởng lúc nào cũng đùa được.

Phưởng nghe năn, chẳng muốn nói gì thêm. Thoáng có tiếng nói chuyện lao xao bên nhà, tiếng cửa mở, điệu hát khe khẽ không thành lời, tiếng cười nhỏ ấm. Chị Nguyễn cũng ngồi im, bàn tay thần thờ trên nền len đỏ thắm. Phưởng bỗng thêm một chỗ nằm, một giấc ngủ thiếp mê trong vòng tay mềm ấm của chị Nguyễn. Đầu

gục vào mảng len và không trở dậy nữa.

Lão Năm Chừ rót rượu vào ly Phường, lè nhè:

- Nhậu thêm đi cậu. nam vô tửu như kỳ vô phong mà.

Phường dạ cho lão vui lòng, những giọt rượu như cháy bùng trong cổ.

- Rồi cậu coi, còn đánh một trận lớn trượng nữa mà thôi.

Đánh cho chết bảy còn ba...Hôm rày cậu có nghe la dô?

Nghe nói sắp có hoà bình...

Phường biết lão lại sắp lòng vòng về chuyện ngôi nhà đã cháy, người vợ đã chết, thằng con đã mất tích mười mấy năm, những mơ ước mỗi mòn héo hắt.

Tôi biết, sắp yên rồi mà. Rồi cậu coi. Đêm qua thằng Mịch về báo mộng rõ ràng mà. Nó đã chết nhưng tôi không buồn vì nó vĩnh viễn không trở về nữa. Ít ra đêm nay tôi còn làm cho nó được cái giỗ đầu. Biết đâu sang năm tôi cũng theo về với mẹ con nó. Rồi cậu coi, sắp yên rồi mà. *Chết hai còn một mới ra thái bình.* Gia đình tôi tan nát, vợ chết, con chết chỉ còn tôi trơ trọi một mình, chẳng chết hai còn một là gì. sắp yên mà, rồi cậu coi...

Lão Năm nói càng lúc càng lộn xộn, không rõ đầu rõ đuôi. Đôi mắt đờ đẫn, gương mặt còm cõi dưới ánh đèn mờ mờ, tối tối. Hình như những đau thương chồng chất đã biến dạng con người lão mỗi ngày thêm thảm hại. Mấy ngày gần đây Phường nghe lối xóm bàn tán nhiều về sự lú lẫn của lão Năm. *Già sanh tật.* Nhưng dưới mắt Phường lão là hiện thân một nỗi oan khiên chưa tan của kiếp sống nhiều hệ lụy, nhiều đổ vỡ này. Những kiếp sống vất vưởng như những hồn ma đói khổ chưa được ăn cháo lú, để đi về một cõi sống khác, để

làm một cánh chim, một ngọn cỏ hay một loài côn trùng nhỏ nhoi. Như Phương còn quấn quanh mãi với những ước mơ xa ngất ngoài tần tay níu. Phương cũng mong một lần được ăn cháo lú để nhìn chính nỗ tuyệt vọng như một giọt nắng rơi, nhìn Thu như một sinh vật sống trùng trên mặt đất.

Lão năm đã ngồi im, đầu gục trên mặt bàn mê thiếp. Mái tóc bạc phơ như một chùm bông tuyết nở muện màng trong hốc đá. Phương đứng lên, chéch choáng bước ra cửa. Bóng đen âm u trên chòm cây. Vầng trăng cuối mùa đỏ ối ở chân trời như một cánh hoa phượng, chóm tàn. Rồi mùa mưa sẽ qua, lá sẽ vàng, bầy ve sẽ quên tiếng hát. Khoảng cách thời gian đã dựng lên, mịt mờ mưa phủ. Đừng ai gọi ta đêm nay, những tuổi tên đã mất dấu. ta chỉ là một sinh vật trót hóa thân bằng những mộng ước nên chẳng còn chỗ gối đầu. hãy để ta ngủ yên trong hang động lãng quên như một người tiền sử. Giấc ngủ thơm tho như ướp giữa rừng hoa đỏ trên mây. Đừng ai gọi ta đêm nay bởi mùa hạ rồi sẽ tan, những cành hoa sẽ mục dưới mưa mau, những mộng ước sẽ tàn theo gió sớm. Và em sẽ khuất bóng trên đời. Và ta sẽ một lần ăn cháo lú./.

Hải Phương

Đêm ngai ngái cỏ trắng lìm lìm hoa

Khi không
bày cuộc nhân sinh
ta vào
rối loạn
cung đình cỏ hoa.

Cần khôn
em mở cửa ra
ta ham chơi
lạc đường xa
chưa về.

Môi hôn
lìm lìm giòng mê
vòng tay đan lưới
thả bè
trôi theo.

Khi không
trộn lẫn bọt bèo
một thiên thu với
ta đèo bồng
em.

Vườn em

cây đứng im im
đêm ngai ngái cỏ
trắng lìm lìm hoa.

Địa chỉ cư trú

Lá xanh
cư trú trên cành
ta cư trú
chỗ em tàn hanh ra.

Mùa thu
cư trú hiên nhà
ta cư trú gió
em tà áo bay.

Chùm mây
cư trú trên cây
ta cư trú
chỗ em bầy biện
thân.

Ta cư trú
chỗ em gần
trước lầu Ngưng Bích
khóa xuân
Thúy Kiều.
(San jose, tháng chạp 2003)

Gió đêm Giáng Sinh ở San Jose

Gió đêm
Giáng Sinh
môi em
còn như ấm lửa
ngọn đèn
treo cao.

Gió đêm
Giáng Sinh
em sao
ngực không thấp lửa
thơ vào
lạnh tanh.

Gió đêm
Giáng Sinh
chung quanh
hàng cây quạnh đứng
lữ hành
vòng tay.

Giáng Sinh 2003

Guốc con gái bước vui hè phố xưa

Rũ em
chiều xuống phố chơi
ly cà phê đợi
giọt rơi
đêm dài.

Rũ em
xuống phố sớm mai
áo con gái mỏng
nắng cài
gió thưa.

Rũ em
chiều xuống phố xưa
mái hiên chờ tận
cơn mưa
thì về.

Rũ em
ngày xuống phố nghe
guốc con gái bước
vui hè phố trưa.

Hạc Thành Hoa

Buổi trưa ở thảo cầm viên

Buổi trưa ở thảo cầm viên thật yên tĩnh
Có tiếng chim hót trên cao và tiếng quạ kêu
dưới thấp
Các loài thú ở đây sống thật bình yên
Con nào cũng hiền lành đến tội nghiệp
Chúng đứng đứng với tất cả những gì
Xảy ra chung quanh
Chỉ có con cù lần còn biết lấy tay che mặt
Những con kết đến đây từ một nơi rất xa trên
trái đất
Đang gửi hồn về xứ sở quê hương
Những con nai mới nhập cư
Còn thẳng thốt trước nạn phá rừng khủng khiếp
Ở đây tất cả đều tằm thương như nhau
Những con cọp lưng danh một thời
Cũng tằm thương như con chó ốm
Những con voi chỉ còn chiếc vòi quờ quạng
bên ngoài
Xem có thứ gì ăn được
Tội nghiệp cặp vợ chồng dã nhân
Nạn nhân những trò chơi độc ác
Vì chúng mang đáng đáp con người
Biết lắt thân mình che chở
cho người vợ già nua
Biết phần nộ khi bị người ném đá
Anh đến bên chuồng nuôi cá sấu

Chờ một giọt nước mắt chân thành
Nhưng chúng quen khóc vờ
Nên không thể khóc thật
Có người thợ chụp hình con thú vừa xong
Vội đến bên mời mọc
Có những cây quý và hiếm chưa bị đốn ngã
Đang đưa tay vuốt ve những làn mây trắng
Những cây sống trên trăm tuổi
Có cây biết nói
Để gió mơn man những chòm râu
Vẫn toả bóng mát xuống thảo cầm viên
Trước sự thần nhiên của mọi người
Những cặp trai gái tình tự dưới bóng cây
Lặng lẽ ra đi không để lại
Dù chỉ một ánh mắt xa vời
Buổi trưa ở thảo cầm viên
Thật yên tĩnh và nhức nhối!

Đồng Tháp 1993

Nguyễn Văn Sâm

Chờ cho trăng lặn

*Sự đời thà khuất đôi tròn mắt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương. (NĐC)*

THẰNG THÀNH KHOM LŨNG VẾT CHÚT NƯỚC
mấp mé dưới đáy lu mà mắt ngược ngó lên đám mây
thành đường sơn màu hồng lợt bằng chút nắng quái le
lói của ngày tàn. Mấy lùm tre đằng đông đã bắt đầu mờ
mờ nhưng phía này ánh thái dương vẫn còn ngự trị. Nó
rảo mắt theo dõi mấy cụm khói lam chiều tỏa lên chỗ
xóm nhà lá xa xa, lòng nôn nóng. Mới đi xốc lá ủ vè,
tay chùn mình mẩy dơ đáy, rửa ráy sạch sẽ rồi chút nữa
sẽ thả bộ tới nhà thầy Năm Dậu. Càng cà rà kê rề càng
lâu càng tốt để ngó con Kén cho mãn nhãn. Ôi đôi bông
chạm bông búp nhỏ xiu đậu trên hai trái tai trắng nuốt
của nó thấy mà muốn rụng tim! Đi đã, cơm nước tính
sau! Làm túi bụi rộn ràng cả ngày chỉ chờ lúc này thôi.
Có cuốn Hậu Vân Tiên má mới xì ra hồi sáng, nhập với
mớ thơ truyện đủ thứ, năn nỉ thiếu điều gãy lưỡi mới
mượn được đằng nhà bác Hương Giáo hồi hôm qua, sẽ
đưa hết cho bà Hai mượn chuyền. Bà vui lòng không
than mỗi lưng buồn ngủ thì buổi nói thơ với bàn chuyện
Nam Tào Bắc Đẩu càng dài, càng vui. Cái gáo dừa cạ
xột xột vô chỗ quét xi-măng-nước dưới đáy lu, má nói ê
răng ghét lắm, mỗi lần nghe là mỗi lần ngầy-ngà vậy
mà thấy vui vui. Lu hết nước, ló cái u dưới đáy, ánh lên
màu rêu mốc xanh xám, ngời chiếu. Nước cạn quá
mạng! Nó lấy đầu gối đẩy thành lu cho hồng đít lên, tay
trái kèm nghiêng nghiêng, tay mặt vết mức chút nước ít

oi còn sót lại. Vài con lăng quăng bắt hạnh bị mức vô gáo, đem lên ánh sáng, khó chịu, bung lên bung xuống một hồi rồi mệt mỏi thả chìm từ từ xuống đáy gáo như một cử chỉ chấp nhận thua cuộc. Thăng Thành ngó mấy cái đầu bự bằng đầu kim gút mà tưởng tượng trong đó có đôi mắt van nài đừng quấy động, rồi mỉm cười một mình. Thường, buổi trưa trời nắng, khát nước, nó uống ừng ực luôn ba bốn hớp đầy, cố ý chừa mấy con lăng quăng ra. Rủi ro một vài con hết thời trôi vô tọt luôn thủy liêm động thì cũng chẳng chết thăng Tây thăng Ma-rốc nào, sao bữa nay mắc chứng gì mà rửa tay rửa chén cũng để ý tới mấy con vật nhỏ nhỏ tung tăng nhu giỡn hớt đó?

Nó xối một cách hà tiện chút xíu nước vô tay cho ướt rồi vuốt vuốt mặt. Nước mưa để lâu ngày mát lạnh da thịt một cách dễ chịu. Chừng một tháng nay con Kén đưa tách nước trà mời khách không biết vô tình hay cố ý mà lần nào cũng đụng vô tay nó. Cũng mát lạnh như vậy, dầu sự đụng chạm rất ngắn ngủi và phần giao tiếp giữa tay nó với tay con Kén nhỏ hịu bà hịu. Vậy mà bữa nào nó cũng thấy vui như mở cờ trong bụng. Vui tới tận cuộc về chui vô nóp cong mình lại dỗ giấc ngủ muộn màng mà cũng vẫn còn vui. Giờ này chắc bên đó xong xả hết chuyện cơm nước rồi. Có lẽ họ đương sửa soạn đèn đuốc, trà nước. Chút nữa hồng bày cuộc đọc truyện Tàu thì chém chết cũng nói thơ. Tiếc là thơ truyện họ không có nhiều, quanh đi quẩn lại cũng mấy cuốn đó. Truyện thì cũng Anh Hùng Náo Tam Môn Giai, La Thông Tảo Bắc, Thuyết Đường, Tàn Đường. Thơ thì cũng Phạm Công đi đánh giặc mang quách vợ theo, cũng Lâm Sanh Xuân

Nương với nàng dâu bị mẹ chồng hành hạ tới chết, cũng Lang Châu cù nhưng được người đời đối đãi tử tế, cũng chàng Vân Tiên bị tam tai bát nạn. Nhảm chán và không hấp dẫn bằng tấm thân nho nhỏ mảnh mai của con Kén đi ra đi vô nước rót trà châm hay lúc thức trong buồn mà cái bóng dáng đẹp mắt hờn in trên tấm màn bông treo ngăn ngang nhà ngoài với nhà trong. Mẹ họ, không biết phải tình yêu mới tượng không mà lúc nào cũng thương nhớ không nguôi. Gần thì mất lúc nào cũng không rời hình dáng nó, xa thì mường tơ mường tưởng không làm công lên chuyện xuống gì cho xấn xái ra hồn, lắm khi còn ngớ nga ngớ ngẩn như bị bùa mê thuốc lú....

Thằng Thành vô nhà lấy lược, trở đầu nhọn của cán, vít một chút bi-dăng-tin, dòm vô miếng kiếng nhỏ vắt trên vách lá, trét trét chải chải lên đầu, ngắm tới ngắm lui mấy chục bận, khi thấy đường ngôi thiệt thẳng, tóc rẽ hai bên thiệt đều, mới chịu gắn lược sau tấm kiếng đi ra. Vừa đi nó vừa quẹt mỏ chùi mấy giọt mồ hôi tươm ra trên mí mép đã bắt đầu hiện lơ thơ một vệt râu non tơ mịn.

Nhà thầy Năm Dậu chơi sang bữa nào cũng thấp hai cái đèn khí đá sáng rực. Lại còn vắn nước xuống nhiều, lửa xanh ở đầu béc đăng xa thấy ảo ảo như ma trời.

Nó bước vô hàng ba, đứng êm tiếng, vừa lấy lại bình tĩnh chờ tim bớt đập vừa coi nhóng tình hình. Tiếng thằng Cò ê-a thơ Vân Tiên:

Vân Tiên ơ ơ chém (mà) Cốt Đột rơi,

Đầu treo ơ ơ cổ ngựa (mà) phản hồi bản quân.

Ồi thôi ơ ơ..bốn phía những rừng,

Trời đà (mà) tối mịt biết chừng gần xa...

'Thằng Cò mầy có đọc kỹ không đó mậy?' tiếng Bà Hai chận ngang. 'Sao lại chém rơi. Đầu nào rơi, đầu nào Vân Tiên treo cổ ngựa?'

'Phải mà nội, chém thì đầu phải rơi chớ,' thằng Cò bị sửa lưng tức mình cãi bướng. 'Rơi tức là rớt xuống như tiếng của mình đó nội. Chữ nghĩa người ta nói rơi. Quê mùa mình nói rớt, rụng. Đầu giặc rơi rồi thì tướng lượm lên treo trên cổ ngựa để thị oai.'

'Chà thằng Cò bữa nay bảnh quá ta, dám dạy bà nội nó tiếng Việt mình nữa chớ,' Năm Dậu xa gần rầy con. 'Bà nội từng tuổi đó không rành sao mà phải cắt nghĩa con! Cái thằng! Đầu coi kỹ lại coi con. Chưa coi lại gì hết đã cãi bướng rồi. Chữ quốc ngữ bây giờ ba cái dấu sắc huyền hỏi ngã dị hợm lắm. Sai một li đi một dặm à! Có mấy cái dấu không mà thầy tú thành thầy tù, cư an thành cử ăn tao thấy hoài. Không phải như chữ An Nam đâu!'

Thằng Cò không sợ bà nội bằng sợ ba nó, ổng nói cà rớn vậy mà bặt tay đau thấy ba bốn ông trời hồi nào không hay. Nó đưa cuốn thơ lên ánh đèn dò lại. Thằng Thành lựa lúc này mới bước vô nhà, xá chào những người trưởng thượng, kính cẩn chìa cái gói thơ truyện cho thầy Năm Dậu rồi ngồi ké né bên mép bộ ván ngựa, chống chùn xuống đất kể bên thằng Tâm-cán-vá. Chiếc chiếu lác đường bằng cỏ u-du đã trải sẵn kể bên mà nó cũng không dám đụng tới mép. Nó liếc ngang thằng Tâm. Cha chả mình tới sớm vậy mà cũng trễ bọn, thằng này còn lết dít tới sớm hơn. Tối đây đâu hồi tưng bưng sáng chắc? Coi bộ nó còn lậm con Kén hơn mình nữa kìa. Nhưng mà cái thằng ba trợn này dở mã, không đáng

lo. Như chim mới vừa đủ lông, chưa đập bụng cứt, biết gì đâu nà! Năm Dậu ngó khách, lúc đưa tay nhận gói sách anh không nói gì, cũng không mời ngồi. Có lẽ đã quá quen khách, có lẽ đã đi guốc vô bụng bọn trai tơ như lứa thằng Thành, thằng Tâm. Đúng là bộ điệu phách lối ngâm của mấy ông già có con gái đẹp! Đi qua nhà tía, tay tôi xá chơn tôi quỳ, lòng thương con tía xá gì cái tấm thân tôi. Con Kén đâu không thấy ha! Nhớ tới nó là bao nhiêu ngượng ngịu cũng chịu được hết. Không mặt đây, ưá mắc cỡ thì làm sao có dịp thấy được mặt nó? Thằng Cò cũng vẫn còn dò dò kiếm kiếm, không chú ý tới khách mới. Nó khựng khựng một lúc hơi lâu rồi nuốt nước miếng tỉnh tuồng như không có chuyện gì xảy ra nãy giờ, đọc lấy đọc để:

Vân Tiên ơ ơ chém (mà) Cốt Đột rồi,

Đầu treo ơ ơ cổ ngựa (mà) phản hồi bản quân.....

Ngoài kia tiếng ảnh ương hòa dạ khúc mừng bóng đêm, trong này thằng Cò ê-a làm vui lòng tía má với nội. Mỗi nghệ nhưn có thính chúng riêng, ai có sân khấu nấy, không ai muốn so tài cùng ai vậy mà sao coi mời thằng Cò lép vế bọn. Nó đọc càng lúc càng nhão giọng trong khi đàn hợp xướng bên ngoài càng lúc càng uyềnh-oang vang vọng hơn lên.

'Cò, đâu mầy lật chỗ bà già Quỳnh Trang biểu con nhỏ Thử Loan ra đón Vân Tiên đọc nội nghe coi,' thấy thằng nhỏ coi bộ buồn ngủ, bà nội nó giải quyết. 'Vân Tiên thi đậu họ mới sẵn đón đưa rước đó. Chưa thi đậu thì đừng có hòng! Nghe đoạn này không biết bao nhiêu lần rồi mà mỗi lần nghe lại tao đều ứa gan, lộn ruột. Đồ cái thứ đàn bà hư thân mất nết không biết xấu hổ!'

Thằng Cò mắt nhắm mắt mở lật lật kiếm kiếm. Rồi

cũng xong. Nó cất giọng hào hứng như lúc ban đầu ê-a.
Bà nội nó phẩm bình chêm vô giữa chừng cũng không
làm nó mất trớn:
Loan rằng mình ở chẳng hay
(biết vậy thì tốt!)
E người còn nhớ những ngày trong hang
(thứ đàn bà trời đánh!)
Trang rằng con có hường nhan
(cái nết quý hơn hường nhan chớ)
Cho chàng thấy mặt thời chàng ắt ưa.
(Khéo bẹo dạng bẹo hình!)
Dầu chàng còn nhớ tích xưa
(Ác quá ai mà không nhớ!)
Mẹ con ta lại đổ thừa Võ công
(ai mà tin?)
Cùng nhau bàn luận đã xong,
Soi gương đánh sáp ra phòng rước duyên
(Đồ mặt dầy!)
'Có hường nhan là có cái gì vậy hả nội,' thằng Cò hỏi Bà
Hai sau khi để tập thơ xuống.

'Là đẹp đó! Như má mày vậy,' Năm Dậu trả lời hốt.
Tiếng cười dòn nổ rân khắp nhà.
'Cái đó là tui hông biết à nhe,' tiếng chị Năm Dậu ở
dưới nhà bếp vọng lên vui vẻ.
Thằng Thành cảm thấy bớt bỡ ngỡ ngượng ngùng. Nó
cười lớn hơn ai hết thấy, lại còn khen hứa để mua lòng.
'Đúng quá đúng quá! Thầy Năm nói không trật chút nào
hết,' nói mà nó ngó con Kén thiếu điều rất hai tròng
mắt.
'Chị Hai có hường nhan nhiều hơn má mà,' thằng Cò

chưa chịu im. 'Mấy anh trong làng ai cũng nói vậy hết, anh Thành nè, anh Tâm nè, Cậu Hai Xách-Lu nè. Bữa hôm cậu còn đọc cho con, biểu về đọc lại cho Chị Hai nghe, Con rấn năm khoan bò ngang đám tép. Thấy chị Hai mầy đẹp đẹp tao thương. Đất vườn lên liếp xẻ mương, mắt em hột nhãn anh thương hết hồn. Cậu nói mắt hột nhãn là mắt đẹp.'

Thằng Thành tức giận ói gan mà cũng bắt tức cười. Con Kén mới trở mã hai ba năm nay, làm tốt, xúc dầu dừa, chải đầu chải cổ óng mượt thì cũng ưa nhìn đó. Ưa nhìn thôi, chớ làm sao sắc sảo bằng mấy con nhỏ lớn hơn một hai tuổi ở Ô Môn, Bình Thủy mà nói có hường nhan? Nó ngó theo bộ hậu con Kén khi con nhỏ đỏ mặt đứng dậy cái rột đi vô buồng lẹ như chạy trốn. Đã vậy mà khi đi ngang qua chỗ thằng Cò ngồi, ẻn còn kí đầu nó một cái cốc nghe không thôi cũng thấy đau điếng. Cả nhà ai nấy đều cười nghiêng ngửa. Bà Hai cười chảy nước mắt, vừa kéo khăn chặm mắt vừa cố gắng nín cười.

Có tiếng lớn họng ngâm nga ngoài ngõ. 'Vân Tiên Vân Tiển Tiên, Ai cho tôi tiền tôi nói chuyện Vân Tiên' Rồi cậu Hai Xách-Lu bước vô nhà, thơm phức mùi dầu thơm thành thị. Cái đầu ngúc ngắc, cái mặt vát hất như mặt thẳng đánh bông, thấy ghét không chịu được, thằng Thành chửi thầm trong bụng!

'Chào ngoại, chào chú thiếm. Ủa thằng Thành với thằng Tâm cũng có mặt ở đây nữa hả. Cũng biết nghe nói thơ sao mấy bậu?'

Câu hỏi bị đá chuyễn vô trong không khí, người đáng lẽ trả lời làm bộ không nghe, người hỏi cũng không cần câu đáp. Mấy người lớn ngó nhau. Không khí đọng lại cỡ chừng một phút. Cậu Hai trân trọng đem để trước mặt

bà Hai một gói trầu cau, nói 'Con mới ra chợ Ô Môn, thấy trầu cau ngon mua về cho ngoại dùng. Có cái ống ngoái đồng nữa. Cái của ngoại nứt hết rồi cũ quá, vôi đóng đầy miệng ngoái khó khăn!' Bà Hai ừ chừng cho qua tang lễ, coi mời không thích lắm chuyện quà cáp, cũng không đưa tay đụng tới món quà. Cậu đem tới Năm Dậu hai ba gói lớn xộn nãy giờ xách tòn ten, nói là thịt heo quay với bánh bò, thấy họ mới đem ra, còn nóng, mua về cho chú Năm nhậu chơi. Chục nem bì là nem Bình Thủy có người cho ông già, sẵn dịp qua đây đem kiếng biếu chú Năm ăn lấy thảo. Năm Dậu có hơi mắc cỡ với hai người khách kia nên ngượng nghịu tiếp nhận rồi kêu con Kén ra lấy đồ đem cất.

Buổi đọc thơ lại tiếp tục. Bà Hai ngó theo con Kén rồi ngó cậu Hai. Cử chỉ của bà điềm đạm như tự thuở giờ, hai tay vẫn ngoái trầu, cái ống ngoái được kềm giữa hai bàn chum, mặt không lộ vẻ ghét thương gì về sự có mặt của cậu Hai. Bà vẫn điều khiển cuộc nói thơ.

'Cò, đâu con lật chỗ Vân Tiên gặp Nguyệt Nga đọc cho bà nghe coi. Sao bà thương hai đứa đó quá! Xứng lứa vừa đôi mà trắc trở cả mười năm mới gặp lại nhau.'

Thằng Cò đã quá quen với cách nghe đọc thơ kiểu nhảy tới nhảy lui của bà nội nó, kiên nhẫn thấm nước miếng lật kiểm đoạn được yêu cầu. Nó lại ê-a...

'Riêng than trâm hồi là trâm,

'Đã vô duyên bấy ai cầm mà mơ.

'Đưa trâm chàng đã làm ngơ,

'Thiếp xin đưa một bài thơ chờ từ.

'Vân Tiên ngó lại rằng: 'Ừ

'Làm thơ cho kíp chừ chừ chờ lâu.'

Tâm Cán-Vá lặng yên thín thút này giờ, bỗng nhiên mở màn bình luận, giọng ô-ê của con trai mới bẻ tiếng.

'Cái anh chàng Vân Tiên này hay cãi trời! Con gái người ta đưa trâm nghĩa là đồng ý trao tình rồi, cứ đưa tay ra là được mềo thôi, vậy mà còn từ chối. Rõ ràng là làm bộ. Chắc là chín hấu mại hơi.'

Thằng Cò bỏ cuốn thơ xuống ván ngựa, sẵn dịp lấy tay vò vò chỗ đau trên đầu rồi ngóng mỏ về phía người nói.

Thằng Thành thấy dạng miệng cũng góp ý.

'Không phải làm bộ làm tịch gì đâu, đằng hoàng với đàn bà con gái đó. Hồng thấy Vân Tiên biểu khoan khoan ngồi đó chờ ra, nằng là phận gái, ta là phận trai hay sao? Đằng hoàng là nhờ theo thầy học đạo thánh hiền. Sách dạy nam nữ thọ thất thân....'

Cậu Hai Xách-Lu ra dấu không đồng ý với thằng Thành nhưng thằng này cứ coi như không, nói tiếp.

'Cái khác của Vân Tiên với thằng Lía ở chỗ đó. Vân Tiên người ta đi học thành tài, người ta là tướng, là vua nên đằng hoàng. Thấy gái thì khoan thai chậm rãi. Còn thằng Lía đi học không tới đâu hết đã bị đuổi rồi - nó cố tình đưa ra chi tiết này - nên thấy gái, dầu là gái có chồng cũng tò vè, tọc vạch ép uống. Cho nên về sau chết vì gái. Chết mà hồng ai thương xót.'

Cậu Hai thấy mình bị nói xỏ xiên, giận cành hông. Tao bị đuổi vì tao chán học. Mấy thằng Tây dạy trên trời dưới đất tao có thấy xài được giống gì đâu mà học hành cho một thân. Về đây góp lúa ruộng mấy trăm mẫu, coi hai cái nhà máy xay, vừa ăn vừa phá suốt đời cũng không hết, học làm chi cho uống đời trai? Bị đuổi tao còn nói được tiếng Tây, còn mày là thằng con nít hỉ mũi chưa sạch, đừng có nói xỏ xiên, lộn xộn.

'Vân Tiên làm bộ nhát gái đó,' cậu Hai cố nói giọng thiệt là trầm tĩnh. 'Đạo đức giả ai mà không biết. Có người đã thấy rõ Vân Tiên là người đạo đức giả nên tức mình đặt câu hát nói huých tẹt ra...' Cậu quay qua Bà Hai. 'Xin lỗi ngoại, thằng này nói con tức quá nhin không được. Nói chỗ này khó lắm. Mà ngoại có cần đi ra sau xúc miệng cổ trâu để uống nước không? Nước của ngoại nguội rồi đó. Để con rót cho ngoại nước khác, nóng uống cho ngon miệng.'

'Ồ! Nhưng mà tao trở lên liền đó ghen,' bà Hai hiểu ý, thở dài, bỏ chun xuống ván quơ quơ kiếm guốc, sửa soạn đi ra nhà sau. 'Bây có nói gì thì nói lẹ đi!'

Sau khi ngó ra nhà sau, chắc chắn không có đàn bà con gái ở gần, cậu Hai Xách-Lu mới nói, giọng nhỏ hơn bình thường.

'Phàm người ở đời thì không ai tránh khỏi cái tật gái tham tài trai tham sắc. Nói không tham không ham là nói ngoài lỗ miệng thôi, để che mắt thế gian, trong bụng mình thì ai cũng như ai, toàn cứt không. Bởi vậy cho nên thấy Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu đạo đức giả người trong đồng quê rầy bái mình, vốn tính thiệt thà chơn chất, nghĩ sao nói vậy, mới đặt câu hát Vân Tiên núp dựa bụi môn, chờ cho trăng lặn bóp l. Nguyệt Nga. Xin lỗi Chú Năm, cái thằng Thành này không nói rõ nó không hiểu chuyện đời.'

Là con trai mới lớn, nghe tới món đó thằng Thành hết hồn, cầm miệng. Thuở giờ nó cũng có nghe câu này chớ chẳng phải không. Nghe nhiều lần nữa là khác. Nhưng mà kín đáo riêng tư giữa con trai cùng lứa, chớ không phải giữa thanh thiên bạch nhật có người lớn tuổi cở cha chú ngồi ở kế bên. Ở đây nói lên câu đó là không phải

chỗ rồi. Càng trật hơn là đáng lẽ nói mí mí lại nói huých tẹt. Đã đành là bạch tuột nhưng mà vừa vừa phải phải thôi chớ, ai lại bạch tuột kiểu lố mãng như vậy. Ngoài nhà sau có ba người đàn bà, chắc gì họ không nghe? Gái tham tài trai tham sắc, nói cả mớ vậy sao được, nước giữa dòng khi trong khi đục, người ở đời kẻ tục người thanh chớ. Bá nhơn bá bụng, đâu phải ai cũng giống ai. Ba người phụ nữ lên lại nhà trên. Chị Năm Dậu với con Kén bưng chè-sôi-nước mời từng người. Khi ngồi yên vị rồi, và thấy mọi người ai cũng có một chén chè nóng trước mặt, bà Hai mở đầu lại. 'Đâu nầy giờ bây bàn chuyện gì đâu nói nghe coi. Để bà già nầy phân coi ai phải ai trái, ai có lý ai vô lý.'

'Đâu có bàn gì đâu ngoại', cậu Hai lẻo mép hớt trước mọi người. 'Nói mà nghe chơi thôi. Con nói là người mình đã đặt câu về chề ông Nguyễn Đình Chiểu lúng túng không biết làm gì cho phải, chủ trương đánh Pháp hay hòa với người Pháp. Đánh thì đánh không lại. Hòa thì khác nào như kêu dân mình xuôi tay để mặc tình bọn họ ức hiếp. Cái lúng túng đó thấy rõ trong cử chỉ của Vân Tiên trước mặt Nguyệt Nga, không biết đối xử với đàn bà con gái thế nào cho phải cách, theo kiểu đàn ông con trai hay theo kiểu tiên nho thánh hiền...'

'Bây nói nhiều quá ai mà theo kịp,' bà Hai chặn ngang. 'Đâu người mình đặt câu gì chề cụ Đồ Chiểu đâu?'

'Dạ thì thiên hạ đọc hoài đó. Vân Tiên công mẹ trở ra, đụng phải cột nhà công mẹ trở vô. Vân Tiên công mẹ trở vô, đụng phải cái bồ công mẹ trở ra. Vân Tiên công mẹ trở ra. Đụng phải bà già công mẹ trở vô. Vân Tiên công mẹ trở vô, đụng phải gà cồ công mẹ trở ra..... Cứ vậy mà trở ra trở vô hoài, hết ngày hết tháng hết năm

hết đời, như là ông Nguyễn Đình Chiểu lúng túng phải lựa chọn giữa cái văn minh vật chất Tây phương và nền nếp luân lý cùng trung quân ái quốc Á Đông, lúng túng giữa đánh với hòa..'

'Tao không học trường Tây trường u như bây nên không biết kiểu liên hệ so sánh ấy là phải hay không phải. Có điều từ câu hát kia tới lời kết luận nọ tao thấy xa xôi quá, cầu cả chục sào lặn, theo muốn điều hụt hơi mà cũng còn chưa kịp. Tao chỉ biết là ông bà mình hát giỡn Phạm Công công mẹ trở ra.... chớ không hát Vân Tiên công mẹ trở ra bao giờ. Phạm Công dắt mẹ đi ăn mày thì công cũng là hữu lý. Mẹ già như chuối ba hương, mẹ đi không nổi nữa thì con công. Chớ mẹ Vân Tiên mất trong khi Vân Tiên đương trên đường lai kinh ứng thí thì mẹ nào cho Vân Tiên công? Bậy đặt bậy bạ, bậy lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia rồi bậy cắt nghĩa đui nầy nọ về chuyện của người xưa thì tội lắm đa nghe. Tội với cổ nhơn đã đành mà tội với chữ nghĩa thánh hiền mới là trượng! Lút đầu!'

Thấy bộ mặt tiu nghỉu của Cậu Hai, Năm Dậu mới ngoắc ra hàng ba, nói ba điều bốn chuyện để xoa dịu khách.

'Mới có một vố nhẹ nhẹ mà sao coi cậu bầu nhàu quá vậy? Có gì đâu!' tiếng Năm Dậu thiết thân tình. 'Cậu Hai học trường Tây mà bàn chuyện văn thơ Việt Nam được ớn! Cậu ở Sài-gòn nhiều chứ thời gian ở miệt đồng quê rầy bái mình đâu có nhiều mà coi mời cậu thuộc câu hò, câu hát nhiều ghê hen?' Ngừng một chút, Năm Dậu nói thêm. 'Hai câu mà cậu đọc cho thằng Cò sao tôi chưa nghe chưa biết bao giờ? Tôi thuộc lòng quyển Câu Hát Góp của ngài Đốc Phủ Cửa, luôn cuốn Tục Điều

Chánh Phong của thầy giáo Sắc ở Tân An tôi cũng nghiền ngẫm hoài mà không thấy mấy câu hay ho đó.' Cậu Hai trúng tử, thay vì bền lên lại hào hứng khai thiết, giọng cố tình bình thản nhưng không khỏi phưởng phất trong đó đôi chút tự hào. "Thì cháu đặt tuồng bụng thôi. Cứ nói trời trăng mây nước gì đó ở câu trên, xuống câu dưới cho có vần là xong chuyện. Cháu làm hoài trong mấy bài thi môn Annamite ở trường mà có ông thầy nào dám hỏi dám nói gì đâu. Câu hát câu hò của người mình ngàn trùng san dã như lá trên rừng, như sao trên trời mấy ai biết hết. Mà cũng không có ai tài nào biết được câu nào thiết câu nào giả, câu nào thiên hạ truyền tụng lâu rồi, câu nào mạo hóa mới được đặt chưa ai biết ai nghe..'

Trầm ngâm một lúc Cậu Hai mới nói như phân bua. 'Cháu không phải người ăn nói bồng chổng không biết xét trước sau. Bà ngoại ứ-hự cháu cũng đủ đau, cũng đủ thấy mình dốt. Nhưng mà cái câu Vân Tiên công mẹ... thiết tình là cháu nghe thầy giáo trên đó đọc rõ ràng. Những điều nói hồi nãy cũng là lập lại lời thầy giảng mà thôi. Thầy tốt nghiệp bên Tây đảng hoàng, học trò ruột của cụ Trần Nguơn Hanh, dạy học mấy chục năm nay, từ hồi chưa có Âu Châu Đại Chiến lận. Không lẽ ổng lại đặt tuồng bụng như cháu?'

Năm Dậu móc gói thuốc rê ra quấn rồi chậm rãi le lưỡi liếm mép giấy để có thì giờ tìm câu trả lời cho thỏa đáng mà không mất lòng. Anh quẹt quẹt định đốt thuốc. Cái hột quẹt máy xài bằng dầu hôi quẹt năm sáu cái mới bắt lửa, lên khói hơi nhiều cũng không làm anh chú ý. Trời tối, gió thoang thoang mát, thơm mùi bông trang

tối từ cụm cây gần bàn ông thiên.

'Cháu là đứa chịu học môn Annamite lắm nên thầy nói gì cháu đều cố nhớ,' cậu Hai tâm sự thêm. 'Mỗi lần có dịp ra đường D'Ormay là mua cho được mấy cuốn sách của Maison Phát Toán về đọc. Mấy năm ở en-tet chúa nhụt ở không, đọc chữ Tây chữ u thì lâu lắc, đọc quốc ngữ bất luận cuốn nào cũng thấy hay..... Thầy còn nói là thiên hạ ghét ông Đồ Chiểu cho Vân Tiên hành động cứng nhắc, mỗi mỗi đều theo cách thế của ông Khổng ông Mạnh cho nên họ đặt ngược lại nhiều chuyện xấu về Vân Tiên. Nào là Vân Tiên ghiền, nào là Vân Tiên cờ bạc. Thử hỏi có nhân vật trong thơ nào mà bị vẽ nên hình ảnh xấu xa như vậy không?'

Năm Dậu không biết trả lời sao cho ổn, trả lời nầy nọ thì cũng dễ thôi, nhưng mà ý kiến vẫn là ý kiến, chân lý nằm ở đâu không ai biết được. Thôi đánh hai chữ làm thinh là tốt, anh ngắm đám sao trời nhấp nháy, phì phà điếu thuốc sâu kèn.

'Nè Vân Tiên cờ bạc nè:...Đặt tên là Lục Vân Tiên, tuổi vừa hai tám nghề chuyên bạc bài..'

Năm Dậu tức cười thầm. Cái thằng công tử bột, được đi học trường Tây trên Sài-gòn là sướng quá trời rồi vậy mà không lo học hành cho đàng hoàng đến nỗi bị đuổi. Về đây cả năm nay ăn no tối ngày đi dạo đầu trên xóm dưới, phá xóm phá làng không làm chuyện gì nên thân. Cả nhà nó chỉ biết tính tiền, trong đầu người nào cũng chỉ nghĩ tới chuyện ăn xới ăn bớt lúa gạo của tá điền sao nó lại có thì giờ đọc ba cái thứ lạ lùng đó không biết?

'Vân Tiên cờ bạc tôi có nghe có biết,' Năm Dậu xác nhận. 'Anh chàng Vân Tiên rành tất cả các môn từ bài

cào, tứ sắc, câu tôm tới cu-di, xốc me, xốc đề... Còn Vân Tiên ghiền tôi chưa biết chưa nghe. Đâu cậu đọc thử một đoạn coi ra sao.'

Cậu Hai như mở cờ trong bụng, tăng hăng lấy giọng rồi đọc, cũng ê-a như thằng Cò đọc thơ Vân Tiên thứ thiệt.

'Dân làng một lũ đông đầy,

'Ai ai cũng hút thiệt rày chánh ti.

'Tiên đánh Phong Lai thác đi,

'Trong xe ai ngáp tiếng thì kêu la.

'Thưa rằng Kim Liên Nguyệt Nga,

'Không tiền mà hút tầm cha phủ đường.

'Bị lũ ác đảng gian cường,

'Bắt mà giựt nhựa toan đường hại nhân.

'Xin theo về yết phụ thân,

'Cha cho thấu bạch báo ân tai nạn.

'Tiên rằng quân tử nuốt khan,

'Ngáp ghiền cú rữ theo nàng khôn đi.

'Nàng Nga nghe nói vân vi.

'Trao ống cho đó ta thì đền ơn.

'Tiên rằng nhựa vỏ là hơn,

'Làm sao giảiặng ghiền cơn bây giờ.

'Trao ống Vân Tiên làm ngơ,

'Nàng Nga trao nhựa chàng quơ nuốt liền...'

Nghe cách đọc trơn tru và đầy hứng thú của Cậu Hai, Năm Dậu bỗng thấy tội tội, chú an ủi mà mắt ngó ra hàng bông búp ở ngoài xa lập loè đom đóm.

'Thôi bỏ mấy cái chuyện Vân Tiên nầy nọ đó đi. Ai có lý ai vô lý làm sao tách bạch cho phân minh. Sự việc trầu tượng càng bàn càng không cùng. Càng lý luận nhiều càng mắc vạ miệng, mịch lòng nhau. Người biện

thiếp được chúng nghe mà không trọng. Ngoa ngôn xảo ngữ hại lòng nhơn, tổn phước, cái tâm càng lúc càng sa đà đi. Sẵn có đồ nhắm cậu đem lại hồi nầy, mai tới đây mình nhậu sương sương chơi. Nhậu lai rai ngày nghỉ cũng thú vị, nhưng phải có đồ ăn cho thẳng bụng để khỏi say. Làm thầy giáo làng nầy cả chục năm nay, giờ mới gặp được người chữ nghĩa như cậu là một. Ứng đối như lưu, sách vở bất luận cuốn nào cũng biết! Lóng trước tôi thường nhậu với ông thầy Huân đối tới từ miệt Cờ Đỏ, nhưng lóng rày ông ta ưa bàn bài thơ 'Con Cóc' mà nói là hay, bài ca dao 'Thằng Bờm' mà nói về tinh thần vô nhiễm, vô cầu, vô úy. Nghe bắt muốn cái, làm bữa nhậu mất hứng.'

Đêm Gò Xoài yên tĩnh, mấy cây gòn ngoài ngõ trái rụng nhẹ, âm thanh mường tượng, quen lăm với cảnh vật mới nghe được mơ hồ. Trong nhà tiếng Thằng Cò nói vai Ba Bành trong thơ-tuồng Trương Ngáo vang vọng ra tới ngoài nầy. Nó rán gân cổ lên xuống bỗng trầm cũng ra tuồng bộn.

'Thiếp nay Liễu thị, thêm hiệu Ba Bành. Việc làm hồ hồn quá chần tỉnh, nghề đôi mách xứng hơn xóc lá. Như thiếp khéo biết làm nem làm cháo, tài cũng hay bán bộ bán thuyền.....'

Năm năm trời trôi qua kể từ ngày thằng Thành không léo hánh tới nhà con Kén nghe nói thơ nữa. Tới mà làm gì. Má nó làm sao dám hỏi con Kén cho nó. Thiếu tiền nhà người ta ngập đầu nay lại tính che mặt mo tới hỏi con gái người ta về làm mọi cho mình hay sao? Nó còn gặp con nhỏ cả chục lần nữa sau bụi môn gần sà nước

của một người lối xóm trong vòng nửa năm sau đó. Lần nào bên vai áo nó cũng ướt mềm nước mắt với tiếng khóc rưng rức của con Kén. 'Thằng cha cậu Hai mua lòng ông già tía em dữ quá. Hai người nhậu say ly bì mỗi tuần hai ba lần. Em bị đòn không biết lần thứ mấy rồi. Bầm đập mình mấy hết. Anh tính sao thì tính, chớ cái điệu nầy láng cháng em phải làm vợ thằng cha cậu Hai đó. Tía em hỏi ngày một... Nhiều khi đổ liều, cho đánh, bắt quá chết là cùng nhưng tội nghiệp bà nội quá. Mỗi lần thấy bà năn nỉ tía bớt tay em không cầm được nước mắt.'

Nghe ẻn nói nó thiếu điều muốn đập đổ hết thế giới nầy cho tang hoang, nhưng ngó lại phận mình hèn mọn bọt bèo, không quyền thế tài cán. Thúc thủ, tính không ra kế, nó ngồi thở dài thườn thượt. Mãng lo bận bịu mẹ già, tính toán không được ruột rà héo don. Dẫn em đi trốn được rồi, mẹ già bỏ lại vui duyên sao đành? Chỉ biết cầm tay người yêu ngó vô hai ngôi sao trời đậu trong cặp mắt long lanh nước. Câu hát chờ cho trăng lặn mà Cậu Hai Xách-Lu dẫn ra ngày xưa hiện ra trong trí nhưng nó không lòng dạ nào làm gì hết. Vân Tiên bạt mạng của người bình dân ngoài đời đưa tay ra đặt vào chỗ không thể đặt, bóp vào chỗ không thể bóp thì được. Thằng Thành mới lớn lại đương buồn rười rượi, ruột gan nát ngườu đâu có tay nào để đưa ra, đành làm thứ Vân Tiên sách vở, nghiêm chỉnh trong vòng đai lễ giáo. Lần nào cũng vậy, tới lúc sương xuống lành lạnh hay khi sao Mai chênh chếch mọc, con nhỏ mới bớt khóc, hai đứa bịn rịn chia tay hẹn hò lần tới.

Nay con Kén đã bận bịu con cái tay xách nách mang,

không còn thấy ngại ngùng gì khi được thiên hạ kêu tụng là cô Phó Hương Quán như buổi đầu. Nó thì vẫn là thằng Thành đắp mương mướn, bẻ dừa thuê, tát đìa ăn công mở tôm cá chót, làm những công việc không tên cho người làng trên xóm dưới. Miếng ruộng biển mấy công nhỏ xíu hai má con làm quần quật suốt năm mà huê lợi đâu có bao nhiêu. Làm thêm cái bầu rau súng, mỗi lần cắt bỏ mối, bèo cá m bám đầy đầu đầy cổ mà nghèo vẫn hoàn nghèo, nhà vẫn là căn nhà lá xiêu vẹo thuở nào khi nó mới chớm biết yêu.

Cậu Hai, chồng con Kén, tuy ăn nói bầu lẩu bỏ lò nhưng không thù vật, lúc nào gặp nó cũng vui vẻ bổ xua, thấy nó mặt mày bí sự thì nheo nheo mắt thân tình như an ủi người bại trận. Có khi cậu còn đọc thơ 'Bắt lươn phải nắm đằng đuôi, bởi anh vô phận lươn chui xuống hang' hay 'Bầu sao anh để trên dàn, duyên anh xe lỏng em phụ phàng duyên anh'. Lần nào nó cũng mỉm cười thông cảm với cái hể hả của cậu nhưng trong lòng lại có niềm vui riêng dầu rằng vết thương tình đổ mủ trở lại. Mẹ họ, tôi vô phận hay anh nhờ cha mẹ giàu có được cho đi học một mớ chữ, không nên thân nên hình gì nhưng so với người vô phước phải sống lòng vòng ở đây từ nhỏ tới lớn, anh cũng hơn được nhiều. Gặp thời bọn ngoại nhơn cần tay sai, nó cử anh làm chức này chức nọ trong làng trong xóm, anh nghiễm nhiên có chức có phận. Gia đình con Kén sợ bóng sợ gió, phần thầy Năm Dậu thích làm xui với nhà giàu, ham nhậu nhẹt với anh nên gả ép con. Nó bị tía nó đánh đập chết đi sống lại bao nhiêu lần nó mới ừ anh có biết không? Thân người ta con gái mà đồn bông, bầm dập tháng này qua tháng khác thì sao mà chịu cho thấu! Mẹ họ, tình tôi bởi rời không dính, tơ

duyên tôi xe lỏng lẻo bị tuột hay anh tước mối tơ duyên găng bó của tôi ra, xe cái tơ duyên áp đặt của anh vô đó? Tôi biết ruột gan con mèo của tôi mà. Bao nhiêu lần ngồi cùng nhau dựa bụi môn, muốn ấm muốn ôm, muốn bông, muốn nắn bóp lúc nào cũng được. Làm gì nó cũng ừ cũng cho mà tôi có thềm làm đâu. Còn y nguyên cho anh để ngày nay anh có dịp hí hửng. Ngó cuộc diện tôi biết hai đứa có tình yêu thì được, duyên chồng vợ thì không ngờ. các hữu kỳ phận. Quan trọng là cái tình, cái hồn của nó. Bây giờ tuy là chồng nhưng anh có biết cái tình, cái hồn của nó nằm ở đâu đâu nà!

Và lần nào cũng vậy, nó bắt tay bồ xua Thầy Hai Phó Hương quản mà lòng thấy thương hại cho kẻ đến sau, đầu là đến sau trong tâm hồn một người con gái quê.

Nhiều lúc khi Thầy Hai Phó Hương quản đi rồi, nó thơ thẩn ngâm nga thơ Vân Tiên ngồi dựa bụi môn rồi chửi đồng. 'Mẹ họ, cái thứ quý nhứt trong tình yêu, cái tình tứ tuyệt vời trong đời trai là con mèo của mình đồng lòng hội ý ra ngồi dựa bụi môn với mình, đồng lòng cùng ngồi chờ trăng lặn để nói chuyện sang đàng, tuy không vô đâu là đâu nhưng thỏa lòng mong nhớ. Núp lén trong bụi trong bờ, đợi con gái người ta đi qua ơ hờ, làm ba cái chuyện bậy bạ, chụp giựt thì hay ho gì đâu mà phải khổ công chờ trăng lên với trăng xuống.'

Nó cười khan một mình. Má nó sau khi xán bình nặng mấy tháng, mất cả năm nay rồi. Xóm Gò Xoài giờ đây mỗi bóng cây đáng nắng, từng ánh trăng con nước, từng tiếng vạc sành kêu hay cú rúc đều như chứa chất mối u tình nặng trĩu lòng nó, nặng nhưng vẫn còn đủ đẹp để lồi chùn nó lại, không cho cất bước giang hồ tìm quên.

(Port Arthur, Texas, 11-1998)

Nguyễn Tôn Nhan

Một Triệu Bông Mười Giờ

Tôi ở lại bên Ni
Nửa ngày cơm gạo guộc
Ni giặt giũ sau nhà
Bóng trôi đầy mặt nước
Ni có hai con mắt
Đứng quá nhiều Như Lai
Ni có hai con người

Ni đứng cả hồn tôi
Trong giường Ni mới dọn
Chăn chiếu vẫn thơ ngây

Ni đứng cả tim tôi
Trong bào thai giá rét
Một triệu bông mười giờ
Nở êm đêm vĩnh biệt

Tôi đại đột biết Ni
Chỉ có hai con mắt
Chỉ có hai con người
Đỏ như hai viên gạch
Một triệu bông mười giờ
nở vô ưu tĩnh mịch

Tôi ghé lại bên Ni
Hồn quạnh hiu vô ngã
Chút điên cuồng cuối đời

Tôi gửi cho Ni giữ
Tôi ghé lại rồi đi

Rừng đầy mưa lạnh tóc
Tôi nhớ mắt Như Lai
Con mắt Ni có hai
Sao ngập trời Tây Tạng
Tôi khóc ướt cổ đồi
Ngập suốt trời Tây Tạng.

Đoàn Thuận

Nơi ga chiều

Sương bay nghiêng phố ga chiều
Tàu xuôi bỏ lại bóng xiêu lối về
Một bờ hoang đá xanh khe
Âm u tiếng gõ kiến nghe cuối rừng

Dã quì vàng suốt mấy thung.
Người xa buổi nọ mịt mù bao thu

Trả cho người phố sương mù
Trả cho ta biển nắng thu mấy trời
Nỗi buồn ru đến chơi vơi
Lặng trong tình cũ một lời xót xa

Dường như người tiễn đưa ta
về miền đất lạ nhạt hoa phố phường
Nụ cười lẫn khuất trong sương
Áo bay trắng cuối dặm đường cỏ lau.

Phượng mùa hoa cũ phai mau
Thản nhiên thêm gạch biếc màu rêu phong
Tháng ngày tuột xuống mệnh mông
Bên bờ chiều muộn tịnh không dấu người.

*Những bài thơ trên của Nguyễn Tôn Nhan và Đoàn Thuận
được TQBT trích ra từ thi tập: TUYỂN TẬP THƠ BẢY TÁC
GIÁ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC do Thư Ấn Quán in và phát*

*hành trong tháng 2 năm 2004. Bảy tác giả: gồm năm tác giả trong nước là: **Nguyễn Tôn Nhan, Đoàn Thuận, Ngô Nguyên Nghiễm, Huỳnh Ngọc Chiến, Trần Yên Thảo. Và hai tác giả ngoài nước (mỹ) là: Nguyễn Cát Đông (Trần Bang Thạch), Nguyễn Đức Nhơn.***

Ở Hải Ngoại, sách của những nhà văn, nhà thơ trong nước in từ Hà Nội và Tp/HCM của những tác giả miền Bắc được bày bán rất nhiều (đủ thể loại) ở nam Cali- trên trang Web của các báo xuất bản ở Hải ngoại . Trong khi đó các tác giả của miền Nam cũ thì không thấy. Do đó, Thư Ấn Quán chúng tôi đang và sẽ cố gắng in lại và phát hành những sáng tác của những cây bút miền Nam cũ đã- làm- rạng- danh- cho- một- nền- văn- học- tự- do- của - một- miền- Nam trước 1975 .

Thư Ấn Quán đã in:

Tuyển tập truyện ngắn 18 tác giả trong và ngoài nước.(2003)

Tập thơ Lẽo Đẽo Một Phương Quỳ của Từ Thế Mộng.(2002)

Tập truyện Sông Chảy Về Núi của Nguyễn Lệ Uyên (2003)

Tập thơ Bảy Tác Giả Trong Và Ngoài Nước (2004)

Và những tập Ý Thức.

Sẽ in:

Tưởng chừng Đã Quên của Nguyễn Minh (tập truyện)

Tuyển tập truyện ngắn của Mang Viên Long.

(nhóm chủ trương Thư Ấn Quán và TQBT)

Nguyễn Đức Nhon

Dòng nước ngược.

CHỈ TRONG CHỚP MẮT LÀ ĐỒNG LỬA ĐÃ ĐỐT xong. Núi rừng về đêm thật yên tĩnh. Tiếng lách tách từ trong đồng lửa phát ra nghe thật vui tai. Ngọn lửa tỏa ra một vùng ánh sáng khá rộng. Ông Sáu Mai mang đến một mớ rơm, trải trên một chỗ đất bằng phẳng bên cạnh đồng lửa, rồi đi lấy rượu. Thằng Chín Bon nãy giờ đang lui cui lục lạo, tìm kiếm cái gì đó, bới móc tùm lum, rồi lôi ra một bịch nylon nhỏ. Hắn quay lại nhìn ông Sáu Mai.

- Nhậu chớ Chú Sáu?
- Cái thằng.. không nhậu thì tao lấy rượu làm cái gì?
- Mà mỗi bữa nay đặc biệt lắm đó Chú Sáu.
- Mỗi gì mà đặc biệt dữ vậy mậy?
- Éch òn khô.
- Ủa, sao mùa này mà có ech òn khô?
- Vậy mới hay chớ Chú.

Hai cha con ông Hai Đồ bỏ rơm cho mấy con bò ăn xong cũng quay lại bên đồng lửa.

- Hai người bàn tính cái gì mà xôm tụ dữ vậy?
- Bí mật quân sự.

Thằng Chín Bon vừa trả lời ông Hai Đồ vừa bới một mớ than hồng ra ngoài rìa đồng lửa. Hắn mở bịch nylon lấy mấy con ech ném vào trong đồng than. Mùi mỡ ech bốc lên nghe mà muốn chảy nước miếng. Ông Sáu Mai vừa mở nắp chai rượu vừa bảo con Lan:

- Con hốt một mớ rơm trải dưới gầm xe mà ngủ đi.

Ngày mai còn phải đi làm sớm.

- Dạ được rồi Ba. Mà Ba uống vừa vừa thôi nghe.
Thằng Chín Bon đang lui cui nướng ếch, nghe con Lan trả lời ông Sáu Mai, liền quay lại cười ha hả:

- Chú Sáu ơi, Chú đừng có lo. Con Lan nó nói vậy mà không phải vậy đâu. Không những nó muốn chú say mà còn muốn cho cả con và chú Hai cùng say không biết trời trăng mây nước gì nữa kìa. Chớ bộ Chú không thấy thằng Hùng độ này cứ thích theo ba nó đi rừng hoài đó sao?
- Chú Chín, Chú nói cái gì vậy. Anh Hùng thích đi rừng mắc mớ gì đến con.
- Ồi..ời..không mắc mớ..không mắc mớ..

Thằng Chín Bon vừa nói vừa cười ngặt nghẽo.
Con Lan nhảy lên đứng đủng:

- Ba à.. Chú Chín chọc con kìa kìa.
- Thì tốt chớ sao. Con nít phải được cặp đôi mới mau lớn.

Ông Sáu Mai vừa trả lời con vừa đưa chén rượu lên đánh một hơi nghe ngọt xớt.

Ông Hai Đồ phụ họa:

- Anh nói đúng đó anh Sáu. Không những vậy, mà tôi phải bắt con Lan về làm dâu tôi mới được. Anh đừng làm khó dễ tôi đó nghe.
- Ồi..ời.. được..được..Mà lên đi anh Hai, tụi nó còn nhỏ mà lo cái gì.

Ông vừa nói vừa đưa chén rượu về phía ông Hai Đồ, hai người cụng chén nhau nghe một cái cách, rồi cùng đưa lên miệng.

Con Lan mắc cỡ giấy nẩy bỏ chui vào gầm xe. Chiếc áo bà ba đen và mái tóc dài của nó khuất chìm trong bóng

tối. Ông Sáu Mai nhìn theo con gái, lắc đầu thở dài.

- Tội nghiệp, con bé mới chừng ấy tuổi mà đã chịu khổ trăm bề!

Lan năm nay vừa tròn mười bảy tuổi. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên học hành chẳng được bao nhiêu, học chưa hết lớp sáu thì phải bỏ học để giúp đỡ gia đình. Ông Sáu Mai phải vất vả lắm mới kiếm được đồng vô đồng ra, cháo rau đắp đổi qua ngày. Năm vừa rồi nhờ trúng mùa, ông bán mấy xe lúa để sắm một chiếc xe bò. Nhờ vậy, mà mùa nắng ông mới có công ăn việc làm. Ông thường lên rừng hái củi, hầm than để vợ ông gánh xuống chợ bán. Cuộc sống của gia đình cũng dễ thở một phần nào.

Thằng Chín Bon làm chưa hết một xi, đã ngáp dài, lăn đùng ra ngủ tại chỗ. Còn hai ông già ngồi đối diện nhau, vừa lai rai vừa nói chuyện đời. Con trăng hạ tuần cũng vừa nhô lên khỏi đỉnh núi. Con trăng không đẹp. Không tròn trịa, rục rờ như những đêm rằm mười sáu. Nhưng nó cũng đem lại được một chút thơ mộng cho hai ông già đang chợp chờn trong men rượu, thả hồn về một nơi nào đó, thật xa xôi. Ông Hai Đồ vói tay nhặt mấy nhánh khô ném vào đống lửa. Đống lửa đã tàn từ lâu, chỉ còn một vài nhánh lớn, chọt cháy chọt tắt, lập lòe như ngọn đèn treo trước gió. Ông Sáu Mai nhấp thêm một ngụm rượu nữa rồi nói:

- Trăng lên cao rồi còn đốt lửa làm gì nữa anh Hai.

- Kệ, đốt cho ấm anh Sáu.

- Mà chắc mình phải ngả lưng một chút đó anh Hai.

- Ủ, đúng hà! Bọn mình lớn tuổi rồi, phải giữ gìn sức khỏe (?). Vả lại ngày mai còn phải đi làm.

Hai ông đứng dậy, đưa mắt nhìn thằng Chín Bon. Hấn

ngủ say như chết. Sương khuya ướt đầm cả mái tóc. Trông hẩn thật ngây thơ. Ông Hai Đồ lay hoài không được, đành phải lấy mền đắp cho hẩn, rồi đi ngủ. Đêm càng về khuya, núi rừng càng lộ rõ cái vẻ hung hiểm, kỳ bí của nó. Thỉnh thoảng, một vài tiếng động lạ từ xa vọng lại, rồi tan biến đâu đó. Ông Sáu Mai còn chưa ngủ được, trần trọc suy nghĩ..*không chừng con Lan..*

Khi nghĩ đến con Lan, ông chợt nhớ lại hồi còn nhỏ, nhỏ hơn con Lan bây giờ nhiều lắm, có lẽ khoảng mười hai mười ba tuổi gì đó. Ông cũng khổ như con Lan. Suốt ngày ngồi trên lưng trâu, hết đồng này qua đồng nọ, nghèo ngao hát hò lung tung. Khi đó ông cũng bắt chước được một vài câu hát của người lớn, những câu hát tình tứ, ướm át mà mỗi khi cất giọng lên thì một cảm giác là lạ xuất hiện trong hồn ông. Ông cũng không hiểu được cái cảm giác đó là gì. Nhưng hình như nó hơi giống giống cái cảm giác mỗi lần ông thấy con Trâm đi ngang qua nhà. Ông Sáu Mai đang chìm đắm trong cái quá khứ xa lắc xa lơ đó, thì tiếng của thằng Chín Bon oang oang bên ngoài làm ông giật mình. Ông đưa mắt nhìn về phương đông. Một vùng đỏ ửng hiện lên, báo hiệu một ngày làm việc cực nhọc. Một ngày làm việc đầy mồ hôi và đôi khi còn trộn lẫn cả nước mắt. Một ngày làm việc như vậy lẽ ra không nên trút lên trên đầu con gái ông.

Từ đầu hôm đến giờ, không những thằng Hùng mà cả con Lan cũng cứ thao thức, trần trọc mãi, không làm sao ngủ được. Cả hai không còn để ý gì đến hai ông già còn đang ngồi uống rượu ngoài kia. Lâu lâu Lan lại hát lên một vài câu vọng cổ. Lan hát nho nhỏ vừa đủ cho Hùng nghe. Những câu hát mà mỗi lần Lan cất giọng lên là

Hùng nghe đau nhói tận tâm can

*Diệp ơi! mai kia lên chốn thành đô nhà xe rực rỡ, xin
Diệp đừng quên có người con gái nhỏ ở chốn quê xưa
đang dzò dzỏ mong..chờ..*

Hùng rất hiểu Lan. Những câu vọng cổ mà Lan hát không phải là do buồn miệng rồi hát cho vui, hát vu vơ, không ám chỉ vào một việc gì. Ngược lại, Hùng biết Lan muốn mượn những câu hát đó để gởi gắm niềm tâm sự của mình. Có lần tình cờ Hùng bắt gặp Lan chảy nước mắt khi nghe ba Hùng đề cập đến việc học hành của chàng. Lan không tự ái và cũng không oán trách gì về thân phận của mình. Nhưng cái hố sâu ngăn cách giữa hai người thì Lan khó mà không nghĩ tới. Lan nghĩ, năm nay Hùng đã học xong lớp 11, sang năm nếu tốt nghiệp cấp ba, Hùng sẽ vào Sài Gòn để tiếp tục đại học. Những năm tháng dài đằng đẳng đó, không biết Hùng có bị những cô sinh viên xinh đẹp, con nhà giàu, học giỏi kia lôi cuốn hay không? Đôi khi Lan còn nghĩ xa hơn, giả sử những cô gái kia không lung lạc được lòng chàng, nhưng một ngày nào đó, khi đỗ đạt thành tài, liệu Hùng còn nhớ đến một người con gái quê mùa, nghèo nàn, ít học như Lan hay không? Có còn chịu lấy Lan làm vợ hay không? Mỗi lần nghĩ như vậy Lan đều chảy nước mắt.

Không biết vô tình hay cố ý, mà khi chiều, Hùng lại đậu xe ngay bên cạnh xe của Lan. Hai gãm xe cách nhau chừng vài ba thước. Nên mỗi khi Lan trần trọc, cửa quây thì Hùng đều nghe rõ. Hùng muốn bò qua ôm Lan vào lòng, nói cho Lan biết là Hùng chỉ yêu có một mình Lan. Dù hoàn cảnh thế nào đi nữa, Hùng cũng không bao giờ thay lòng đổi dạ. Có lần Lan bóng gió xa xôi với Hùng về tâm sự của mình, thì Hùng gạt ngang, bảo

là quá khứ đã chứng minh cho lòng dạ của chàng. Mặc dù hàng ngày tiếp xúc không biết bao nhiêu cô gái trong trường. Có cô kín đáo, có cô lộ liễu bày tỏ mối cảm tình của họ đối với Hùng. Nhưng Hùng chưa bao giờ để ý đến ai. Hùng nói thật. Hùng chưa hề gian dối với Lan lần nào. Như trường hợp con Hoa chẳng hạn. Có thể nói Hoa là cô học trò đẹp nhất trong lớp. Hoa có thân hình thon gọn, cân đối. Dáng đi nhẹ nhàng tha thướt. Nước da trắng như bột lọc. Khuôn mặt trái xoan. Mái tóc dài đen nhánh. Đôi mắt đen tròn như mắt bồ câu. Cặp lông mi dài cong vút. Sóng mũi cao. Miệng nhỏ. Môi trái tim, lúc nào cũng mỉm cười. Có thể nói Hoa là hoa khôi của trường cũng không quá đáng. Không những các nam sinh của trường mà ngay cả những chàng trai khác ngoài đời cũng dốc tâm theo đuổi nàng. Nhưng Hoa chỉ để ý đến Hùng. Hùng biết rõ điều đó. Chỉ cần Hùng mở lời là Hoa sẽ sà vào lòng chàng ngay. Có lần Hoa kín đáo thổ lộ với Hùng, nhưng Hùng cứ phớt lờ. Hình ảnh của Hoa không thể nào thay thế hình ảnh của Lan trong lòng chàng được. Mặc dù Lan là một cô gái quê mùa, ít học, nhưng thật thà mà nói, về nhan sắc, thì Lan cũng không thua gì Hoa bao nhiêu. Có thể nói kẻ tám lạng người một cân. Lan có thân hình mảnh khảnh. Nước da bánh ít. Khuôn mặt trái xoan. Mái tóc đen dài. Mắt tròn. Mũi cao. Miệng nhỏ. Trên môi lúc nào cũng nở nụ cười. Dù người khó tính đến đâu, khi nhìn đến nàng cũng đem lòng cảm mến. Đối với Hùng, hình ảnh đẹp nhất của Lan là những khi đi rừng về, nàng ngồi ngất ngưỡng trên mũi xe bò. Đầu quấn khăn. Tay cầm roi quất qua quất lại, trông giống như một nữ tướng ngày xưa cầm roi ra trận, mà Hùng đã được đọc qua sách vở. Bánh xe cán

đường, bụi bốc lên mù mịt. Hình bóng của Lan mờ dần trong những chiều gió mùa lồng lộng, hoang vu, ảm đạm, những khi như vậy, lòng Hùng đau như dao cắt. Hùng yêu Lan thật tình. Quyết tâm cùng nàng kết tóc xe tơ. Chàng thể sẽ yêu Lan, tạo hạnh phúc cho Lan, chăm sóc cho Lan suốt đời. Nhưng Hùng không làm cách nào xóa tan được nỗi lo lắng của Lan, mặc dù Hùng đã nhiều lần nói cho Lan biết về quan niệm hôn nhân của chàng. Người vợ lý tưởng đối với Hùng không phải là một người đàn bà giàu sang, học giỏi, suốt ngày làm việc trong các văn phòng, hoặc đi đó đi đây, tiếp xúc với không biết bao nhiêu hạng người trong xã hội, đôi khi cũng chẳng thèm để ý gì đến cuộc sống của gia đình. Người vợ lý tưởng của chàng là một người đàn bà bình thường. Biết an thân thủ phận. Biết lo lắng cho chồng con. Biết tạo nên một cuộc sống ấm cúng cho gia đình. Vậy mà lúc nào Lan cũng cứ suy nghĩ lung tung, về lên không biết bao nhiêu cảnh tượng để tự hù mình, rồi buồn, rồi đau khổ, rồi lo lắng, băng khuâng.

Không bao lâu thì cả hai gia đình đều biết rõ về mối tình của hai người, và chẳng có bên nào tỏ ra phản đối. Ngược lại còn cố tạo điều kiện cho hai người củng cố thêm niềm tin, lấp bớt đi cái hố ngăn cách mà Lan đã từng ấp ủ. Nhất là ba má Hùng. Lúc nào hai ông bà cũng tỏ ra quý mến Lan, đôi khi còn gọi Lan đến nhà ăn cơm, hoặc mua tặng những món quà mà Lan ưa thích. Có thể nói cuộc tình của Lan và Hùng là một cuộc tình tuyệt đẹp, không bị sóng gió, trắc trở gì.

Ông Sáu Mai rút trà ra hai cái tách, mở tủ lấy ra một gói

thuốc ba số để lên bàn, rồi đi tìm hột quẹt. Ông Hai Đò đưa:

- Cha..độ này anh Sáu hút thuốc cán sang quá nhỉ. Chắc anh tập hút thuốc cán cho quen để mai mốt qua bên đó khỏi phải bỏ ngờ chứ gì?

- Đâu có, hôm tuần vừa rồi, có người quen ở Gài Gòn về, con Lan nó gửi cho tôi năm gói. Tôi hút thuốc rê quen rồi. Ba cái thứ thuốc lạt nhách lạt như đó tôi hút đâu có được. Hôm nay anh tới, tôi mới lấy ra đãi anh đó.

- Ủ, con Lan vào Sài Gòn học Anh văn gần cả năm rồi rồi anh nhỉ? Độ này nó ra sao rồi?

- Con nhỏ thật tẻ, lâu rồi nó có thư từ gì cho tôi đâu. Nghe nói tháng sau nó sẽ về thăm nhà. Má nó nhớ nó cứ cần nhằn tôi hoài, thật khổ.

- Mà tình hình đi Mỹ của anh tiến triển đến đâu rồi?

-Thấy người ta làm thì mình cũng bắt chước làm, chứ biết được cái gì đâu anh.

- Không biết sao thằng Hùng nhà tôi độ này cũng ít khi về nhà. Mà mỗi lần nó về, sao tôi thấy cái mặt của nó cứ bì xì hoài. Làm tôi cũng đâm lo..

Năm vừa rồi, sau khi hoàn tất thủ tục đi Mỹ theo diện HO, Ông Sáu Mai cho con Lan vào Sài Gòn để học Anh ngữ. Hôm từ giã Hùng, Lan khóc nước mắt. Hùng ôm Lan vào lòng tử tế:

- Lan đi Sài Gòn nhớ giữ gìn sức khỏe. Nghe người ta nói ở Sài Gòn cuộc sống phức tạp lắm. Không biết bao nhiêu cô gái còn ở quê thì rất..tốt, nhưng sau khi vào Sài Gòn một thời gian thì hoàn toàn thay đổi. Hùng rất sợ..

- Hùng đừng nói vậy, Lan đâu có giống như những người đó (?).

-Thì Hùng chỉ lo vậy thôi mà.

Cái buổi chia tay của hai người thật cảm động. Hùng nhìn theo chiếc xe đồ mang Lan đi mà lòng đau như cắt. Khi trở về gác trọ, Hùng ngã người lên chiếc ghế bố, nằm suốt cả ngày, không ăn uống gì cả. Mỗi lần nhắm mắt lại là Hùng thấy Lan đang đi bách bộ ở đường phố Sài Gòn bên cạnh một người con trai nào đó. Có khi Hùng hình dung Lan đang ngồi trong quán kem với cái váy đầm cũn cỡn, nhí nhảnh bên một cậu công tử đẹp trai, lả lơi, cười cợt..Hùng cố xua đuổi cái ý nghĩ nhắm nhí đó trong đầu. Hùng rất tin tưởng ở Lan. Hùng nghĩ không bao giờ Lan phản bội chàng. Lan yêu chàng tha thiết. Điều đó không ai có thể phủ nhận được. Nhưng rồi chàng lại nghĩ xa hơn. Giả sử, ở Sài Gòn Lan không bị cái cảnh phồn hoa đô hội đó cám dỗ, nhưng một ngày kia, nếu việc đi Mỹ của gia đình Lan trở thành sự thật, thì liệu Lan có đủ quyết tâm chống lại gia đình mà ở lại với chàng hay không? Mỗi lần nghĩ như vậy, Hùng đều băn khoăn, lo lắng.

Thời gian qua mau. Mới đó mà đã gần một năm. Hôm qua Hùng nghe tin bữa nay Lan về thăm nhà. Hùng mừng húm. Hùng tự vẽ cho mình những ngày thật hạnh phúc bên Lan. Hùng dự tính sẽ đưa Lan đi chơi khắp đó đây, rồi rủ Lan theo hai ông già lên rừng, để hai người cùng ngắm lại cảnh thiên nhiên, hùng vĩ của núi rừng ngày nào. Chàng sẽ đốt lửa cho Lan sưởi ấm. Sẽ cùng Lan leo lên ngồi trên những tảng đá cao chót vót giữa đất trời lồng lộng mà cùng nhau tâm sự. Hùng còn tính đem cả lều vải, chăn mền cho Lan ngủ đêm hoang. Hùng đang say sưa hình dung một cuộc đi chơi đầy thơ

mộng trong đầu, thì con chó của chàng sủa lên inh ỏi. Hùng bước ra ngoài. Một cô gái trang điểm diêm dúa, ăn diện lòe loẹt, đeo kính đen, mang găng tay, che dù màu tiến lại gần Hùng:

- Hế lô.. Hùng độ này vui vẻ chứ? Hai bác có khỏe không? Cô gái hỏi cho có lệ rồi bỏ đi thẳng. Hùng đứng nhìn theo, chưng hửng..

Thứợ tuần tháng mười hai, 2003.

nhonducnguyen@aol.com

Uyên Hà

Nhớ bạn

(tặng Đình Trầm Ca)

Tụi mày cứ bỏ đi từng đũa
Cứ đuổi nhau hoài những giấc mơ
Ta ở Sài Gòn say từng chập
Nhớ về hun hút những năm xưa

Vài thằng mất biệt về phương Bắc
Dẫm đũa tàn tro giữa cánh đồng
Có thằng tan xác trong vườn cũ
Lặng lẽ vẫn chảy những dòng sông

Mấy thằng thoát khỏi thời chiến quốc
Còn ta đứng lại giữa xuân thu
Có ai tri kỷ mà than thở
Gió quạt ngàn lau, bãi mịt mù

Ai hỏi phương nào ai có biết
Vàng trắng còn đậu giữa hồn ta
Quê hương thấy đó mà như mất
Tàn cuộc trăm năm vẫn nhớ nhà.

Lê Văn Trung

Hai mươi năm ngậm ngùi

Hai mươi năm mãi ngậm ngùi
Nỗi đau tôi – vết dao người còn nguyên
Rỏ từng giọt máu tai ương
Tôi ước vạn hạnh tận nguồn thương đau

Hai mươi năm còn gì nhau
Đôi lời phụ rầy dăm câu lọc lừa
Bây giờ người với tôi xưa
Nhìn nhau xa lạ
Đôi bờ
Nhớ
Quên

Hai mươi năm cuộc tình duyên
Cầm như hạt bụi ưu phiền nhẹ bay
Người ở lại – tôi về đây
Nguồn hoan lạc
Nỗi đau này
Vô chung

(Phan Thiết 1996)

Phạm Văn Nhân

Người bạn cũ

1/

TIẾNG CÒI TÀU LẠI VANG LÊN. NHỮNG HÀNH chuẩn bị quang gánh. Có người rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy làm một vài động tác cho thư giãn cơ bắp sau một đoạn đường dài tàu chạy ì ì ạch như một ông già lụ khụ với tuổi đời chồng chất. Tôi vẫn ngồi bó gối trên băng ghế dài kê dọc theo thành tàu, nhìn ra ô cửa sổ. Tàu chạy chậm chậm, không nhanh. Những bụi cây, những thê đất lồi lõm, hoang phế khô cằn như chưa từng có ai đến khai phá trên vùng đất hoang dã này, mà lâu lắm, tôi đã một lần cũng theo con tàu cũ kỹ của đời Tây thuộc địa để lên thăm nhà bố mẹ anh. Đất hai bên đường rây khô khốc, nứt nẻ, chỉ đủ cho những loại cây dại mọc không cao lắm làm chỗ núp mát cho những con chồn, con cáo.

Khung cửa sổ của con tàu vẫn là nơi để tôi nhìn ra ngoài, đủ thấy: đất đá ong khô nhiều ngấn lệ này trên phần đất cằn cỗi dọc theo hai bên đường tàu chạy.

Ngồi bên cạnh tôi, người đàn bà trạc tuổi bốn mươi, gương mặt trái soon, sóng mũi cao thanh tú. Nhìn dễ bắt mắt với nước da ngăm ngăm. Khác với những hành khách khác ngồi bên chị khi nghe tiếng còi tàu vừa vang lên, không làm cái này cũng làm việc khác để chuẩn bị khi tàu dừng ở sân ga. Chị vẫn ngồi im, nhìn ra khung cửa. Tôi gợi chuyện:

- Sắp đến ga rồi hả chị?

- Vâng! Ông mới tới đây lần đầu ?

- Dạ.

Chị nói giọng Bắc, nhỏ nhẹ. Tôi hỏi:

- Chắc chị về phố thăm bà con?

- Không. Tôi đi buôn. Kiểu buôn: mua đầu chợ bán cuối sông vậy mà.

Nghe chị nói, tôi nhìn xuống chỗ chị ngồi, chẳng thấy quang gánh đâu cả. Không như những người đàn bà đi buôn khác, đang ngồi trên cùng một băng ghế với tôi. Đưa mắt nhìn vu vơ như tìm một cái gì đó: thúng mững, quang gánh mà trên con tàu chợ này người ta để bữa bãi trên lối đi giữa hai hàng ghế. Nghe chị nói, tôi hỏi:

- Có đủ sống không chị?

- Đắp đổi thôi ông ạ. Qua ngày vậy mà!

Tôi nghĩ đến những người dưới phố. Thời buổi của bon chen, không thiếu gì những người chộp giựt. Từ người bán hàng rong ở cuối chợ, bỗng chốc cất nhà lầu. Rồi cũng từ nhà lầu sụp xuống chỉ còn vài ba miếng lá che nắng dụt mưa. Tôi nhớ thằng đệ tử của tôi, buổi sáng ngồi uống cà phê ở cửa hàng quốc doanh gặp tôi, nó nói:

- Ông thầy, bỏ chiếc xe đạp cà tàng đó đi. Mua chiếc dream mà đi.

- Đi ăn cướp của người ta chắc?

- Dễ lắm, ông thầy chỉ ừ một tiếng là có người đem dream tới tận nhà cho thầy.

- Mày nói dễ như lấy đồ trong túi.

- Như em nè.

Nó nói tỉnh bơ. Tôi nhìn nó. Ừ, mới ngày nào tôi còn thấy nó đi phụ hồ đây mà. Sao bây giờ lên voi sớm thế. Bụng nghĩ, thằng giỏi thật. Về nhà nói lại cho vợ nghe làm ăn theo lối mảnh của thằng đệ tử này may ra có

thay da đổi thịt chút nào không. Chứ ngày nào cũng làm bù đầu mà sắm cho con chiếc xe đạp cũng sắm không nổi. Vợ cười: thôi, chết có ngày ông ạ. Tôi nói lại: sao lại chết, mình có cướp giựt của ai đâu? Vợ tôi cho tôi là thằng khờ còn đang ngái ngủ, bà phán: ông lên bệnh viện mà coi, nhiều bà uống thuốc rầy tự tử trên đó. Tôi hỏi: làm gì dữ vậy. Huê hụi, nó như cơn sốt ở thành phố này. Ông muốn uống thuốc rầy thì cứ việc chơi. Vợ tôi nói cộc lốc.

Hèn chi thằng Vân bên mai táng nó nói với tôi tháng trước nó có “lịm” một người đàn bà, có lẽ ông chồng làm lớn. Bà tự tử. Ông chồng bảo nó là đem bỏ cuốn sổ vào trong hòm, lịm luôn. Nó ngạc nhiên, nhưng phải làm theo gia chủ. Vợ tôi nói: sổ ấy là sổ phong thần đấy. Thôi, ráng lao động chân tay, có mệt một chút, mà óc nó khoẻ.

Lao động chân tay. Tôi nhìn người đàn bà ngồi bên cạnh tôi trên xe lửa: buồn đầu chợ bán cuối sông vậy mà. Đủ sống....Còi tàu lại vang lên , người đàn bà đứng dậy, kéo lại vạt áo xuống cho ngay ngắn, rồi nói: tàu vào ga rồi đấy ông. Tôi nhìn ra ô cửa, ga quét vôi màu tím nhạt. Buổi chiều, phủ ánh nắng vàng nhạt vào tường ga. Màu tím với màu nắng trên sân ga thấy buồn buồn. Ga chiều. Người đàn bà vẫn đứng, hỏi:

- Nhà bạn ông ở xóm ga?
- Không. Tôi nhớ phải qua bên kia cầu móng, rẽ phải, đi dọc theo giồng sông khoảng sáu bảy trăm thước thì tới.
- Nhà ai bên đó. Tôi có thể biết không?
- Nhà anh Kỳ.

Người đàn bà reo vui:

- Có phải anh Kỳ bị liệt đôi chân không?
- Dạ!
- Tôi thường hay lội sông qua bên đó lắm. Anh ấy thật giỏi. Liệt đôi chân mà vẫn lao động được.
Rồi người đàn bà, nói như để tôi nghe: Mà không làm, lấy gì sống!

Xe lửa ngừng hẳn trong sân ga. Những đứa trẻ bán hàng rong nhảy lên mời mọc: thuốc này bác, này chú. Một gói điện biên đi chú. Thuốc thơm du lịch này chú.... Tôi nhường cho người đàn bà xuống trước, nói lời xã giao: chị về nhà vui vẻ. Người đàn bà quay lại: ông cũng thế nhé. Gặp bạn vui.

Tôi định bước qua đường ray để đi dọc về hướng cầu móng. Có tiếng còi tàu bên kia cầu. Đám trẻ con la lên: tàu thống nhất đến. Tàu thống nhất đến tụi bay ơi! Như một đoàn quân sẵn sàng lao về phía trước khi đoàn tàu dừng lại. Tấm bảng cấm màu đỏ được kéo lên, tôi ngồi xuống đường ray chờ.

Nắng chiều như đổ dài xuống dọc theo những con đường sắt trong sân ga. Chuyến tàu chợ mà tôi đi khi này, nằm im dưới ánh nắng chiều hiu hắt. Và, tôi nhớ lời của người đàn bà nói lúc nãy: liệt đôi chân mà vẫn lao động được...Có thật như thế không? Đôi chân đã liệt rồi, đi còn không nổi thì làm sao mà cuộc?
Tôi nhớ lại...

Lâu lắm, phỏng chừng hơn mười năm, tôi không gặp lại

anh. Nhưng từ năm 1972 tôi cùng mấy người bạn ngồi uống cà phê ở quán Đào Viên gần bến sông. Buổi chiều, cũng trong ánh nắng nhàn nhạt hiu hắt chiếu xuống trên những cành vong rậm lá trong công viên cổ, thì tôi bắt gặp một hình ảnh thật đẹp đập vào mắt tôi. Hình ảnh: một người đàn bà mảnh khảnh đang đẩy chiếc xe lăn trên con đường nhựa dọc theo bến sông; mà người ngồi trên chiếc xe lăn ấy lại là người lính. Hình như hai người đang nói chuyện gì đó mà người đàn bà vui qua nét mặt? Tôi đặt tách cà phê xuống bàn. Hình ảnh thật tuyệt vời. Phải chi tôi có chiếc máy ảnh, ghi vội cái hình ảnh mà tôi chưa bao giờ bắt gặp này, trong cuộc đời binh nghiệp của tôi. Nhất là buổi chiều hôm đó, nắng đang trải dài trên bến sông, và con nước đang mùa thủy triều lên, buồn bã. Tôi nói với mấy người bạn. Cái gì? Có người hỏi. Tôi chỉ hình ảnh người đàn bà đang đẩy chiếc xe lăn. Tụi nó ngưng uống và im lặng: nhìn, như tôi.

Nào ngờ, chiếc xe lăn và người con gái mảnh khảnh ấy đi gần đến quán Đào Viên, ai như Cẩm vậy, tôi nói nhỏ rồi chồm người đứng dậy, gọi:

- Chị Cẩm! Phải chị Cẩm không?

Chiếc xe lăn dừng lại. Người con gái ngó quanh, tìm kiếm. Tôi chạy đến chiếc xe lăn. Trời đất. Chính người bạn của tôi. Kỳ! cậu sao thế này?

Tôi nhìn Kỳ với nụ cười chẳng có gì là “ héo hắt ” trên môi của Kỳ cả. Kỳ hỏi : cậu về phép? Ừ! Chuyện còn dài, tôi mời cô cậu vô đây với chúng tôi. Tại sao cậu như thế này. Tôi vừa nói vừa chỉ vào quán Đào Viên.

Kỳ lắc đầu, không muốn vào. Và Cẩm cũng thế, muốn giữ một khoảng cách im lặng trong cuộc sống của hai

người. Và, Tôi bỏ mấy đứa bạn ngồi đó, thả bộ theo bờ sông . Con nước đang mùa lên lai láng, mà những năm rất xa tôi với Kỳ thường hay đứng trên bờ sông bên này soi cánh tay bơi qua bờ bên kia, vẫy vùng trong giòng nước mát.

Con đường dọc theo bờ sông, buổi chiều hôm ấy rộn rã tiếng sáo sậu trên những cành vong đồng trong công viên cổ, nhưng tôi nghe sao buồn quá đổi....

Đoàn tàu thống nhất rồi cũng rời sân ga. Sự im ắng trở lại trên sân ga chiều. Tôi đi về hướng cầu móng. Đứa trẻ chạy theo, mời mọc: Mua cháu gói thuốc. Tôi lấy hai gói Điện Biên, rồi qua cầu. Giòng nước dưới cầu cạn khô, trơ mặt những viên đá cuội. Câu nói của người đàn bà trên chuyến xe lửa chợ: liệt đôi chân mà vẫn lao động được. Cũng như hôm nay, tôi qua cầu móng, cây cầu với những tấm ván không được khít lắm, thế mà, Cầm vẫn âm thầm đẩy xe lăn cho chồng đi lại trên những tấm ván cầu này hằng bao nhiêu năm. Một sự chịu đựng lớn lao của người vợ lính. Nhất là những người đàn bà Việt nam trong chiến tranh. Có lẽ trên thế giới ít có người đàn bà nào có sự chịu đựng lớn lao và âm thầm như những vợ con của lính, mà thằng bạn tôi thường nói. Đẩy xe lăn để đưa anh đi đó đi đây, hay đẩy xe đưa anh về lại ngôi nhà trên phần cũ, mà đã lâu lắm tôi cũng theo chuyến tàu về thăm.

2/

Gần hết thế kỷ 20 rồi mà chỗ này vẫn chưa có điện. Một chút ánh sáng vẫn minh cũng không thể lọt được tới đây. Và, hàng tuần, Cầm vẫn xách thùng ra ga mua dầu

hỏa. Kỳ vừa châm dầu vào cây đèn tạ vừa nói. Hai bánh xe như hai cái chân của anh mà anh xử dụng một cách thành thạo.

Ánh sáng cây đèn tạ tỏa sáng căn nhà sau. Tôi nhìn thấy những trái bắp khô được cột chặt treo trên giàn khói. Tôi chỉ Kỳ:

- Cậu trông?

- Không. Chỉ phụ Cầm bỏ hạt thôi.

- Bằng cách nào?

- Léch theo sau Cầm, bỏ hạt và lấp lỗ.

- Hèn chi người ta nói nhiều về cậu.

- Tốt hay xấu?

Tôi cười và Cầm cũng cười, đùa theo:

- Chắc là xấu anh nhỉ?

- Không. Một tấm gương đáng học.

- A...! Kỳ vừa rót nước trà ra ly, vừa cười: Chuyện tốt người tốt đấy nhỉ.

- Thật đấy. Một cô gái Bắc đi cùng chuyến xe lửa nói cho tôi biết.

- Cậu nói như thế đổ ai mà biết.

- Tôi cũng chịu. Cô ta nói là hay qua bên cậu để mua ngũ cốc.

Kỳ lại cười vui:

- Chắc mấy cô bên xóm đạo chọc cậu đấy!

Tôi ngồi im không nói gì, nhìn Kỳ rồi nhìn Cầm. Mới đó mà đã mấy mươi năm. Cầm vẫn không thay đổi gì mấy, dù có già đi chút ít. Thấy tôi không nói mà chỉ nhìn. Cầm hỏi:

- Anh nhìn gì dữ thế?

Tôi cười cười:

- Mới đó mà mau ghê nhỉ? Cái ngày mà mỗi buổi sáng,

sương còn đọng trên lối đi, nhất là vào những ngày thứ bảy hàng tuần, Kỳ gọi máy từ trên đồi xuống: cho con cái làm ăn sớm đi. Tôi hiểu ý của thẩm quyền, và cũng của người bạn từ hồi còn mặc quần xà lỏn chạy rong trong xóm. Khi bố của Kỳ còn là xếp nhà ga ở một nhà ga nhỏ bé P.H. Làm ăn sớm, có nghĩa là giữ an ninh trực lộ cho những chuyến xe lam về xóm đầm. Vâng, nơi xóm đầm ấy có Cầm. An ninh để cho dân đi lại và, cũng để cho cô Cầm từ quận lỵ về nhà thăm ba mẹ. Mỗi đêm, Kỳ hay bắn đạn súng cối để yểm trợ mỗi khi con cái cần đến hay bắn “quấy phá” những nơi nghỉ ngơi. Tôi thường chọc: anh rút cho khéo nhé, kẻo trúng nhà em. Nào ngờ anh chàng Kỳ này cứ mon men tán tỉnh, để rồi cô cậu lấy nhau khi tôi có lệnh đổi đi đơn vị khác.

Kỳ để ly nước trà xuống bàn, hỏi:

- Có khi nào cậu nghe tiếng vườn hú chưa?

Tôi nói:

- Có, mà lâu lắm rồi, khi còn trong quân ngũ. Việc vườn hú, chim kêu cũng thường thôi.

- Không, nó không thường như cậu nghĩ đâu. Nhất là mấy năm nay sau nhà tôi có tiếng vườn hú.

- Cậu nói gì mà nghe ly kỳ vậy?

- Thật đấy, một con vườn muốn nghe kinh.

Tôi nghĩ, lúc còn nhỏ, tôi thường hay nghe người lớn nói là trên chùa núi có ông cọp cứ mỗi chiều chạng vạng là tới trước sân chùa nằm chờ nghe sư ông tụng kinh. Xong lần quần bên chùa chẳng chịu đi xa, chờ chạng vạng là nằm trước sân chùa nghe kinh, nghe kệ. Sau đó, cọp chết, sư ông mới làm cái miếu để thờ thần hổ. Lớn lên tôi có lên chùa núi vài lần và thấy cái miếu đó. Bây giờ

nghe vợ chồng Kỳ nói có con vườn ở đâu đó, mỗi đêm lại về, hú lên những tiếng hú buồn kinh khủng, hình như nó muốn nghe kinh như thần hổ ngày nào trên núi. Tôi thấy lạ, hỏi:

- Cậu tụng kinh lâu chưa?

- Lâu. Từ lúc tôi được xuất ngũ. Biết không làm được cái gì nữa có ích cho xã hội, cho gia đình. Nếu không có câu kinh mà tôi tụng hằng đêm, có lẽ, quần trí tôi chết để khỏi làm phiền đến vợ con.

Tôi hộp ngum trà nóng, nghe người bạn nói mà buồn vô cùng.

Lúc đó, tôi với Kỳ còn trẻ lắm, nghe Kỳ bị thương nằm trong quân y viện Qui Nhơn. Tôi đến thăm. Thấy tôi, Cầm khóc. Cái thời còn cực khổ khi đóng quân bên bờ đầm Trà Ổ, sáng sáng phải mở đường cho bà con đi lại, cho Cầm đón chuyển xe lam về thăm nhà. Để rồi, tôi ra đi. Kỳ ở lại nên vợ nên chồng với cô gái quê bên bờ đầm. Bây giờ, Kỳ chỉ chiếc áo giáp mà Cầm mang theo “ Cái lưng áo nát hết, tôi tưởng không sao. Nào ngờ, chỉ một mảnh nhỏ của trái lựu đạn đâm thẳng vào xương cụt của tôi ”

“ Bác sĩ bảo sao? ”

“ Chuyển tôi về TYV/CH chạy điện. Tôi tin thời buổi y khoa tiến bộ. Chắc không sao đâu cậu nhỉ? ”

“ Tôi cũng tin như thế ”

Rồi thời gian qua, tôi không gặp lại Kỳ. Cho đến năm 1972, ngồi với mấy thằng bạn uống cà phê nơi quán Đào Viên bên cạnh vườn hoa cổ, thì gặp lại Kỳ. Kỳ nói tiếp:

“ Tôi xuất ngũ sau đó một năm năm điều trị. Chân của

tôi càng ngày càng teo. Không làm gì được nữa, tôi bảo Cầm đưa tôi về lại ngôi nhà mà tôi đã lớn lên. May có Cầm bên cạnh và đêm đêm tôi chìm người vào trong tiếng mõ, câu kinh để cho tôi tự tin và tôi thấy tôi trở lại.”

Một người bạn cũ. Một đồng đội cũ. Nghe những lời anh nói. Lòng tôi chùng xuống. Cầm vẫn ngồi yên ở cuối bàn, lắng nghe từng lời từng chữ của chồng; mà bao nhiêu năm vẫn vui bên cạnh người chồng tật nguyền. Chỉ vì một mảnh đạn rất nhỏ trong trái lựu đạn đã làm cho anh trở thành phế nhân.

Bên ngoài, bóng đêm đã phủ xuống trên nương rẫy, trên giòng sông mà khi chiều tôi đi dọc theo giòng sông ấy để tới ngôi nhà mà vợ chồng Kỳ đang ở. Hình như đã nghe quen, Kỳ đẩy xe lùi ra khỏi bàn một chút, rồi nói:

- Cậu có nghe gì không . Nó đấy.

Cầm biết ý của chồng, đứng dậy, với tay lấy cái áo dài màu lam móc trên cây trụ nhà, đưa cho chồng. Kỳ nói:

- Cậu ngồi uống nước. Đúng giờ tôi khai kinh.

Dùng hai tay đẩy bánh xe lên nhà trên. Tiếng con vượn không còn hú ở bên ngoài. Tôi hỏi Cầm:

- Đêm nào cũng thế, vào giờ này?

- Vâng. Hình như nó có một tâm trạng buồn!

- Có khi nào Cầm thấy nó không?

- Em không dám ra ngoài vào ban đêm. Còn Kỳ thì tật nguyền làm gì được. Nhưng có một điều mấy năm trước khi về phá hoa màu của tụi này nhiều lắm, nhưng từ khi có tiếng hú của con vượn này thì dám khi không còn phá phách nữa.

Cầm vừa nói vừa đi vào nhà trong phụ với Kỳ. Tôi cũng đứng dậy đi theo, và ngồi xếp bằng xuống trên chiếc

chiếu hoa trải trước bàn thờ. Nhìn Kỳ trong chiếc áo dài màu lam phủ kín đôi chân bé nhỏ trên chiếc xe lăn đã quá cũ với thời gian, vâng, chỉ có giây phút này thôi để cho người bạn tôi mới lấy lại được thăng bằng trong cuộc sống. Cái yên lặng của tâm hồn. Cái mùi hương trầm phảng phất trong ngôi nhà làm cho anh tịnh lại. Và, sau bài dâng hương, Kỳ bắt đầu tụng. Bên ngoài một màu đen bao phủ, và bên trong im ắng lạ lùng. Chỉ nghe tiếng của Kỳ cùng với tiếng mõ khi nhịp khi khoan, khi nhanh khi chậm. Không gian chìm trong sự tĩnh lặng. Và Kỳ, và Cầm, và tôi chìm trong tiếng tụng đều đều của Kỳ. Để rồi, đến bài Bát Nhã Tâm Kinh tiếng mõ thoan thoát hơn cùng với tiếng đọc kinh nhanh hơn của Kỳ, mà tôi nghe lòng mình chùng xuống bao nỗi lo âu của kiếp người. Có lẽ người bạn tôi nói đúng, vì lòng người có nhiều bất động, lo toan, ham sống, sợ chết.... Ngay bản thân của anh khi nhìn thấy đôi chân teo rút lại trên thân thể mà trước đó anh là người rất năng động. Cuộc chiến đã loại anh ra khỏi “ sự sinh hoạt chung của đồng đội ”, để rồi đẩy anh vào một ngõ cụt không còn lối thoát cho bản thân anh, cho gia đình anh, thế mà anh vẫn tự tại được bên người vợ, vẫn vui vẻ trong cuộc sống hằng ngày, có lẽ, vì Tâm Kinh đã đưa anh về một vị trí khác trong kiếp nhân sinh phù ảo này. Cũng như tiếng hú của con vượn ngoài bóng đêm kia, mà hằng đêm nó thường về hú lên tiếng hú mà lần đầu tiên tôi nghe, khác với tiếng chim kê, vượn hú trong những ngày còn lội trong rừng. Loài vượn cũng là một sinh vật. Cũng có hĩ nộ ái ố như con người. Chẳng qua ta không nghe được tiếng nói của những sinh vật khác, nhưng qua tiếng hú của con vượn ngoài trời đêm đen tối kia, và

tiếng đọc kinh của Kỳ, quả thật Tâm Kinh đã đưa được con người và có thể cả những sinh vật khác, như con vượn sau nhà người bạn tôi từ bờ mê sang bờ giác?.

Bên ngoài bóng đêm, tiếng con vượn lại hú lên một lần nữa, tôi nghe hình như có cái gì đó “ tỉnh ” được trong tâm hồn của một sinh vật không nói được tiếng người. Và, ngay cả Kỳ, cả Cẩm, và cả tôi nữa khi nghe Kỳ đọc câu chú cuối cùng của tâm Kinh: Yết đế, Yết đế , Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.

Với câu chú này, Kỳ đọc tới ba lần trước khi chấm dứt. Thật tình tôi chẳng hiểu gì, nhưng chắc chắn đó là một câu chú thần diệu để kết thúc một Tâm Kinh. Và, câu chú ấy đã ăn sâu, mọc rễ trong máu huyết của tôi kể từ ngày hôm ấy.

Người bạn của tôi. Cuộc đời “ tàn phế ” còn lại của anh với người vợ “ chân què ” bên bờ đầm Trà Ổ ngày nào, vẫn an vui, tự tại. Mà hôm ấy, tôi đón chuyến xe lửa chợ để đến thăm anh lần cuối. Nhân đọc bài: Nghĩ từ trái tim của Đỗ Hồng Ngọc, tôi lại nhớ đến Kỳ, một đồng đội và cũng là một người bạn thời còn rất nhỏ của tôi.

Phạm Ngọc Lữ

Phù dung

Phải em là khách chiêm bao?
Từ đêm thiên cổ lạc vào đêm nay
Xiêm vàng áo giấy lay bay
Mơ man nét khói đường mây đa tình

Em từ quê quán Vô Minh
Thoát thai cát bụi tái sinh đào hồng
Khuya nay mở quán Phù Dung
Mời ta khai vị sắc lòng phấn hương

Đêm xưa tao ngộ Tầm Dương
Nhận ra giòng dãi đoạn trường với nhau
Khóc cười chung một biển dâu
Tài hoa đồng hội, khổ đau đồng thuyền

Phong trần xé áo rách xiêm
Ba đào đắm mộng, truân chuyên hợp hôn
Ta chơi vơi giữa sinh tồn
Em chưa thoát nợ phấn son kiếp nào
Đêm nay rượu gửi tình trao
Đề thơ lên cửa chiêm bao, chạnh lòng...

Lạnh dần một quán hư không
Khép dần một đoá phù dung vô hình
Em chìm xuống đáy Vô Minh
Bỏ ta trên bến nhân sinh bàng hoàng
Sương rơi, đêm cạn, quán tàn

Cô đơn vùi vùi... trần gian ta ngồi
Chung quanh vẫn vậy cuộc đời!
(1999-2003)

Bàn tay

*(Tặng Nguyễn Lệ Uyên,
tác giả truyện “Vợ chồng già”)*

Đêm đêm môi ngậm mắt ngủi
Đào sâu thương tiếc chôn vùi xót xa
Bốn bàn tay quá thật thà
Lau mưa rửa nắng cứ là tay trơn!

Lau chùi xác áo xơ cơ
Hai mươi ngón mỗi ngón mòn ồm ồ
Níu nhau: đau đớn dày vò
Rời nhau: Tang-hải-trận-đồ bữa vầy!

Từng đêm anh trở em xoay
Biết đâu bụi đỏ trối tay nhau rồi!
Xót xa thân ngậm thế ngủi
Em lau bạch lệ anh chùi phù vân
Bốn bàn tay vẫn trắng ngần
Đem thanh cao chọi phong trần, mà chơi!
Hai mươi ngón rã ngón rời
Đêm đêm ấm lạnh... bồi hồi đi nhau.

12-2003

Cao Vị Khanh

Thư Tết

(Tùy bút)

*Rồi tết đến, rồi lòng em nhớ quá
(thơ NDT)*

Em xa xôi,

TRƯA NAY, MỪNG MỘT TẾT, CÁI TẾT THỨ 21 của tôi ở xứ người. Trời đổ tuyết từ ban sáng. Mùa xuân đâu không thấy chỉ thấy lạnh và buồn. Tôi chắc em cũng như nhiều người Việt khác đang mài miệt trong những xưởng thợ hay văn phòng ở đâu đó trên khắp cùng mặt đất, có thấy gì là tết đâu dù rằng trong lòng mình không thiếu một nụ xuân. Sao tôi thấy thương em, thương Lý, thương Lê, thương Trần, thương Nguyễn và còn ai nữa... hết thấy những người Việt đang ngậm ngùi nhớ tết ở một nơi không phải chỗ của mình. Sao tự dưng tôi như thấy em đang ngẩn ngơ, thấy chị đang thờ thẩn, thấy anh đang nôn nao như chờ đợi nghe thấy lại một cái gì đã có lần rạo rực đẩy lên tự lòng đất, loáng thoáng trong khói hương, chập chờn giữa trời rộng khi chúng ta còn ở đó, quê nhà. Nhớ không em cái lao xao của cây cỏ, cái náo nức của phố phường, cái lung linh của khuya im đêm trừ tịch. Tôi chắc mọi người đang thấp thỏm sống lại cái tình tự của một tết năm nào. Nhưng mà nhớ thì có nhớ nhưng gặp lại thì chắc không bởi vì mình có ở quê mình đâu. Mình đang ở xa quá, xa tới gần một phần tư thế kỷ, cái quê hương mù mịt cứ nghĩ tới là mũi lòng. Cho nên dù có

giả bộ bắt chước anh con trai trong một bài hát cũ hát lắm thắm “ xuân đã về chưa ?” thì cũng chỉ thấy đọng lại một chút vị cay cay trên khóe mắt. Bởi vì xuân đâu có về kịp ở một cõi trời quá lạ.

Buổi sáng hôm nay, em thức dậy chắc cũng giống như nhiều buổi sáng khác khi trời còn mờ tối, ngoại ô còn ngái ngủ rụt rè trong lớp áo đọng sương. Em dậy sớm hơn chồng và con vì còn phải sửa soạn thức ăn cho mọi người đến trường sớm. Vội vội vàng vàng em đâu thấy kịp mấy đóm sao còn lấp ló ngoài cửa sổ. Em còn phải nhanh tay sửa soạn để kịp chuyến xe điện ngầm thứ nhất. Khi em ra khỏi nhà thì đóm sao đã buồn bã bỏ đi mất. Một mình em vừa đi vừa chạy, tay quấn vội cái khăn len quanh cổ, tay kéo sát cái áo lạnh chùng kín chiếc thân bé bỏng co ro. Mùa đông còn lạnh và dài lắm. Bầu trời nhem nhuốc và phớt xá còn lấm lem cơn mưa tuyết cuối tuần. Chung quanh em bắt đầu có thêm nhiều người khác, cũng đang vội vã chạy theo sau cái tia sáng đầu ngày. Và như vậy, em đi đến hăng tự nhiên như những buổi sáng bình thường khác. Một buổi sáng bình thường như trăm ngàn buổi sáng khác của em, của chồng con em, của bạn bè em, của những người đang sống một mùa xuân giả bộ. Cho nên, tôi biết, sáng hôm nay ở trong sổ, đầu óc và tay chân thì bận bịu với công việc mà lòng em thì buồn quá đỗi. Bởi vì giữa lòng em nguyên đán đã rộn rịp ngay từ nửa đêm hôm qua khi trời ở đây còn tối mịt.

Từ một hai tuần trước em đã mua sắm nhiều hơn chút đỉnh. Thịt cá, dưa kiệu dưa chua, bánh mứt, cái gì cũng nhiều hơn một chút. Bề gì cũng phải cho chồng con thấy chút hơi hướm của ngày tư ngày tết. Em còn cẩn thận dặn tiệm bông để dành cho em một chậu cúc vàng mặc

dầu vẫn chếp miệng than đất loại hoa trái mùa. Em ân cần và chu đáo lắm. Em muốn tạo một không khí tết cho gia đình và cho riêng em. Mới chạng vạng, em đã thu dọn lại nhà cửa, sửa soạn chiếc bàn thờ tổ tiên và cũng đã bày mâm cơm cùng chồng con cúng rước ông bà. Vậy mà giữa hương khói sao bỗng nhiên em như thấy cô đơn hơn ngày thường. Phải không ? Bởi vì sao em không bắt gặp lại được cái lung linh của tối giao mùa như thuở trước, khi còn bao bọc chung quanh những tấm thân tình, và nhất là cả nước non đều mang chung một nỗi rạo rức như ngay chính lòng em đang rạo rức. Ở đó, mỗi lượt giao thừa, cỏ cây lay lắt như muốn chuyển mình, sông núi cũng động dậy bừng tỉnh, đừng nói gì con người, hết thấy đều như say say, thấy như vừa nếm một chút rượu nồng cất bằng thứ men cay của trời đất. Người ta như thấy có một cái gì thôi thúc, chộn rộn khiến đứng ngồi không yên, có một cái gì đó băng lăng lao xao ngay trong không gian lắng đọng làm cho mọi thứ trở nên tươi tỉnh hơn và hơn nữa như xúi bẩy mọi người gần gũi nhau hơn. Ở khắp mọi nơi, người ta như nghe thấy từng nụ mầm đang lật bật chỗi dậy, mới tinh, khỏe mạnh và nhất là như truyền nhiễm cái niềm vui trong lành lên từng xó xỉnh của đời sống. Bỗng nhiên người ta quên phứt những phiền toái, những giận hờn, những mắc mớ của phận người. Bỗng nhiên người ta đổi mới ngay trong phút chốc. Em cũng vậy. Có nhớ không? Em thấy em tươi như một nụ hàm tiếu. Em thấy em vui như một tiếng cười giòn. Và áo mới xúng xính. Và đồng tiền mừng tuổi. Rồi hoa đào hoa mai. Rồi bánh chưng bánh tét. Những năm em lớn lên chiến cuộc dữ dằn quá, pháo bị cấm đốt. Nhưng có cần đâu, trong lòng em là cả một tràng pháo

vô thanh nổ đòn dã, xác pháo đỏ vô hình rưới đầy tấm lòng em mới nguyên. Em mừng thêm một tuổi lớn, hồn mở rộng thênh thang, háo hức chờ đợi những bất ngờ...

Vậy mà tối hôm qua, trong ngôi nhà nhỏ rất ấm cúng mà vợ chồng đã tụ được sau nhiều năm cày cục, bên cạnh người chồng lúc nào cũng ân cần chiều chuộng và đứa con kháu khỉnh, em cũng đã thấp nhang thành khẩn van vái ông bà đất nước ngay khi đồng hồ vừa điểm đúng 12 giờ báo hiệu một năm cũ vừa hết và một năm mới rục rịch bắt đầu, sao em vẫn cảm thấy như có một cái gì trống lạnh, quạnh quẽ quanh đây. Làm như em cảm thấy lời cầu khẩn của mình không được đáp ứng. Mấy bông cúc vàng chợt thấy lẻ loi bởi không có muôn hoa để cùng đua nở. Mấy đĩa đồ cúng dường như tẻ lạnh mặc dầu em đã cẩn thận nấu nướng sẵn từ ngày nghỉ cuối tuần. Tội nghiệp em, em đâu có nhiều thì giờ trong những ngày làm việc. Ở sở về, em vừa đi vừa chạy y như buổi sáng, ghé qua rước con ở trường, rồi lúi cúi xào nấu để kịp bữa ăn tối, có khi không kịp thay bộ đồ lạnh sùng sình. Bởi vậy, em đã bắt chước mẹ kho sẵn một nồi thịt, nấu một tô canh khổ qua dồn thịt băm với đĩa đồ xào hải sản. Em nhớ mẹ cũng đã làm giống như vậy. Em còn làm giống như ba, khui chai rượu quý rót đầy ba cái chung nhỏ, rót thêm một tách nước lạnh để ông bà súc miệng trước khi dùng cơm, em còn thấp hai cây đèn cây có ướp mùi hoa lài thơm phức. Mâm cơm cúng dóm qua cũng thơm tất giống như của ba mẹ em đã làm. Vậy mà sau khi đã sửa lại bộ điệu quần áo ngay ngắn, thấp nắm nhang cúng vái, chỉ mới vừa lẩm nhẩm đọc thầm trong đầu mấy chữ “cửu huyền thất tổ” như ba đã dạy là nước mắt em đã trào ra như chờ sẵn từ lúc

nào. Đứa con lấm đấm bên chân thấy mẹ khóc cũng mếu máo khóc theo. Ngó lại thì mắt chồng cũng rướm rướm. Tết đâu không thấy chỉ thấy cả nhà ôm nhau khóc mùi mẫn như chỉ mới xa quê đâu được đôi ngày. Em khóc mà không biết rõ tại sao. Đường như em tủi thân, đường như em tiếc nuôi. Em thấy như không có ông bà nào chịu khó cất công vượt ngàn trùng qua đây với em. Đường xá xa xôi quá mà ông bà thì quê mùa làm sao biết ngõ đi lối về. Còn đất nước, đất nước em thì bị kềm kẹp làm sao thoát được mà dong ruổi. Cha mẹ và bảy em nhỏ thì đang lây lất đón cái tết nghèo nàn chắc cũng đang nhớ em mà phải bấm bụng cho quên. Đêm ở chung quanh thì tối mịt, đặc quánh hơi lạnh mà lại trống hoang vì không có một bóng người. Tết đó sao? Đầu phải mùa xuân của em như em đã chờ đợi và đã gặp gỡ như khi còn ở bên nhà. Cả một tuổi thiếu nữ em sống ở đó, mùa xuân dậy thì như bông búp e thẹn, em theo mẹ đi chùa hái lộc đêm giao thừa, lòng thấy hoang mang sung sướng mà không rõ vì sao. Mà có cần biết lý do đâu, em thấy mọi người chung quanh hỗn hởi thì lòng em cũng nở rộ đóa hạnh phúc. Trong hương trầm nghi ngút, mọi tấm lòng như mở ra cho tiêu vong hết mọi uẩn khúc và thay vào đó nổi cảm thông bắt nhịp với người và với trời đất. Trong một tích tắc người ta như bắt gặp lại hồn thiêng sông núi, người ta thấy mình hòa tan vào cái thăm thẳm của vũ trụ không cùng. Phút giao thừa như sát na hội ngộ. Gặp lại lòng mình, gặp lại lòng người và còn tìm gặp lại cái nguồn cội sâu xa của chính đời mình nữa. Vậy mà ở đây em không thấy gì hết. Em chỉ thấy lòng mình trống trải như một cõi không mà lại nặng nề như mộ địa. Cái gì chớ cái nầy thì chồng con em không an ủi

được gì cho em hết. Tội nghiệp Việt. Nó cũng thần thờ như em vậy thôi. Việt đưa tay vỗ nhẹ vai em rồi ôm em và con siết chặt. Cặp mắt Việt sụp xuống như có cả núi sông đè lên đó. Phải rồi từ lúc này chính Việt cũng thấy như thiếu thiếu một cái gì. Nó đã cẩn thận kiểm soát lại gian phòng, bàn ghế, chậu hoa, tấm lịch đã gỡ tới tờ cuối cùng, bức hình gia đình ở quê chụp chung lúc lên 10 tuổi đã vàng ố... tất cả vẫn y nguyên vậy. Kể cả mâm cơm cúng mà em đã sửa soạn với hết lòng thành khẩn đã làm Việt cảm thấy tự hào về cô vợ trẻ đảm đang của mình. Có thiếu gì đâu. Ba chén cơm với ba đôi dưa, mấy cái muông, mấy đĩa đồ ăn bốc khói, nhang đèn... tất cả đều ở đó. Và cái gia đình nhỏ của mình cũng đủ mặt ở đây. Có thiếu gì đâu? Vậy mà sao Việt vẫn thấy thiếu. Cho đến khi thấy em bật khóc nó mới chợt nhìn ra cái thiếu sót đó, nằm ngay trong lòng mình chỗ đâu, và bây giờ phải ra văng vát trong không gian tù túng của căn nhà đóng kín cửa. Có một sự vắng mặt lớn lắm mà dường như Việt đã mừng tượng đâu từ chiều hôm qua khi lái xe về ngang con dốc ở đầu bên kia thành phố. Từ vị trí đó Việt thấy cái xóm nhỏ của một họ đạo Tin Lành với mấy chục căn nhà nằm xúm xít như úp mặt vào nhau dưới cái bóng núi đe dọa. Xa hơn một chút, con sông nhỏ chạy loanh quanh giữa cánh rừng thông tua tủa rồi bỏ đi mất hút đằng sau khúc ngoặt cuối đảo. Lúc đó buổi chiều đông đang xuống vội vã, đêm vắng vạt áo choàng đen dằng co với bóng nắng cuối ngày nên còn kịp cho Việt thấy mấy làn khói mỏng bốc lên từ những ngôi nhà đang mở sưởi. Việt đã dừng dừng qua lại nhiều lần đoạn đường đó, lúc mới tới có lần cũng đã thấy giông giống một góc cảnh nào Việt đã đi qua. Rồi thôi, rồi quên

khuấy dưới lớp lớp lo toan của đời sống tất bật. Vậy mà buổi chiều hôm qua, ngay đúng lúc đang nhớ lại câu nói của người bạn cùng sở nhắc đến chuyện nhà cuối năm thì xe vừa trở tới đỉnh đồi ngó xuống khu nhà quen thuộc, sao bỗng dưng Việt nhận diện được rõ ràng cái quen thuộc không chỉ có ở đây mà còn ở một chỗ nào xa lắm. Rõ ràng là cái góc phố quê mình đó chớ đâu. Chiều u tịch, khói bay từ một góc tối xa xăm, cộng thêm cái âm vang buồn bã của mấy chữ “ cuối năm ” làm lòng Việt quặn nhớ. Sao tự dưng Việt thấy như ai đó chơi cắc cớ vừa búng nguyên phở xá từ quê mình đem sang dựng lại y hệt ở đây, nơi cách xa tới nửa vòng trái đất, trong buổi chiều cuối năm này. Sao tự dưng nó thấy giống đến thế thiết cái xóm nhỏ mà nó đã sống suốt thời niên thiếu ở một tỉnh vùng cao nguyên nước Việt. Thành phố với những con dốc mù sương đi về lẫn khuất, với lọn nắng sương mai màu hổ phách mà có lần nó đã ví von như tia nhìn trong suốt của người yêu đầu đời. Thành phố mà Việt đã bỏ lại để đi xa dù đã thương mến hết sức, mà Việt tưởng đâu đã quên lửng sau gần 20 năm lầy lất ở xứ người. Vậy mà chiều hôm qua Việt bỗng nhiên nhớ lại. Nhưng nó không nói ra, chỉ sợ làm em buồn. Nó giấu kín cho nó rồi cũng quên luôn. Suốt một ngày hôm nay nữa, Việt thấy bồn thần mà lại cứ tưởng tại trời trở gió. Mãi đến khi thấy mấy giọt nước mắt tủi hờn của em, Việt mới khám phá ra nỗi huyệt hổng trong lòng mình. Hóa ra là như vậy. Cái thiếu sót mà Việt cố tình tìm kiếm tự này giờ không ở đâu xa. Nó ở ngay trong chính cái hình ảnh mà chiều qua thoáng bắt gặp. Nó là cái bóng dáng của một quê hương chỉ còn trong tâm tưởng. Nó nằm giấu mặt đằng sau lớp ngày tháng chồng chất giữa lòng

người, giả bộ như xác bướm đã khô. Người ta cứ vô tình sống, làm ăn, vô tình đi tới đi lui loanh quanh trong cõi tạm mà không ngờ vẫn mang theo bên mình cái xác bướm vẫn chực chờ hồi sinh mỗi khi có dịp. Và rồi buổi chiều cuối năm, khói hương đêm trừ tịch chính là khoảng thời gian thích hợp nhất làm sống lại những hình ảnh đã quên sâu, những kỷ niệm đã tưởng mất, những phần đời đã ngủ yên, nhất là cái tình quê vốn dĩ rất mực bền bỉ và tình quái. Người ta tưởng chừng như đã quên nhưng rồi ra vẫn còn nhớ. Nó có thể nằm đó, im hơi lặng tiếng, năm mười năm, đôi mươi năm không chừng. Nhưng rồi chỉ cần một cơn gió nhẹ, một ánh trăng khuya, một hoàng hôn lạnh, hay đơn giản hơn nữa, chỉ cần mấy tiếng “cuối năm” cũng đủ làm động dậy đôi cánh mỏng, chấp chới bay lên và xô dạt chao đảo một tâm hồn. Cái tình quê cay như gừng như quế, mặn như muối, nồng như tiêu ướp thấm rất sâu trong tận cùng xương tủy. Có khi nó loảng ra nhẹ nhàng như hương như khói, bằng bạc như có như không, có khi nó quánh đặc như mạch nha kẹo dẻo nhùng nhằng nhủng nhể không chừng không đổi, tưởng như bứt rất dễ dàng mà vẫn không bứt được. Khổ một nỗi, người ta càng lơ là thì nó càng đeo đuổi trêu ghẹo, cứ y như bóng chơi đuổi bắt với hình. Ngày qua ngày, tháng theo tháng, năm tàn năm, cái bóng quê hương có đó mà như khuất mặt, lấp ló chực chờ bên cạnh một niềm vui, trong cuối một nỗi buồn và chắc chắn sẽ chường cái bộ mặt thâm sâu của nó ra trong một ngày cuối năm, ở giữa một độ đường lữ thứ.

Như vậy đó em. Trong suốt con đường lưu lạc của nhân loại đã có bao nhiêu lần dòng sông đang chảy suông bỗng nhiên bị khựng lại chỉ vì bất chợt người ta nhìn ra

dấu dạng một quê hương. Một thoáng thôi cũng đủ làm buồn một đời. Từng chút đó thôi nhưng rồi sẽ làm người ta ray rứt hoài hoài. Tôi nhớ có lần đã kể em nghe chuyện của hai chàng du tử, mãi vui đường mà lạc cảnh tiên, tưởng sẽ sung sướng ở cõi đào nguyên, nhưng rồi cứ đòi về trần. Cái trần gian của họ, đối với tôi không có ý nghĩa triết lý gì hết mà chỉ là quê nhà của họ đó em. Cái cõi quê mùa luộm thuộm, người ngợm lồi thoi, nẻo đời trắc trở mới chính là quê hương đích thực của kiếp người. Người ta chỉ thấy an lòng ở giữa đồng loại. Cũng như chúng ta vậy thôi. Chúng ta cũng chỉ là mấy chàng Lưu Nguyễn lạc lối thiên thai nên lòng trần cứ bứt rứt, uống nước suối tiên trong vắt mà cứ thèm thuồng con nước đục phù sa, coi điệu múa nghệ thường lại thấy lòng cứ vấn vương mấy câu hò thôn dã. Nhưng biết làm sao hơn khi túi nhau ta đã lỡ chôn dưới gốc một cội tre già thì cả đời ta sẽ mắc mứu hoài với mấy nhịp cầu tre lắt lẻo. Chỉ chừng đó thôi cũng đủ làm lòng ta thắc thẻo rồi em. Mặc dầu ở xa, tôi cũng biết em buồn ra sao. Bởi vì nỗi buồn của em cũng chính là nỗi buồn của tôi, từ hơn 20 năm nay.

Em biết đó có ai đếm được nỗi sầu đâu em. Vậy mà mấy ông thi sĩ vô danh hồi xưa cứ giả bộ như rành rọt lắm. Cầu bao nhiêu nhịp dạ em sầu bấy nhiêu. Làm như mỗi một nhịp cầu là chừng ấy lần sầu. Làm như mình có thể hỏi thăm nhau một cách rạch ròi như vậy chớ bữa nay em sầu bao nhiêu nhịp. Vậy chớ mấy bữa nay em nhớ nhà dài bao nhiêu dặm. Khổ một nỗi là giữa chúng ta và quê hương có chiếc cầu nào đâu mà đo dài đo ngắn. Giữa chúng ta và quê nhà có khoảng cách nào đâu mà tính được thiên lý đây em. Bởi vì thật ra cái ngàn

trùng đó nằm ngay chính trong lòng ta. Ôi tấm lòng xa cách lớn rộng hơn trời biển làm sao dang chân ra mà thâm ngấn lại đường dài.

Mùng ba tết năm ngoái, ngồi trơ trọi một mình nhìn mâm cơm cúng tất nấu dọn sơ sài sao tôi thấy buồn quá đôi. Cho tới chừng nào chúng ta mới ăn được một cái tết vui vậy. Nhấp ngụm rượu thừa tôi viết mấy câu thơ, dấu thơ tết mà nghe cay đắng lắm em :

Rồi tết qua đi, buồn ở lại

Quê nhà xa huốt một đường bay

Rượu xuân sao bốc mùi quan ải

Để thấy xa thêm những dặm dài!

Vậy đó em. Mấy chuyến bay hình như vẫn bay qua bay lại nhưng đâu phải vậy mà nối được lòng ta với quê hương. Khoảng cách đâu còn là không gian nữa. Khoảng cách chính ở lòng ta đó. Đâu phải chúng ta từ chối một quê hương nghèo nàn, chúng ta chỉ không thể chấp nhận một chế độ bất nhân vô đạo. Làm gì mà 25 năm qua, với tất cả oai quyền tột đỉnh mà họ không dựng dậy nổi một quê hương. Kẻ thù như họ đã rêu rao không còn một mống ở đó. Những kẻ-bị-chối-bỏ đã tổng khứ ra biển dữ. Đất nước thâu về một mối nắm gọn trong tay. Bao nhiêu vốn liếng có sẵn trong nước cộng với bao nhiêu tiền bạc của đám con tha phương cầu thực bị “bắt chẹt” gởi về mà không cứu nổi một đất mẹ tang thương. Đến lúc ngay cả những người dễ dãi nhất chắc cũng phải nghi ngờ sự lương thiện của những người cầm quyền bên đó. Họ làm gì mà 25 năm rồi đất nước vẫn nghèo xơ nghèo xác và con người, con người ở đó vẫn gầy héo như từng niềm tuyệt vọng.

Vậy đó em. Chúng ta không trốn chạy một

quê hương nghèo đói. Chúng ta chỉ không thể thỏa hiệp với một chế độ bất công, độc đoán, miệt thị giá trị con người và phỉ báng truyền thống nhân ái của dân tộc. Vì vậy mà giờ này chúng ta không có một chỗ để về, chúng ta phải đón thêm một cái tết trong dáng vẻ thờ ơ của người và trời đất quanh đây. Tôi biết em buồn lắm. Tôi biết em hờn em tủi. Tôi biết nhiều người Việt đã ứa nước mắt trong đêm qua, sáng hôm nay khi biết mình thêm một lần lỡ hẹn với quê hương. Tuy nhiên chúng ta có làm khác được đâu em. Chúng ta đã chọn tự do làm lẽ sống thì chuyện sinh ly chỉ là một cách thế chẳng đáng dừng. Sự chọn lựa nào cũng có mất mát. Ăn miếng cơm nhờ chúng ta còn biết hổ thẹn thì làm sao chung đụng với những kẻ chỉ biết ăn chặn miếng cơm đói của người đồng chủng. Có khóc bữa hôm nay chúng ta vẫn còn may mắn hơn ngàn lần bạn bè chúng ta còn khóc hận từng ngày, ở đó. Bởi vậy hãy khóc cho người đi em rồi lau khô nước mắt. Giọt lệ ly hương dầu sao vẫn là giọt lệ chung tình. Chúng ta khóc nhớ vì chúng ta thương tiếc lắm. Chớ em thấy đó, còn rất nhiều kẻ sống ngay tại chính quê hương mình mà vẫn đành lòng ghét bỏ quê hương.

Xin cho tôi khóc cùng em những giọt nước mắt nghịch thường này.

Lữ Quỳnh

Bài tháng tư

Ngày tôi về không còn anh
Chỉ gió lang thang
Trên vòm sấu già
Con đường Duy Tân khô khốc
Anh đèn đêm

Vĩa hè âm u tiếng giày
Lạ lẫm
Chẳng bóng ai

Có tiếng lá rơi như lời hát
Vỗ về tôi trong giấc mơ
Cô đơn thấp sáng
Nỗi tuyệt vọng cuối cùng
Nặng tháng tư
Hóa thân anh
Nơi nghìn trùng con gió

Ở chốn xa có mưa hồng
Cho đỡ nhớ trần gian

Hai chiếc ly thủy tinh
Lóng lánh rượu vàng
Giữa sương khói – khói hương
Đêm tĩnh lặng
Nhẹ nhàng cụng ly
Mơ hồ nghe cổ điển

Anh bên kia núi
Gõ nhịp lãng du
Hát một nhòai cát bụi

**Mùa đông,
Những ngày bình yên**

Bắt đầu những ngày bình yên
Ngắm mùa đông
Ấm áp trong tóc em
Trong ánh mắt reo vui
Bữa cơm chiều

Lần đầu tiên ở xứ người
Hiểu thế nào hạnh phúc
Khi cổ máy âm ào hằng đêm
Cùng ánh đèn cao áp
Không còn giành giựt với trái tim
Nhịp đập.

Mùa đông
Cây thông Giáng Sinh
Lấp lánh quả cầu giấy bạc
Nhớ quê nhà những chiều mưa
Trên sân gạch nở đầy
Bong bóng nước
Em mặc áo len vàng
Tung tăng cánh đồng kỷ ức

Cánh đồng mùa xuân
Hoa cúc vàng nở rộ.

Mùa đông này
Trời trong veo và rất lạnh
Hai bàn tay buốt cóng
Cầm nỗi nhớ nhà
Đi lang thang
Qua Tự Do Lê Lợi
Ngừng Givral
Nhìn bạn bè đưa còn đưa mắt
Rượu tràn ly
Nói cười
Chuyện thiên đường địa ngục.

Lần đầu tiên
Hiểu thế nào bình yên
Là lúc
Nỗi cô đơn dịu dàng
Cùng mùa đông
Bắt đầu thấp
Những ngọn nến hồng
Trên mặt đất.

Tháng 11-2003

Nguyễn Minh

Người viết kịch

(Tặng Lữ Kiều)

1.

BẠN VỚI TÔI CÙNG TÊN, NHƯNG KHÁC HỌ. TÔI họ Ng. Bạn họ T. Chúng tôi quen nhau lúc tuổi vừa mới lớn. Chúng tôi học trường Nguyễn Tri Phương, cùng khối nhưng khác lớp. Tôi, từ một thị trấn nhỏ, xa xôi, mới ra Huế học tiếp lớp cuối cấp trung học đệ nhất cấp. Đệ Tứ. Bỏ nghề trước cảnh lạ, người lạ, ngồi trong lớp, bên cạnh những người bạn mới tôi e dè không biết bắt chuyện từ đâu. Trong giờ Việt văn, tôi say mê nghe thầy giáo giảng truyện Kiều, hai chị em Thúy Kiều đi lễ hội thanh minh, gặp mộ Đạm Tiên, và linh cảm cảnh hồng nhan bạc mệnh sẽ đến với Thúy Kiều. Trong cái buồn vu vơ mệnh mang của tuổi mới lớn ấy, tôi đến với nhóm bạn viết văn, làm thơ mà Trọng là người đầu tàu.

Những ngày chủ nhật Trọng rủ chúng tôi về làng Nguyệt Biều, nơi có nhà từ đường họ T. Dọc theo đường về làng, đến một đoạn dọc theo bờ sông Hương uốn khúc, chúng tôi dừng xe lại, những chiếc xe đạp thành, để được nhìn dòng sông xanh màu rêu phong lơ lờ chảy. Vài con đò ngang, mà người lái đò là mấy cô gái đội nón bài thơ, tà áo dài tung bay theo chiều gió, đang từ bên kia bờ, chống đò đưa khách sang sông. Tiếng hò mái chèo thoang thoảng từ đâu trên sông ở một con đò nào đó theo gió tạt vào bờ. Giọng hò buồn như lời ru thủở nào mẹ tôi đã hát ru tôi ngủ.

Nhìn thấy cây đa cổ thụ là biết ngay mình đã đến làng. Những ngôi nhà có những bức tường bao quanh. Vào nhà, ngang qua cổng tam quan, một cửa chính, hai cửa phụ. Cửa chính bao giờ cũng đóng lại, chỉ mở rộng khi nhà có giỗ kỵ, thường người ra vào bằng cửa phụ. Trước ngôi nhà rường, là bức bình phong xây bằng gạch có khắc mấy chữ thư pháp tiếng Nôm, phía dưới là tiếng Việt: Nhà Từ Đường họ T. Bên cạnh đó có hòn non bộ đã rêu phong. Dấu tích của một thời xa xưa, của một triều đại nhà Nguyễn mà họ T. là hoàng thân quốc thích. Ngôi vườn phía sau nhà trồng đầy cây trái ngọt ngào như bưởi thanh trà, như những khóm thơm vừa chín tới. Ngay Hữu sau đó làm được bài thơ Nga để đời cũng từ chuyến về thăm làng Nguyệt Biều này. Ngôi nhà nay giao cho một người o già trông nom, còn gia đình của Trọng đều về Huế từ lâu.

Ngôi biệt thự ở đường Lê Lợi gần Đập Đá, nhà của thân sinh Trọng, chúng tôi thường đến. Trọng có một căn phòng riêng. Một tủ sách riêng. Một máy quay đĩa nhạc riêng. Ngọn đèn ngủ ánh sáng mờ ảo. Tiếng kèn đồng trong bài “Tonight we love” cùng tiếng huýt gió của Trọng hòa theo da diết làm não lòng tôi. Tiếng dương cầm thánh thót trong các tấu khúc của Beethoven. Tiếng vĩ cầm réo rắt trong Concerto của Bruch mà sau này Hồ Thuỷ Giũ ghi lại trong một bài văn hoài niệm. Bên cạnh diều thuốc lá tỏa khói là những ly cà phê đắng mới tập tành uống làm thao thức cả đêm. Từ căn phòng ấm cúng này của Trọng, tôi đã biết thưởng thức thế nào là nhạc cổ điển tây phương. Cũng trong căn phòng này những đêm đông giá lạnh, lòng chúng tôi được ấm lại khi nhắc đến một bóng hồng mà cả bọn đều để ý nhưng không

thằng nào dám tỏ tình, sau đó lại say sưa nói đến chuyện văn chương, làm báo chép tay để chuyển cho nhau đọc.

Tưởng là chuyện vui chơi thời tuổi học trò, nào ngờ đeo đẳng suốt cả cuộc đời của chúng tôi, nhất là tôi và Trọng.

Thuở ấy, dưới mắt tôi cũng như bạn bè trong nhóm, Trọng là con nhà giàu, quyền quý cao sang, đẹp trai, vui tính và học giỏi. Bố của Trọng là một kỹ sư nông nghiệp. Anh Trọng du học ở Pháp. Mấy chị của Trọng vừa đẹp vừa trí thức. Văn chương là gạch nối giữa chúng tôi, xóa đi ranh giới của giai cấp. Tuổi học trò hồn nhiên làm chúng tôi hòa đồng với nhau. Những đêm có trăng, cả bọn kéo nhau ra ngồi nơi thành cầu mà chúng tôi đặt tên là cầu Gió Mai – tên nhóm văn thơ của chúng tôi – Nó chỉ là cây cầu rất nhỏ, bắc qua con kênh đào của một cửa thành nội thành cung điện triều Nguyễn. Chúng tôi, những thằng con trai mới lớn, hút những điệu thuốc lá đầu đời, nhìn ánh trăng chiếu xuống mặt nước, dưới chân cầu. Hương sen tỏa lên thơm thoang thoảng. Cuộc đời trước mắt đầy mơ tưởng. Một tương lai mộng ước đang dẫn chúng tôi đi trên con đường sáng tạo. Sau khi đậu Tú Tài, mỗi đứa mỗi nơi, Trọng vào Sài Gòn học Y Khoa. Tôi vào Qui Nhơn học sư phạm. Các bạn khác người học Văn Khoa, người học Luật... Không khí thời đó, chúng tôi ước mơ đem tâm sức ra xây dựng một đất nước Việt Nam giàu mạnh. Nhưng rồi chiến tranh ồa đến, một số anh em bạn bè bị động viên vào quân ngũ. Tôi sức khỏe không đủ tiêu chuẩn, nên còn làm thường dân, và theo được cái nghiệp mình mơ ước là viết văn, làm báo. Khi ra trường Trọng cũng bị biệt phái vào quân

đội, mang lon trung úy bác sĩ và anh về phục vụ ở bệnh viện nhà tù đảo Phú Quốc. Tại đây Trọng sống bên cạnh những tù binh Cộng Sản và anh đã viết kịch. “Con sâu trong mắt” tả cảnh đào hầm trốn trại, cảnh tù binh tự thanh toán nhau vì lòng nghi ngờ bị phản bội. Anh viết về cảnh tra tấn người kỹ sư đào hầm một mực vẫn không khai đồng bọn, người kỹ sư đã chết, và Trọng là người mổ xác khám nghiệm.

Những vở kịch ký Lữ Kiều của anh đầy buồn bã, thao thức, hoài nghi, khác hẳn với những năm trước, khi còn là sinh viên, với bút hiệu Nàng Lai, thơ văn anh nhẹ nhàng, bay bướm, trữ tình và lãng mạn. Ngay bút hiệu của Trọng cũng đủ nói lên điều đó. Mãi đến sau này, tuổi đã già, tóc bạc, mà Đỗ Nghê, bạn thân của Trọng vẫn còn thắc mắc. “Tại sao ông lấy bút danh là Nàng Lai. Là ai vậy? Mình có quen không? Bạn già, cuối đời rồi bật mí lên chứ?” Trọng chỉ cười, không giải thích. Là bạn thân của Trọng nhưng tôi cũng chẳng biết Lai của chàng. Mà tôi cũng chẳng cần biết. Thời mới lớn những chàng trai xứ Huế đều dựng lên trong lòng mình một hình tượng mà ngoài đời có thật, một người con gái mang tên đó, một cô em họ, một người dì bé nhỏ tuổi xấp xỉ với mình, một cô bạn láng giềng từ đâu mới dọn đến. Chúng tôi là vậy. Nàng là ai? Cái đẹp, cái hồn nhiên, trong sáng của người con gái ngoài đời từ từ hóa thành tiên và theo thời gian, người con gái trong mộng mơ đã thành bất tử dù ngoài đời họ là những con người theo thời gian, đã già cả, mặt mày nhăn nheo, lưng đã cong, răng đã rụng. Nàng là ai của chúng tôi vẫn trẻ mãi không già. Mỗi khi cuộc sống quá chán chường nhớ lại một chút gì về nàng, dù là ảo tưởng, cũng thấy lòng

mình ấm lại. Nàng là ai? Nàng là một người con gái không biết khóc là gì. Nàng chỉ biết cười, dù cuộc đời có bao điều đau khổ.

Trọng vẫn thường từ hải đảo trở về Sài Gòn theo những chuyến bay, ghé lại tòa soạn Ý Thức, tờ báo văn học của chúng tôi, ngồi đọc những trang bản thảo sắp lên khuôn in, hoặc nhìn chúng tôi đang montage những trang in nhủ cắt dán lên tấm support trong như gương. Trọng lấy trong túi áo cho chúng tôi những con dao nhỏ : “Dao này để giải phẫu bệnh nhân, bây giờ các ông dùng để mổ chữ nghĩa.” Và Trọng cười. Chúng tôi cũng cười. Cả bọn kéo nhau ra một quán bên đường ngồi nhâm nhi một đĩa mồi và cùng uống những ly whisky mà Trọng mang theo. Trọng thường săn sóc sức khỏe cho tôi. Trước khi ra lại hải đảo, bao giờ anh cũng đưa cho tôi vài viên thuốc ngủ an thần mà bảo sau những giờ làm việc, hoặc mất ngủ vì suy nghĩ thì phải uống một viên, để sáng mai tinh thần sảng khoái mà làm việc hăng say. Bởi vì ở đảo, đêm nào Trọng cũng uống một viên an thần.

Có hôm, báo vừa in xong, Thành cũng từ tàu vừa cập bến, nhảy lên bờ tìm đến tôi rủ đi uống cà phê đầu đường Đinh Tiên Hoàng, ở đó để nhạc tiền chiến và cà phê cốt chồn Buôn Ma Thuột ngon lắm. “Ở mãi trên tàu, trước mắt biển cả và trời mây, thèm không khí ẩm cúng của một quán cà phê.” Thành nói. Trước khi đi, tôi đưa cho Thành số báo mới ra. Anh cầm và lật vội xem qua. Thành ngừng lại và sững sốt hỏi tôi: “Sao lạ vậy?” Tôi biết ngay là Thành đọc tin tôi và bạn bè chúc mừng ngày Tuyên lên xe hoa.

Ngày ra báo đầu tiên Trọng đã tìm đón Tuyên hộ tôi, dù

anh chưa bao giờ gặp mặt, lại giữa trời mưa và không biết chính xác chỗ Tuyên đứng đợi. Và Thành là người chở Tuyên về sau buổi họp mặt bạn bè đó. “Sao đột ngột thế!” Tôi nói nhỏ: “Thôi bỏ đi đừng hỏi nữa! Mần đã hạ!” Tôi ngồi một mình trong quán cà phê lơ mơ ánh đèn màu hồng, tiếng nhạc du dương, tiếng hát thánh thót. Ba ly cà phê cô gái mang ra đặt trước mặt tôi với vẻ mặt ngạc nhiên. Thành bảo tôi đợi anh một chút, anh đến đón Dung, vợ mới cưới và cũng là người quản lý báo chúng tôi, lại cùng ngồi nghe nhạc, cùng uống cà phê. Câu hỏi Thành lúc này bỗng chợt đến như tôi tự hỏi mình: “Sao Tuyên vội đi lấy chồng thế!” Tôi cũng không biết, vì Tuyên không gởi thiệp mời, tình cờ một người bạn cùng quê cho hay và tôi chỉ kịp chia vui cùng Tuyên trên trang báo. Không biết Tuyên có vui không? Không biết tôi có thật tình chia vui với nàng không? Tôi đang buồn nẫu ruột. Làm sao vui được mà chia cho nhau đây. Nhưng thôi Tuyên cũng đã an phận. Còn tôi vẫn đam mê với văn chương chữ nghĩa. Ngồi một mình uống ly cà phê đã cạn mà vẫn không thấy vợ chồng Thành đến, tôi nghĩ đến ngày mai tôi còn phải làm việc, chất cà phê uống vào giờ này, sẽ kích thích thần kinh tôi và tâm trí tôi phải đối diện với niềm đau khổ của mối tình đầu tiên với Tuyên. Tôi cần phải ngủ để quên đi. Lúc này tôi mới nhớ đến những viên thuốc an thần của Trọng mà tôi không còn nhớ tên thuốc. Tôi đứng dậy rời quán ra ngoài, đi tìm một nhà thuốc tây cạnh đó. Tôi hỏi mua những viên thuốc an thần, cô ta hỏi tên thuốc, tôi nói quên rồi, và tả lại viên thuốc con nhộng đầu đen đầu trắng. Không biết nhìn vào mặt tôi lúc ấy như thế nào mà cô ta bán cho tôi 6 viên mà còn nói thêm: “Uống hết

cũng không chết đâu!” Tôi cười: “Vậ à?”. Tôi trở lại quán, rót cốc nước trà và bỏ luôn vào miệng 3 viên với lý lẽ: một viên thường ngày như Trọng dặn, nhẹ quá. Còn 6 viên nhiều quá, thôi chia đôi vậy. Nghe chưa hết bản nhạc tôi bỗng xây xẩm mặt mày, những ngọn đèn trong quán trước mắt tôi chập choàng, nhân đôi nhân ba, bóng dáng cô thiếu nữ ngồi caisse hóa thành người yêu: Tuyên đang lao đảo tiến về phía tôi. Tôi định thần lại chỉ kịp trả tiền và nhấn lại: vợ chồng người bạn có đến nói tôi đã đi về nhà rồi. Tôi rồ xe vọt chạy, như ai đó ngồi sau lưng mình, ôm choàng lấy thân tôi. Thay vì nhà mình tôi lại đi ngược chiều đến nhà Thành. *Anh chở Tuyên lại thăm vợ chồng Thành nhé, nhìn lại dấu tích mà tụi mình đã từng đến, từ chỗ ngồi, từ nơi tựa mình vào song cửa, từ bậc cầu thang gỗ xiêu vẹo, bước lên sợ ngã. Khuya rồi, về trễ nhà không la chứ! Anh cứ chở Tuyên đến đó, rồi tụi mình dắt bộ theo con kênh suốt đêm cũng không sao!* Tôi dừng xe trước cổng nhà Thành, chỉ kịp kêu mẹ Thành: Bác ơi mở cửa cho con vào với. Tiếng chiếc xe gắn máy ngã xuống bậc thềm, cùng tiếng la hoảng: Anh sao vậy? Rồi ai đó dìu tôi đến nằm trên giường. *Tôi nhìn quanh nhưng Tuyên đã đi mất, bỏ tôi lại một mình. Tôi đi xiêu vẹo và lang thang khắp nơi để tìm Tuyên. Tìm lại ngôi chùa, chùa đã biến mất. Đến ngôi nhà trọ, người chủ nhà trả lời: Ở đây không có cô nào tên Tuyên. Chạy xe gắn máy trên con đường quốc lộ để vào quê Tuyên thăm nàng, hai bên đồng không cỏ trống, gập ghềnh những mô đất đắp ngang mà phía dưới chôn đầy mìn chông. Một quả lựu đạn, nếu vô ý dẫm lên, một tiếng nổ và thân xác ta sẽ tan tành. Tiếng pháo nhà ai nổ liên hồi. Tiếng cười nói xôn xao.*

Tiếng trẻ con reo vui: “Xem kìa cô dâu đẹp quá!” Tôi lặng người nép mình sau một gốc cây bên đường nhìn cô dâu e thẹn cùng đoàn người họ nhà trai đang đi tới. Thấy tôi, đôi mắt cô dâu bỗng rơi lệ, nụ cười vừa mới nở bỗng chợt tắt đi. Tôi nghe thoảng bên tai một lời trách móc: “Trễ rồi. Thôi anh về mà say sưa viết văn, làm báo, tình yêu anh đối với em có nghĩa lý gì đâu?” Tôi bỏ đi để Tuyên yên tâm sống trong hạnh phúc bình thường bên cạnh người chồng mới.

Tôi thức dậy sau những cái lắc vai mạnh. Mở mắt ra tôi thấy Trọng và giọng nói anh nhỏ nhẹ, từ tốn: “Ông uống mấy viên thuốc mà ngủ say thế này. Đã một đêm một ngày mê man. Tưởng ông tự tử chứ. May mà trong túi ông còn ba viên. Nếu uống hết là ông đi đời rồi!” Tôi lải nhải kể lại và mắng cô bán thuốc tây kia. Trọng cười, chỉ tay về phía vợ chồng Thành đang ngồi bên cạnh tôi: “Ông dành chỗ ngủ của vợ chồng mới cưới, tụi hần phải nằm trên sàn gỗ, nhường giường nệm cho ông.” Tôi rửa mặt rồi vội vàng nhờ Trọng chở tôi về nhà, nghỉ ngơi cho thuốc nhả ra hết, tỉnh hẳn để bắt tay vào in ấn. Nhìn vẻ mặt bơ phờ của tôi và thấy Trọng đưa tôi vào phòng, chị tôi hoảng hốt hỏi: Em bị sao thế. Cả đêm không về. Bộ say sưa hả. Hay trúng gió!. Chị lảng xảng bên cạnh tôi. Và tôi ngủ đi một giấc dài nữa với những cơn mộng mị vừa đẹp vừa buồn, vừa hạnh phúc vừa đau khổ.

Khi tôi đã tỉnh hẳn, những đôi mắt soi mói của nhân viên trong nhà in hướng về tôi với ý nghĩ tôi vừa được bác sĩ Trọng cứu sống sau khi uống thuốc ngủ tự tử, may mà có ông “nhà văn bác sĩ” về kịp. Họ nghĩ tôi tự tử vì tình, đau khổ khi người yêu bỏ, đi lấy chồng. Tôi cười

như thừa nhận. Tôi và Trọng bắt tay vào công việc tòa soạn. Trọng sửa morasse bản in vỗ vỗ kịch “Nơi đảo xa kia” của Trọng mới viết từ trại tù binh Phú Quốc. Tại miền Nam lúc bấy giờ ít ai viết kịch, chỉ có vài ba người như Vi Huyền Đắc, Trần Lê Nguyễn, Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Trọng đã góp vào trong làng kịch nói những tư tưởng phản kháng cuộc chiến tranh tàn bạo mà lịch sử đã chọn chúng tôi, đặt chúng tôi vào vị trí, ở đó, chúng tôi vui buồn, hạnh phúc và đau khổ, thành công và thất bại. *Chiến tranh không chờ ai. Cuộc sống thì của riêng nhưng tai ương là định mệnh chung.*(Lữ Kiều)

Trọng cho biết anh vừa nghỉ phép thường niên, ngày đầu tiên anh dành cho tôi cùng tờ báo. Anh phụ tôi chọn lọc những bản thảo để đăng cho những kỳ sắp tới. Ngày thứ hai, Trọng ra Đà Nẵng để đón Kim – vợ mới cưới – về Sài Gòn sống. Tôi nhắc nhở Trọng: “Tôi khác ông, nên bị tình phụ, vì tôi cà trớt. Còn ông liệu mà giữ niềm hạnh phúc mà ông đã chọn.” Một vài lần tôi được nghe kể lại những nỗi buồn phiền Kim tâm sự với tôi là do Trọng gây ra. Tôi phải chịu trận ngồi nghe vợ bạn than thở. Tôi chỉ biết im lặng, cười thầm trong bụng, lẽ ra Kim không ngạc nhiên vì tính hào hoa của Trọng chứ, để chọn Kim làm vợ, Trọng cũng đã hy sinh một mối tình. Bạn bè biết. Kim biết.

Thuở ấy Trọng còn là sinh viên y khoa, Trọng yêu Như, một cô gái thông minh và đẹp, con một vị tướng. Gia đình hai bên môn đăng hộ đối, và đều ngấm ngấm tạo điều kiện cho Trọng và Như gần nhau, hiểu nhau. Trọng cũng từng đưa Như đến một quán cóc bên đường để giới thiệu với bọn tôi, những người bạn thân cùng mê văn

chương, để Như hòa đồng, làm quen với cái phong trần của cuộc sống khác với thế giới trường giả thu gọn trong căn nhà quyền quý, cao sang của nàng. Như cười hồn nhiên. Như nói chuyện như chim hót, kể về những ngày chủ nhật, được thoát khỏi trường nội trú (mà các sơ trùm kín áo màu đen thường theo dõi và nhắc nhở các cô học trò phải tuân theo nội qui nghiêm khắc của nhà trường), để về vui chơi với bạn bè, với “chú Trọng”. Bấy giờ cuộc đời Trọng thì lắm chua cay, đem cái mùi vị đau khổ đó đến cho một con chim họa mi đang cất tiếng hót líu lo, hồn nhiên nhìn bầu trời trong sáng, cây cối chung quanh, bãi cỏ mượt mà dưới chân, thì lòng chàng se sắt không nở. Như ngày xưa tôi nghĩ về Tuyên khi Tuyên vừa mới lớn còn tôi thì dày dạn cuộc đời. Tôi sợ con chim hoảng hốt bay đi khi đưa đôi bàn tay trần tục chạm vào. Lúc bấy giờ Tuyên cũng gọi tôi bằng chú.

Khi trở thành bác sĩ, Trọng đau đớn từ biệt Như. Cuộc phụ tình cao thượng, Trọng nghĩ vậy. Trọng cưới Kim, một cô giáo. Kim đồng tuổi với Trọng nhưng trông nàng vẫn trẻ đẹp, mảnh khảnh và duyên dáng. Ngày Trọng cưới Kim tại Huế tôi không có mặt. Vào Sài Gòn, Trọng chở Kim đến tòa soạn gặp tôi. Ngay từ buổi gặp mặt đầu tiên, tôi và Kim thân nhau, xem như đã là bạn từ lâu. Không bờ ngõ. Không khách sáo. Ngày ra mắt tờ báo tại nhà Thành, Kim nhắc nhở tôi phải chở Tuyên đến. Kim trách tôi sao vô tình bỏ Tuyên đứng giữa đường phố trong cơn mưa dầm dề, trời thì tối sẫm, nhìn thấy tôi ướt át và run lên vì lạnh, Kim lấy chiếc khăn lông của Dung vợ Thành, đưa cho tôi lau khô và hối thúc Trọng đi đón Tuyên hộ tôi. Ngồi bên Tuyên, Kim gấp bỏ thức ăn vào chén tôi và nói nhỏ: “Lót bụng một

ít cho ấm lòng. Mấy ông này gặp nhau chỉ uống rượu, chỉ nói chuyện văn chương. Và quên hết kể cả người yêu”.

Sau thời gian ở Phú Quốc, Trọng đổi về trường sĩ quan võ bị Đà Lạt. Trọng cùng gia đình sống trong một biệt thự nhỏ. Bất kể trời đã tối sẫm, tôi vẫn thường yêu cầu tài xế chở lên đèo Ngoạn Mục, thưởng hương Đà Lạt, mặc dù đường vắng và bất trắc. Đến nơi, hai thằng đàn ông dẫn nhau ra ngồi Nhà Thủy tạ uống vài cốc rượu, nói chuyện đời, chuyện văn chương. Để rồi sáng mai dậy, Trọng đi làm, tôi xuống núi về miền biển, một thị trấn nhỏ mà tôi để vợ con mình ở đó. Bác tài xế ngạc nhiên: “Đêm hôm cậu bảo tôi có việc cần lên Đà Lạt có chuyện cần. Tôi bảo đường xá bất ổn, V.C thường ra chặn xe giữa đường, sáng mai hẵn hay, cậu giấy này đòi đi cho được, sáng sớm lại đòi về.” Tôi nói láo: - “Xong việc rồi về”. Thật ra tôi nhớ Trọng và thấy cần phải gặp Trọng. Thế thôi. Lúc này tôi giao lại tờ báo Ý Thức cho Trọng vì tôi còn lo rất nhiều việc về nhà xuất bản, nhà in, nhà phát hành. Tất cả bài vở anh em gửi về tòa soạn ở Sài Gòn tôi chuyển lên Đà Lạt cho Trọng. Ở đây Trọng có thêm vài ba người bạn văn hồ trợ đắc lực. Tôi yên tâm.

Biến cố lịch sử 1975, gia đình Trọng cũng như tôi đều ở lại quê hương bất chấp những gì đến với mình. Trọng cũng như hầu hết các sĩ quan chế độ cũ đều phải học tập cải tạo. Sau đó Trọng được làm việc ở một bệnh viện lớn ở Sài Gòn. Trong lúc tôi còn lặn lội, mỗi lần vào thăm Trọng bao giờ anh cũng gửi về cho vợ con tôi những món quà. Kim lại tâm sự với tôi những liên hệ tình cảm mới của Trọng với vài ba người con gái khác,

rồi Kim trách móc luôn cả bạn bè, người thân của Trọng, Kim bảo vì tôi ở xa nên không khuyên Trọng hộ Kim. Tôi chỉ biết im lặng lắng nghe, lúc đầu tôi thông cảm về những buồn phiền của Kim nhưng sau những lời day nghiến xúc phạm Trọng trong cơn ghen ghê gớm của phụ nữ thì tôi biết trước sau gì Kim cũng mất chồng. Tôi lấy vợ, một cô gái không quen biết trước ngày cưới, chúng tôi tôn trọng nhau, không xúc phạm nhau, dù biết rằng trong tim tôi vẫn luôn luôn ngự trị một hình bóng cũ, một nỗi đau riêng. Kim sai lầm khi đem việc li dị ra dọa Trọng vì biết rằng Trọng rất thương các con. Tôi đã bao lần khuyên Kim bỏ ý định sai lầm đó. Trọng sẽ bị tổn thương. Kim làm thật. Ra tòa và họ chia nhau tay. Sau đó vài năm, Trọng tìm được hạnh phúc bên cạnh một người con gái khác, dù có muộn màng.

Cũng như tôi, Trọng gác bút, trong một khoảng thời gian dài, mặc dù cũng có đôi ba lần anh em cũ họp nhau bàn chuyện ra một tập san, như một bản thảo, nhưng không thực hiện được vì anh em đã rã rời mà bút thì đã cùn. Trọng lại đến với hội họa, một năng khiếu Trọng có từ thời còn đi học. Bên cạnh anh lại có Hạnh - người bạn đời trẻ, đẹp - lại cùng một sở thích. Họ đem màu sắc lên khung vải, và mỗi người một nét đặc thù khác nhau. Hạnh trải lòng mình qua những nét vẽ dịu dàng êm ái trong những cảnh vật tưởng như thường ngày ta vẫn thấy quanh mình. Như bức tranh *Hoa nở trong chùa xưa*. Trọng vẫn còn đau khổ đau với những vết thương tưởng đã lành trong tâm khảm sau một lần tan vỡ. Anh trút nỗi đau đó lên những bức tranh mặt người, những chiếc mặt nạ mà thế hệ chúng tôi đã phải mang theo suốt cả cuộc đời, chẳng nào nó rơi xuống mới lộ ra được

những khuôn mặt thật của đời mình. Cả hai vợ chồng Trọng đều nhiều lần triển lãm tranh tại Sài Gòn. Những lần đó tôi có mặt, và hạnh phúc hơn nữa là có Tuyên đi bên cạnh, trong một tình cờ Tuyên về thăm quê hương và gặp lại tôi sau ba mươi năm cách biệt. Bạn bè chúng tôi chúc mừng sự thành công của Trọng và Hạnh, riêng tôi vẫn thấy trong lòng không vui lắm, vì tôi nghĩ là hội họa đã chiếm hết tâm hồn Trọng, lẩn át không còn chỗ cho Trọng viết văn, làm thơ, viết kịch như tôi đã từng hy vọng nơi Trọng một tài năng xuất chúng. Tôi nghĩ là Trọng không bao giờ hiểu được nỗi đau của tôi khi tờ báo YT đã đình bản. Trong cơn biến động lịch sử năm 75, trong cơn thác loạn đó, tôi đã làm mất bản thảo vở kịch Bờm Cười mà anh giao cho tôi xuất bản. Tập kịch gồm nhiều vở kịch đã đăng trên những số báo Ý Thức. Riêng vở đó là mới nhất, anh giao bản chính, thế mà tôi không giữ được. Mỗi lần anh em nhắc đến và tiếc nuối làm sao tìm lại được bản thảo đó là tôi đau nhói cả tâm can. Tôi xem tôi như kẻ có tội. Trong một bài *xuôi dòng* ngày trước Trọng đã viết như một tiên đoán cho lịch sử là có một ngày sẽ tái diễn cảnh đốt sách chôn học trò của bạo chúa Tần Thủy Hoàng. Muốn xóa đi một nền văn hóa mà ta cho là nguy thì ta phải có một nền văn hóa khác tốt đẹp hơn thế vào. Nền văn hóa nào hợp với lòng dân thì nền văn hóa dị biệt kia sẽ lụi tàn. Cần gì phải đem cái bạo tàn, xé sách, châm lửa đốt cháy thiêu rụi cái được gọi là văn hóa đồi trụy. Tôi vẫn dị ứng cảnh chiếc xe ủi làm đường nghiền nát sách vở. Sao lại xử sự thiếu văn hóa khi cần phát huy một nền văn hóa mới. Tôi cũng là một đồng lõa khi đã xé nát, cân giấy vụn, cả một nhà sách, đưa lên xe tải để chở ra bãi sông mà

châm lửa. Kể cả những bản thảo của anh em bạn bè ký gởi cho tôi. Cái mặc cảm đó của tôi đối với Trọng chỉ được gột rửa khi tôi in ra cho Trọng tập kịch “Kẻ Phá Cầu” dù với hình thức bản thảo, như một món nợ mình phải trả.

Còn Trọng, anh có nghĩ là anh vẫn còn nợ với đời, với văn chương mà cho đến cuối cuộc đời trước lúc nhắm mắt xuôi tay anh phải trả không? Những vở kịch mà đã ba mươi năm anh từng ấp ủ trong lòng, qua những cảnh đời anh sống. Ê chề, khổ đau, niềm vui cùng nỗi buồn, chồng chất lên nhau. Cũng như tôi, ba mươi năm, giờ đây tôi phải trải lên trang giấy những suy ngẫm về cái ngắn hạn của kiếp người. Tôi biết rằng có một ngày gần đây, dù sao anh cũng phải dừng lại vở kịch, mà những nhân vật không ai xa lạ là những người thân bao quanh anh, như người tình trong sáng đầu đời, người vợ đầu tiên đã gây cho anh những vết thương quá hằn sâu, như người vợ hiện tại đang chia xẻ ngọt bùi của cuộc sống, qua sắc màu trên khung vải, người mẹ hiền cùng người cha kính mến, những người bạn thân, kể còn người mất, cùng những cảnh đời bất hạnh của họ.

Cũng như tôi đã gặp lại được Tuyên, một mối tình trong trắng thời tuổi trẻ. Giờ chúng tôi đã già, có cháu nội ngoại, nhìn thấy nhau mà lòng vẫn bồi hồi xúc động. Cả vợ tôi và các con tôi đều quý trọng khối tình xưa và xem Tuyên như một thành viên trong gia đình. Bao lần tôi nói với Trọng: “Ông là bác sĩ tim mạch ông có cần giải phẫu xem quả tim tôi như thế nào không?” Trọng cười: “Quả tim có bốn ngăn. Ngăn thứ nhất ông dành cho cha mẹ. Ngăn thứ hai ông dành cho vợ con. Ngăn thứ ba cho tình yêu mà Tuyên đã chiếm chỗ. Ngăn thứ tư là của

bạn bè.” Tôi ngạc nhiên hỏi: “Còn văn chương?” – “Cái bọc bao quanh bốn ngăn của quả tim chính là niềm đam mê của ông về văn chương.” Không biết Trọng nhận định nửa đùa nửa thật về tôi có đúng không, nhưng tôi phân biệt rất rõ ràng về chỗ đứng của mỗi người thân yêu của tôi trong tâm hồn tôi, không lệch lạc, và hình như mọi người thân như vợ tôi, người yêu tôi đều nhận ra được điều đó.

Ba mươi năm biệt tăm, rồi Trọng cũng có dịp gặp lại Như. Ba mươi năm, tưởng như không có thời gian cách biệt. Như nắm tay Hạnh, run nói: *Sư muội... Hãy gìn giữ tình của bạn tôi.* Người con gái ấy vẫn như xưa, không có tuổi.

2.

Lâu rồi tôi không liên lạc gì với Kim, dù tôi và Kim vẫn ở cùng một thành phố. Tôi không muốn nghe một lời trách móc than phiền về Trọng, người chồng cũ. Họ đã ly dị đã gần hai mươi năm nay rồi. Các con Trọng đều ở với mẹ. Hàng tuần cứ mỗi chiều thứ bảy các con Trọng đều kéo nhau đến phòng mạch của Trọng sau giờ nghỉ mấy cha con kéo nhau đi chơi, nghe nhạc ... Khoảng thời gian đó Trọng nghe có con tâm sự đủ mọi chuyện, lúc nhỏ chúng kể từ chuyện nhà trường, bạn bè, khi lớn chúng tâm sự với cha về những mối tình vừa chớm nở với một cô bạn, với một chàng thanh niên cùng công ty. Tuyệt nhiên giữa họ đều không nhắc đến Kim, vì họ sợ mất đi những giây phút đầm ấm, hạnh phúc. Tôi tránh mặt Kim vì muốn mọi chuyện đều qua đi, chết hẳn, chôn vùi theo năm tháng dù tôi biết trong lòng Kim lẫn Trọng đều mang thương tích quá nhức nhối.

Một buổi sáng đẹp trời, tôi đang thả hồn mình theo tiếng đàn guitar của Vô Thường thì chuông reo và tiếng con gái tôi từ dưới nhà reo lên là tôi có điện thoại của bác gái nào đó cần gặp. Tôi không nghĩ là Kim. Giọng Kim có vẻ ngượng ngập lúc ban đầu nhưng sau đó Kim lộ hẳn những bức dọc, những trách móc về Trọng. Tôi cười và nhắc lại là trên thực tế và pháp lý từ lâu hai người không còn gì cả phải không? Một cuộc ly dị êm xuôi, không một điều gì tai tiếng cho cả hai. Trọng xây lại nhà mới cho Kim và các con. Trọng chu cấp toàn bộ cho mẹ con Kim dù Trọng phải bỏn chẻ vun xới cho một mái ấm gia đình với Hạnh. Trên thực tế và trên pháp lý Trọng chỉ có một người vợ duy nhất là Hạnh. Các con thì nhiều giòng. Hạnh vẫn thường lánh mặt để các con của Kim đến chơi với cha. Các con sau này của Trọng lại hay quần quít bên các anh chị cùng cha khác mẹ. Kim hỏi tôi đã in thiệp cưới cho con trai mà Trọng nhờ tôi thiết kế mẫu chưa? Nàng nói nơi thiệp báo tin, bên nhà trai không đề tên ông bà:...Trọng, mà phải để Ông:...Trọng. Bà:...Kim. Địa chỉ lấy nhà Kim. Trọng đã bàn với tôi lấy địa chỉ nhà Trọng hiện nay. Tôi nói với Kim để tôi hỏi lại Trọng. Thế là tôi phải chịu trận, những lời tâm sự, những uất ức mà bấy lâu Kim chôn tận đáy lòng. Kim nói tôi là bạn thân của hai người nên Kim bắt tôi phải nghe, dù tôi thất có bao nhiêu điều vô lý. Nói chung Kim không muốn có sự hiện diện của Hạnh trong ngày cưới đưa con trai của hai người. Kim cứ cho Hạnh là nguyên nhân của sự đổ bể hạnh phúc của Kim. Tôi đề nghị Kim nên nói thẳng ý định đó với Trọng. Giọng nói từ bên kia đường giây chùng xuống: “Đã gần hai mươi năm qua, tụi mình không nói lấy một

câu.”

Ngày đãi tiệc cưới của con trai Trọng được tổ chức rất trang trọng tại một nhà hàng khách sạn bậc nhất Sài Gòn. Cả gia đình tôi đều đến dự. Khách mời của hai đảng nhà trai nhà gái ngồi chật cả phòng đãi. Các con tôi kéo nhau đi tìm các con của anh em bạn bè trong nhóm YT của tôi. Chúng cùng một thế hệ. Còn vợ chồng tôi ngồi chung một bàn với các bạn cùng nhóm. Buổi lễ thành hôn theo nghi thức diễn ra trên khán đài, cũng giống như mọi đám cưới khác. Bố mẹ hai đảng đứng bên cạnh cô dâu chú rể, cầm lấy tay nhau, như một sợi dây dính liền hạnh phúc. Kim mặc chiếc áo dài nhung. Trọng bệ vệ trong bộ đồ véc. Cô dâu chú rể theo sau bố vợ hai bên đi chào mọi người thân từng bàn. Trọng cười đi bên cạnh Kim. Kim rạng rỡ trên nét mặt, những nụ cười tươi. Tôi biết ngay là Hạnh không có mặt trong buổi tiệc này. Những người khách, nếu họ không biết tí gì về đời sống riêng tư của vợ chồng Trọng, thì họ vẫn lầm tưởng là trong khoảng đời bao nhiêu năm dù đời sống trải qua những ê chề của lịch sử để lại, hạnh phúc vẫn trải đều cùng năm tháng trong cuộc đời gia đình Trọng, như không có gì xảy ra giữa họ những nỗi đau nhức nhối. Đến bàn tôi, Trọng đứng sau lưng tôi, Kim bên cạnh. Tôi nghĩ thầm vở kịch mà Trọng không bao giờ nghĩ đến đang được hình thành và người viết kịch kia hóa thân vào nhân vật diễn cho trọn vai tuồng.

Lê Ký Thương

Thơ thả trên sông Hương

Anh xé lòng khơi nguồn sông Hương chảy
Dòng tình yêu cuộn cuộn bóng hình em
Trong tích tắc giao thừa anh bỗng thấy
Con ong ruồi chết ngộp giữa đài sen

Dẫu có buồn anh cũng cứ yêu em

Thơ khắc trong lòng

Nếu không có mùa xuân
liệu mai vàng nở rộ?
Nếu anh không yêu em
liệu hai ta có khổ?

Nhưng xuân cứ là xuân
Thời gian không biên độ
Nên anh cứ yêu em
Cho đời thêm hoa nở...

Sử Mặc

Đẩy xe

Tà tà . đẩy cái xe . đi
tối
không gấp gáp
trạm gì nhân gian ?
trạm khổ đau
chín
rỡ ràng
trạm tương lai
nhóng . lằm than . chụp . oà
mù mờ
da-thịt-thịt-da
phải duyên cơ đẩy ? hay là ?
máu xương
đẩy xe
loạng quạng đôi đường
chỗ hư sấn tới
chỗ bình thường . quên
chỗ em đường cũng ưu phiền ?
xe không
trạm nhờ
đời nghiêng xuống
còn ?

8/2003

Lữ Kiều

Trên đồi là lô cốt

PHÍA TÂY THÀNH PHỐ HUẾ CÓ MỘT NGỌN ĐỒI không cao lắm. Trên đồi có một cái lô cốt bỏ hoang. Trên mặt lô cốt thì có những hòn đá, hòn sỏi mà tụi con nít leo lên chơi bỏ lại. Những hòn đá nằm vô tội và hòa bình hết sức. Tôi chỉ cho người con gái đi cạnh tôi xem những viên đá ấy, nàng không để ý, chỉ băng khuâng hỏi:

- Lúc trước, mấy người ở trong lô cốt chắc nóng lắm...

Một lần khác, tôi thấy một họa sĩ đặt giá vẽ lên mặt lô cốt. Ông ta còn trẻ và muốn vẽ dòng sông dưới chân đồi. Tôi nói: “Đẹp”. Ông trả lời: “Đẹp”. Thật ra, ông không có cái dáng nghệ sĩ lắm. Tôi tin là ông hoàn toàn không để tâm thắc mắc đến sinh hoạt của những người đã sống trong lô cốt này.

*

Ở Huế, tôi phải gọi những em gái của cha tôi là O. Ở Bắc thì Cô. Ở Nam, người ta lẫn lộn cô với thím. Trong liên lạc ấy, tôi phải gọi người con gái đi cạnh tôi trên đồi là O. Căn nhà O ở nằm bên một con đường vắng. Ở Huế, phần nhiều những con đường đều vắng như vậy. Tôi biết O đã lớn lên nơi đây, bên con đường này, thở không khí này. Tôi biết O mười bảy tuổi, học lớp đệ nhị trường Đồng Khánh, ban vạn vật... Tôi biết đã bao năm, O mỗi ngày đạp chiếc xe đạp con gái sơn trắng, qua trường rồi trở về, đều đặn trên con đường yên tĩnh. Tôi

còn biết O chưa hề yêu một người con trai nào. Sự nhận biết sau cùng này òa vỡ trong tôi những xúc động nửa băng quơ, nửa cấp thiết.

Làm sao và làm sao giải nghĩa điều đó, làm sao cắt nghĩa được sự kiện người con gái mười bảy tuổi, lớn lên nơi đây, không hề nghĩ đến một người trai? Nhất là khi người con gái đẹp. Những đêm dạo chơi với những người bạn dưới vòm trời đầy sao, đi ngang nhà O, tôi vẫn có thói quen ngó vào để nhìn khuôn cửa mở rộng, ánh đèn sáng xanh, và bóng O ngồi dưới ánh đèn ấy. Đẹp. O ngồi trước bàn học, hai tay bình yên nắm cuốn vở, mái tóc đen ôm lấy vai, khuôn mặt cúi xuống, hai bờ vai mảnh dẻ, gây đến xót xa. Tôi nghĩ rằng không còn hình ảnh nào thủ phạm hơn hình ảnh một người con gái ngồi một mình dưới ánh đèn. Dáng người của O làm tôi có cảm tưởng O đang buồn trong khi tôi hiểu rằng O không hay buồn. Nhưng ở O có một cái gì ngăn cách O với thế giới bên ngoài khuôn cửa kia, ánh đèn trắng xanh kia. Trong thế giới của O có một cái gì bình yên và trầm tĩnh, cái gì đơn độc và quạnh hiu, những cái ấy vậy bọc lấy dáng bé nhỏ của người O.

Nhìn O, tôi vẫn thường mang cái cảm giác se sắt. Tôi định nói điều ấy với O, nhưng tôi biết là không thể nào nói được. O thường ở nhà và ít bạn. O có đôi mắt to và đen. Tôi nói với O rằng đôi mắt O đẹp lắm. O cười ngưỡng ngưỡng và nói rằng O không thích tôi nói như vậy. O có cái dáng thản nhiên và bình yên lạ lùng. Không bao giờ tôi thấy O hốt hoảng hay mất bình tĩnh. Khuôn mặt O không hề biểu tỏ một biến động tình cảm nào, nhưng tôi biết O chưa hề nghĩ đến một người con trai, phải tôi biết, O mười bảy tuổi và chưa hề nghĩ đến

một người con trai. Dáng bình yên của O nói lên điều đó. Thật ra có thể tôi nhầm. Nhưng tôi không hề nghĩ như vậy.

Những ngày trời mưa, trời nắng, những ngày mùa thu, mùa xuân, mọi sự đều trôi qua bên cạnh O hay chính O trôi bên cạnh mọi sự. Cái sinh hoạt đầy biến động của tuổi trẻ hoàn toàn xa vắng trên khuôn mặt O. Mỗi lần nhìn O, tôi muốn hòa đồng vào cái thế giới của O để quên đi những cái đang ở trong tầm tay và ngoài tầm tay mình.

O rất ít nói. Tôi vẫn thường sang thăm O những buổi sáng chủ nhật. Bấy giờ nắng trên những cánh cửa màu xanh, O ngồi bên cạnh tôi. O có mái tóc thể đẹp hết sức. Những người con gái Huế thường có mái tóc ấy. Những sợi tóc đen và mềm làm tôi mang cái ước muốn lồng mười ngón tay dài của mình trong rùng tóc ấy. Đôi lúc tôi làm điều tôi muốn. Tôi thấy những ngón tay mình phạm phu vô cùng. Còn O, những lần đó, O chỉ khẽ gỡ tay tôi ra và nói với tôi là O không thích tôi làm như vậy, tóc O sẽ rối lên.

O hay ngồi im lặng nghe tôi nói chuyện. Bao giờ tôi cũng có nhiều chuyện để kể với O. Tôi vẫn thường mang cảm tưởng rằng nói được với O, tôi sẽ đỡ khổ sở một mình. Có nhiều điều tôi nói ra mà biết là O không hiểu. Có nhiều điều tôi bịa. Nhờ O, tôi được nói một mình mà không cảm thấy độc thoại. O không bao giờ hỏi. O không tò mò. O chỉ ngồi và nghe. Thỉnh thoảng O cười. Còn tôi thì thích vừa nói vừa được nắm lấy bàn tay O. Bàn tay bình yên và hiền dịu, vô tội và con gái. Tôi nói với O rằng tôi biết nhiều người con gái, nhưng không ai có bàn tay thánh thiện như O. O chỉ khẽ cười

và rút tay lại.

Thành phố Huế hiện ra trên O. Nên tôi nghĩ khi xa Huế, mỗi lần nhớ đến thành phố cũ, tôi sẽ nhớ đến O. Cũng như mỗi lần nhớ đến O, tôi sẽ nhớ Huế. Nhớ lắm.

*

Tôi biết rằng thế nào mình cũng xa Huế. Tôi đã lớn lên nơi đây, đã thuộc lớp người thân yêu của thành phố, nhưng thế nào tôi cũng phải đi. Thế nào cũng phải chia tay. Phải rút khỏi những ràng buộc với sinh hoạt thường ngày và quen thuộc này. Phải nhận lấy đổi thay. Phải chọn lựa. Phải tham dự. Những bạn tôi đã ra đi. Một tên lái phi cơ viết thư về kể cho tôi nghe rằng y bắt đầu được dự vào những chuyến bay đêm. Y nói đến những vì sao trên trời và bảo rằng mỗi lần nhìn thấy vì sao hôm, y lại nhớ Huế hết sức. Một tên trấn đóng một cái đồn ở vùng Cao nguyên kể chuyện các cô gái Thượng và mơ ước nhìn lại những mái tóc thề. Nhiều tên nữa. Đứa nào cũng nói là nhớ Huế, nhớ Huế, nhớ Huế lắm.

Tôi viết cho chúng nó: *“Hạnh phúc cho chúng ta còn có một quê hương để nhớ đến.”* Tôi biết những người ở đây khi đi xa, bao giờ cũng mang sau lưng những ràng buộc dai dẳng với thành phố cũ. Trong cái vẻ bình yên và an nghỉ của Huế vẫn có một cái gì đang phấp phồng, nôn nóng, lo âu, chờ đợi. Kẻ ở xa, mỗi lần nhớ đến cái dáng ấy, không thể nào bình tâm được.

Những ngày mùa hạ này, tôi thường đi một mình qua rất nhiều con đường của thành phố. Đi từ Đập Đá, theo đường Lê Lợi, dọc theo sông An Cựu rồi lên Núi Ngự. Nhìn xuống: thành phố nhỏ vô cùng! Qua Thành Nội

vào Tây Lộc đi dọc theo thành, trở ra con phố nhỏ với hai dãy phố không bao giờ đổi thay. Góc phố đó, cửa hàng đó, vẻ bầy biện đó và những khuôn mặt đó. Huế có một bề ngoài nhàn nhã. Rất nhiều, rất nhiều người đi xe đạp, đi bộ trên hè phố, để nhìn nhau, cái nhìn ám tàng ý nghĩa nhận biết và quen thân. Chỉ những người của thành phố này mới nhìn nhau kiểu như vậy. Cái nhìn vừa phải, không lấn đăm cũng không vồn vã. Nó chỉ nói lên điều này: Chúng ta là dân Huế.

Huế như thế đó. Ai đi xa mà không nhớ. Nhưng tôi phải đi. Sự nuông chiều của thành phố làm tôi bé nhỏ mãi. Tôi phải lớn lên. Phải sống đúng kích thước của mình. Nằm trong lòng Huế, tôi an toàn với những giấc ngủ bình yên, không một tiếng súng ở xa. Không một tiếng hét dữ dội nào. Nhưng tôi không thể làm kẻ ở lại khi các bè bạn đồng lứa đã ra đi, tôi biết mình không có quyền nằm ngủ những giấc bình yên. Tôi được tin nhiều người bạn đã chết và bị thương trong những cuộc hành quân vùng Hậu Giang. Tôi biết thế hệ mình chưa thể an nghỉ trong niềm vui nhỏ của con phố nhỏ. Tôi phải đi. Để khỏi cảm thấy mình ở cái vị trí không thể khinh ai nên chỉ biết khinh chính mình. Tôi phải đi.

Tôi muốn cắt nghĩa với O dài dòng hơn về những điều đó. Nhưng tôi biết O mười bảy tuổi, lớn lên bên con đường vắng vẻ này, chưa hề yêu một người con trai, làm sao và làm sao O hiểu được.

Nên trong những ngày cuối cùng ở lại với Huế, tôi rủ O đạp xe lên ngọn đồi phía tây thành phố,

Dưới đồi là nghĩa địa dòng họ chúng tôi. Khi tôi và O lên đó thì trời đã chiều. Bấy giờ O ngồi xuống cạnh mộ cha, nét mặt nghiêm nghị và ngơ ngác. Tôi nhìn O và

thấy thương O vô cùng. O không còn là O nữa, O hiện ra dưới mắt tôi như một người con gái mười bảy tuổi, đẹp thùy mi, ngồi bên mộ người thân, người con gái mặc áo lụa trắng, và nắng trên tóc nàng, trên cái nón để giữa cạnh nàng. Nàng nói sao ở đây buồn và vắng. Tôi cười. Nàng gượng cười theo, vừa lấy tay khoác những sợi tóc vương trên vùng trán đầm mồ hôi. Nàng nói đạp xe lên những cái dốc vừa rồi, nàng mệt lắm vì chưa khi nào nàng đi chơi xa thế này.

Tôi ngồi yên lặng ngó lên bầu trời và ngạc nhiên thấy trời xanh. Tôi nhìn lên đồi, lên con đường cong queo dẫn lên đồi và trông thấy cái lô cốt sừng sững trên ấy. Cái lô cốt bỏ hoang từ hồi đình chiến. Bao lần tôi nhìn nó, và lần nào cái vẻ hoang tàn của nó cũng làm tôi xúc động. Tôi rủ O khóa hai chiếc xe đạp lại đây rồi chạy lên đồi chơi. O cười nhỏ nhẹ và gật đầu.

Tôi đi cạnh O lên đồi. Gió thổi làm áo O bay. Đạo trước, khi còn đông đủ, tôi với những tên bạn thỉnh thoảng lên đây vào buổi chiều. Bây giờ thì đứa ở xa, đứa thì đã mất. Tôi nghe thức dậy trong lòng chút hạnh phúc nhỏ của người ở lại trở về nơi cũ. Mà bên cạnh thì còn có một người con gái đẹp. Tuổi trẻ, có những lúc, chỉ ước mơ có thế.

Tiếng O thoảng bên tai tôi, ấm và nhẹ:

- Hoa chi đây ?

- Hoa dại...

- Đẹp.

O cúi xuống ngắt mấy cánh hoa. Cái lưng thon dài của O thật dịu mát. O đưa cho tôi xem mấy cái hoa trắng, cười bằng mắt. Tôi hỏi O có thích hoa màu tím không. O ngạc nhiên hỏi tại sao tôi hỏi vậy. Tôi nói

rằng những người con gái Huế phần đông thích màu tím. O khẽ cười và không nói gì cả.

Khi đứng trên đồi, tôi nhìn thấy cái lô cốt, và nhìn dòng sông ở dưới. O cùng đứng bên tôi, nhìn lô cốt và nhìn dòng sông ở dưới. Nắng trên sông. Tự nhiên, tôi thấy lòng se sắt và muốn kể cho O nghe chuyện về cái lô cốt này. Nhưng tôi không nói gì. Chúng tôi đứng yên lặng bên nhau thật lâu. Ngọn đồi vắng. Cỏ thì đầy cả bóng chiều, chạy dài xuống chân đồi. Tôi nhìn từ những ngón tay hiền từ của O lồng trong nắng. Tôi muốn nắm chặt lấy, nhưng O ở bên tôi, trong trắng vô cùng, thánh thiện vô cùng, nên tôi không dám làm cái cử chỉ phạm phu ấy.

*

Người ta thường bảo rằng con sông ở Huế đẹp, thật ra, con sông còn quyến rũ. Đẹp chưa đủ. Con sông như cánh tay với dãy núi lam xa xôi. Con sông như một tiếng gọi tha thiết và nhỏ nhẹ. Như giọng nói của những người con gái Huế. Nghĩa là quyến rũ lắm. Vào mỗi chiều, đạp xe qua cầu Bạch Hổ, nhìn dòng sông và dãy núi, tôi thường bị xúc động trước vẻ đẹp tràn lan của con sông. Xa Huế, nhớ sông, chắc tôi sẽ nhớ đến hình ảnh ấy. Cầu Bạch Hổ sơn đen, dùng cho những chuyến tàu chạy qua. Đứng trên cầu, cái nhìn tôi rộng và bao quát. Nhìn lên: núi. Nhìn xuống: cột cờ, cầu Tràng Tiền trắng long lanh, tàng cây rậm rạp của công viên. Hôm ở trên đồi trở về, O với tôi dừng lại trên cầu. Cầu bấy giờ vắng. Tự nhiên O quay sang nhìn tôi và khẽ nói với tôi rằng tôi đi, O sẽ buồn và nhớ. Nói xong O cười thèn thẹn và dục tôi đạp

về.

Những ngày cuối cùng tôi ở lại với Huế, trời nhiều mây. Tôi đạp xe lên cầu Bạch Hổ một mình, đứng nhìn con sông lam và dự tính cho ngày sắp đến... Tôi không biết phải làm gì cho hết mấy ngày còn lại. Tôi nghĩ đến một cánh huệ trắng cắm vào chiếc bình hồng. Tôi muốn sang thăm O lần cuối với cánh huệ trắng ấy... Người gác cầu quen biết thấy tôi đứng tần ngần, tới gọi chuyện. Ông ta kể cho tôi nghe về tai nạn vừa xảy ra trên cầu này. Nạn nhân là một người con gái. Ông ta chỉ cho tôi xem vũng máu người ta quét chưa sạch, bây giờ khô lại. Tôi tự nhiên thấy nghẹn ngào trong một niềm giận dữ vô cớ. Tôi nghĩ rằng mỗi người không có phẩm quyền về sự sinh ra thì ít nhất cũng có quyền về cái chết của mình. Tôi đạp về, không muốn nhìn dòng sông lâu hơn, và cảm thấy khuôn mặt mình nửa khôì hài, nửa bị đất. Tôi hay có những xúc động trẻ thơ như vậy. Và lấy đó làm gương lắm.

Tôi không ngờ người con gái bất hạnh trên cầu là O. O trở về nhà sau buổi học, có những tên con trai theo chọc ghẹo, O luống cuống đâm vào chiếc xe nhà binh. Khi tôi về nhà, người em của O kể cho tôi nghe những điều đó, vừa khóc. Tôi lên bệnh viện thăm O. Bây giờ trời bắt đầu tối. O bị thương nặng và chưa tỉnh. Tôi chỉ được nhìn O xa xa... Người y tá chưa cho vào thăm. Đêm về, tôi thức trắng, hút những điếu thuốc, thở khói ra cửa sổ, nghĩ đến cánh hoa trắng, đến những ngày đã qua. O mười bảy tuổi...

Sáng lại, tôi đến thăm O. Nằm trên hành lang bệnh viện. O nằm trên giường, xanh xao, ngó tôi, gượng cười. Tôi đến ngồi đầu giường, nhìn O, không nói gì cả. Người

ta phủ lên mình O một lần chăn trắng. Mái tóc đen dịu mát của O xõa trên mặt gối. Đôi vú bé nhỏ của O mong manh một cách tội nghiệp dưới lần chăn mỏng. Tôi nắm lấy tay O. Bàn tay mềm và lạnh. Một lát thấy những ngón tay O vút vào tay tôi. Tôi khổ sở hết sức. Lần đầu tôi muốn khóc vì O. Tờ sờ tay lên tóc O, cười buồn bã. O gượng cười, đôi mắt long lanh. Tôi không nói gì và hôn thật nhẹ lên trán O. O thở đều đều. Tôi biết có những đôi mắt đang nhìn tôi và O. Tôi đặt môi lên tay O, muốn nói một lời nhưng không tìm ra lời mà nói. Tôi biết O mười bảy tuổi và chưa hề ai hôn lên đôi môi trinh trắng của O...

Buổi trưa O kiệt sức. Buổi chiều thì người con gái ấy qua đời. Buổi tối, tôi một mình lên cầu Tràng Tiền, dừng lại giữa cầu nhìn lên vòm trời đầy sao. Ánh trăng thượng tuần vàng và rầu rĩ. Một khoảng trống trước mặt. Và thành phố cũng bắt đầu tuột khỏi vòng tay. Lần đầu, tôi mang cảm tưởng hai dây phố đứng dậy đuổi tôi ra khỏi ngõ.

*

Đáng lẽ tôi phải kể cho O nghe về cái lô cốt trên ngọn đồi phía tây thành phố Huế. Tôi biết sẽ còn nhiều đứa trẻ leo lên đó chơi và để lại những viên sỏi. Tôi biết sẽ còn có nhiều họa sĩ mang giá vẽ lên đó để vẽ dòng sông dưới chân đồi. Nhưng tôi biết ít người thắc mắc như O, thắc mắc không biết những người lúc trước sống trong cái ô cốt này có nóng không. Bây giờ O không còn. Tôi chẳng biết kể với ai chuyện muốn kể. Mà thật ra, chuyện vô duyên và không có gì. Đó là điểm làm tôi ngại ngùng. Nếu O còn, chắc O cũng đồng ý với tôi.

Chuyện đã xưa, đã thuộc về cái thời đã qua, đã chìm trong trí nghĩ của mọi người. Cái gì rồi cũng trôi qua. Điều bi đát có những lúc thức tỉnh, chúng ta ý thức sáng suốt điều đó và không làm chi được.

Chuyện rằng hồi gần đình chiến – năm 1954 – trong lô cốt này có năm người lính và một hạ sĩ quan. Đêm đình chiến cả sáu người bị giết. Người ta tàn sát sáu người để chiếm lấy những khẩu súng vô tri. Không ai nghe một tiếng súng vì người ta giết sáu người bất hạnh ấy bằng dao găm và lưỡi lê. Cố nhiên sự việc xảy ra trước nửa đêm, giờ đình chiến. Sáng lại, người ta thấy sáu cái xác còn tươi. Riêng tôi, tôi thấy có một cái gì ám muội trong ấy. Tôi tự hỏi biết đâu cuộc tàn sát không xảy ra sau giờ đình chiến, sau giờ mà những người trong lô cốt chợt thấy an toàn không cần phòng vệ? Chuyện chỉ có vậy. Chiến tranh thì có lắm chuyện đáng ghê sợ hơn thế. Tôi biết rằng rồi không ai nhớ đến chuyện ấy nữa. Kể cả tôi. Phải, cái gì rồi cũng phải qua đi! Như cái chết của O sẽ nguôi quên trong trí mọi người. Không ai còn nhớ một người con gái sống mười bảy năm nơi đây, bên con đường này, thở không khí này, chưa hề có một tình yêu, và chết đi. Không ai còn nhớ một người con gái ngày hai buổi đạp xe đi về, đêm ngồi dưới ánh đèn trắng lạnh, hai tay nắm cuốn vở, hai vai gầy đến xót xa...

Cái gì rồi cũng sẽ trôi qua, như tuổi trẻ của mỗi người rồi sẽ mất. Phải, đáng lẽ tôi phải kể cho O nghe, chuyện về cái lô cốt trên ngọn đồi phía tây thành phố. Cũng như đáng lẽ tôi phải hiểu là tôi yêu O, yêu O từ lâu rồi.

Phạm Hữu Quang

Ngẫu hứng chiều sông Hậu

Rằng ta áo bụi ghé về thăm
Chống xuống theo em mót củi
Vô tình đâu hay chèo phải lủi
Phía bờ kia rục rở hoa vàng

Rằng sông mùa nước nổi mênh mang
Gió thổi tím mảnh hồn kẻ chợ
Lục bình trôi tím hồn kẻ chợ
Lửa đèn giăng. Về đâu? Về đâu?
Bếp khói quần quanh dưới chân cầu

Phía vầng trăng đỏ tiếng còi tàu
Sông nước chập chờn vây đôi lữ
Em hát làm chi câu hát cũ
Rằng sông bên lở bên bồi
Chân sà nhà mẹ mấy lần trôi

Rằng cảnh quen chim đứng gọi mỗi
Tìm đâu thấy mặt hồ ao nữa
Em tần tảo thân cò góp bữa
Đĩa bông vàng xối lửa mặt trời
Thấp ảm chiều. Mưa rơi. Mưa rơi...

Rằng ta chẳng phải đứa rong chơi
Giang hồ nát chiếu về chốn cũ
Gối đầu con sóng đêm nay ngủ
So tiếng độc huyền rơi rơi rơi

Ta lớn lên, từ đó, khoảng trời...
1996

Về Ninh Phước

Về đây. Về đây. Ta về đây
Giang hồ tứ xứ tìm cơm áo
Đất mới người xa cười gượng gạo
Neo bến nao đời dòng kinh chua
Cỏ rồi bâng khuâng ngọn gió đùa

Mây bay. Mây bay. Núi dựng thành
Ta dựng lều tranh che mưa nắng
Bỏ cuộc đầu tiên lên đất rắn
Nghe đau sỏi đá hướng tay người
Mồ hôi cùng bụi cát rơi rơi

Đất cháy phèn lửa cháy tay ai
Mở trận địa dồn chân cỏ lác
Ta nổi lửa trên đồng tứ giác
Đun bếp trà nghe tiếng reo sôi
Lửa đèn đầu cũng ấm dạ người

Ta về đây đập đất đội trời
Góp dầu tay chai dù mưa nắng
Bữa cơm nghèo góp bù khoai sắn
Miếng cá khô chia sức vợ hiền
Có thêm dòng sữa ngọt nuôi con

Tự bao giờ mà thành xóm thôn

Vỡ vai bạn ta nhường manh áo
Nhắc mà chi một thời giông bão
Phận bèo trôi đầu sông cuối bãi
Ta về đây, ừ, một tấm lòng

Chân người đi rồi sẽ thành đường (*)
Ta đỡ giấc ru mình dâu bể
Sớm mai này ta cầm tay hạt lúa
Chợt hiểu ra ơn nghĩa nặng đời
Ta gieo mùa, thầm gọi, đất ơi...

1981

(*) Ý của Lỗ Tấn

Đức Phổ

Bạn cũ, Xứ người

Vẫn ngỡ rằng
không cách chi gặp lại tụi bây
những thằng trai xưa mặt mày non choẹt
vai quai chảo đông đầy tình non nước
nay sóng xô bèo giạt tấp phương này.

Vẫn ngỡ rằng
khó gặp lại tụi bây
khi đưa lầu cao xe đẹp vợ hiền
đưa đỉnh đặc ngất trời danh vọng
đưa trần trở một đời, chưa yên.

Vẫn ngỡ rằng
không còn dịp gặp tụi bây
khi giữa bốn phương chẳng tìm ra
phương trời quê cũ
xứ sở người đứng làm lạ mình từng bữa
huống chi tụi mình xa cách quá lâu.

Tau biết khôn ra từ giang đoàn ngăn chặn
tụi bây có thằng tuần thám
thủy bộ trực lời
thằng người nhái ôm bình hơi
lặn đầu sông cuối nước...
đã từng nhìn nhau ha hả cười vang
gom hết trăm sông xuôi về biển Mẹ
từng hào sảng xem thường đời sang cả

khuấy nổi niềm riêng
trong những xị ngọt xị cay
từng say khướt và quên đời tan tác
bom đạn chẳng biết buồn
khi đồng đội ta hy sinh!

Đâu ngờ có ngày tan hàng
không một lời hô cổ gắng
cuộc phân ly như một định mệnh
dừng đứng
quăng những thằng trai vào đường xiêu tán
(thằng di tản đưa vượt biên
kẻ chui vô rừng gỡ lịch...)
đâu có hẹn ngày đất Mỹ gặp nhau.

Thế mà tau còn dịp gặp tụi bây
những hạt gạo trên sàng
nhìn nhau bỏ ngõ
đưa bạc tóc ôm thằng trơ nếu
xưng tau gọi mày vớt vác chút trẻ trung.

Chốn nơi này tau gặp lại tụi bây
sông chưa về với biển
gió tạt qua hồn
những đợt sóng chao nghiêng
cũng có vầng trăng sao lòng chẳng tỏ
nỗi riêng tây trót gởi lại quê nhà...
(Savannah, 25- 05- 2002).

Vũ Đình Trường

Nỗi lòng kỷ nữ

Lạnh quá, trời ơi, tôi lạnh quá
Nỗi buồn như tuyết đã bao quanh
Tôi biết về đâu đêm buốt giá
Cô đơn như đá đã xây thành

Phố đã thưa dần, nhà kín cửa
Người hành khất ngủ dưới cầu sương
Nhà ai còn thức, đèn leo lét
Tỏa bóng đìu hiu xuống mặt đường

Cứ thế từng đêm, lại từng đêm
Đèn soi bóng lẻ, bước dài thêm
Nhìn quanh nào thấy người thân thích
Biết tỏ cùng ai lắm nỗi niềm

Đâu những tình nhân trong phút giây
Cho tôi hơi ấm một đêm nay
Kẻo mai nhụy rữa, hoa tàn úa
Hương phấn trôi theo giọt lệ đầy

Đỗ Hồng Ngọc

Nghĩ từ trái tim

(phần 2)

MỘT CHÚT LỊCH SỬ

TÂM KINH- GỌI TẮT CỦA BÁT NHÃ BA-LA-MẬT - đa Tâm Kinh (Prajnaparamitā Hrdaya Sūtra) do Phật thuyết giảng lúc đã ngoài 60 tuổi (Osho, Heart Sūtra) cho Suriputra (Xá lợi tử) mà theo Osho - cũng như một số tác giả khác - vốn là một nhân vật nổi tiếng, có đến 5000 đệ tử, đến gặp Phật mục đích là để tranh luận. Phật đề nghị ông chờ cho một năm. Đúng ngày hẹn, Phật mời đến để tranh luận thì ông đã quỳ xuống xin được thu nhận làm đệ tử. Sariputra đã tới độ “muồi” cần thiết, và Phật đã giảng Tâm Kinh cho ông. Điều Osho nói có thể là một huyền thoại, nhưng điều chắc chắn là bản dịch Hán văn đầu tiên là của Huyền Trang (Trần Vĩ, thường được biết với tên Đường Tam Tạng) gồm 260 chữ, xuất hiện vào năm 649 đời nhà Đường (Suzuki, Tâm Kinh Bát Nhã trong Thiền tông, Thiền Luận, quyển hạ, Tuệ Sỹ dịch ,NXB tp. HCM 1998). Bản lá bối cổ còn lưu tại Nhật (thủ bản) ở chùa Hōryōji (Pháp Long tự), Yamato, mẫu tự Sanskrit, tương truyền do Bồ Đề Đạt Ma mang vào Trung Hoa, rồi sau đó đến Nhật. Hiện có rất nhiều bản dịch sang tiếng Anh, Pháp, Đức, Nhật, Việt... và có thể coi Tâm Kinh là phần tinh yếu nhất, cốt lõi nhất của Bộ Đại Bát Nhã gồm 600 quyển với hàng trăm ngàn bài tụng và các kinh khác trong hệ Bát Nhã, Tâm Kinh chỉ vỏn vẹn với 260 chữ mà các nhà

ngiên cứu cho là đang làm “rúng động” cả Đông lẫn Tây phương mà có người như thiền sư NH bảo đã hành trì trên 40 năm, ngày càng thấy những vi diệu thâm hậu của nó..

Bản dịch của Huyền Trang có thêm 5 chữ “*độ nhất thiết khổ ách*” (giúp giải thoát tất cả mọi khổ đau, ách nạn) vào ngay trong câu đầu của Tâm Kinh, câu như một định đề, nhằm nói lên “diệu dụng” của Tâm Kinh, như một xác quyết của Huyền Trang, người đã vượt bao gian nguy hiểm trở trong chuyến đi thỉnh kinh – dài 17 năm trời- với một nghị lực phi thường – (Nguyễn Hiến Lê, Ý chí sắt đá) là nhờ ở tinh thần “vô úy” của Tâm Kinh. Suzuki nói bản Tạng ngữ có thêm câu mở đầu (cả Phạn ngữ cũng vậy) như sau:..

“Một thời, đức Thế tôn ngự tại thành Rājagṛha trên đỉnh Linh thú, cùng với chúng tỳ khưu và Bồ tát. Bấy giờ Thế tôn nhập vào tam muội chánh giác thậm thâm. Lúc đó Đại Bồ tát Quán Tự tại (Avalokiteśvara) đang thực hành Bát Nhã Ba-la-mật sâu xa”.

“Này Xá lợi tử, như thế Bồ tát phải tự mình thực hành trong Bát Nhã Ba-la-mật sâu xa”. Bấy giờ Thế Tôn rời khỏi Tam muội và tán dương Quán Tự tại Bồ Tát: “Hay thay, hay thay, thiện nam tử ! Quả vậy, phải nên tiếp tục thực hành Bát Nhã Ba-la-mật sâu xa” (Suzuki, sdd).

Chúng ta để ý những từ “thực hành”, “phải tự mình thực hành”, “phải nên tiếp tục thực hành” v.v...được lặp đi lặp lại nhiều lần, tưởng như “lắm cảm” nhưng thực ra là để thấy rằng không thể chỉ đọc, chỉ hiểu Tâm Kinh mà không được thực hành tới nơi tới chốn, không sống “tâm kinh” tới nơi tới chốn. Tâm Kinh ở đây chính là một loại “chân kinh” cần phải được rèn luyện, thực tập, thực

hành, thực chứng... chớ không lý thuyết suông, không để học hỏi, tụng niệm thuộc lòng...

Nhiều tài liệu nghiên cứu Tâm Kinh chưa nhấn mạnh đủ ý này, chỉ dừng lại ở ý nghĩa và nặng về tranh luận ngữ nghĩa, trên bình diện triết học, triết lý... Dĩ nhiên ý nghĩa, ngữ nghĩa từng câu từng chữ trong văn bản cũng rất quan trọng, do vậy mà Tâm Kinh đòi hỏi vừa được hiểu thấu đáo mà cũng vừa được hành nghiêm chỉnh.

Chắc chắn không phải vô cớ một bản kinh cô đọng chỉ với 260 chữ như Tâm Kinh được truyền tụng hơn hai ngàn năm và được cả thế giới học Phật cũng như trí thức Đông và Tây phương ngưỡng mộ không mang một ý nghĩa và một hiệu quả nào đó cho cuộc sống.

Tôi nghĩ điều quan trọng không chỉ nằm trong ngữ nghĩa – mặc dù nội dung “vi diệu” chắc phải có – nhưng ngay trong câu “linh ngữ” (thần chú) kết thúc Tâm Kinh chắc cũng phải có một ý nghĩa thực tiễn nào đó trong đời sống, dù lúc đầu tôi rất dị ứng với kiểu tán dương quá lố nào *đại thần, đại minh, vô thượng, vô đẳng đẳng* gì gì đó thật là đáng ngại!

Tôi nhớ lại hồi mới lên mười, trọ trong chùa, đêm đêm cũng nghe cô tôi tụng “Yết đế, yết đế, bala yết đế, bala tăng yết đế, bồ đề, tát bà ha !” tôi chỉ thấy êm tai, ngủ ngon lành mà thôi.

Rõ ràng, điều quan trọng là phải hành. Phải tự mình thực hành, tự chứng nghiệm. Và còn phải thực hành sâu xa, liên tục.

Nhưng bằng cách nào?

Câu trả lời là Thiền. Nhưng thiền có lẽ cũng mới chỉ là bước đầu để với tới Tâm Kinh và khi đã qua giai đoạn một này thì Tâm Kinh là một môi trường mà ta phải cố

gắng “liên tục” sống trong nó. Hành, bấy giờ là thiền quán và sống “tâm kinh”, sống với cái nhìn mới, cái nhìn trí tuệ Bát Nhã. Thiền là điều kiện cần nhưng chưa đủ.

Thiền là để cho mình lắng đọng lại. Không bị lôi cuốn vào trăm ngàn thứ chuyện lăng xăng, vọng động, không để cho cái tâm nhảy nhót như khỉ như ngựa (tâm viên ý mã) làm cho ta mất rất nhiều năng lượng, vất vả, lao đao. Coi bộ không dễ. Nên phải liên tục, tiếp tục cầm cương hoài hoài. Tôi ngờ các vị Bồ Tát cũng không dám sơ hở, không dám bỏ bê. Rồi trong Thiền mới có quán, kể cả quán sự “tự tại, an nhiên”. Dùng hơi thở để điều hòa, tức dùng thân để chặn tâm như hình ảnh tượng trưng của một vùng nông nghiệp: chặn trâu. Gặp trâu diên thì cũng mệt, nhưng còn đỡ hơn bây giờ! Thời hiện đại có lẽ còn khó hơn ngày xưa nhiều vì thế giới bị xáo động, bị toàn cầu hóa với đủ thứ truyền thông, “internet” bát nháo, con người bị hút vào đủ thứ chuyện trên đời nên con người bây giờ không chỉ phải chặn trâu mà còn có thể phải... chặn nhiều con khác! Con người bây giờ khổ hơn, thần kinh hơn, tâm thần hơn, tự tử nhiều hơn và vô số cạm bẫy làm cho tham sân si nảy sinh, khó mà sống tĩnh lặng, thế nhưng chính trong cõi bát nháo đó có thể lại là điều kiện để “ngộ” nhanh hơn chẳng?

Thay đổi thái độ (cái tâm) thật không dễ. Thay đổi hiểu biết (kiến thức) dễ hơn. Kiến thức tích lũy đầy ắp càng làm khó thay đổi thái độ. Mất cái dao, nhìn ai cũng nghĩ sao nó giống kẻ ăn cắp dao. Nghi thì vẽ vờ tưởng tượng đủ thứ. Giận thì phừng phừng lửa đốt. Tìm đủ mọi lý lẽ để chứng minh mình đúng, người sai. Sợ thì tay chân bủn rủn, rụng rời... Cũng tại tâm ta thôi. Từ cái coi trọng tri thức chuyển qua tâm thức, con đường không giản đơn

cho con người hôm nay. Cho nên mới có chuyện kể thiền sư tiếp một giáo sư mà cứ rót tràn ly nước trà mời khách để nói rằng kiến thức của ngài nhiều quá như ly nước đầy không chứa thêm gì được !

Một ông bộ trưởng đi công cán về miền quê, đêm chó sủa quá không ngủ được, trần trọc bứt rứt mãi. Người chủ nhà nói: Chó nó không biết ngài là bộ trưởng đâu. Nó chỉ sủa vì thấy có người lạ. Ngài cứ coi như nó hát để ru mình. Thế là bộ trưởng ngủ thẳng đến sáng! Chỉ cần thay đổi cái nhìn!

Tâm Kinh làm đảo lộn tất cả mọi suy nghĩ, quyết liệt phủ định, quét sạch mọi thành kiến kể cả thành kiến về Phật, về Bồ tát, về Tứ diệu đế, về Thập nhị nhân duyên... (Suzuki, Sdd) Phủ định hết. Còn gì? Còn cái Tâm cá nhân ta. Tâm đó cũng cần được chùi sạch, lau sạch, gỡ sạch. Tắm gương phản chiếu chân thật trở lại với sự hồn nhiên, trong sáng, lành mạnh, an vui. Nhìn đời với một thái độ mới, với tình thương mới. Không phải xuất hiện một cái Tâm mới. Tâm vẫn có sẵn đó, không phải sinh thêm, không phải tạo ra. Chỉ cần gỡ bỏ đi những cái vướng mắc ràng buộc, che đậy cái tâm vốn luôn sáng trong kia. Trăng vẫn vằng vặc trên mặt hồ, chỉ cần sóng không xao động. Thế nhưng phải có cái nhìn mới với chính bản thân mình trước hết, vì trước hết phải “từ bi” với mình cái đã. Phải cảm ơn thân xác, phải biết quý trọng nó. Sống vui từng phút giây hiện tại. Với cái nhìn mới, hoa đẹp hơn, nắng tươi hơn, mưa mát hơn...tình yêu cũng tuyệt vời hơn. Bữa ăn ngon hơn. Giấc ngủ yên hơn. Vì không còn ganh đua, không còn chen chúc, không còn tham lam, sân hận, thù nghịch... thì mọi sự nhẹ nhàng ra, thanh thản ra, thanh thơi ra.

Ngay cả nỗi sợ lớn nhất của kiếp người là sợ chết – bên cạnh vô số những cái sợ khác như sợ nghèo, sợ xấu xí, sợ già nua, sợ... thì với thái độ coi thân xác là ân huệ nhưng vô thường, chỉ do duyên sinh, tương hợp mà có thì cũng bớt đi nỗi sợ hãi sinh diệt. Người thầy thuốc nhìn con người một cách toàn diện, coi lục phủ ngũ tạng là tương sinh tương khắc thì điều trị không rời cái thân với cái tâm. Ngày càng nhiều ma túy, nhiều an thần, nhiều thuốc giải lo, nhiều thuốc ngủ... bởi con người quá bất an thì Tâm Kinh có thể cũng là một thứ thuốc thần diệu chăng? Vấn đề là phải “thực hành” như thế nào, “sống” như thế nào, vì rất dễ lãng quên ...

BÁT NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH (Prajñāpāramitā Hṛdaya Sūtra)

Prajñāpāramitā, Huyền Trang không dịch mà chỉ phiên âm từ tiếng Phạn thành Bát Nhã Ba-la-mật-đa, còn Hṛdaya Sūtra được dịch là Tâm Kinh.

Tâm ở đây là cái tinh túy, cốt tủy, cốt lõi. Kinh: lời giảng của Phật, được ghi lại. Bát Nhã Balamậtđa Tâm Kinh là “nước cốt”, sặc keo lại của toàn bộ Đại Bát Nhã 600 cuốn và các bộ kinh khác có tinh thần “Bát Nhã”, nhưng theo Suzuki không phải chỉ là bản “tóm tắt ý chính”, “đại ý” hoặc “toát yếu” mà có phần mở rộng thêm, mang nhiều ý nghĩa mới. (Suzuki, Sdd).

Có người dịch Bát Nhã là Trí tuệ cao nhất - Tuệ giác vô thượng – Minh triết siêu việt... nhưng hình như không từ nào chính xác, đầy đủ ý nghĩa của chữ Prajñā, do vậy mà Huyền Trang chỉ dịch âm.

Osho gọi Prajñā là “Minh triết siêu việt”, là “cái đi vào bên trong, nở từ bên trong, không qua người khác, không

nờ kinh nghiệm từ bên ngoài , mà trong sự im lặng hoàn toàn, để cái ẩn kín (Phật tính, Tâm bản như, Chân Như...) bùng nổ”.

Vậy thì Bát Nhã không phải là cái tri thức, sự hiểu biết, cái học, cái suy luận, cái nghiên cứu, tìm kiếm, thụ đắc được từ bên ngoài; cũng không phải là cái minh triết tích lũy từ kinh nghiệm, từng trải, mà là cái ta chỉ có thể chiêm nghiệm, mài dũa, ấp ủ, tưới bón... từ bên trong mỗi người chúng ta cho đến lúc nào đó nó tự nở nhụy, đơm hoa, kết trái...

Dù sao chữ Prajñā phiên âm “Bát Nhã” nghe cũng có cái gì đó hay hay, bao la, bát ngát, đẹp đẽ, dịu dàng.

Ba-la-mật-đa thì chữ “đa” chỉ là một tiếng đệm. “Balamật” dịch âm từ Pāramitā, nghe cũng có vẻ huyền bí. Ba-la-mật, Hán dịch nghĩa là “đáo bỉ ngạn”, có nghĩa là “tới bờ bên kia”, bờ của sự giải thoát. Người ta còn hình tượng Bát Nhã là một con thuyền, gọi là Thuyền Bát Nhã giúp đưa người qua bờ “giải thoát”.

Tâm Kinh làm cách nào giúp được người ta từ bờ mê sang bến giác, từ bờ khổ đau đến bến an lạc? Có thể làm được chăng? Và cách nào? Vì sao nó là “mẹ” của các vị Phật, Phật của quá khứ hiện tại và vị lai như trong kinh văn khẳng định?

Bản văn Tâm Kinh

(Bản dịch của Huyền Trang, năm 649, đời nhà Đường)

*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Balamậtđa thời
chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.*

*Xá lợi tử! Sắc bất dị Không. Không bất dị sắc. Sắc tức
thị Không. Không tức thị sắc. Thọ tưởng hành thức diệc
phục như thị.*

Xá lợi tử! Thị chư pháp Không tướng: bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố Không trung: vô sắc, vô thọ tướng hành thức; vô nhân nhĩ tử thiết thân ý; vô sắc thanh hương vị xúc pháp; vô nhân giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệt vô vô minh tận nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận; vô khổ tập diệt đạo; vô trí diệt vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề Tát đỏa y Bát Nhã Balamậtđa cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư Phật y Bát Nhã Balamậtđa cố đắc A nậu Đa la Tam miệu Tam Bồ đề.

Cố tri Bát Nhã Balamậtđa thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư!

Cố thuyết Bát Nhã Balamậtđa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế, Yết đế, Bala yết đế, Bala tăng yết đế, Bồ đề, Tát bà ha!

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Quán Tự Tại cũng chính là Quan Thế Âm hay Quán Thế Âm, phạn ngữ là Avalokitesvara, còn chữ Bồ tát là dịch từ Bodhisattva, có nghĩa là người đã giác ngộ, đã tỉnh thức và đang giúp cho người khác cũng được giác ngộ, tỉnh thức như mình.

Đoàn Trung Còn giải thích rõ hơn: Quán Tự Tại Bồ Tát tức là Quan Thế Âm. Bodhisattva phiên Hán là Bồ đề tát đỏa (Bồ đề: giác ngộ trọn vẹn, Tát đỏa: chúng sanh), nghĩa là người đã giác ngộ trọn vẹn rồi nhưng vẫn còn làm “chúng sanh”, chưa “lên” địa vị Phật, hoặc đã lên địa vị Phật, nhưng vì lòng thệ nguyện mà vẫn còn ở hàng chúng sanh để cứu độ chúng sanh (ĐTC, Tâm Kinh

Bồ Khuyết, Kim Cang Kinh).

Osho nói: Thiền là đủ giải quyết các vấn đề của bạn nhưng còn thiếu lòng từ bi. “Từ bi giữ một vị Phật còn là Bồ tát ngay trên đường biên”(Osho, Sdd).

Vậy đó, Bồ tát mới dễ thương làm sao! Bồ tát mới “người” làm sao, mới “trần gian” làm sao (Ta là ai mà còn trần gian thế? Ta là ai là ai mà thương quá đời này!-TCS). Có tài liệu gọi Bồ tát là “Phật hữu tình”, có lẽ đúng. Chữ Phật mà vô tình thì chán chết! Phật vô tình thì thành tượng, thành robot rồi. Lòng từ bi giữ một vị Bồ tát mãi là Bồ tát, tuy đã tự thân là Phật, đã tự do, tự tại, nhưng chính lòng thương “cõi người ta” làm cho họ nấn ná lại, giúp người, giúp đời. Vậy chẳng thú vị, chẳng dễ thương sao?

Thú vị và dễ thương hơn nữa là tên gọi các vị Bồ tát! Khi thì Quan Thế Âm, khi thì Quán Tự Tại, mà Quan Thế Âm hay Quán Tự Tại cũng chỉ là một. Khi cần “lắng nghe tiếng kêu của trần thế” thì gọi là Quan Thế Âm, khi cần lắng sâu vào sự an nhiên, tự tại bên trong chính mình thì gọi là Quán Tự Tại. Đã là Bồ tát thì “thị hiện” cách nào cũng được. Có vị Bồ tát tên là “Thường Bất Khinh” nghĩa là không bao giờ coi nhẹ người khác, lúc nào cũng tôn trọng người khác. Gặp ai ông cũng cung kính chấp tay chào và nói: “Xin chào ngài, ngài là một vị Phật sẽ thành”, để khơi dậy niềm tin nơi họ, bất kể là ai. Bồ tát Dược vương thì hết sức chân thành, ai thấy ông cũng vui (nhất thiết chúng sanh hỷ kiến), bởi vì gặp ông thì người ta không cần phải đề phòng, “thủ thế”, ông lại có khả năng thị hiện ra đủ hạng người để dễ tiếp xúc, gần gũi với họ (thấu cảm, đặt mình vào vị trí người khác). Bồ tát Diệu Âm thì có khả năng hiểu

biết mọi thứ ngôn ngữ của chúng sanh, nhờ đó mà giao tiếp dễ dàng với họ, bằng những âm thanh vi diệu, những lời ái ngữ...

Quan Thế Âm, do vậy là người biết “lắng nghe tiếng kêu của trần thế”. Chỉ cần biết lắng nghe không thôi cũng đã đủ làm giảm nhẹ biết bao nỗi khổ đau, đắng cay, tủi nhục, mặc cảm của kiếp người! Người ta cầu nguyện Quan Thế Âm mỗi lúc gặp hiểm nguy, mỗi lúc gặp khổ đau, bế tắc, không lối thoát, vì tin rằng “Bồ Tát” có thể nghe được nỗi lòng của mình và sẵn sàng giúp đỡ mình. Khi người ta giải bày được hết nỗi lòng, khi người ta tin rằng có ai đó sẵn sàng nghe mình, giúp mình, không xua đuổi, hất hủi mình thì người ta đã tự giải quyết phần lớn vấn đề, bởi vì lúc đó người ta đã tự tin trở lại, đã sáng suốt trở lại để có những quyết định đúng đắn, như tấm kiếng bị mưa che mờ được lau sạch.

Người thầy thuốc mà biết lắng nghe bệnh nhân, dành thì giờ chịu khó nghe họ giải bày cũng đã thực hành được một hạnh của Quan Thế Âm, giúp bệnh nhân giảm bệnh đi một nửa! Nhà tham vấn luyện tập kỹ năng lắng nghe, lắng nghe một cách chủ động, sâu sắc, với tất cả tấm lòng chân thành và thấu cảm cũng đã thực hành được một hạnh của Bồ tát.

Thật là thú vị khi trong dân gian, hình tượng “Quan Thế Âm Bồ tát” là một vị Phật bà, một phụ nữ, rất hiền từ, rất dịu dàng, rất xinh đẹp, luôn luôn có bình tịnh thủy chứa đầy nước “cam lồ” trên tay để đi “cứu khổ cứu nạn” bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu khi có người cần đến. Thật vậy, nam giới hình như thường nóng nảy, bộp chộp, dễ gây gổ, hiếu chiến... trong khi nữ giới thì thường dịu dàng, khoan dung, chấp nhận, tha thứ... Nhưng có âm thì

phải có dương. Trong dương có âm và trong âm có dương. Quan Thế Âm do vậy cũng có lúc phải nổi trận lôi đình, biến ra “ông Ác” để quát nạt, hù dọa mới xong! Quán Tự Tại Bồ Tát – một cách gọi – có thể cũng chính là mỗi chúng ta chẳng, kẻ vẫn đi tìm sự an nhiên, “tự tại”, nghĩa là muốn được ung dung, tùy nghi, tự do theo tánh bản nhiên của mình, không bị vo tròn bóp méo, không bị bơi ngược dòng sông mà như hạt sương hòa vào biển cả... Thế nhưng ngay cả sự tìm kiếm cũng còn gắng sức, còn mong cầu, thì khó có thể tự tại được vì vẫn còn lo âu, còn canh cánh, còn đợi chờ. Cho nên “Bồ Tát” mà còn “Quán” về “Tự Tại” thì chắc còn phải tu luyện dài dài! Chính vì thế mà khi Quán Tự Tại “hành thâm” Bát Nhã Ba-la-mật-đa, phát hiện ra một điều gì đó, sung sướng hét lên: “Eureka! Eureka!” thì Phật vội cảnh giác: Phải nên tiếp tục thực hành Bát Nhã Ba-la-mật sâu xa, đừng tự mãn dù trong giây phút!

“Nghĩ Từ Trái Tim” bài viết của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc.

Trước 1975 anh vừa làm “ thầy thuốc ” vừa làm thơ lấy bút hiệu Đỗ Nghê. Hiện anh đang làm việc ở Sài Gòn.

Nghĩ từ Trái Tim, phần 1 đã đi trên TQBT số 13. Sau khi TQBT phát hành vào tháng giêng năm 2004, nhiều độc giả gửi e mail đến chúng tôi, muốn đọc tiếp bài viết: Nghĩ Từ Trái Tim của Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc.

Với chủ trương của TQBT là một tạp chí “ văn học ” chỉ đi những bài vừa đủ cho một kỳ, không chủ trương đi những bài viết nhiều kỳ. Tuy nhiên, vì yêu cầu của độc giả, do đó, TQBT chúng tôi phải “ e mail cho anh ngay ” để gửi bài cho kịp phát hành TQBT 14. Cảm ơn nhà thơ Đỗ Nghê. (TQBT)

Từ Hoài Tấn

Gió bụi mền Nam

Năm 78 về bưng
Mang theo ghe hai tấn
Tay chèo lái đã từng
Một mình trong đêm vắng

Đêm trên Vàm Cỏ Đông
Trăng thượng tuần treo cổ
Giọng ngàn lau réo gọi
Khúc thương hồ miên man

Đi thì đi - ừ đi
Kịp triều con nước đợi
Nay gặp bữa mừng mười
Nước ròng cho đến tối

Buôn bán vài thiên bàng
Lời dăm ba mươi ngàn
Ba con cùng cô vợ
Nhà nhỏ gọn một gian

Có khi ghe trôi dòng
Bến bờ đâu ghé tấp
Nước lớn hay nước ròng
Đất trời trong chiếc nóp

Có khi mạn đằm cùng
Với vài ba con cá

Bi đông rượu còn không
Tình sông hồ chưa đã

Đôi khi có đôi khi
Muốn buồn dăm ba phút
Thơ thần buổi xuân thì
Lệ thêm khơi mấy giọt

Ôi miền Nam miền Nam
Hào khí ngất trời xanh
Ta đường vui gió bụi
Mười năm lại mười năm
Tóc râu vài sợi bạc
Cô vợ còn trẻ măng
Khi về cười lại khóc
Hỏi:
Đi không nhớ nhà chăng ?

1990

(Trích hành tinh phiêu lạc)

Đoàn Chinh Nam

Nhớ "Phượng Yêu"

Ơi cây phượng bé bên bờ nước
Hè đến, em đừng quên nở hoa
Đêm đêm trăng sáng còn thao thức
Lá vậy, cành nghiêng gọi, đón ta

Ta ngồi hút thuốc trong vòm lá
Nhớ thuở Văn Khoa - ngày ra trường
Đám bạn bè - nồng hương phố xá
Một người tình áo trắng như sương

Ơi cây phượng bé mười năm cũ
Ơi lá xanh mi - hoa đỏ môi
Người xưa áo trắng đồ qua lỗ
Ta cũng qua đời nhau, thế thôi

Vong thân

*Kiếp sau xin chớ làm người
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo
NCT*

Bao nhiêu năm khát tang bồng
Cây thông vụt ngã trên dòng cuồn lưu
Phế hưng diên đảo xoay chiều
Khúc reo đời cũ ghen ngào sóng xô

Níu tay hoa cỏ đôi bờ
Băng băng gia tốc - mịt mờ tư duy
Chưa chìm yên nghỉ u mê
Vong thân vùn vụt trôi về thiên thu

Bình nguyên bùn vẩn sông hồ
Rong rêu muôn kiếp phủ mờ tâm linh

Lương Thư Trung

Giữa “thiệt” và “thật” (Thử mở lại vài trang sách cũ)

Thân tặng các anh

THT, NNT, TDN, PXS, DM, TTứ, NTK

NÓI TỚI NHÀ QUÊ, PHẦN ĐÔNG NGƯỜI TA NGHĨ ở đó ít người biết chữ, dân quê chỉ biết lo làm ruộng cày bừa và sống một đời chắc thiệt, lam lũ quanh năm lo miếng cơm manh áo bằng chính mồ hôi và sức lực của mình. Nếu có người rộng lượng, mở lòng ra thêm một chút, thì người nhà quê chỉ biết mê cải lương, mê hát bội và hát hò theo lối truyền khẩu trong các mùa cấy mùa gặt hoặc trong các đêm giã gạo đêm trăng như sách vở xưa ghi chép lại. Nhưng cách nào đó, thời nào dân quê cũng bị đặt để dưới tận cùng cái nhìn của mọi giai tầng trong xã hội và đặc biệt trong sách vở, văn chương, người nhà quê chỉ như những hoa đồng cỏ nội được nhắc như một cái cờ hay như một cách trang trí một vẻ nhà quê thật nghèo nàn cho một căn phòng kiến thức xa vời qua cái gọi là tác phẩm văn chương với nhiều bỉ thử.

Trong văn học miền Nam trước năm 1975, có lẽ ai cũng biết hai tác giả tiêu biểu cho cái chất nhà quê miền sông nước Cửu Long là Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam, cũng như trước kia, có Hồ Biểu Chánh với những quyển tiểu thuyết phóng tác, kể ra còn quá ít tác phẩm phản ánh trung thực nét đặc trưng quê mùa của dân quê, đặc

biệt qua các tác phẩm văn học của các nhà ấy, chữ dùng ở nhà quê cũng đã chất lọc, mài giũa nhiều bận để trở thành chữ trong sách vở, thiếu cái chất rất nòi dân dã quê mùa.

Thành ra, đi tìm lại những gì của nhà quê qua sách vở là một việc không dễ. Chi bằng phải sanh ra và lớn lên ở nhà quê rồi phải cùng từng trải với dân quê trong các công việc đồng lúa, cấy cày, phải biết cắm câu giăng lưới, và nhất là phải có tấm lòng chịu học hỏi ở họ và nhất là đừng bao giờ chê bai họ dốt nát mới may ra học ở họ nhiều điều mà ngay cả tác phẩm đoạt giải văn chương lớn cũng như các viện đại học lớn cũng không ai dạy cho mình cái chất quê mùa đó khi các tác gia một lúc nào đó có lòng muốn đi tìm kiếm thử một chút chân quê như vậy, không dễ.

Bằng chứng, là khi các tác giả muốn viết về một thứ từ ngữ nào đó về vùng quê hay tìm lại nguồn gốc một chữ dùng, một tên gọi về một cửa sông, một ngọn núi, người ta hay dùng những bằng chứng trong các sách vở. Đó là cái căn gốc chắc chắn nhất, nó bảo kê bài viết có giá trị, dễ thuyết phục người đọc nhất; chữ ít có ai chịu đến từng vùng hay ít có ai chịu nghe một người khác sống lâu năm tại vùng đất nào đó nói về cái căn gốc của vùng địa dư ấy. Cái lợi của bút lục là chắc, nhưng cái hại của bút lục là quá nệ vào sách vở.

Thử lấy một thí dụ, trong quyển Nửa tháng trong miền Thất Sơn của Nguyễn Văn Hầu, khi có người hỏi tại sao miền Thất Sơn núi non trùng trùng điệp điệp mà lại gọi là

Bảy Núi? Theo tác giả, có nhiều giả thuyết về tên gọi Thất sơn:

“Theo Đại Nam Nhất Thống Chí phần An Giang tỉnh, mục Sơn Xuyên, thì Thất sơn là núi Tượng, núi Cấm, núi Ốc Nhâm, núi Nam Vi, núi Châm Biệt, và núi Nhân Hòa. Nhưng theo cụ Hồ Biểu Chánh qua tác phẩm “Thất Sơn Huyền Bí” thì Thất Sơn là các núi Trà Sư, núi Két, núi Dài, núi Tượng, núi Bà Đội Om, núi Tô và núi Cấm. Theo một nhà khảo cứu ngoại quốc, ông P. Gourou, từng thăm dò nhiều, đã kết luận Thất Sơn là các núi Trà Sư, núi Két, núi Bà Đội Om, núi Cấm, núi Dài, núi Tượng, và núi Tô. Theo các bộ lão miên này qua lời một sơn nhân tên là Lương Văn Phụng thì Thất Sơn gồm các núi Két còn gọi Anh Vũ Sơn, núi Dài Năm Giếng còn gọi Ngũ Hồ Sơn, núi Cấm còn gọi Thiên Cẩm Sơn, núi Tượng còn gọi Liên Hoa Sơn, núi Nước còn gọi Thủy Đài Sơn, núi Dài còn gọi Ngọa Long Sơn, và núi Tô còn gọi Phụng Hoàng Sơn.”

Và tác giả Nguyễn Văn Hầu kết luận: tuy thứ tự có khác, nhưng hai thuyết của Hồ Biểu Chánh và của nhà khảo cứu ngoại quốc giống nhau, nên ông cho rằng “chúng ta có thể tin Bảy Núi là các núi đó.”

Nhắc lại một chút như vậy để thấy cho dù các bộ lão có kể lại một người từng sống ở vùng Thất Sơn huyền bí này như sơn nhân Lương Văn Phụng, có biết tường tận về tên gọi các núi qua chữ nôm và Hán Việt, cũng không được các nhà biên khảo về địa chí tin cẩn. Mà ở đây, rõ ràng là tác giả dựa vào một tác phẩm và tài liệu

ngiên cứu của hai tác giả khác nhau nói về một tên gọi giống nhau về một địa danh là bằng chứng đáng tin cậy nhất.

Ngoài ra, từ khi chúng tôi còn rất nhỏ, bên bếp un xua muối khói bay nghi ngút vào mỗi tối mấy tháng gần Tết, chúng tôi thường nghe ông bà nội tôi, rồi tía má tôi kể lại cách gọi tên các ngọn núi vùng Thất Sơn theo cách gọi của các bà con cô bác và các bô lão vùng Tri Tôn (Xà Tón) thì Bảy Núi là núi Két, núi Tượng, núi Dài, núi Bà đội Om, núi Ông Tô, núi Năm Giếng và núi Ông Cấm. Dĩ nhiên, chúng tôi sẽ quen gọi theo các bô lão ở vùng này như vậy bởi lẽ các bậc tiền bối ấy, những người thực sự sống ở vùng Bảy Núi và tổ tiên chúng tôi là những người đã cho tôi ý niệm tuyệt đối về những chất liệu “thiệt và rất thiệt” về một tên gọi được truyền tụng lại qua nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ biến thiên của trời đất mà vẫn không thay đổi cách gọi tên nào khác về các ngọn núi này. Và tôi tin hơn trong sách là như vậy.

Bàn về điều này, có lẽ tôi cũng bắt gặp Linh mục Ngô Phúc Hậu, chánh xứ họ đạo Cái Rắn ở Cà Mau qua quyển “Nhật Ký Truyền Giáo” của Ngài, khi kể lại cho người nữ tu dòng Bác Ái Vinh Sơn về tên gọi “Sông Ông Đốc”, không qua bút lục mà qua các bô lão kể lại. Thật hiếm thay!:

“Con sông này dài hơn năm mươi cây số, bắt đầu từ sông Trẹm, thị trấn Thới Bình, và kết thúc ở bờ biển phía Tây Nam. Con sông mang tên Ông Đốc vì vào cuối thế kỷ 18, vua Gia Long đã trốn quân Tây Sơn đến ở

Cái Rắn, đặt hai quan Đốc trấn ở hai điểm: Ông Đốc Lối đóng quân ở Đốc Lối (thuộc ấp Tân Ánh bây giờ), và ở cách nhà thờ Cái Rắn chừng 8 cây số); và Ông Đốc Vàng đóng quân ở vàm con sông nói trên.

Bộ vua Gia Long đã đến ở Cái Rắn hỏi cha?

Ừ, ông đã đến ở vùng này và cho đào một cái ao gọi là Ao Ngự, ở cách nhà thờ Cái Rắn chừng hai trăm mét.

Cha lấy tài liệu ở đâu mà nói rành rẽ dữ vậy?

Các vị cao niên ở đây kể lại như thế.”

Nói thế, không có nghĩa dựa vào sách vở là không tốt. Nhưng phải thành thật nhận ra rằng, thỉnh thoảng trong các sách, trong tự điển không phải lúc nào cũng tuyệt đối hoàn hảo. Chính vì vậy mà các tác giả luôn khiêm nhượng, dè dặt ở các lời tựa của các cuốn sách của mình là kêu gọi sự đóng góp của chư độc giả để bổ khuyết những sơ sót, nếu có. Điển hình, bộ Tự Điển Việt Nam của tác giả Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ hiệu đính là bộ tự điển đầy đủ nhất và được các tác gia dùng đến nhiều nhất là nhờ công lao tác giả góp nhặt mọi chữ dùng trong mọi tầng lớp dân chúng hơn mười năm trời mới hoàn thành. Thế mà tác giả còn khiêm nhượng kêu gọi:”Mặc dù đã cố gắng với nhiều công phu, chúng tôi chắc chắn không làm sao tránh được thiếu sót và sai lầm. Chúng tôi mong rằng quý vị độc giả uyên bác vui lòng chỉ giáo cho chúng tôi những khiếm khuyết để kỳ tái bản, bộ Tự Điển Việt Nam này được tu bổ hoàn hảo hơn.”

Thành ra, có thể vì tự điển tiếng Việt ít được cập nhật, và lại cũng ít có lần được tái bản nên tác giả cũng

không có cơ hội bổ khuyết thêm những thiếu sót. Đặc biệt bộ Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của soạn ra năm 1895, in ở Sài Gòn do nhà REY, CURIOL & Cie xuất bản, sau này do nhà in Văn Hữu ở Sài Gòn in lại vào năm 1974, có nhiều chữ không rõ nghĩa hoặc chưa đủ nghĩa, dù tác giả có bổ túc thêm phần sai sót ở ngay trang đầu sau phần “Tiểu tự”. Chẳng hạn giải nghĩa chữ “cá linh”, tác giả ghi: “Thứ cá nhỏ mà nhiều đầu, hình tích giống cá sông con.”

Thật tình nếu theo cắt nghĩa ghi như vậy, tôi nghĩ nếu bạn chưa bao giờ biết một chút gì về cá linh, là đành chịu chết, không hiểu nổi “loại cá nhỏ mà nhiều đầu” và “hình tích giống cá sông (sống?) con”. Trong khi cá linh là loại cá gồm có hai loại hình dáng hơi khác nhau. Thứ nhất, là “cá linh rìa”, có vóc mình đẹp, vẩy nhỏ, có hàng vẩy cặp theo hai bên hông lấm chấm đen màu hơi lợt, và loại cá linh thứ hai có dáng hình ống tròn dài cỡ bằng ngón tay, dân quê gọi tên là “cá linh ống”. Sinh sản trên thượng nguồn theo mùa nước đổ tháng tư, tháng năm âm lịch cá linh tràn vào các sông rạch miền Cửu Long. Lúc còn nhỏ bằng đầu đũa ăn gọi là cá linh non. Cá linh lớn tối đa bằng ngón chun cái, một vài con lớn bằng nửa cườm tay, nhưng rất hiếm. Mùa nước nổi theo nước lên đồng.

Nơi ruộng vườn, dân quê gọi tên “cá linh” là dựa theo cái kinh nghiệm trong nghề chài lưới mà đặt để ra. Giống cá này sống thành đàn, thành bầy và biết lúc nào trời mưa trời nắng. Chẳng hạn như đang mùa nước nổi, vào các ngày nước trên đồng bắt đầu giụt, khoảng mùng

10 tháng 10 âm lịch, là cá linh biết trước nơi đây nước sẽ rút. Và chúng ùn ùn kéo nhau ra các bờ kinh, vàm rạch đặc nước. Nhưng khi cá ra như vậy các xuồng ghe chài lưới đón cá tại các vàm rạch để giăng bắt dính cá vô số kể; bỗng dưng cá linh dường như trốn đâu mất, cá dính lưới thưa thớt, rồi không dính lưới nữa, thế là dân chài lưới biết chắc trời sắp sửa chuyển mưa. Khi có mưa như vậy cá linh không thềm ra sông nữa và tiếp tục ở nán lại trên đồng, và tiếp tục chờ nắng lên mới bắt đầu lại cuộc hành trình vượt các đồng cỏ, bờ kinh, vàm rạch để về miền sông nước sâu hơn.

Do đặc tính biết nắng, biết mưa như vậy, mà dân quê ở vùng sông nước Long Xuyên, Châu Đốc, Hồng Ngự, Tân Châu, Cao Lãnh, Sa Đéc và các vùng lân cận gọi loại cá này là “cá linh”.

Trong sách vở, tên gọi “cá linh” là do vua Gia Long đặt. Theo cụ Vương Hồng Sển, trong quyển Hồn Nửa Đời Hư có nhắc: “Ngày nay còn khá nhiều điển tích lúc chúa Ánh chạy trốn. Con cá nhỏ nhảy vào thuyền báo tin dừng sớm ra khơi, cứu chúa khỏi bị Tây Sơn chặn ngoài biển, chúa đặt tên là cá linh.”

Trong bộ Tự Điển Việt Nam của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ cũng có chỗ dư, chỗ thiếu như vậy. Lấy thí dụ chữ “cóc bịch”, tự điển giải thích đây là loại tiếng “lóng”: “Tiếng mắng yêu, hài hước: Con cóc bịch nà!” (hàng cuối trang 199). Nhưng ngoài thực tế ở nhà quê hai chữ “cóc bịch” để chỉ con cóc lớn cũng như hai chữ “ếch bà” để chỉ con ếch cái rất lớn. Sở dĩ dân quê hay gọi con cóc lớn là “cóc bịch” vì khi người ta đi móc cóc

theo các hang ở các bờ tre hoặc bờ đìa bằng cái móc làm bằng dây chì gai dài cỡ một thước, nếu hang nào có cóc lớn là người ta biết liền vì khi đầu móc chạm vào lưng con cóc, theo bản năng sinh tồn, con cóc bự gồng mình lên như con cá nóc khi người ta chạm tay vào mình, nó cũng căng cái bụng tròn lên như vậy, và người ta nghe tiếng chạm của móc vào da cóc kêu “bịch, bịch”. Từ đó mà có những danh từ dành riêng cho những loài ếch nhái như vậy.

Thực tế thì như vậy, nhưng nói ra có bạn khó tính lại cho rằng “cá linh”, “cóc bịch” gọi như trong dân quê thường gọi thì “giả thuyết này không thuyết phục”. Mà quả thật, nói mà không có sách thật khó lòng làm cho các nhà kinh điển tin dùng. Nhưng biết làm sao bây giờ!

Ngoài ra, có những chữ thường dùng, tự điển lại bỏ trống hoặc có những chữ viết lại không đúng với chữ gốc. Đó là trường hợp bộ Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên của Bửu Kế do nhà xuất bản Thuận Hoá in năm 1999, dày 2812 trang, soạn thảo rất công phu nhưng có vài thiếu sót thật đáng tiếc. Chẳng hạn khi đi tìm chữ “ngã” nghĩa là “ta” (trang 1206), trong bộ tự điển này hoàn toàn không có. Từ đó những chữ như “ngã bối”, “ngã chấp”, “ngã kiến”, “ngã sinh”, “ngã tào”, “ngã tri chủ nghĩa”, đều không có. Thêm một thiếu sót khác, khi coi chữ “tứ” (trang 1902) với bộ “tâm” có nghĩa là “phóng túng”, chỉ có chữ “tứ dục” nghĩa “thả lỏng sự ham muốn” là viết với bộ “tâm”. Còn các chữ khác cùng bộ “tâm” như vậy như chữ “tứ tình” nghĩa như chữ “tứ dục”, chữ “tứ túng” nghĩa “buông lung không kèm chế”, chữ

‘tứ ý’ nghĩa ‘tự ý muốn làm gì thì làm’, nhưng trong từ điển lại viết với bộ ‘tứ’ nghĩa là ‘bốn’, thành ra làm cho chữ đã không đúng mà nghĩa lại càng rời xa cái gốc của chữ ‘tứ’ với bộ ‘tâm’.

Từ đó, mỗi lần chúng tôi phải dùng bộ Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên của Bửu Kế, phải so đi so lại với nhiều quyển từ điển Hán Việt khác như của các tác giả Thiều Chửu, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Khôn, vì dù ít dù nhiều, bộ từ điển của Bửu Kế đã làm chúng tôi càng đề đặt, đắn đo và coi cho thật kỹ.

Trong một tác phẩm khác mà các giới văn học đánh giá rất lớn về giá trị văn chương, truyện ngắn Rừng Mắm của Bình Nguyên Lộc, có một sai sót, mà từ trước đến nay, chúng tôi chờ đợi một phát hiện về cái sai rất nhỏ mà quan trọng này từ các nhà viết văn học sử, các nhà phê bình văn học, nhưng vẫn chưa thấy ai hoặc đã có tác giả nào viết rồi, nhưng chúng tôi chưa may mắn được đọc chẳng?

Câu chuyện “Rừng Mắm” của Bình Nguyên Lộc có lẽ ai ai cũng đã biết về một gia đình nông dân nghèo miệt Sa Đéc phải bồng chống xuống xuôi về miệt Cà Mau phá đất lâm lập nghiệp tại cái xóm giữa rừng gọi là Ô Heo. Một hôm, hai ông cháu thằng Cộc đứng giữa rừng mắm, và có mẫu đối thoại nhỏ sau đây, chúng tôi xin ghi chép lại để các bạn tường lãm:

“- Nhìn xuống gốc cây! Ông nội bảo.
Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn

đen từng nơi lại trắng xoá những đoá hoa năm cánh, hai màu đối chọi trông rất đẹp.

- Cây gì mà lạ vậy ông nội? Trỏ bông ngay dưới gốc?

Bông trỏ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây này là cây mắ, đây là rừng mắ đây.

Cây mắ? Sao tui không nghe nói đến cây mắ bao giờ?

Con không nghe, vì cây ấy không dùng được để làm gì cả, cho đến làm củ chum cũng không được.

Vậy chờ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hăng hà sa số như là cỏ ấy.”

Cái sơ sót nằm ngay trong đoạn văn đối thoại ấy. Hồi còn đi học, chúng tôi đọc Rừng Mắ như để bắt chước lối hành văn và cũng để giải trí. Sau này khi có dịp về U Minh để phá rừng làm rẫy, và nhiều lúc phải tìm cây mắ để cửa ra từng lóng, từng lóng có chiều dài cỡ tám tấc hay một thước để làm củ bán cho các lò gạch để đốt lửa hầm gạch. Hoặc sau này, có dịp về làm gạch tại các miệt gần bờ Cửu Long giang, mỗi ngày chúng tôi phải vác hàng mấy ghe chở đầy củ mắ, từ tháng này qua tháng khác. Củ mắ chum hầm gạch lửa tốt hơn trấu nhiều, than củ mắ đượm lắm. Từ đó, chúng tôi mới nhớ lại câu trả lời của ông nội rằng Cộc về cây mắ trong truyện ngắn Rừng Mắ của Bình Nguyên Lộc, có lẽ không được đúng lắm với thực tế cây mắ ngoài rừng. Nhưng chẳng biết tỏ bày cùng ai. Sau này, có dịp đọc được cuốn Nhật Ký Truyền Giáo của linh mục Ngô Phúc Hậu, tác giả cũng đã nhiều lần nhắc đến cây mắ, một loại cây mang dáng vẻ tiêu biểu cho nét đặc thù của vùng Cái Rắn, Năm Căn, Cái Keo, Đồng Cù, Cái

Nước, Bà Hính, Chà Là thuộc vùng đất Cà Mau. Chẳng những cây mắm giữ phù sa bồi thành bãi, thành ruộng đồng mà còn rất hữu dụng trong việc làm củ đước, cất nhà, và đóng đồ gia dụng chứ không phải “không dùng được để làm gì cả, cho đến làm củ chum cũng không được.”

Nhân có hôm mở lại trang sách cũ, , quyển Sống và Viết với... của Nguyễn Ngu Í , trong phần Bình Nguyên Lộc, để tìm lại hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn Rừng Mắm, mới hay cơ sự câu trả lời của ông nội thẳng Cộc trong Rừng Mắm không đúng là do tác giả cho biết ông viết truyện này là do cảm hứng từ bức tranh vẽ “chót mũi Cà Mau, mấy cây mắm, một chiếc ghe và hòn Khoai” của một hoạ sĩ yêu văn ông mang tặng, chứ tác giả chưa đi đến Cà Mau lần nào và có lẽ cũng chưa rành về đặc tính cùng công dụng của loại cây này.

Trên đây xin ghi lại cái “thiệt” của cây mắm ngoài thiên nhiên và cái “thật” của cây mắm trong sách vở để hầu góp nhặt chút hiểu biết về cây mắm với hy vọng các nhà nghiên cứu phê bình khi trích dẫn các tài liệu mang tính văn học như cây mắm trong Rừng Mắm để tiện bề tùy nghi.

Qua vài trang sách cũ có dịp được mở lại khi tuổi đời không còn bé bỏng nữa, chúng tôi không có ý tìm cái trúng cái trật trong sách vở của tiền nhân mà muốn gởi nơi đây lời tâm sự là “cái thiệt trong đời sống nơi thôn quê” nhiều lúc không giống”cái thật trong sách vở”, đặc biệt là các chữ thường dùng mỗi ngày trong các sinh hoạt đồng áng qua các mùa màng, nhưng nó cũng giúp

cho sách vở khá nhiều nếu các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ, về phê bình văn học chịu chấp nhận những “cái thiệt” đó mặc dù nó không có sách vở nào ghi chép lại để làm bút lục cho đời sau.

Giữa “thiệt” và “thật” nó khác nhau là vậy!

Mùa Đông, 12-

2003

Triệu Từ Truyền

Nóng Và Lạnh

Sáng đun sôi cho chiều sủi bọt
bốc hơi em từ giá băng anh
đã chuyển hóa vẫn nguyên tiếng hót
bài nhả ca vọng tưởng đất lành
chim lại sợ chiếc lồng bỏ trống
con mồi lo thú dữ đói lòng
anh rình em bẫy lên kiếp sống
rừng rất buồn xây xát mệnh mông
mầm nộ biếc âm u rú rậm
nắng xuyên kẻ lá ấm nồng em
anh tia chớp đốt rừng thành trắng
cho em vừa tỏa sắc qua đêm
em ngỏ anh lại đường tròn miệng núi
nơi nào nham thạch cũng trào tuôn
em đun sôi hành tinh vừa nguội
cuốn vào vũ trụ anh giá băng.

1/2002

Tĩnh yên

em xóa sạch thời gian
đứng yên cùng thực tại
trình nguyên trong vĩnh hằng
lửa tình bùng vỡ mãi

Nguyễn Phan Thịnh

Tình lục bát

chim bay mỗi cánh chim bay
chưa qua khỏi một cõi ngày quạnh hiu
bóng chim mờ với bóng chiều
đất trời còn tiếng chim kêu đến giờ

đêm vườn trái rụng lơ mơ
nằm nghe trái rụng mà ngỡ chiêm bao
chừng như cá đớp ngoài ao
ngỡ là rụng một vì sao trên trời

gió đưa thoảng tiếng ai cười
trong hương thơm của đất trời gần xa
ơi người con gái hái hoa
bay bay áo lụa buông tà đôi sương

phượng hoàng mây núi phiêu bồng
ánh vàng một cõi phương đông thuở giờ
ngàn xưa hư huyền rồi ư
đêm đêm mây núi còn chờ trăng lên

tình ơi mây nước lênh đênh
mây qua núi nước băng ghềnh hện nhau
bây giờ là của mai sau
từ trong tiếng một đội vào thiên thu

thuyền không đậu bến trăng lu
lao xao sóng động tiếng thu trên ngàn

áo em vàng ánh trắng tan
trắng tan đầu núi cho vàng cuối sông

mưa rơi giọt nặng giọt êm
giọt chi không vỡ cho mềm lòng nhau
mưa rơi giọt chậm giọt mau
giọt chi chẳng vỡ tan vào hoá thân

tình tang trời đất mệnh mông
tang tình lòng cũng mệnh mông với người
đàn ơi lên khúc tuyệt vời
cho hồn lục bát khởi với tìm về

Trước biển

trời xanh
như nước biển sâu
nghìn xưa
như với nghìn sau
một buồn

từ trong hạt bụi
âm thầm
đến tinh cầu
cõi lặng cầm
một niềm

và em
như một nàng tiên
và ta

như một người điên
một lần

ta và em
khóc ngây ngô
dạo chơi
qua cõi mơ mù
lạnh không...

Anthony Grey
& Nguyễn Ước

Trăng Huyết

(trường thiên tiểu thuyết)

(Trích: Phần Thứ Ba, Chương Tám)

8

NGÀN CHIẾC LỒNG ĐÈN NHỎ TREO CAO BÊN trên vòng thành bằng đá bọc quanh đàn Nam Giao lung linh sáng như những vì sao trong bầu trời đen nửa đêm. Bên trong tế đàn thiêng liêng, một ca đoàn gồm quan xướng lễ và những ca nhân cung đình cất tiếng loan báo và truyền bảo vạn vật thịnh lặng. Tiếng hát của họ vang lên trong trời đêm mát dịu, vượt qua bên kia vòng tường đá, nghe rõ từng âm thanh, lan xa trên những con đường thành phố đang im ngủ.

Đàn có bốn cổng vào. Trên mỗi cổng treo một lá cờ đuôi nheo lấp lánh chữ nho thêu vàng, đánh dấu rõ rệt bốn phương đất trời: cờ màu đen xác định phương bắc, màu trắng phương tây, màu xanh phương đông. Ba cổng ấy đều đóng kín. Chỉ riêng lá cờ đỏ như màu máu lay động uể oải trong gió nhẹ trên cổng phương nam đang mở sẵn mà theo lý thuyết thờ phương thời thái cổ, cổng này dẫn thẳng tới Thiên đình.

Ngay chính giữa đàn, những chiếc đèn dầu dùng làm đèn canh thức, đặt trên mũi các ngọn sào cao, đã được thắp sẵn, toả ánh sáng màu da cam lung linh và tràn

ngập các bậc cấp dẫn lên đàn.

Đàn có ba tầng. Trên tầng thứ ba, cao nhất, hình tròn là Thanh Đàn, các án thờ dành cho Hiệu Thiên Thượng Đế là Trời, Hoàng Địa Kỳ là Đất và Các Tiên Vương nhà Nguyễn, được bày biện bên trong màn trướng làm bằng da thú nhuộm màu xanh đậm, cho thấy việc thờ cúng từ thời thái cổ này có những phát tích giữa các dân du mục trong hoang mạc vùng Trung Á. Từ khe hở độc nhất nơi đàn trướng thiêng liêng rọi ra một chùm ánh sáng lớn, thoát về phương nam trong đêm tối. Và thấp ở phía dưới, vô số vũ công và ca công im lặng đứng dọc theo các bậc cấp của tầng thấp nhất, kéo dài xuống cổng nam đang mở và tràn ra chỗ bóng tối bên ngoài.

Joseph và Lan đứng chung với nhóm quan khách đặc biệt gồm những kẻ tham gia đoàn tùy tùng của Toàn quyền Đông Dương ở tầng thứ nhất hình tròn, sơn màu đỏ, gọi là Viên Đàn, ngay bên dưới tầng thứ hai, hình vuông, sơn màu vàng gọi là Phương Đàn. Joseph thuộc trong số những người vào đàn sau cùng nhưng khi tiếng hát của ca đoàn xướng lễ chưa kịp cất lên thì anh đã lách mình len lỏi qua đám đông chật ních, tới cho bằng được phía trên các bậc cấp để đứng bên cạnh người thiếu nữ An Nam và Tâm, anh nàng.

Trong bầu không khí im lặng sâu lắng tiếp đó, mọi con mắt đều dồn về Trai Cung, nơi đức vua sống một mình từ mười bốn giờ trước. Lúc đám đông kiểng chân lên nhìn, Joseph cảm thấy bờ vai áo lụa mượt mà của Lan, trong khi nhón gót, vô tình chạm nhẹ cánh tay anh. Anh nhìn xuống nàng thật nhanh, thấy vì lúc này ban đêm nên Lan đính trên đầu chiếc khăn lụa màu xanh nhạt và trong ánh đuốc chập chờn, đôi má nàng lóng lánh màu

hổ phách mịn màng.

Từ hương án bên cạnh, khói hương trầm toả lên thành vòng xoắn ốc như những đám mây nhỏ rồi quyện vào nhau dập dềnh trong không khí vốn đã làm Joseph ngáy ngất chơi vơi, nay cộng thêm cái nhìn mới mẻ của anh về nhan sắc của Lan cùng với sự mềm mại và kích thích trong khoảnh khắc phù du da thịt cọ xát đó làm lòng anh lại càng khát khao mê đắm hơn nữa.

- *“Chuông! Trống! Thiên tử giá lâm!”*

Giọng quan xưởng lễ lại thêm lần nữa cất cao lạnh lẽo. Rồi tiếng nhạc khí của đông đảo nhạc công vang lên réo rắt nghênh đón trong khi một hàng đuốc bập bùng xuất hiện, chập chờn trong gió, lướt lờ qua những hàng cây thông làm thành Rừng Thông Công quanh Trai Cung. Khi kiệu vàng của đức vua hiện lên trong tầm mắt, Joseph nghe Lan thở ra thành tiếng, khe khẽ dồn dập và đầy kính ngưỡng.

Joseph nhìn lên thấy Hoàng đế Bảo Đại lộng lẫy trong phẩm phục đại lễ cổ kính và trang nhã theo kiểu thức đã có từ mấy nghìn năm trước. Bên ngoài hoàng bào, ông khoác áo Cổn màu tía, tay áo rộng và dài, thân áo có thêu hình mặt trời, mặt trăng, sông núi, bát quái và chim trĩ — những hình này biểu trưng cho vũ trụ mà chỉ có đẳng quốc chủ mới có quyền mặc.

Dưới áo Cổn là xiêm giáp khảm ngọc và thêu chỉ bằng vàng. Nhà vua quần quanh hông chiếc đai lưng tô điểm bằng châu ngọc với vàng bạc và theo nhịp kiệu di chuyển, đai rung tiếng leng keng để yểm ác thần. Trên mũ Miện hình vuông nạm ngọc, đong đưa dưới vành trước và vành sau mỗi hàng mười hai tua kết bằng ngọc, tượng trưng cho điềm lành kéo dài suốt mười hai tháng

trong năm. Hia màu tía, đế dày, ống cao. Hốt bằng ngà nạm ngọc Trân quế.

Khuôn mặt trái xoan của nhà vua trẻ xanh xao và căng thẳng nhưng trong khoảnh khắc đầy vẻ tôn nghiêm này, đám đông vẫn cảm thấy sững sờ kính sợ. Nhân cơ hội trang trọng ấy, Joseph rút chiếc vòng cẩm thạch ra khỏi túi. Thấy không ai để ý, anh chuôi nó vào tay Lan rồi cẩn thận khép các ngón tay của nàng lại để giữ chặt nó trước khi nàng kịp nhận ra điều anh anh vừa làm.

Chiếc vòng ngọc vẫn gói kín trong vuông khăn lụa và Lan ngược mắt hoang mang lên nhìn Joseph rồi đưa khăn lên một bên mắt. Kế đó, có lẽ đoán ra vật bên trong, nàng ngại ngần quay mặt qua chỗ khác để chắc chắn rằng Tâm không nhìn thấy.

- *"Tiền nhập lễ! Khởi chiêng! Khởi trống!"*

Nhà vua được kiệu chậm chậm lên tầng đàn thứ hai, nơi bày sẵn các án thờ phụng. Nét mặt Lan sôi nổi hẳn, nàng chạm nhẹ cánh tay Joseph để hướng sự chú ý của anh tới hình dáng của thân phụ nàng mặc áo bào và đi hia, đang cùng những thượng phẩm triều thần khác bước lên bậc cấp thêm đàn. Tất cả đều phẩm phục lộng lẫy y như nhau với lễ bào màu xanh, lục hoặc xám, quanh lưng đeo dây đai với các tua bằng vàng bạc rung leng keng theo mỗi bước chân đi.

Tiếng xướng lễ và tiếng nhạc khí tiếp tục hòa theo cho tới khi nhà vua và triều thần tháp tùng cùng vào bên trong màn trướng màu xanh trên Thanh Đàn. Kế đó, khắp ba tầng tế đàn Nam Giao chìm trong tịch lặng. Chỉ riêng các quan chức người Pháp chung quanh Joseph và Lan là lập tức bắt đầu ngọ nguậy và nói chuyện xì xào. Người thiếu nữ An Nam quay sang anh nàng và thì

thăm:

- Anh Tâm ạ, trước khi bắt đầu các nghi lễ sau cùng em muốn chỉ cho Monsieur Sherman xem cây thông của dòng họ mình nơi Rừng Thông Công trong khuôn viên đền Nam Giao. Được không anh?

Tâm gật đầu. Lan quay qua cười với Joseph:

- Thật hết sức vinh hạnh cho dòng họ nào được trồng một cây thông trong rừng thiêng Nam Giao — nó giống như huy hiệu gia tộc do Hoàng đế nước Pháp ban cho một dòng họ vậy.

Lan chỉ về hướng một trong các lò thui bằng củi vừa dùng để chuẩn bị thịt nghé tế lễ. Lúc này, lửa bập bùng như thể sắp tắt nhưng vẫn còn le lói trên hậu cảnh đen thẫm của những hàng thông kế cận:

- Cây ở đằng kia, anh có muốn tôi chỉ cho anh xem không?

Josep rạo rức gật đầu rồi sung sướng lần từng bước theo Lan trong khi nàng dẫn anh len lỏi qua đám đông vũ công và ca công, đi về phía rừng thiêng. Tới nơi, Lan dừng chân, chỉ vào một thân cây mờ mờ ngay bên cạnh:

- Đây là cây thông có đeo thẻ danh tánh dòng họ Trần. Cụ cố của tôi trồng nó vâng ý thánh chỉ khâm ban của Hoàng đế Khải Định... Nhưng... xin anh chờ chút.

Lan ngoái nhìn lui xem Tâm có ngó theo hai người không rồi vội vàng mở vuông lụa ra và thấy chiếc vòng ngọc. Khi ngược lên, mắt nàng phản chiếu ánh lửa lấp lánh:

- Joseph ạ, vòng này trông có vẻ giống với cái của tôi. Anh mua nó lúc nào vậy?

- Tôi không mua. Đó chính là chiếc vòng ngọc của Lan. Lan đưa vòng ngọc về phía có ánh lửa lò thui. Nàng

xem xét thật kỹ những vân huyết dụ long lanh trên nền cẩm thạch màu lý mịn màng rồi đắm đắm nhìn anh với ánh mắt nghi hoặc:

- Nhưng làm thế nào anh có thể lấy lại nó?

Joseph cười thật tươi:

- Hôm nay, tôi thuê ca-nô của Câu lạc bộ Thể thao Huế và lái chạy ngược sông Hương, lên ngã ba Tuần rồi lên vào lũng trước khi trời rạng sáng. Vừa lúc mặt trời mọc, tôi bơi qua hồ, tới đúng chỗ phía dưới chiếc cầu mà Lan đánh rơi chiếc vòng. Tôi gặp may — đáy hồ không nhiều bùn lầy, chỉ lặn năm sáu lần là tay tôi chạm trúng nó.

Lan lúc lắc đầu kinh ngạc:

- Joseph ạ, tôi không dám tin là anh đã làm một chuyện tử tế quá như vậy.

Joseph cầm lên chiếc vòng trong bàn tay Lan và đeo vào cổ tay trái của nàng:

- Tôi rất sung sướng khi được làm cho Lan mỉm cười trở lại.

Lan đưa cườm tay ra xa, ngắm nghía vòng ngọc và trên môi tự nhiên toả sáng một nụ cười hạnh phúc:

- Joseph ạ, em không biết phải cảm ơn anh tới bao nhiêu lâu mới đủ. Hình như mỗi lần em gặp chuyện không may thì đều có anh xuất hiện và em được cứu. Lần đầu tiên tại dinh thống đốc rồi tới trận đấu quần vợt và bây giờ tại Huế.

Thêm lần nữa Joseph cảm thấy bồi hồi, lòng rưng rưng se thắt như hôm qua khi nghe nàng thầm thì năn nỉ. Đột nhiên anh nắm tay nàng:

- Lan ạ, anh làm như vậy vì anh yêu em. Anh yêu em rất nhiều. Anh biết anh bắt đầu yêu em lúc thấy em quì

khấn vái trong lăng Minh Mạng... Em tinh khiết quá, rất thánh thiện và đẹp tuyệt vời. Anh muốn lúc nào cũng được ở bên em... để săn sóc và bảo vệ em. Chẳng bao giờ anh muốn rời xa em.

Những lời ấy từ đáy lòng Joseph trào lên ấp úng nhưng xô đẩy nhau cơ hồ thành một dòng nước chảy xiết. Bỗng dưng Joseph lại sợ Lan cảm thấy nỗi đam mê của anh làm tổn thương nàng nhưng rồi anh kinh ngạc thấy Lan im lặng. Joseph tưởng chừng nhận ra Lan đang rung mình, rồi nàng dịu dàng rút bàn tay ra khỏi lòng tay anh, chúi người tới trước, tay chống thân cây thông để giữ cho mình đứng vững. Lan đưa cườm tay lên day day lông mày với vẻ khổ sở và nói trong hơi thở:

- Joseph ạ, em cảm thấy chóng mặt. Có lẽ tại mùi nhang khói...

Joseph nắm cánh tay nàng, mặt dăm chiêu lo lắng:

- Tại sao chúng ta không đi ra thở chút không khí trong lành nơi con đường bên ngoài.

Lan lặng lẽ gật đầu. Cả hai cùng đi về phía cửa nam đang mở sẵn để chờ ân phúc nơi Thiên đình tuôn xuống.

Vào lúc Joseph và Lan bước ra con đường nhỏ hai bên mượt mà cỏ cây dẫn xuống sông Hương thì trong thành phố, cách đền Nam Giao gần hai cây số, Jacques Devraux cũng lần thứ hai bước xuống hầm nhà ẩm ướt dưới bản doanh Sở Liêm Phóng.

Trên vách hầm quét vôi trắng bong vữa lâu năm, vẫn còn loang lổ vết tay cào bầu lên vách, xước thành từng vết lấm tấm màu rêu xanh. Devraux bước vào và bất giác nhăn mũi tỏ vẻ kinh tởm mùi mồ hôi chua nồng quện với mùi nước tiểu tởm lợm lâu ngày thấm dẫm

trong không khí.

Nhà hầm gần mé sông, sát bên Đập Đá, nên sàn xi-măng nứt nẻ và không bao giờ khô ráo, lúc nào cũng sền sệt những vũng nước sóng sánh dưới ánh sáng của một ngọn điện duy nhất không có chụp đèn. Một cây xà gỗ xuyên ngang hai bức vách và sát trần hầm, trên đó đang treo ngược hai gót chân của Đồng, trói bằng dây gai sần sùi. Hai ống quyển của Đồng sưng bầm vết roi, hai tay bị cột ngược ra sau lưng, đầu và vai chà sát sàn nhà, chịu được phần nào sức nặng của thân thể gầy ốm và dài ngoằng. Nhưng cứ mỗi lần gã cai tù chà-và lai quật cây roi gỗ to bằng cây ba-toong vào hai bàn chân dầm máu và sưng vù của Đồng, thân thể anh lại rúng động, oằn người co giật quằn quại làm đầu anh nảy lên đập xuống mặt sàn kêu lịch bịch.

Devraux cởi áo vét để lại trong phòng làm việc ở tầng trên nhưng vẫn mang trên mình chiếc quần màu trắng của bộ vét-tông hần mặc lúc xem đám rước nhà vua rời Kinh Thành sáng nay. Còn cách người tù đôi ba thước, hần đứng lại. Kinh nghiệm dạy cho hần rằng với khoảng cách đó, người hần không bị máu vọt trúng.

Vẻ mặt cứng trững và cắn cổ của Devraux không để lộ dấu hiệu xúc động nào mỗi khi thấy cây gậy của gã lai dơ lên và quật xuống nhưng tới cú nện thứ mười hai, hần bước lên, vỗ vỗ cánh tay tên chà-và, ra hiệu ngưng lại. Lập tức những tiếng thét đau đớn của Đồng lắng xuống thành tiếng rên rỉ liên tục. Khi Devraux đi vòng tới bên người An Nam, Đồng mở mắt ngóc đầu ngó lên mặt hần. Devraux vung mũi giày nhọn lên quật một cú đá tạt ngang quất trúng cạnh sườn của Đồng:

- Mày là ai? Ai sai mày? Bọn cộng sản phải không?

Vết thương trên vai Đồng do chiếc Citroën gây ra khi húc trúng sáng nay đã được băng bó nhưng cú đá ấy làm nó bị động, hoác miệng, ứa máu thấm ra ngoài lớp vải băng. Mắt Devraux nhìn không chút xót thương thân thể bị trói và treo ngược của Đồng rồi đá mạnh hơn nữa vào be sườn anh:

- Bọn đồng lõa với mày là ai?

Đồng cắn răng, ngậm miệng, như anh đã ngậm miệng suốt mười bốn giờ qua. Thình lình người Pháp mất kiên nhẫn, bước tới gần Đồng, lặp lại mấy câu hỏi đó với giọng hăm dọa hơn. Nhưng thay cho câu trả lời, người An Nam lạng đầu qua một bên, nhổ toẹt một bãi nước bọt lốm đốm máu lên chiếc quần trắng tinh của Devraux.

Viên chỉ huy Sở Liêm Phóng đứng yên không nói. Trong một lúc lâu hắn ngó chăm chăm người An Nam đang vịn vẹo chậm chậm đầu sợi dây treo. Kế đó hắn quay qua nói với gã lai bằng giọng lạnh tanh:

- Bây giờ cho nó tí nước.

Gã lai nới đầu dây treo rồi kéo thật căng, rút hai gót chân Đồng lên sát xà gỗ hơn. Sau khi gút thật chặt, gã đi lấy thau nước và một miếng giẻ lớn ướt sũng để sẵn trên chiếc bàn cuối góc hầm. Xách nước và giẻ tới, gã quì xuống sát bên người bị tra khảo. Gã nhúng giẻ vào thau nước rồi lấy ra, đưa giẻ vào mặt Đồng, trám lên miệng anh rồi đè thật chặt để ép nước trong giẻ ra, chảy như suối vào hai lỗ mũi lộn ngược của Đồng.

Cử động của gã lai nhanh nhẹn, thành thạo. Một tay đè chặt trên mặt, một tay túm gáy người An Nam kèm cứng, trong khi đó Đồng ngộp thở vùng vẫy quần quai trên sợi dây treo. Sau hai lần trấn nước như thế gã lai

lập lại câu hỏi nhưng Đồng vẫn nín thinh. Devraux thần nhiên ra lệnh:

- Cho nó thêm tí nước nữa.

Gã tra tấn len lét nhìn cấp trên và nói:

- Em nghĩ là nó không chịu khai đâu. Chắc nó thà bị chết đuối.

Devraux trả lời với giọng uể oải:

- Không thằng nào là không chịu khai. Tao đã thấy cả trăm đứa không hé răng cho tới khi bị trấn nước như thế. Cho nó thêm tí nước.

Người Pháp đứng xem thêm một lúc rồi sốt ruột ngo đồng hồ, hần nói giọng cáu kỉnh:

- Tao phải đi dự tiệc có chiêu đãi rượu sâm-banh của quan Toàn quyền ở Nam Giao. Khi về lại đây, tao sẽ thẩm vấn nó nữa. Nhớ chỉ việc trấn nước nó thôi.

Lúc Devraux lật đật bước lên các bậc cấp hầm nhà hần nghe tiếng nước vỗ trong thau khi gã lai nhúng miếng giẻ. Chỉ chớp mắt sau, Đồng lại bắt đầu ngộp thở.

Những chiếc đèn lồng treo nơi cành cây phía trên các hương án bên đường rọi những vệt bóng nhảy múa khi mờ khi tỏ trên mặt Joseph và Lan lúc cả hai thong thả đi về phía bờ sông trong trời đêm dịu dịu và thơm ngát. Sắp tới mé nước Bến Ngự, Lan dừng bước bên một hương án, đưa tay chỉ hai chữ nho màu vàng trên một vuông vải viền lụa. Nàng thì thầm:

- *Vạn Tuế!* Joseph ạ, chẳng biết đức vua có thật sự sống khang an được tới mười ngàn năm không nhưng dù sao đây cũng là một lời chúc tụng tuyệt đẹp, phải không anh?

Đi sát bên Lan trong bóng đêm ngan ngát hương trầm,

Joseph đáp lại:

- Mình cũng có thể tiếp nhận mỹ ý ấy. Đêm nay, anh có cảm tưởng như thể chúng mình sống tới một vạn năm.

Lan đưa tay chạm vào cây thông mọc bên hương án và mắt long lanh:

- Anh biết không, thông là loại cây tượng trưng cho trường cửu.

Joseph cũng sờ tay vào thân cây đó:

- Vậy đêm nay anh cầu mong cho chúng mình có chung một cuộc sống hạnh phúc và bền vững.

Hai người nhìn nhau và cười vào mắt nhau. Joseph sung sướng thấy trong đôi mắt Lan long lanh ánh rạo rực, một biểu lộ quá đối mặt thiết, như có ý bày tỏ rõ ràng với anh rằng nàng cũng đang rung cảm mãnh liệt trước vẻ ngây ngất của đêm. Từng chuỗi âm thanh trong trẻo của những chiếc chuông bằng bạc từ tầng Thanh Đàn trên cùng ngân trong trời đêm tĩnh mịch tới chỗ hai người đang đứng, Joseph ngược mặt lên nghe và nói dịu dàng:

- Lan ạ, lại bắt đầu các nghi lễ. Vậy lúc này mình có quay về tế đàn không?

Lan nghiêng đầu lắng nghe trong một lúc rồi nàng khẽ nhún vai và nhíu mày:

- Người ta đang chôn lông và huyết của con nghé tế phẩm. Được khỏi thấy việc đó là em sung sướng rồi. Vẫn còn phải làm vài loại nghi lễ nữa trước khi đức vua bắt đầu cử hành Chính Tế.

Hai người rẽ qua một con đường lớn, ra tới bờ sông Hương và bước chầm chậm bên những hàng cây. Lan nhắm mắt ngửa mặt đón gió từ sông nước thổi lên vờn nhẹ đôi má:

- Joseph ạ, lúc này trời dịu hơn. Và dòng sông đẹp tuyệt

vời. Có phải trong không khí nơi đây đang có điều gì đó quá đổi huyền diệu?

Joseph gật đầu rất hạnh phúc:

- Thanh long và bạch hổ rõ ràng là đang hoà hợp nhau trong đêm nay.

Joseph nhìn xuống và thấy Lan đang ngược mắt nhìn lên anh với nụ cười đầm ấm không ngờ. Xa cách mọi cấm kỵ và không còn chút ngại ngùng nào, nàng đi sát vào người anh hơn và anh đưa tay quàng lên đôi vai mảnh mai của nàng.

Đò đậu ven bờ thành từng cụm nhỏ. Một số treo đèn lồng tù mù soi le lói khoang đò chật hẹp; bên trong sàn đò lót gỗ nện màu nâu phơn phớt đỏ và giữa sàn có trải chiếu hoa. Có mấy con đò đậu khuất trong chỗ tối. Mũi Joseph nhả lại khi ngửi ra một mùi thơm vừa ngai ngái vừa ngọt ngào lẫn đượm quỳên với hương cỏ cây. Một chủ đò lí nhí nói điều gì đó bằng tiếng An Nam khi Joseph và Lan đi ngang. Lan cười ngượng ngịu.

- Anh ta nói gì vậy Lan?

- Anh ta hỏi không biết monsieur có muốn hút một hai điếu thuốc phiện trong khi chờ nghe tiếp nghi lễ không. Anh ta nói monsieur có thể thuê đò của anh ta, rất sạch sẽ. Chỉ năm cắc thôi.

Joseph cười. Rồi anh đứng lại, chạy lui nói chuyện bằng tay với chủ đò và hai bên trao đổi tiền lẻ. Khi quay lại bên Lan, Joseph hớn hử hoác miệng ra cười và vừa nói vừa dang tay:

- Lan này, em có muốn một chuyến dạo mát trên sông không? Dứt khoát không đụng tới á phiện. Anh hứa.

Mặt Lan ám bóng mây ngại ngùng:

- Joseph ạ, em một mình đi thuyền với anh trên sông thì

thật không hợp thể giá chút nào. Nếu có anh Tâm cùng ở đây với mình thì việc đó chẳng trở ngại gì cả.

Joseph cầm tay Lan, nhìn vào mắt nàng và cười:

- Chỉ vài phút thôi. Trước khi chúng ta quay về Nam Giao, biết đâu gió nhẹ trên sông sẽ thổi tan những tơ nhện hương khói đang giăng lưới trong đầu em

Nàng cười tần ngần:

- Thôi được, vì anh là khách ghé Huế nên em phải đóng vai nữ chủ nhân hiếu khách. Mình chỉ đi thuyền một lát thôi nhé.

Lan để cho Joseph đỡ nàng xuống đò. Anh chờ nàng vào ngồi yên trong khoang rồi bước ra sau lái. Người chủ đò sung sướng cười tươi rói khi Joseph nhét thêm tờ mười đồng vào tay anh ta và phụ anh ta chống đò ra xa bờ.

Không thấy Joseph quay vào khoang, Lan ngoảnh đầu nhìn lui, thấy anh đang đứng đằng lái; mặt nàng bỗng lộ vẻ hoảng hốt:

- Joseph anh đang làm gì vậy? Anh có từng một mình chèo thuyền chưa?

Joseph vừa cởi áo vét vừa sung sướng cười lớn, tiếng cười anh rền trên sông nước:

- Chưa — nhưng có vẻ như không đáng sợ lắm. Anh đang để ý xem người ta chèo và anh thêm muốn chết được chính tay mình chèo thử, để chở em đi. Có lẽ chẳng khó lắm đâu.

Kế đó, Joseph cạy mái chèo cho con đò dài xoay sang trái, mũi hướng về nam và đò chuyển mình:

- Thấy chưa!

Tiếng cười tự tin của Joseph làm Lan an tâm. Nàng dời người ra mé sau khoang, ngồi xuống nệm, mặt nhìn

thăng mặt Joseph. Người Joseph nghiêng nghiêng in bóng trên bầu trời đầy sao, tay anh khoan thai đưa mái chèo nhịp nhàng. Lan lặng yên ngắm Joseph, lòng kinh ngạc trước vẻ uyển chuyển và cường tráng của anh. Trong mấy phút, Joseph chèo đò ngược dòng sông và đò lướt đi êm đềm dưới mấy hàng liễu bên bờ đang nghiêng mình soi bóng nước. Khi con sông uốn mình theo một vòng cung mềm mại về hướng đông nam, Joseph chỉ tay vào đất liền:

- Lan nhìn kìa, em có thấy nơi phương nam ánh sáng đang ngời lên từ Thanh Đàn không?

Joseph nao nức đưa tay nắm tơ tóc của một cành liễu rủ và níu cho thuyền dừng lại. Lan đứng lên bên anh, nhìn theo ngón tay thon dài và lấp lánh sáng của anh chỉ tới bầu trời phương nam. Có tiếng chiêng nghe như văng vẳng bên tai hòa cùng tiếng kèn tiếng trống xa xa vọng tới. Lan nói theo âm thanh xôn xao của đoàn nữ ca đang lướt trên tiếng nhạc và vang lên hân hoan:

- Người ta đang hát "*Triệu Thành Chi Chương*": Khúc ca báo điềm lành.

Chung quanh hai người liễu dương xào xạc thì thầm trong gió nhẹ. Joseph nói chằng chằng lòng:

- Anh nghĩ là đã tới lúc chúng ta quay về.

Lan không trả lời. Khi Joseph nhìn xuống, anh thấy khuôn mặt đẹp tuyệt vời của nàng khi rõ nét khi mờ ảo dưới ánh sáng của muôn ngàn ngôi sao, dường như chưa kịp tan loãng thì đã tái hiện và chập chờn không ngừng giữa vô vàn tơ liễu. Từ đàn Nam Giao xa xa, tiếng đoàn nữ ca lại nỉ non cất lên một khúc hát nữa. Lan mơ màng thì thầm:

- Đó là "*Mỹ Thành Chi Chương*": Khúc ca tuyệt vời.

Đang tiến dâng ngọc và lụa.

Con thuyền đang đưa êm đềm theo nhịp sóng. Joseph nhẹ nhàng đặt tay lên vai Lan để giữ cho nàng thăng bằng. Anh cũng thì thầm:

- Chúng ta phải đi ngay nếu muốn nhìn cao điểm của cuộc tế.

Vừa nói xong, Joseph giật mình sửng sốt khi thấy Lan quay lại nhìn anh và đặt bàn tay nàng lên bàn tay anh đang níu cành dương liễu. Tiếng Lan thật êm:

- Joseph ạ, từ chỗ này chúng ta vẫn có thể theo dõi nghi lễ thiêng liêng ấy. Những vị thần của dòng sông tuyệt đẹp này dường như cũng đang tiếp thụ cuộc tiến dâng đó.

Trong một lúc Joseph chỉ biết đứng yên dăm dăm ngắm khuôn mặt nàng mờ mờ khuất trong bóng tối. Rồi anh lẹ làng quấn sợi dây thuyền quanh gốc liễu:

- Được, nếu chắc chắn đó là ý muốn của em.

- Chúng ta có thể nghe không sót một tiếng nhạc lời ca nào. Em biết rõ toàn bộ nghi lễ ấy. Để em cắt nghĩa cho anh.

Khi Joseph nâng bàn tay Lan và hôn lên từng ngón, nàng im lặng để yên. Môi anh nồng ấm chạm nhẹ vào làn da nàng làm nàng có cảm tưởng linh hồn đang chảy tan trong lòng mình. Toàn thân nàng run rẩy một nỗi niềm bơ vơ và ngọt ngào. Nàng thêm được cảm giác sức mạnh đôi cánh tay anh vòng quanh người nàng, thêm được vui mặt vào ngực anh. Anh vừa thì thầm vừa kéo nàng vào lòng mình:

- Lan ạ, anh yêu em, anh yêu em. Em có cảm thấy như vậy không?

Ban đầu anh tự hỏi không biết có phải mình đang có ảo

giác bởi nhịp chuyển động êm đềm của con thuyền hiệp với ánh sao khi mờ khi tỏ hòa cùng những cành liễu dong đưa. Nhưng sau đó không còn nghi ngờ gì nữa. Dù không bày tỏ một lời, rõ ràng là nàng đang nhẹ nhẹ gật đầu như một cử chỉ hiệp ý và ngất ngây.

Bên trong màn trướng tầng Thanh Đàn cao nhất, không khí nóng lên dần và khói trầm hương sức nước, tràn ngập rồi bỗng bình trong ánh sáng ngàn ngọn đèn sáp ong khi đức vua, lần thứ ba và cũng là lần sau cùng, tiến lên phủ phục trước án thờ Hiệu Thiên Thượng Đế. Cùng lúc ấy, các quan thượng phẩm, các thị lập, các chấp sự hiện diện trên đàn và tất cả những quan viên phục dịch ở hai tầng đàn bên dưới và trên các bậc cấp đều sắp mặt xuống chiếu tế lễ của mình.

Khi quan xướng lễ hô lớn: “*Tâu... Thu... Hồng... Ân...!*” nhà vua chậm chậm đứng lên đón khay phần thịt nghiê được chia cho mình. Ông nâng khay lên ngang trán rồi giữ yên và nhắm mắt trong vài giây trước khi trao cho quan chấp sự.

Rồi quan xướng lễ cất tiếng hô sau cùng, kéo dài và ngân nga âm cuối: “*Tâu... Thu... Phúc... Tữu...!*”

Nhà vua tiếp nhận chung rượu do một quan thị lập cực kỳ cung kính tiến dâng và ông nâng chung lên cao. Khắp Thanh Đàn chìm lắng trong yên lặng và sự yên lặng ấy lan đi xa hơn, vượt quá bên kia vòng tường bằng đá, phủ lên toàn bộ đế đô đang dường như nín thở. Trong quãng thời gian huyền nhiệm ấy, hoàng đế, kết hiệp với những đức tin đã được thử thách từ lúc có lịch sử, được tiếp dẫn vào cuộc hiệp thông trang trọng vô ngần với Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng Chí Tôn.

Trong bóng tối nơi lòng khoang nhỏ hẹp và trải nệm của con đò đậu gần đó và khá xa bờ sông Hương, Lan run rẩy khi Joseph xao xuyến nắm tay nàng. Nét khỏa thân vô cùng thanh tú của nàng làm khắp châu thân Joseph bừng lên rừng rực một sức mạnh rùng rùng huyết quản nhưng đồng thời vẻ đẹp mong manh của nàng lại khiến trong lòng anh xôn xao một cơn bão nhỏ dịu dàng, ngăn bớt sức mạnh ấy và giữ nó trong giới hạn thuần phục.

Dưới ánh sáng chập chờn của ngọn đèn nhỏ, đôi mắt hai người sững sờ gặp nhau. Không biết bao nhiêu lần, cả hai miên man thì thầm những lời tình tự. Rồi cơn rung động đầm thắm ấy dần dần dâng cao và tràn bờ. Joseph và Lan say đắm quyện vào nhau và cùng kêu lên hân hoan trong trạng thái hoà hợp.

Sau cùng, khi hơi thở về lại nhịp bình thường, Joseph nằm nhìn lên và chợt thấy có con nhện đỏ như lửa đang chằm chằm bò theo hình chữ chi phía bên trong mũi đò. Lan vẫn gối đầu lên cánh tay anh, quay mặt ra ngoài, nong nàn và ẩm cứng. Mái tóc huyền buông lơ lửng thành một y trang sống động như tơ lụa đen tuyền đắp lên nửa thân thể mượt mà của nàng.

Đò vẫn dong đưa nhẹ nhàng theo dòng sông Hương êm đềm. Trên đầu Joseph và Lan, liễu dương vẫn tiếp tục rũ cành, buông lá xanh và xoả tóc tơ mơn trớn những thân dừa. Và sau cùng, Joseph thở ra nhẹ nhõm khi con nhện lửa leo chằm chằm lên hết mũi đò bằng tre và biến mất trong đêm đen mượt như nhung.

Nơi màn trường trên Thanh Đàn, người ta thiêu các sớ lễ và tế phẩm. Khoảnh khắc huyền nhiệm đã qua. Đấng thiên tử chằm chằm lên kiệu trở lại Trai Cung.

Trăng Huyết: là tiểu thuyết sử thi lấy bối cảnh Việt Nam, từ năm 1925 đến 30/04/1975 . Sách dày khoảng 12500 trang của hai tác giả: Anthony Grey, người Anh (e mail: tonygrey@paston.co.uk) và Nguyễn Ước, Việt Nam (e mail: nguyenuoc@yahoo.com). Theo như Nguyễn Ước cho chúng tôi biết, sách sẽ in thành hai tập. Mỗi tập dày khoảng hơn 600 trang.

Tập một: Phần thứ nhất: Đời thuộc địa là thế (1925). Phần thứ hai: Hận thù của triệu cu li (1929-1930). Phần thứ ba: Sông Hương (1936). Phần thứ tư: Chiến tranh và nạn đói (1941-1945).

Tập hai: Phần thứ năm: Điện Biên Phủ (1954). Phần thứ sáu: Thái bình kiêu Mỹ (1963). Phần thứ bảy: Chúng tôi tranh đấu đã ngàn năm (1968-1969). Phần thứ tám: Chiến thắng và chiến bại (1972-1975).

Trăng Huyết, dựa trên bản gốc tiếng Anh, với nhan đề là: SÀI GÒN của nhà văn Anthony Grey được xuất bản lần đầu vào năm 1982 do nhà xuất bản Little, Brown & Company tại Boston.

Trên 20 năm, Sài Gòn đã được nhà văn Nguyễn Ước đã bổ sung thêm một số tài liệu để hoàn tất bản tiếng Việt dưới cái tên là Trăng Huyết. Tuy nhiên Trăng Huyết không hẳn là bản chuyển ngữ của Sài Gòn hiểu theo nghĩa thuần túy dịch thuật. Cũng không hẳn là phóng tác; mà Nguyễn Ước vẫn giữ nguyên sườn truyện (khoảng 700 trang) rồi viết thêm: khi thì một chương. Khi thì một đoạn để điều chỉnh, bổ sung thêm nhiều chi tiết: tâm lý nhân vật, hoàn cảnh chính trị , nghi lễ cung đình....

Với Sài Gòn, Anthony có cái nhìn của người ngoại cuộc.

Còn” Trăng Huyết ”, Nguyễn Ước với cái nhìn của người trong cuộc với ước mong sẽ là: một tác phẩm sẽ đa phương và đa diện hơn.

TQBT xin trích một chương trong trường thiên tiểu thuyết TRĂNG HUYẾT để giới thiệu với độc giả và bạn bè về một tác phẩm “ giá trị ” của một cây bút dịch thuật đã cộng tác với TQBT bấy lâu nay.

Độc giả TQBT nên tìm đọc, và liên lạc với nhà văn Nguyễn Ước qua địa chỉ e mail: nguyenuoc@yahoo.com

Yên Sơn

Nhìn mưa bụi bay chạnh nhớ đến người

Ta đã đợi người từ muôn năm trước
Hoặc cũng sẽ chờ đến tận nghìn sau
Sự đợi chờ là cả một nỗi đau
Khi mưa bụi rơi đầy trên khung nhớ

Dẫu ta biết đã yêu người lắm rồi
Dẫu không gian có cách biệt muôn trùng
Dẫu cuộc đời thiếu vắng lượng bao dung
Nhưng ta vẫn cứ cam lòng bước tới

Ôi lòng xuân, sắc màu chen phổi phổi
Biết gì đâu bão chướng với phong ba
Có biết chăng... ta cũng chỉ là ta
Là mộng hão với mơ hoang... lạ lắm

Ta yêu người với tình yêu say đắm
Như sương thu trên mặt lá vàng hoe
Như mưa bay trên giốc bụi trưa hè
Nhưng ngờ nghịch như anh chàng mới lớn

Nghĩ không gặp đã một trời đau đớn
Để đêm về bóng cháy nỗi nghiệt oan
Gió vô tình thổi cánh lá đi hoang
Trong tiềm thức chân mây nào đứng đợi

Dù đã biết vẫn cam lòng bước tới

Độ lượng nào cũng một cuộc phù sinh
Ngàn năm sau biết người có chung tình
Khi ước hẹn khởi đầu muôn năm trước

Chuyện mai sau có bao giờ biết được
(Mặt trời vẫn lên, trái đất vẫn quay)
Nhưng buồn ơi! Màn mưa bụi hôm nay
Ta chỉ ước nắm tay người đi dạo

10/1003

Túy Hà

Thu phong nguyệt

Có phải Thu về trong mắt em
Hô Thu xanh biếc gợn sóng êm
Biết ai nhốt nắng giữm tôi nhĩ
Cho lá mãi xanh với cành mềm.
Có phải Thu về trên môi em
Nụ hôn vừa nở cúc bên thềm
Đêm đêm hương nhụy còn ướm mật
Ong bướm vườn xưa cũng phải thềm
Có phải Thu về xóa tóc em
Cho hoa, cho lá, cho bóng đêm
Che ngang vầng trán, che cả ngực
Căng tròn con gái, trắng tròn thêm
Có phải Thu là em, chính em
Ngọc ngà sương khói hóa êm đềm
Cho anh sống lại thời trai trẻ
Úp mặt vườn xưa nguyệt động em.

Mỗi kỳ một tác giả một tác phẩm

Nguyễn Cát Đông

**Đọc : Giỡn bóng chiêm bao
của Trần Phù Thế**

TẬP THƠ DO THƯ ẮN QUÁN IN NĂM 2003 TẠI New Jersey, Hoa Kỳ, dày 122 trang, bìa trước tranh Trần Quý Thoại, bìa sau tiểu sử và ảnh tác giả, giá bán 9 MK. Tập thơ gồm 51 bài thơ in trên giấy tốt, cộng phần phụ lục gồm 3 bài viết về thơ Trần Phù Thế của 3 bạn thơ lâu năm của tác giả là Nguyễn Cát Đông, Lâm Hảo Dũng và Trần Hoài Thư.

Trong một bài viết về thơ Trần Phù Thế trước đây, tôi có nói rằng tôi đã có dịp đọc thơ anh từ ba, bốn mươi năm trước, từ đầu thập niên 60, bây giờ đọc lại tôi thấy mình như đang đi trên một con đường làng cũ sau nhiều năm trôi giạt giang hồ. Cảnh sắc hai bên đường có cái thân quen mà cũng lắm điều lạ. Vẫn những tiếng ve râm ran, những tiếng chim véo von trong vườn cũ mà nghe sao có chút nghẹn ngào. Và tôi bỗng cảm nhận đầu đó quanh tôi đã có những mất mát đến không ngờ; ngược lại, cũng có những gặp lại đến không ngờ. Những cảnh, những người, những ve, những chim có đó mà như không, như không mà như có. Những bài thơ tình tha

thiết nồng nàn của chàng trai mới lớn, những bài thơ viết về một quê hương êm đềm mà tôi có dịp đọc trước đây của anh, nay trong Giỡn Bóng Chiêm Bao đã mang một dáng hình khác. Chẳng hạn như anh viết về quê hương: sau một cơn dẫu bể, quê hương bây giờ như một xa cách đốn đau:

*là ta cách biệt quê nhà,
nghe mưa xót ruột đau và miếng cơm,*

Có quê hương ở đó mà không có bước trở về:

*Phân vân không nỡ quay về,
muốn lên phía bắc lại lìa phương nam,
mỗi lòng một dấu chấm than,
bâng khuâng một góc trời tàn quê ta.*

Không phải chỉ có Trần Phù Thế mới cảm nhận một quê hương như vậy; chắc chắn là nhiều người trong chúng ta mỗi lần và miếng cơm đều thấy một quê nhà xa cách. Cả khi có dịp bước chân trên con đường làng cũ có mấy ai không thấy cái cảm tưởng xa cách này. Từ Thức thời nầy sao mà nhiều quá vậy!

Bốn mươi năm dẫu bể còn được tác giả thể hiện qua chính vai nữ chánh của đời mình. Người yêu của một thời nhỏ dại ở quê hương Đại Ngãi:

*hương em chân đất dính phèn
tuổi thơ đội nắng tóc đen cháy vàng
em từ Đường Đức em sang
vắt cơm hai bữa dò ngang hai lần
nhớ từ vạt áo em nâng
bước lên bến nước mỗi lần gặp tôi*

*em cười nở cả đôi môi
bởi tôi húi trọc mồ hôi chảy ròng*

*hôm nay thì hình như có thiếu một chút gì tự nhiên:
này em chút xúu môi hồng
làm duyên buổi sáng cho lòng anh vui
lắm khi mắt liếc không cười
xin em cũng hãy làm tươi nét ngài
này em chút xúu đấm say
thuở như ân ái vòng tay ân tình
cũng là tóc rẽ đường xinh
cái hương bồ kết quện mình với ta*

*Theo dòng đời trôi nổi, thêm một vài dòng thơ nữa tác
giả đã nói lên một điều rất thực:
Thưa em tóc đã hai màu,
cái răng cũng rụng làm đau nụ cười,
nhìn quanh tuổi quá năm mươi
se se râu bạc cộng đời lung lay,
đưa bàn tay nắm bàn tay
thấy đâu chỉ số còn dài cuộc chơi*

Trong Giỡn Bóng Chiêm Bao, người ta sẽ bắt gặp những ý thơ thật thênthang mà thật là gần gũi: cảnh đời và tâm trạng của một người xa xứ, cảnh khổ của một tên tù, tình cảm đối với người bạn đời, với bạn bè, vv.. được thể hiện qua những bài thơ đủ thể loại, qua những câu chữ xuất hiện một cách độc đáo: như trong mấy đoạn trong bài Nước Lụt Ở Vườn Đào Cai Lậy:

Nước Lụt

*ba ngàn tù cải tạo,
ngày và đêm
ăn, ngủ, ỉa
trên nóc nhà*

*Thăm Nuôi
trời mưa tầm tã
vợ thăm nuôi ngồi trên xuồng*

*đội nón lá
chồng đứng dưới nước
ở truồng*

*Cá Lòng Tong
con cá lòng tong
lội vòng vòng
rỉa đầu không rỉa
rỉa nhăm thẳng con*

Những chữ nghĩa bình thường vốn đã nằm lâu đời đâu đó trong con người bình thường Trần Phù Thế, để một hôm người tù TPT, trước cảnh đời khi vui muốn khóc buồn tênh lại cười, Trần-Phù-Thế-Nhà-Thơ tự nhiên xếp những chữ nghĩa bình thường ấy thành THƠ. Không phải ai cũng có cái phút giây chớp bắt chữ nghĩa thoải mái như vậy. Tác giả càng tự nhiên dùng chữ và hình ảnh tầm thường thì người đọc càng thấy yêu thích cái ý thơ tuy trần tục mà thật gần gũi và do đó thật dễ cảm nhận. Điều này ta còn thấy thêm nhiều nữa như trong đoạn thơ Nhìn Nhau:

vợ im lặng

*nhìn chồng
chồng im lặng
nhìn vợ
trào máu họng*

Ta thử nhìn tâm trạng của một người tù thuở đó: Đang là một chiến binh tuổi ngoài hai mươi, tràn đầy sức sống, bỗng chốc thành người tù đứng nhìn người vợ nhan sắc giữa bao nhiêu là cách ngăn và những đôi mắt cú vọ. Cảnh đời thường đã được nhà thơ, qua chính tâm trạng mình, qua cái ẩn ức dục tính tự nhiên của mình, làm thành một bài thơ.

Còn ở bài Mất Xe thì TPT đã thật sự làm cho chữ và nghĩa ăn khớp thật tài tình:

*anh thường nghĩ lỡ mất xe nhiều khi hạnh phúc
chiếc xe cà tàng sẽ làm khổ kẻ tham lam
hãy bình tâm em nghĩ lại xem
mất xe cũ ta vay tiền mua xe mới
chúng ta mắc nợ rồi ta sẽ trả
kẻ cấp nợ ta trong suốt cuộc đời.*

Cũng như trong bốn câu cuối của bài Cái Hôi:

*Cái hôi hai đứa chia xa
Cẩn môi bật máu làm hòa chẳng xong
tình em mây gió phiêu bồng
anh trông mút mắt đứng trông con người*

Rất nhiều bài trong tập thơ tác giả đã có cách diễn tả thật mới với những cấu trúc của các câu thơ và những

chữ dùng trong thơ . Có những câu thơ được ngắt bất ngờ đã làm cho ý thơ thêm cô đọng. Có những chữ nghĩa bình thường bỗng xuất hiện như là một tình cờ, vậy mà rất tự nhiên và thật đúng chỗ. Còn sự xuất hiện của các bài thơ trong suốt tập thơ cho ta cái cảm tưởng người thơ không chủ ý làm một sự sắp xếp nào cả. Đời vốn là những bất ngờ. Sắp xếp làm chi cho mệt, nhất là đối với người làm thơ. Nghĩ đến đâu thì thơ ta đến đấy. Chúng ta đọc một lượt Giỡn Bóng Chiêm Bao, từ đầu đến cuối để thấy hết tâm trạng chua xót của một người xa quê hương, đang sống và làm lại từ đầu tại đất nước người : Ta cười ta nợ núi sông, xấp tay mất nước lưu vong xứ người. Ta thấy cái cười ngạo của tác giả với một thời tù ngục qua chuyện con cá lòng tong ở vườn Đào; thấy nỗi vương vấn của tác giả đối với bạn bè, chiến hữu đã ra đi: Hỡi ơi bè bạn nay đâu vắng, mất xác rừng sâu hay biển đông, tuổi ly rượu đế ta chiêu niệm, có hiển linh về chứng giám không; đặc biệt ta thấy một đoạn đường dài tình yêu mà tác giả đã sống, từ thương em trước tuổi mười ba, thương quê Vàm Tấn nước nhòa bóng trắng cho đến khi nhìn nhau không thấy rõ phải mang soi mới thấy tỏ cuộc đời. Cuối cùng tác giả đã không thiếu những dòng chữ nói về mẹ cha và về chính mình ở những ngày bóng xế. Ấu đó cũng là khởi điểm và chung điểm của một kiếp người.

Tất cả những ý thơ trên đây đã xuất hiện trong Giỡn Bóng Chiêm Bao như là tâm trạng của một người mộng du thấy cái hồn mình ở đây mà cái hình mình thì ở đâu đó trong cõi ta bà đầy hệ lụy và phiền não: dẫu anh giỡn bóng một mình cũng không đốt nổi cái hình nộm kia, nín

chi cái bóng tàn khuya để tan theo tiếng động về rặng đông.

Suốt 51 bài trong Giỡn Bóng Chiêm Bao, Trần Phù Thế đã khóc cười với cuộc đời với một cõi lòng thật rộng, một cái nhìn thật khoáng và một nụ cười dung dị. Tất cả được thể hiện trong một ngôn ngữ thơ rất hiếm thấy trong các bài thơ của các tác giả khác. Ngôn ngữ của GBCB rất bình thường mà rất đạt. Từ lâu người ta đã nói tới ngôn ngữ miệt vườn trong văn chương Nam bộ. Ngôn ngữ của Giỡn Bóng Chiêm Bao phải chăng cũng là một?

Trần Hoài Thư

Ngày rời Huế

CUỐI CÙNG, ĐIỀU CHỜ ĐỢI ĐÃ ĐẾN. GIẤY gọi đã được gửi đến nhà. Bố không nói suốt cả buổi. Nhưng tôi biết trong lòng ông là cả một nỗi ngổn ngang bời bời. Ông hút hết điếu thuốc này sang điếu thuốc khác. Ngoài kia, con đường vắng, thỉnh thoảng vài chiếc xe đạp vụt qua, mỗi một. Tiếng nói cười vọng về từ tiệm bi da. Vô tư. Không hề biết rằng lại thêm một đứa con xứ Huế này sắp bỏ Huế mà đi.

Tôi không thể chịu nổi ở vẻ lăm lăm của bố. Ông chỉ buông ra một lời: Mày đã lớn. Mày hãy quyết định lấy đời sống của mày. Trời ơi làm như bố nghĩ là tôi có quyền quyết định tất cả về cuộc đời của tôi. Bố không biết là tôi đã chờ, chờ đến độ buông xuôi. Tôi đã chờ đợi cái định mệnh dành cho cả một thế hệ nói chung, và dành cho những kẻ sinh vào tuổi Ngựa như tôi, nói riêng. Cái thế hệ bất lực bầm dập. Cái thế hệ chỉ biết tuân phục, cúi đầu chờ bị tròng cổ dắt đi, không thể cưỡng chống.

Bầu không khí lạnh băng. Tôi muốn biến khỏi nơi này lập tức. Muốn rời thành phố này lập tức. Có gì đâu mà bận tâm thắc mắc. Cả thế hệ tôi như thế đó. Ai cũng như thế đó. Rốt cùng, cũng vậy. Cả Bắc lẫn Nam.

Bởi chịu không nổi nên tôi lấy honda để chạy trốn. Bây giờ tôi 24 tuổi. Nghề nghiệp dạy học. Đã dạy hai năm, lớp dạy cao nhất, Toán Độ Nhị A, lớp dạy thấp nhất Công Dân Độ thất. Cái nghề người ta đang mơ ước. Cái nghề rất dễ lấy vợ. Cái nghề nữ sinh vẫn thường tỏ tình qua đôi mắt và đôi má ửng hồng khác lạ, hay một cử chỉ bướng bỉnh nào đó. Nhưng em không hiểu. Em bắt tôi phải điên khùng. Em khiến cái kiêu ngạo của tên giáo sư trẻ phải bị lép vế, trở thành số không. Và cái tự ái của tôi càng bốc cao ngùn ngụt. Em cười cười nói nói, đọc kinh nhắm mắt hiền như ma soeur. Em mang áo màu lam đi lễ chùa qua nhà tôi ngày rằm mồng một khiến tôi phải nín thở, trời ơi, đến độ phải thuộc lòng câu thơ của một thi sĩ nào đó: em đi dáng mỏng như là gió, phơi tuổi vàng ta trên ngọn cây, và ghen đến cả ông trụ trì. Em không hiểu con tim tôi không phải là một cái máy bơm máu. Nó còn hơn thế nữa. Đang yên ngủ bỗng nhiên một hôm nào bị đánh thức như ba hồi trống dục. Nó đòi được yêu. Tui không thể cứ nhảy hoài một điệu buồn bã như vậy. Tui phải vùng dậy, cách mạng. Tui phải đòi quyền sống. Tui phải yêu ai cứ bảo là yêu. Ghét ai cứ bảo là ghét.

Nhưng rõ ràng nó đòi không đúng chỗ, không đúng người, không đúng thời gian và không gian, không đúng hoàn cảnh lịch sử. Cái giai đoạn ít có thấy hình ảnh của vua Trần Nhân Tôn thương dân đến độ phải cởi áo bào. Nó ít được tô thắm bằng những công trình dân giàu nước mạnh, những vị tu hành đức độ, những người suốt đời đổi mạng sống mình cho tha nhân đồng loại. Trái lại, nó chỉ sinh sản những danh từ khiếp hãi, bay hồn bạt vía,

độc địa như phản đảng, phản động, phản bội, phản đạo, phản chủ, phản chiến, chó săn, liếm giày, việt gian... Nó sáng tác ra những cách giết người tra tấn người trả thù người dã man, man rợ. Nó nhồi nhét vào tâm trí của mỗi người những nghi kỵ, thù hận hơn là bao dung tha thứ. Nó làm bạn bè, anh em, cha con hì hục đâm đầu cùng những lý tưởng không bao giờ có mặt từ thuở khai thiên lập địa, để cuối cùng hả hê chém giết nhau không thương xót. Nó làm gia đình tôi chống việc đem bàn thờ xuống đường, và gia đình em, mang bàn thờ ra đường, vừa vái, vừa lạy, như không còn dịp để lạy, để vái nữa. Nó làm ba mẹ em chửi Mỹ chống chiến tranh, còn tôi thì sắp được trông vào bộ đồ đồng phục. Và cuối cùng nó làm em xa tôi, đành đoạn.

Vâng. Nó làm em xa tôi và tôi xa em. Làm ba mẹ em nhìn tôi như kẻ thù. Còn tôi thì nhìn ông bà như hai người cuồng giáo. Huế có con sông, có cầu, có đồ, có phà để đưa người bên này gặp gỡ người bên kia. Huế chỉ có hai con đường phố chính Phan Bội Châu, Trần Hưng Đạo, nhưng Huế thì lòng người xa cách. Nghe hoài hai chữ cách mạng. Nhét vào tai hoài hai chữ công dân. Diên khùng với mấy cụm từ cứu quốc, quyết tử, mặt pháp, tranh đấu... Cay xốn nổ trông con mắt vì lựu đạn cay. Sợ lo hoài khi ban đêm nhà bị ném gạch đá hay vẽ chữ thập trước cổng.

Như vậy mà người ta không cho nói, không cho viết. Hề viết ngược, nói ngược thì bị kết án phản tặc, phản quốc, phản động. Như vậy mà ba mẹ em không cho tôi được quyền không đồng ý việc đem bàn thờ xuống đường. Làm như Đức Phật dạy răn phải như vậy. Thưa bác. Con

nghĩ là Đức Phật hay bất cứ giáo chủ nào đều không dạy tín đồ việc làm như vậy. Con không đồng ý với hành động này. Trời ơi, mày đi gò con gái người ta mà mày dám tuyên bố những điều phản đạo, phản thầy. Ông giáo Tiến nhìn tôi đăm đăm, rồi nói: Cậu còn trẻ, cậu chưa biết rõ thế nào là thủ đoạn của Diêm Nhu và đảng Cần Lao. Các thầy cũng đau khổ lắm khi kêu gọi Phật Tử mang Đức Phật ra đường. Tôi muốn hỏi lại: Tại sao bác biết các thầy đau khổ ? Bề ngoài họ nói thế, nhưng làm sao biết được bên trong họ nghĩ gì. Hay họ chỉ đóng kịch. Như con lúc này đây. Con buồn thúi ruột. Con hận bác ngút đầu, mà con vẫn cười, vẫn tỏ ra lễ phép dạ dạ thưa thưa.

Như vậy, rõ ràng có một hố thẳm ngăn cách giữa tôi và gia đình Mỹ. Nó làm em xa tôi, trong khi tôi yêu em vô cùng tận. Xin đừng cười. Tôi nói thật. Tôi là một giáo sư trung học đệ nhị cấp. Lẽ ra, không có em, tôi cũng có một người con gái khác, học trò của tôi chẳng hạn. Tôi là mẫu người mà các bậc cha mẹ mong mỗi nhận làm con rể tương lai. Cử nhân. Giáo sư. Lương cao. Trẻ tuổi. Nhưng tôi đã lầm. Trời ơi, cái bóng mát chiêm bao đã bị những sản phẩm con người lấn chiếm rồi. Trời ơi, khi không, phải chi ta như con người ăn lông ở lỗ từ thời tiền sử khỏi bị những mớ từ ngữ gọi là sản phẩm của trí óc xâm nhập thì khoẻ biết mấy.

Bây giờ chỉ còn cách là bỏ chạy. Phải rời khỏi cái vùng tai ách kỷ niệm. Phải xa khu vườn thơ ấu, phải tránh mặt bên này bên kia em mang áo vàng, vàng như màu hoa cúc, vàng như màu nắng mới trên những khóm hoa

vạn thọ, con bướm bay, mà em ẩn hiện vườn xưa. Phải rồi ngay, cho đôi mắt như hai hòn bi, khỏi còn long lanh, cho mái tóc chớm vai em, không còn là giòng suối, cho trái thanh trà, trái ổi, trái xoài, cho trưa hè, ve kêu lừng dậy, em ngồi ở bến, tóc thả bay bay... Cho sáng để khỏi được thấy ai đội nón lá mang cặp sách, guốc quai hai vạt áo giữ gìn. Cho thôi đêm đêm cứ đạp xe qua nhà ai, thăm lén nhìn vào bên kia cửa sổ, ai xoa tóc dưới đèn. Cho đêm giao thừa đi lễ, chao ơi, thềm đến diên cuồng được hái cho ai một cành lộc chúc mừng năm mới. Không muốn đến từ giã My, nhưng tại sao tôi lại trên đường đến nhà ai. Đi lính thì có gì quan trọng đâu. Cả một thế hệ đều bị buộc mang bộ đồng phục, thì có gì để mà đi xin giọt nước mắt thừa. Không. Tôi không cần xin xỏ lòng thương hại của em, nhưng tại sao con tim lại cứ thúc. Trời nắng lớn. Dàn mướt rợp bóng đầy sân. Trời ơi, tại sao ta lại đến một nơi mà ta cảm thấy cay đắng nghèn nghẹn như thế này. Cậu em thấy tôi nói lớn chị My ơi có anh Tân đến chơi. Thì tôi đến chơi, nhưng mà chơi cái trò chơi kỳ cục. Trò chơi tình yêu. Bên này tìm cách chiếm đoạt trái tim. Bên kia tìm cách tránh né. Bên này đau khổ. Bên kia vui mừng. Bên này thất bại bên kia vinh quang. Ông giáo Tiến, bố My, từ ngoài sân bước vào hỏi: Chào cậu, cậu đến chơi. Dạ. Cậu hỏi hờ hững, không một chút gì thân mật. Tuồng như ông hỏi để mà hỏi. Sau đó ông bỏ đi. Còn tại tôi ngồi trong phòng khách. Trên bàn thờ khói nhang nghi ngút chẳng khác một điện thờ bỏ túi. Có tám hình của thượng tọa Quảng Đức tự thiêu. Lại có hình thượng tọa Trí Quang treo giữa phòng. Lại thêm một lần ranh ngăn cách. Chừng nào mới xóa bỏ những đường ranh tai nghiệt này.

Hở Trời? Chừng nào mới dẹp đi những cái quái thai do một lũ người tạo chế nên rồi bắt tất cả mọi người phải tuân hành. Nếu không tuân hành mi sẽ xuống địa ngục. Hở Trời?

My từ nhà trong bước ra trong bộ đồ ngủ. Không vồn vắn, nhưng sao như thể chiêm bao. Không vui mừng sao mà con tim ta lại nảy lên những nhịp điệu tha thiết. Ôi tình yêu. Nó bắt nó hành nó hạ. My ơi, em biết không.

"Anh đến chơi ?"

"Không. Đến để từ giã My".

"Anh đi xa?"

"Anh vừa nhận được lệnh trình diện".

"Anh đi lính ?"

"Vâng".

"Anh còn đi dạy mà ?"

"Dạy cũng đi. Không dạy cũng đi".

Ngoài kia, qua khung cửa sổ, một vạt nắng đã xuyên qua dàn mướp, chảy thắm trên sân. My ơi, tôi phải nói làm sao để em hiểu lòng tôi. Con tim tôi đang hành hạ tôi. Nó đang rúng rúng. My không biết là tôi khổ biết bao nhiêu không. Tôi cứ tưởng sẽ được thấy nỗi buồn, nỗi lo của My là to lớn đến chừng nào. Tôi thèm em khóc em buồn em sầu em tủi. Tôi cứ tưởng là My sẽ phải nói một lời quá đỗi ân cần, để khi từ giã tôi sẽ phải còn nhớ mãi hình bóng của một người thân yêu. Đi lính có gì là quan trọng đâu. Ai cũng như ai. Ai cũng đi. Không bằng cấp thì quân dịch. Có bằng cấp thì đi sĩ quan. Không ai có thể thoát được. Như vậy tại sao ta lại đi xin lòng thương hại chứ.

Không, tôi không cần. Tôi không cần lòng thương hại của bất cứ một ai. Tôi là tôi. Vâng. Chào My tôi về.

Thưa bác con về. Thưa định mệnh, ta ngã nón chào mi.
Định mệnh ơi ta van mi đừng hành hạ ta nữa.

Nhưng định mệnh vẫn chưa hề buông tha. Cái nợ tôi phải trả cho em đến khi nào mới hết. Hở ? Muốn trốn mà trốn không được. Muốn chạy cũng không chạy thoát. Tôi đã trốn rồi mà. Sao em lại thêm một lần làm tim tôi muốn ngưng đập. Em ngỡ ngàng. Tôi kinh ngạc. Em dỗi. Tôi cũng dỗi. Bàn tay nào lại chơi khăm cho chúng ta cùng gặp nhau trong ngôi nhà đợi vào ngày tôi bỏ Huế mà đi. Bàn tay nào kỳ lạ hử. Để có một bài thơ buồn bã tôi cất dấu trong tim tôi. Tôi xin tặng em. May ra em còn đọc:

Một chuyến bay nào mang anh về Sài Gòn
Một chuyến bay nào mang em về Qui Nhơn
Trời quê hương mù sương mù sương
Tôi mang đôi mắt em. Buồn muốn khóc

Cho tôi nhìn một lần cuối nhớ thương
Cho tôi nhìn ngôi nhà gió phi trường
Cầu rất khẽ con tàu đừng bay vội...

Hôm ấy, trời Huế mù sương. Mù sương che mờ cửa kính nhà đợi. Ngoài kia, phi đạo đen nằm im lặng. Tiếng loa gọi hay thông tin tức về những chuyến đi hay chuyến đến thỉnh thoảng vang lên. Những con chim sẻ đuổi nhau trên trần. Những thân nhân đang sụt sùi chia biệt. Những người đồng hành với tôi thật may mắn. Họ vẫn có những người thân thiết đến để đưa tiễn. Còn tôi. Đằng sau là một người cha hắt hiu cùng những đêm thức trắng, không bao giờ hiểu được tâm trạng nổi loạn của

thằng con ông. Và ai nữa. Đàng sau kia, là Huế - một nơi mà bao nhiêu bút mực đều ca ngợi hết mình. Huế của tôi. Huế tôi lớn lên và vui buồn cùng ngày mưa ngày nắng. Không ai cả. Mái hiên nào để ta còn đợi khi trời mưa. Mái nhà nào để ta còn nhớ nhưng một ánh đèn, và bếp lửa. Chỉ có chẳng là con đường đêm, tối dày, để ta mỗi đêm đạp xe qua cổng, để nhìn vào. Không có gì hết đàng sau ấy.

Như vậy, rõ ràng, cuộc đời không phải là những chuyện tình cờ mà là định mệnh. Không định mệnh sao được khi tôi lại gặp My trong buổi sáng đợi chờ tàu bốc về Nam để vào trình diện trường Thủ Đức. Rõ ràng là My. My hiện ra như từ tiền kiếp. Như bóng dáng trăm năm, như niềm đau cùng nỗi buồn nghẹn cổ. My làm tôi vui quá. Hay là My biết tôi sắp rời Huế để ban ân phước từ tâm. Tôi chào My. My sửng sốt một phút. Tôi hỏi:

" My đi đón thân nhân ?"

" Không. My đi học xa".

" My đi học ở đâu ?"

" Dạ. Sư Phạm Qui Nhơn"

" Thế ư. Sao anh không biết. Như vậy phải chúc mừng My, dù biết muộn."

My hỏi:

" Còn anh?"

" Anh vào quân trường Thủ Đức ".

Chỉ có bấy nhiêu lời trao đổi. Rồi *một người về đỉnh cao. Một người về vực sâu. Để cuộc tình chìm mau.*(TCS). Rồi *trời quê hương mù sương mù sương. Anh mang đôi mắt em buồn muốn khóc.*

oOo

Phải, anh đã mang đôi mắt em mà buồn muốn khóc. Thời ấy lãng mạng làm sao. Và cũng đại khờ làm sao. Đôi mắt của em đâu có buồn, hay u uẩn, hay xót thương hay tội nghiệp để anh phải buồn mà muốn khóc. Thôi, tàu em đã rời phi đạo rồi, và anh cũng vậy, cũng đã ngồi trong lòng máy bay quân đội rồi. Hai con tàu cùng rời Phủ Bài, nhưng bay về hai phương trời cách biệt. Anh sẽ không bao giờ làm phiền em nữa. Anh sẽ chẳng đạp xe qua nhà em nữa. Anh cũng chẳng lấy lòng ba mẹ em nữa. Mệt mỏi lắm rồi. Thôi, anh phát cờ trắng đầu hàng rồi. Đầu hàng em rồi. Em vui lòng chưa ? Em hả dạ chưa ?

*

Nhưng định mệnh lại không cho tôi phát cờ trắng. Rồi Thủ Đức, không hiểu sao tôi lại chọn một đơn vị có hậu cứ ở Bình Định. Tôi đã nói rồi, tôi muốn chạy trốn mà. Tôi muốn tìm quên. Tôi muốn đôi giày trận sẽ lê tôi khắp nơi, đâu cũng được, núi cũng vậy, mà biển cũng vậy. Bởi đời tôi bây giờ không còn thuộc về tôi nữa. Cái tình cầu ràn rụa hàng đêm cũng chắc gì ràn rụa hơn tuổi trẻ VN. Nhắm mắt và tuân lệnh. Thế thôi.

Tôi dấu người thân về đơn vị mới. Tôi dấu em về vùng đất tôi về. Tôi tránh mặt em, khi tôi về thành phố. Tôi hoang đường phá phách, mang súng ngắn, gác chân lên bàn, đội mũ rừng, tóc râu dã thú. My ơi, chẳng thà xa cách ngàn trùng, để màu rượu hổ phách không long lanh

hạt lệ, để khi nhìn những tà áo sứt phạm ra phố vào ngày cuối tuần, tim cứ đập, lòng cứ bồi hồi. Phải chi có con bướm trắng của ngày Đồng Khánh Quốc Học, của Huế sương mù, nước lụt, Huế mưa dầm, Huế đội mưa qua ngõ nhà ai. Phải chi, người có mặt như từ cõi trăm năm, cho trần gian thêm một niềm hạnh phúc...

Phải chi... Giấc mơ lại thêm một lần. Phải chi ta bị thương để ta có thể nói hết về tấm lòng, để ta dùng nỗi đau nhức, rên rỉ, để ta chống nạng van xin. Đó tuổi trẻ của anh là như vậy. Anh chiến đấu cho em bình an học hành, cho thành phố vui chơi trảy lạc. Bây giờ, xin em đoái thương cho nỗi mất mát của tên bại tướng cụt chân...

*

Mồng Một Tết năm Mậu Thân, tôi là kẻ bị thương đầu tiên khi xung phong chiếm một ngôi lầu ở cửa thành phố. Sau đó, xe cứu thương chở tôi về quân y viện. Ngày mồng ba, Qui Nhơn được giải toả. Giờ là lúc người ta nghĩ đến những kẻ không được may mắn. Hết phái đoàn này viếng thăm, đến phái đoàn khác ủy lạo. Thật sự, tôi quá mệt với cảnh nằm dài trên giường bệnh để nghe những lời tri ân chiến sĩ quá cả lương từ các bà mệnh phụ phu nhân, với những hộp sữa trái cam quà cáp. Tôi muốn ra ngồi nhìn biển mà tủi thân. Bởi bên cạnh quân y viện là ngôi trường Sư Phạm, nơi Mỹ đang có mặt. Tôi đã thể tôi quên người, quên Mỹ mà. Nhưng trong giây phút chạnh lòng, tôi lại yếu mềm mơ ước. Tôi mơ trong phái đoàn có một người con gái tên là Mỹ. Chắc nàng sẽ phải ngạc nhiên ngỡ ngàng biết bao. Khi đó

tôi sẽ giả vờ rên rỉ, nhắm mắt thiếp lại, và nàng sẽ áp tay lên trán tôi, sẽ nhỏ giọt nước mắt xuống má tôi. Và nước mắt nàng sẽ chảy trên môi tôi để tôi nếm lại hương vị hạnh phúc, mà tôi đã hơn một lần bị đánh mất. Mỗi tình Trương Chi My Nương đẹp với giọt lệ không tan, còn giọt lệ nàng, chẳng những không tan mà còn thấm mãi trong da thịt, môi miệng của một người cả đời cả kiếp. Rồi tôi sẽ vui lắm, sẽ cảm ơn chiến tranh, cảm ơn tên đã bắn tôi, cảm ơn Qui Nhơn, khi không đón một thằng lính, để tạo cơ duyên cho một cuộc sum họp trùng phùng.

Giấc mơ rõ ràng đã thành sự thật. Có nghĩa là vào ngày mồng Bốn Tết, phái đoàn trưởng Sư Phạm đến quân y viện để thăm viếng và ủy lạo thương bệnh binh. Và Mỹ đã thấy tôi, và tôi cũng thấy nàng, như một người trong mộng. Và nàng kinh ngạc thật, kêu nhỏ nhỏ: Anh Tân. Sau đó, nàng đứng yên.. Mấy cô giáo sinh khác thì lảng xảng hỏi thăm riu rít. Người thì cắt cam, người thì hỏi han gia đình, có người còn hát bài Diễm xưa mà tôi yêu cầu. Chỉ có nàng thì im lặng, và có vẻ hững hờ làm sao...

My ơi, làm sao em biết, vết thương này tôi đang mang trên ngực chưa lành miệng, còn nhức đau, nhưng tôi có một vết thương khác đau đớn gấp ngàn lần.

Liên lạc nhận báo

Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh, Phạm văn Nhân,
Trần Hoài Thư

Đặc trách bài vở, đánh máy, layout: Phạm văn Nhân
Đặc trách kỹ thuật, in ấn, bookbinding: Trần Hoài Thư

Liên lạc Tòa soạn

Email: tranhoaitu@yahoo.com
nhanvanpham@yahoo.com

hay

Trần Hoài Thư

P.O. Box 58

S. Bound Brook NJ 08880 USA

Vì TQBT chỉ được phổ biến hạn chế nên những trích
đăng hay sao bản ra công cộng xin vui lòng liên lạc với
TQBT...Trân trọng cảm ơn.

